

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Anh Công

QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN (2021-2025)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Anh Công

QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN (2021-2025)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- PGS.TS. Nguyễn Thị Quế
- TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án tiến sĩ Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi, có sự hỗ trợ từ tập thể giáo viên hướng dẫn là PGS.TS. Nguyễn Thị Quế và TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Những thông tin, số liệu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét và đánh giá được nghiên cứu sinh thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, có nguồn gốc rõ ràng, thể hiện trong phần Tài liệu tham khảo. Các kết quả nghiên cứu trong Luận án do tôi tìm hiểu, phân tích một cách trung thực, khách quan. Các kết quả này chưa từng được công bố trong bất kỳ nghiên cứu nào khác.

Nghiên cứu sinh

Trần Anh Công

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến: Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Khoa Chính trị và Quốc tế học, các giảng viên, các nhà sư phạm đã tận tình tham gia quản lý, giảng dạy, giúp đỡ, cung cấp tài liệu, hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Nguyễn Thị Quế và TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn đề tài, định hướng các vấn đề nghiên cứu trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận án.

Mặc dù tôi đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn Luận án không tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ dẫn, giúp đỡ của quý Thầy, Cô giáo để tôi sửa chữa, hoàn thiện Luận án của mình.

Trân trọng cảm ơn!

Nghiên cứu sinh

Trần Anh Công

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| LỜI CAM ĐOAN | |
| LỜI CẢM ƠN | |
| MỤC LỤC | 1 |
| DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT | 4 |
| DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ | 8 |
| MỞ ĐẦU | 9 |
| 1. Lý do chọn đề tài | 9 |
| 2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu | 13 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 14 |
| 4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu | 14 |
| 5. Đóng góp của Luận án | 16 |
| 6. Kết cấu của Luận án | 17 |
| Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU | 18 |
| 1.1. Các công trình liên quan đến Luận án | 18 |
| 1.1.1. <i>Những công trình nghiên cứu về các nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản</i> | 18 |
| 1.1.2. <i>Những công trình nghiên cứu về chính sách của Hoa Kỳ và Nhật Bản đối với nhau</i> | 20 |
| 1.1.3. <i>Những công trình về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản</i> | 24 |
| 1.2. Nhận xét các công trình nghiên cứu và những vấn đề Luận án cần tập trung giải quyết | 42 |
| 1.2.1. <i>Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu</i> | 42 |
| 1.2.2. <i>Những vấn đề Luận án kế thừa</i> | 43 |
| 1.2.3. <i>Những khoảng trống mà Luận án sẽ nghiên cứu bổ sung</i> | 44 |
| Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 2021-2025 | 46 |
| 2.1. Cơ sở lý luận | 46 |
| 2.1.1. <i>Khái niệm về đồng minh và quan hệ đồng minh</i> | 46 |
| 2.1.2. <i>Một số lý thuyết quan hệ quốc tế</i> | 52 |
| 2.1.3. <i>Cách tiếp cận và khung phân tích</i> | 57 |

| | |
|---|-----|
| 2.2. Những nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025... | 60 |
| 2.2.1. Tình hình thế giới, khu vực và hai nước..... | 60 |
| 2.2.2. Vị trí Nhật Bản trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ..... | 82 |
| 2.2.3. Vị trí của Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản..... | 85 |
| 2.2.4. Nhân tố Trung Quốc và tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025)..... | 88 |
| 2.2.5. Khái quát quan hệ quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trước năm 2021..... | 90 |
| Tiểu kết chương 2 | 95 |
| Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN TRÊN CÁC LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2021-2025 | 97 |
| 3.1. Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao | 97 |
| 3.1.1. Quan hệ song phương | 97 |
| 3.1.2. Trong các cơ chế đa phương..... | 105 |
| 3.2. Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh..... | 109 |
| 3.2.1. Quan hệ song phương | 109 |
| 3.2.2. Trong cơ chế đa phương | 120 |
| 3.3. Trên lĩnh vực kinh tế..... | 122 |
| 3.3.1. Quan hệ song phương | 122 |
| 3.3.2. Trong cơ chế đa phương | 133 |
| 3.4. Trên một số lĩnh vực khác | 135 |
| 3.4.1. Văn hóa, giáo dục và du lịch..... | 135 |
| 3.4.2. Khoa học - công nghệ..... | 139 |
| 3.4.3. Năng lượng..... | 143 |
| 3.4.4. Chống biến đổi khí hậu | 144 |
| Tiểu kết chương 3 | 146 |
| Chương 4. NHẬN XÉT, TRIỂN VỌNG QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN ĐẾN NĂM 2030 VÀ KIẾN NGHỊ | 147 |
| 4.1. Nhận xét chung quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) | 147 |
| 4.1.1. Thành tựu và hạn chế của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) ... | 147 |
| 4.1.2. Đặc điểm quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản..... | 166 |
| 4.1.3. Tác động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản | 170 |

| | |
|--|-----|
| 4.2. Triển vọng quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đến năm 2030 | 179 |
| 4.2.1. Cơ sở dự báo | 179 |
| 4.2.2. Một số kịch bản trong quan hệ song phương..... | 184 |
| 4.3. Kiến nghị chính sách cho Việt Nam | 188 |
| <i>Tiểu kết chương 4</i> | 193 |
| KẾT LUẬN | 195 |
| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ | |
| LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN | 197 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 198 |
| PHỤ LỤC | |

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|--------------------|--|---|
| ADIZ | Air Defense Identification Zone | Vùng nhận dạng phòng không |
| ADMM+ | ASEAN Defence Ministers' Meeting Plus | Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN Mở rộng |
| AI | Artificial intelligence | Trí tuệ Nhân tạo |
| AMRAAM | Advanced Medium-Range Air-to-Air Missile | Tên lửa không đối không tầm trung tiên tiến |
| APEC | Asia-Pacific Economic Cooperation | Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương |
| ARF | ASEAN Regional Forum | Diễn đàn Khu vực ASEAN |
| ASEAN | Association of Southeast Asian Nations | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |
| AUKUS | Australia-United Kingdom-United States | Thỏa thuận an ninh ba bên Australia - Vương quốc Anh - Hoa Kỳ |
| BRICS | Brazil-Russia-India-China-South Africa | Liên minh 5 nước: Brazil - Nga - Ấn Độ - Trung Quốc - Nam Phi |
| BEA | U.S. Bureau of Economic Analysis | Cục Phân tích Kinh tế Hoa Kỳ |
| C7F | Commander - 7th Fleet | Chỉ huy Hạm đội 7 Hoa Kỳ |
| CEESI | Clean Energy and Energy Security Initiative | Sáng kiến năng lượng sạch và an ninh năng lượng |
| CISA | Cybersecurity and Infrastructure Security Agency | Cơ Quan An Ninh Mạng Và An Ninh Cơ Sở Hạ Tầng |
| CLEAN | Climate Literacy and Energy Awareness Network | Mạng lưới nhận thức về năng lượng và hiểu biết về khí hậu |

| | | |
|-------|---|--|
| CMA | Critical Minerals Agreement | Thỏa thuận Khoáng sản Quan trọng |
| COC | Code of Conduct in the East Sea | Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông |
| CORE | U.S.-Japan Competitiveness and Resilience | Đôi tác cạnh tranh và kiên cường |
| CPTPP | Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership | Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| DHS | Department of Homeland Security | Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ |
| DTT | Defense Trilateral Talks | Đối thoại Quốc phòng ba bên |
| EAS | East Asia Summit | Hội nghị cấp cao Đông Á |
| EU | European Union | Liên minh châu Âu |
| FDI | Foreign direct investment | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| FOIP | Free and Open Indo-Pacific | Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở |
| FONOP | Freedom of Navigation Operations | Quyền Tự do Hoạt động Hàng hải |
| G7 | Group of Seven | Nhóm 7 nước công nghiệp phát triển |
| G20 | Group of Twenty | Nhóm 20 nền kinh tế lớn |
| GVC | Global value chain | Chuỗi giá trị toàn cầu |
| IAEA | International Atomic Energy Agency | Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế |
| IMF | International Monetary Fund | Quỹ Tiền tệ Quốc tế |
| IPEF | Indo-Pacific Economic Framework | Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương |
| JETRO | Japan External Trade Organization | Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản |

| | | |
|-------|--|---|
| JNTO | Japan National Tourism Organization | Cơ quan Xúc tiến Du lịch Nhật Bản |
| JSDF | Japan Self-Defense Forces | Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản |
| JUCEP | The Japan-U.S. Clean Energy Partnership | Quan hệ đối tác năng lượng sạch Nhật Bản - Hoa Kỳ |
| JUMPP | Japan - U.S - Mekong Power Partnership | Đối tác năng lượng sông Mekong Nhật Bản - Hoa Kỳ |
| LDP | Liberal Democratic Party | Đảng Dân chủ Tự Do |
| MEXT | Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology | Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản |
| METI | Ministry of Economy, Trade and Industry | Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp |
| NATO | North Atlantic Treaty Organization | Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương |
| NASA | National Aeronautics and Space Administration | Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ |
| NDC | Nationally Determined Contribution | Đóng góp do Quốc gia Tự quyết định |
| NISC | National Center of Incident Readiness and Strategy for Cybersecurity | Trung tâm quốc gia về sẵn sàng ứng phó sự cố và chiến lược an ninh mạng |
| NOAA | National Oceanic and Atmospheric Administration | Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia Hoa Kỳ |
| OECD | Organisation for Economic Cooperation and Development | Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế |
| OSA | Official Security Assistance | Viện trợ An ninh Chính thức |
| Quad | Quadrilateral Security Dialogue | Đối thoại Tứ giác An ninh |
| RAA | Reciprocal Access Agreement | Thỏa thuận Tiếp cận Đối ứng |

| | | |
|-------------|--|---|
| RCEP | Regional Comprehensive Economic Partnership | Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực |
| SCO | Shanghai Cooperation Organisation | Tổ chức Hợp tác Thượng Hải |
| SLD | Shangri-La Dialogue | Đối thoại Shangri-La |
| TDMM | Trilateral Defense Ministers' Meeting | Cuộc họp Bộ trưởng Quốc phòng ba bên |
| TMM | Trilateral Ministerial Meeting | Hội nghị Bộ trưởng ba bên |
| TPP | Trans-Pacific Partnership | Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương |
| TSD | Trilateral Strategic Dialogue | Đối thoại Chiến lược ba bên |
| Tri-CHOD | Trilateral Chiefs of Defense | Tham mưu trưởng Quốc phòng ba bên |
| UAV | Unmanned Aerial Vehicle | Phương tiện bay không người lái |
| UNESCO | The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization | Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc |
| UNHCR | United Nations High Commissioner for Refugees | Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn |
| USARPAC | United States Army Pacific | Lục quân Thái Bình Dương Hoa Kỳ |
| USINDOPACOM | United States Indo-Pacific Command | Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Hoa Kỳ |
| USJTA | U.S.-Japan Trade Agreement | Hiệp định thương mại Hoa Kỳ - Nhật Bản |
| USSPACECOM | United States Space Command | Bộ Tư lệnh Vũ trụ Hoa Kỳ |
| WB | World Bank | Ngân hàng Thế giới |
| WHO | World Health Organization | Tổ chức Y tế Thế giới |
| WTO | World Trade Organization | Tổ chức Thương mại Thế giới |

DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ

| | |
|--|-----|
| Bảng 3.1. Kim ngạch thương mại Hoa Kỳ với Nhật Bản (2014-2025) | 124 |
| Bảng 3.2. Một số mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ sang Nhật Bản năm 2024 | 124 |
| Bảng 3.3. Một số mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ từ Nhật Bản năm 2024 | 125 |
| Bảng 3.4. Kim ngạch thương mại dịch vụ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản (2014-2024) | 127 |
| Bảng 3.5. FDI của Hoa Kỳ vào Nhật Bản (2014-2024) | 129 |
| Biểu đồ 3.1. Cơ cấu xuất nhập khẩu dịch vụ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2014-2024) | 127 |
| Biểu đồ 3.2. FDI lớn nhất vào Hoa Kỳ (2001-2023) | 131 |
| Biểu đồ 3.3. Đầu tư các nước vào ngành sản xuất Hoa Kỳ (2001-2023)..... | 132 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh trật tự quốc tế đương đại đang trải qua những biến đổi sâu sắc dưới tác động đồng thời của xu thế đa cực hóa, sự điều chỉnh của toàn cầu hóa và sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nổi lên như một không gian địa - chính trị và địa - kinh tế có ý nghĩa then chốt đối với cục diện toàn cầu. Đây không chỉ là khu vực tập trung các tuyến hàng hải quan trọng bậc nhất thế giới, nơi lưu chuyển phần lớn thương mại và năng lượng toàn cầu, mà còn là địa bàn hội tụ lợi ích chiến lược của nhiều cường quốc, đồng thời trở thành trọng tâm của các chiến lược cạnh tranh và hợp tác đan xen. Trong bối cảnh đó, sự điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ và Nhật Bản không chỉ phản ánh những thay đổi trong tư duy an ninh và đối ngoại của mỗi quốc gia, mà còn có tác động sâu rộng đến quá trình tái cấu trúc trật tự khu vực theo hướng vừa cạnh tranh, vừa hợp tác, vừa phức hợp hóa các mối quan hệ quyền lực.

Trong tổng thể cấu trúc khu vực đang biến đổi, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản tiếp tục được củng cố và mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, không chỉ về quy mô hợp tác mà còn về phạm vi và tính chất liên kết chiến lược. Từ một liên minh an ninh mang tính phòng thủ truyền thống hình thành trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh, mối quan hệ này đang dần chuyển hóa thành một cấu trúc hợp tác đa lĩnh vực, bao trùm các trụ cột an ninh, kinh tế, công nghệ và các lĩnh vực mới nổi. Sự chuyển dịch này phản ánh xu hướng “mở rộng phạm vi chức năng” của các liên minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa, đồng thời cho thấy vai trò trung tâm của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong việc duy trì cân bằng quyền lực, bảo đảm ổn định chiến lược và định hình trật tự khu vực dựa trên luật lệ.

Giai đoạn 2021-2025 đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong sự phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, khi hai nước không chỉ duy trì các cơ chế hợp tác truyền thống mà còn chủ động nâng cấp mức độ liên kết chiến lược nhằm thích ứng với những biến động nhanh chóng của môi trường an ninh khu vực và quốc tế. Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc cùng với sự nổi lên của các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng,

an ninh mạng, dịch bệnh xuyên quốc gia và các nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu đã thúc đẩy hai bên mở rộng hợp tác sang nhiều lĩnh vực mới. Đáng chú ý, hợp tác giữa hai nước không chỉ tập trung vào việc tăng cường năng lực quốc phòng - an ninh mà còn hướng tới xây dựng năng lực chống chịu chiến lược, bảo đảm tính ổn định và bền vững của các hệ thống kinh tế - công nghệ trước những cú sốc từ bên ngoài.

Những điều chỉnh này cho thấy xu hướng “đa tầng hóa” và “liên kết mạng lưới” của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản, trong đó các yếu tố quân sự, kinh tế, công nghệ và thể chế được tích hợp nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, sự gia tăng phối hợp chiến lược giữa hai nước cũng phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình liên minh song phương truyền thống sang một cấu trúc hợp tác mang tính mở, có khả năng kết nối với các đối tác và cơ chế khác trong khu vực. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến mức độ tự chủ chiến lược của mỗi bên, sự phân bổ trách nhiệm và chi phí trong liên minh cũng như những giới hạn nội tại xuất phát từ yếu tố chính trị - pháp lý và dư luận trong nước của mỗi quốc gia.

Bên cạnh đó, sự phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản còn gắn liền với quá trình mở rộng và gia tăng vai trò của hai nước trong các cơ chế hợp tác khu vực và liên khu vực, trong đó có cơ chế hợp tác an ninh bốn bên. Sự kết nối giữa liên minh song phương với các cấu trúc hợp tác đa phương đang góp phần hình thành một mạng lưới an ninh khu vực mang tính đan xen, linh hoạt và thích ứng cao. Tuy nhiên, chính sự chồng lấn giữa các cơ chế hợp tác cùng với sự gia tăng cạnh tranh nước lớn cũng làm gia tăng tính bất định và khó dự báo của môi trường an ninh khu vực. Điều này đòi hỏi phải có những nghiên cứu mang tính hệ thống, đa chiều và liên ngành nhằm làm rõ vai trò, chức năng và giới hạn của từng cấu trúc trong tổng thể mạng lưới an ninh khu vực.

Từ góc độ lý luận, việc nghiên cứu quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong giai đoạn này có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm chứng, bổ sung và phát triển các cách tiếp cận chủ đạo trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Sự vận động của liên minh này thể hiện sự đan xen giữa các yếu tố quyền lực, lợi ích, thể chế và bản sắc, qua

đó cung cấp một trường hợp nghiên cứu điển hình để đánh giá khả năng giải thích của các khung lý thuyết khác nhau trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển đổi. Đồng thời, nghiên cứu này cũng góp phần làm rõ hơn vai trò của các liên minh trong việc định hình cấu trúc khu vực trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh và trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược mới.

Về phương diện học thuật, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản, song phần lớn các nghiên cứu hiện có hoặc tập trung vào giai đoạn lịch sử trước hoặc tiếp cận theo từng chiều cạnh riêng biệt. Các nghiên cứu mang tính tích hợp, liên ngành và cập nhật về giai đoạn 2021-2025 vẫn còn tương đối hạn chế, đặc biệt trong việc phân tích sự tương tác giữa các nhân tố cấu trúc và các nhân tố nội tại. Do đó, việc nghiên cứu đề tài này không chỉ góp phần lấp đầy khoảng trống trong nghiên cứu hiện có mà còn đóng góp vào việc phát triển cách tiếp cận phân tích mang tính hệ thống đối với các liên minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa đan xen.

Về phương diện thực tiễn, việc nghiên cứu quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam và các quốc gia trong khu vực trong việc nhận diện chính xác xu hướng vận động của môi trường chiến lược. Trong điều kiện các quốc gia vừa và nhỏ phải đối mặt với sức ép ngày càng lớn từ cạnh tranh nước lớn, việc hiểu rõ bản chất, vai trò và giới hạn của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản sẽ giúp nâng cao năng lực dự báo chiến lược, từ đó xây dựng chính sách đối ngoại và quốc phòng - an ninh một cách linh hoạt, cân bằng và hiệu quả hơn. Đồng thời, việc nhận diện đúng các cơ hội và thách thức từ sự vận động của liên minh cũng giúp các quốc gia trong khu vực tận dụng tốt hơn các nguồn lực hợp tác, đồng thời giảm thiểu rủi ro chiến lược trong bối cảnh môi trường an ninh ngày càng biến động. Từ những phân tích trên, có thể khẳng định việc nghiên cứu quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 là hết sức cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu không chỉ góp phần làm sáng tỏ những biến đổi quan trọng trong cấu trúc an ninh khu vực mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc đánh giá, dự báo và hoạch định chính sách trong bối cảnh môi trường chiến lược ngày càng phức tạp, đa chiều và khó lường.

Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 có ý nghĩa cấp thiết cả về phương diện chiến lược lẫn chính sách thực tiễn. Trong bối cảnh môi trường an ninh khu vực ngày càng chịu tác động mạnh mẽ từ cạnh tranh giữa các nước lớn, Việt Nam với vị thế là một quốc gia ven biển có độ mở kinh tế cao và gắn chặt với các tuyến hàng hải quốc tế - chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự điều chỉnh quan hệ giữa các cường quốc, đặc biệt là Hoa Kỳ và Nhật Bản. Do đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống mối quan hệ này sẽ giúp làm rõ những tác động đa chiều đối với môi trường an ninh, kinh tế và đối ngoại của Việt Nam.

Trước hết, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản có ảnh hưởng trực tiếp đến cân bằng chiến lược tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, trong đó có các không gian biển liên quan mật thiết đến lợi ích của Việt Nam. Sự gia tăng phối hợp giữa hai nước trong các vấn đề an ninh biển, bảo đảm tự do hàng hải và duy trì trật tự dựa trên luật lệ quốc tế vừa tạo ra những cơ hội thuận lợi, vừa đặt ra những thách thức nhất định đối với Việt Nam trong việc xử lý quan hệ với các nước lớn và bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia. Vì vậy, việc nhận diện rõ vai trò và giới hạn của liên minh này có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp Việt Nam xây dựng cách tiếp cận phù hợp, vừa tranh thủ hợp tác, vừa giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong chính sách đối ngoại.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực kinh tế - công nghệ, sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản trong việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng, phát triển công nghệ cao và thiết lập các tiêu chuẩn kinh tế mới cũng có tác động trực tiếp đến quá trình hội nhập và phát triển của Việt Nam. Việc nghiên cứu mối quan hệ này giúp Việt Nam nhận diện rõ xu hướng dịch chuyển dòng vốn, công nghệ và sản xuất, từ đó có cơ sở để điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế, tận dụng hiệu quả cơ hội hợp tác và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang tái cấu trúc.

Ngoài ra, trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, việc hiểu rõ cơ chế vận hành, mức độ cam kết và phương thức hợp tác của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam có thêm cơ sở để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong khuôn khổ phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

Đồng thời, việc nhận diện rõ xu hướng phát triển của liên minh cũng giúp Việt Nam nâng cao năng lực dự báo chiến lược, từ đó chủ động hơn trong việc ứng phó với tình huống phức tạp có thể phát sinh trong khu vực. Từ những phân tích trên, có thể thấy việc nghiên cứu quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản không chỉ mang tính cấp thiết mà còn có ý nghĩa về mặt học thuật đối với Việt Nam trong việc cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh môi trường khu vực và quốc tế đang biến đổi nhanh chóng và ngày càng phức tạp. Xuất phát từ ý nghĩa nêu trên tác giả chọn đề tài: “Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025)” làm đề tài nghiên cứu cho Luận án Tiến sĩ chuyên ngành quan hệ quốc tế.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Làm rõ thực trạng và xu hướng vận động của quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh - quốc phòng... Trên cơ sở đó đánh giá đặc điểm, vai trò của mối quan hệ này và rút ra các hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhằm đạt được mục tiêu trên, Luận án sẽ tập trung vào các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

(1) Luận giải cơ sở lý luận và khung phân tích về quan hệ giữa các nước lớn và liên minh trong quan hệ quốc tế, làm nền tảng cho việc nghiên cứu quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh mới.

(2) Phân tích các nhân tố chi phối quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025, bao gồm các nhân tố cấu trúc của hệ thống quốc tế, bối cảnh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cũng như yếu tố nội tại của hai quốc gia; trong đó nhấn mạnh tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc.

(3) Làm rõ thực trạng và nội dung vận động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trên các lĩnh vực chủ yếu như chính trị - ngoại giao, kinh tế - công nghệ và an ninh, qua đó nhận diện hình thức liên kết, cơ chế hợp tác và mức độ gắn kết chiến lược giữa hai nước.

(4) Phân tích và đánh giá những thành tựu, hạn chế và đặc điểm nổi bật của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, từ đó làm rõ bản chất, vị thế và vai trò của mối quan hệ này trong cấu trúc khu vực và trật tự quốc tế đương đại.

(5) Dự báo xu hướng vận động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong thời gian tới trên cơ sở các động lực chiến lược, lợi ích quốc gia và biến động của môi trường quốc tế.

(6) Rút ra hàm ý và đề xuất khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam trong việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại nhằm thích ứng hiệu quả với những biến đổi của môi trường khu vực và quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của Luận án:

Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian nghiên cứu: Luận án tập trung phân tích quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản dưới thời Tổng thống Joe Biden từ năm 2021 đến năm 2025 và năm đầu tiên trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump (cụ thể là năm 2025).

- Về nội dung nghiên cứu của Luận án: quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trên các lĩnh vực (chính trị - ngoại giao; quốc phòng - an ninh; kinh tế, các lĩnh vực khác: khoa học - công nghệ, văn hoá, giáo dục, du lịch, năng lượng, chống biến đổi khí hậu) giai đoạn 2021-2025.

- Về không gian: nghiên cứu tập trung vào hợp tác song phương, đa phương trên các lĩnh vực (chính trị - ngoại giao; quốc phòng - an ninh; kinh tế, các lĩnh vực khác) và hợp tác đa phương trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương có sự tham gia của cả hai nước (Quad, G7, APEC, hợp tác ba bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc).

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Luận án được tiếp cận trên cơ sở vận dụng các lý thuyết chủ đạo của quan hệ quốc tế, trong đó lấy Chủ nghĩa Hiện thực làm nền tảng để phân tích vai trò của quyền lực, lợi ích quốc gia và cạnh tranh chiến lược trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Đồng thời, Luận án tham chiếu Chủ nghĩa Tự do nhằm làm rõ vai trò của

các thể chế, liên minh và hợp tác đa phương cũng như Chủ nghĩa Kiến tạo để lý giải tác động của các yếu tố như nhận thức chiến lược, giá trị và bản sắc trong quá trình tương tác giữa hai quốc gia.

Bên cạnh đó, Luận án tiếp cận quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong mối liên hệ với cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang biến đổi, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, qua đó xem xét mối quan hệ này không chỉ ở bình diện song phương mà còn như một nhân tố có vai trò định hình môi trường an ninh và trật tự khu vực. Đồng thời, nghiên cứu được đặt trên cơ sở quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động hội nhập quốc tế.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp* được sử dụng để thu thập, chọn lọc và hệ thống hóa các nguồn tài liệu, số liệu liên quan đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025, từ đó hình thành các luận điểm và kết luận khoa học.

- *Phương pháp phân tích hệ thống* được vận dụng trên các cấp độ hệ thống quốc tế, khu vực và quốc gia nhằm đánh giá toàn diện nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và tái cấu trúc khu vực.

- *Phương pháp lịch sử - logic* được sử dụng để xem xét sự vận động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong giai đoạn 2021-2025 trong mối liên hệ với quá trình phát triển trước đó, qua đó làm rõ tính kế thừa và những điều chỉnh mới của mối quan hệ này.

- *Phương pháp phân tích chính sách* nhằm làm rõ nội dung, mục tiêu và sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại, an ninh và kinh tế của Hoa Kỳ và Nhật Bản, qua đó lý giải động lực và phương thức triển khai quan hệ song phương.

- *Phương pháp dự báo* được sử dụng để nhận diện xu hướng vận động và triển vọng phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong thời gian tới, làm cơ sở cho việc đề xuất các hàm ý và khuyến nghị đối với Việt Nam.

- *Phương pháp so sánh* được sử dụng nhằm đối chiếu sự điều chỉnh trong chính sách và cách tiếp cận của Hoa Kỳ và Nhật Bản qua các giai đoạn cũng như so sánh với một số quan hệ giữa các nước lớn khác, qua đó làm nổi bật đặc điểm và mức độ gắn kết của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản.

5. Đóng góp của Luận án

Với cách tiếp cận quan hệ quốc tế, Luận án là một công trình mới, có hệ thống và chuyên sâu ở Việt Nam về “Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025)” để bổ sung, đóng góp các kết quả nghiên cứu về chủ đề này. Dưới đây là những nhiệm vụ nghiên cứu và đóng góp của Luận án:

- Về mặt khoa học:

Thứ nhất, Luận án nghiên cứu các nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trên các lĩnh vực.

Thứ hai, hệ thống hóa cơ sở lý luận về khái niệm “đồng minh” trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản.

Thứ ba, cập nhật thông tin về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế và các lĩnh vực khác dưới góc độ quốc tế học.

Thứ tư, nghiên cứu trường hợp quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản sẽ góp phần làm rõ đặc điểm quan hệ giữa hai nước đồng minh với nhau.

Thứ năm, làm rõ thực chất sự vận động, phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025), Luận án đưa ra những đánh giá về thành tựu hạn chế, nguyên nhân, đặc điểm và tác động của mối quan hệ này đối với khu vực, thế giới và Việt Nam, qua đó so sánh với giai đoạn trước thời Tổng thống Joe Biden và so sánh tương quan chủ thể khác, làm rõ bản chất; tính bất biến; sự thay đổi của quan hệ hai nước.

Thứ sáu, Luận án đưa ra dự báo về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đến 2030 và khuyến nghị chính sách đối ngoại cho Việt Nam.

- Về mặt thực tiễn

Thứ nhất, nghiên cứu sẽ cung cấp những luận chứng khoa học tham khảo cho quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Thứ hai, nghiên cứu là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị cho công tác nghiên cứu và giảng dạy trong nước liên quan đến chuyên ngành quốc tế học nói chung và quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản nói riêng.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình khoa học nghiên cứu của tác giả liên quan Luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, Luận án gồm có 4 chương.

“Chương 1 - Tổng quan tình hình nghiên cứu” sẽ nghiên cứu các công trình liên quan đến Luận án về các nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ và Nhật Bản, những nghiên cứu tổng thể và từng lĩnh vực cụ thể trong quan hệ song phương, qua đó đưa ra nhận xét về những vấn đề Luận án cần tập trung giải quyết.

“Chương 2 - Cơ sở lý luận và những nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025”: trong chương này, Luận án trình bày về cơ sở lý luận (khái niệm quan hệ đồng minh; những lý thuyết áp dụng; cách tiếp cận của Luận án) và những nhân tố tác động trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 (cấp độ toàn cầu; vai trò của từng nước trong quan hệ song phương, khái quát quan hệ giai đoạn trước 2021).

“Chương 3 - Thực trạng quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trên các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025”): tại chương này, Luận án phân tích thực trạng trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong giai đoạn 2021-2025 trên các lĩnh vực chính: chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế, các lĩnh vực khác (văn hóa giáo dục, du lịch, khoa học công nghệ, năng lượng, chống biến đổi khí hậu).

“Chương 4 - Nhận xét về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đến năm 2030 và kiến nghị”): trong chương này, Luận án tập trung nhận xét về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) và đưa ra những dự báo về triển vọng quan hệ hai nước đến năm 2030 và kiến nghị cho Việt Nam trong quan hệ với hai nước.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Là một trong những cặp quan hệ quan trọng nhất của quan hệ quốc tế hiện đại từ sau năm 1945, hợp tác Hoa Kỳ - Nhật Bản luôn là chủ đề được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm, điều này được thể hiện qua sự đa dạng các công trình nghiên cứu đi cùng những đánh giá sâu sắc và phân tích đa chiều. Nội dung phần này sẽ tập trung khái quát và tổng hợp những công trình nghiên cứu về chủ đề quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025). Trên cơ sở đó, Luận án sẽ đưa ra những đánh giá về các công trình trước đó, chỉ ra sự kế thừa tiếp nối cũng như đề cập đến khoảng trống cần giải quyết.

1.1. Các công trình liên quan đến Luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về các nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản

Cuốn sách “*Vòng cung Á - Âu bất ổn*” của Vladimir Nikilaevich Kolotov (2017), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, khám phá động lực địa chính trị ở Đông Á, tập trung vào sự trỗi dậy của Trung Quốc, ảnh hưởng ngày càng tăng của Nhật Bản và vai trò của ASEAN trong bối cảnh Hoa Kỳ tham vọng duy trì bá quyền. Công trình đi sâu vào ý định và chính sách chiến lược trong khu vực, xem xét sự hình thành vòng cung bất ổn Đông Á thời Chiến tranh Lạnh, đặc trưng bởi các khối quân sự, kinh tế và cán cân quyền lực. Nghiên cứu nhấn mạnh tác động của bất kỳ thay đổi nào đối với cán cân mong manh này, xét đến các liên minh quân sự của Hoa Kỳ và khả năng tái định hướng hệ thống an ninh để ứng phó với Trung Quốc cũng như vai trò của vòng cung này trong việc chia rẽ thực thể địa chính trị.

Cuốn sách “*Xung đột Nga - Ukraine và những bài học về chính sách đối ngoại*” của Vũ Văn Khanh (2023), NXB Quân đội Nhân dân, phân tích đầy đủ về cuộc xung đột Nga - Ukraine: bối cảnh lịch sử, các khía cạnh quân sự và những tác động rộng lớn hơn của cuộc khủng hoảng này lên nền chính trị thế giới và khu vực. Tác giả còn thảo luận về cách thức các nước trên thế giới sử dụng lực lượng quân sự, hậu cần và viện trợ quân sự quốc tế, nhằm tìm hiểu tác động của cuộc xung đột này lên trật tự thế giới và chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia.

Phân tích của Ryo Sahashi (佐橋亮) trong bài viết “国際秩序の危機における現実主義の再登場” (Tạm dịch là Sự tái xuất của chủ nghĩa hiện thực trong cuộc khủng hoảng trật tự quốc tế) đăng trên Báo cáo nghiên cứu, số 1 (24/6/2024) của Viện Nghiên cứu các vấn đề quốc tế Nhật Bản (JIIA) chỉ ra cách tiếp cận của Tổng thống Joe Biden trong vấn đề quốc tế (Nga - Ukraine, Israel - Hamas và kiểm chế Trung Quốc) là “dựa vào đồng minh”. Điều này khiến Nhật Bản vừa hưởng lợi vừa phải có trách nhiệm chia sẻ nhiều hơn với Hoa Kỳ. Học giả Sahashi còn đưa ra những nhận định: Nhật Bản cần phải tăng cường năng lực quốc phòng và xây dựng mạng lưới của riêng mình; an ninh - kinh tế sẽ là chìa khóa trong mối quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản; ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại châu Á và châu Phi đang đối mặt nhiều những thách thức, nên Hoa Kỳ sẽ phải dựa vào vai trò ngoại giao của Nhật Bản trong việc gắn kết các nước ở Nam Bán cầu.

Cuốn sách “*Japan’s Defense Engagement in the Indo-Pacific Deterrence, Strategic Partnership, and Stable Order Building*” (Tạm dịch là Sự tham gia quốc phòng của Nhật Bản vào việc răn đe Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, quan hệ đối tác chiến lược và xây dựng trật tự ổn định) của Nanae Baldauff (2024), NXB Springer Nature Switzerland, dành chương 2 “The Evolution of Japan’s Postwar Defense Policy” (tạm dịch là “Sự phát triển của chính sách quốc phòng Nhật Bản thời hậu chiến”) để nói về sự phát triển chính sách quốc phòng của Nhật Bản sau Chiến tranh Lạnh, trong đó nhấn mạnh yếu tố đe dọa an ninh của Nhật Bản là từ Trung Quốc và Bắc Triều Tiên.

Cuốn sách “*Geopolitics and Strategy: China, the Quad and the Southeast Asian Pivot*” (Tạm dịch là Địa chính trị và Chiến lược: Trung Quốc, Bộ Tứ và Xoay trục Đông Nam Á) của Leszek Buszynski (2025), NXB Springer Nature Switzerland, phân tích những toan tính địa chính trị của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á, nhất là Biển Đông. Tác giả chỉ ra rằng việc hải quân Trung Quốc giành quyền kiểm soát khu vực này sẽ thách thức vị thế chiến lược của Hoa Kỳ ở Tây Thái Bình Dương, phá vỡ sự thống nhất của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời làm suy yếu liên minh Bộ Tứ vốn được thành lập nhằm chống lại sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Bài viết “*Góc nhìn chuyên gia - Dự báo chiều hướng chính sách đối ngoại của chính quyền mới ở Mỹ: Tác động và một số vấn đề đặt ra*” của Nguyễn Hải Lưu đăng trên Tạp chí Cộng sản (02/04/2025), nhận định chính sách đối ngoại của chính quyền Donald Trump trong nhiệm kỳ thứ hai có xu hướng ưu tiên lợi ích quốc gia, tăng tính thực dụng trong quan hệ với đồng minh, giảm cam kết đa phương và tiếp tục coi Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là trọng tâm chiến lược. Những điều chỉnh này dự báo sẽ tác động mạnh đến trật tự khu vực, kinh tế toàn cầu và buộc các nước tâm trung như Việt Nam phải nâng cao tự chủ chiến lược và ngoại giao đa phương.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về chính sách của Hoa Kỳ và Nhật Bản đối với nhau

Xuất phát từ việc chia sẻ các giá trị nền tảng chung (dân chủ, nhân quyền và pháp quyền) cùng với lợi ích chiến lược trong việc duy trì hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tạo thành nền tảng cho quan hệ Hoa Kỳ và Nhật Bản. Cả hai nước đều nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ đối tác trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đảm bảo ổn định khu vực. Do đó, Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại tại châu Á - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ và Hoa Kỳ cũng là một trụ cột quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Dưới đây là các công trình đề cập về chính sách của hai nước đối với nhau.

Cuốn sách “日本の「ミドルパワー」外交——戦後日本の選択と構想” (tạm dịch là Ngoại giao “Cường quốc tầm trung” của Nhật Bản: Lựa chọn và Tầm nhìn của Nhật Bản thời hậu chiến) của Yoshihide Soeya (添谷芳秀) (2011), NXB Chikuma Shobō, nhấn mạnh tầm quan trọng của “ngoại giao cường quốc tầm trung” của Nhật Bản tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Chiến lược này cho phép Nhật Bản điều chỉnh ưu tiên của Hoa Kỳ với ASEAN, thiết lập khuôn khổ đa phương hiệu quả và đẩy mạnh hợp tác kinh tế để có thể thúc đẩy sự tham gia lâu dài của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á. Tiếp đó, cuốn sách “経済安全保障とは何か” (tạm dịch là An ninh Kinh tế là gì?) (2024) của Viện Nghiên cứu Địa Kinh tế Quốc tế Nhật Bản (国際文化会館地経学研究所) (biên tập), NXB Toyo Keizai, đề xuất hoạt động trọng tâm của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản luôn duy trì an ninh tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và điểm nóng là Đông Nam Á.

Phần chương sách “*The Japan-US Alliance in the 21st Century: Indispensability of US Extended Deterrence*” (tạm dịch là Liên minh Nhật Bản - Hoa Kỳ trong thế kỷ XXI: Sự cần thiết mở rộng răn đe của Hoa Kỳ) của Satoh Yukio trong cuốn sách “*Japan's Foreign Policy in the Twenty-First Century Continuity and Change*” tạm dịch là “Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thế kỷ XXI: Sự liên tục và thay đổi” do Lam Peng Er và Purnendra Jain (biên tập) (2020), NXB Lexington Books, phân tích tổng thể quá trình hình thành liên minh giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ từ năm 1952 đến năm 2019 nhằm đảm bảo an ninh cho Nhật Bản trước hành động từ Triều Tiên, thách thức từ Trung Quốc và sự trỗi dậy của Nga. Nghiên cứu của Satoh cho rằng liên minh hai nước đang ngày càng sâu sắc và chuyển biến từ “hợp tác quốc phòng” sang hình thức “răn đe hạt nhân” ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Ngoài ra, tác giả còn nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo Hoa Kỳ là vô cùng quan trọng đối với sự ổn định của quan hệ hai nước, điều này thể hiện qua nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống Trump (2017-2021) với chính sách “Nước Mỹ trên hết” tạo ra tâm lý lo lắng cho Nhật Bản về mức độ cam kết của đồng minh.

Bài viết “*Southeast Asia-Japan Ties after Abe and Trump*” (tạm dịch là Quan hệ Đông Nam Á - Nhật Bản sau Abe và Trump) của Victor Leo (2021) đăng trên tạp chí ISEAS Perspective của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á - Yusof Ishak, cho rằng sự thay đổi lãnh đạo tại “Nhà Trắng” làm suy giảm ảnh hưởng của Nhật Bản tại Đông Nam Á. Tác giả lập luận Nhật Bản đã thay thế Hoa Kỳ để trở thành cường quốc thống trị và đáng tin cậy ở Đông Nam Á dưới thời Obama và Trump, vì Hoa Kỳ bị phân tâm bởi cuộc chiến chống khủng bố cũng như vai trò “kiến trúc sư trưởng” của Thủ tướng Abe trong chính sách đối ngoại Nhật Bản giai đoạn Trump 1.0. Tuy nhiên dưới thời Joe Biden, vị thế của Nhật Bản được xem là không còn giữ thế chủ động trong liên minh với Hoa Kỳ ở Đông Nam Á.

Asuka Matsumoto (松本 明日香) với bài viết “*アメリカとアジア 新型コロナウイルス感染症拡大下での米中対立の継続と政権交代*” (Tạm dịch là Châu Mỹ và châu Á: Xung đột Mỹ - Trung tiếp diễn và thay đổi chế độ trong bối cảnh lây nhiễm của Covid-19) đăng trên tạp chí “*アジア動向年報*” (tạm dịch là Báo cáo thường niên về xu hướng châu Á) (18/11/2021), nghiên cứu tập trung vào sự cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc trong bối cảnh đại dịch và sự chuyển giao quyền lực từ Tổng thống

Trump sang Tổng thống Biden. Hoa Kỳ xem Nhật Bản là một nhân tố quan trọng trong việc định hình chính sách khu vực về an ninh và kinh tế cũng như việc hai nước cùng phối hợp hiệu quả chiến lược răn đe đối với Trung Quốc.

Kỷ yếu hội thảo “*The U.S.-Japan Alliance and Rapid Change on the Korean Peninsula*” (Đồng minh Hoa Kỳ - Nhật bản và Sự thay đổi nhanh chóng trên Bán đảo Triều Tiên) của Viện Nghiên cứu Quốc phòng Quốc Gia (RAND) vào năm 2021 chỉ ra việc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên gần đây gia tăng số lượng và chủng loại vũ khí, tầm bắn của tên lửa đạn đạo, tấn công an ninh mạng vào mục tiêu ở Hàn Quốc. Đây là nhân tố tác động quan trọng khiến liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản cần phải hợp tác an ninh nhằm chống lại mối lo ngại từ người láng giềng Đông Á này. Tiếp đó, kỷ yếu hội thảo “*The U.S.-Japan Alliance in an Era of Strategic Competition*” (Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong kỷ nguyên cạnh tranh chiến lược) của tác giả Jeffrey W. Hornung (29/11/2023) thuộc Viện Nghiên cứu Quốc phòng Quốc Gia (RAND) đưa ra đánh giá ảnh hưởng của xung đột Nga - Ukraine nổ ra từ tháng 2/2022 đối với liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản, đồng thời nêu ra thách thức và bài học kinh nghiệm từ cuộc chiến Nga - Ukraine cho xung đột khu vực nếu có xảy ra ở Đài Loan: (1) Mức độ hội nhập và quy mô lớn trong nền kinh tế Trung Quốc khiến bất kỳ liên minh nào cũng có thể gặp khó khăn trong việc tạo ra và duy trì lệnh trừng phạt Trung Quốc; (2) Di tản dân thường và người nước ngoài khỏi môi trường là một bài toán cho sự phối hợp của lực lượng hai nước; (3) Thách thức về cung cấp vũ khí và đạn dược cho lực lượng chiến đấu; (4) Đảm bảo khả năng duy trì nguồn cung cấp năng lượng quan trọng cho nền kinh tế Đông Bắc Á.

Công trình “*国際政治のなかの同盟*” (tạm dịch là Liên minh trong Chính trị quốc tế) của Toshihiko Aono (青野利彦), đăng trong tập chuyên đề 206 (2022) của tạp chí “*国際政治*” (tạm dịch là Chính trị quốc tế) chỉ ra lý do và cách thức để Nhật Bản xây dựng liên minh bền vững với Hoa Kỳ, không chỉ vì lý do cân bằng địa chính trị ở khu vực, mà còn nhờ duy trì những cơ chế hợp tác song phương: hợp định kỳ và thực hiện những cam kết ràng buộc giữa hai bên. Điều này giải thích tại sao Tokyo cần ưu tiên nâng cấp hợp tác với Washington về quốc phòng bất kể thời bình hay thời chiến.

Bài viết “*Enhancing U.S. - Japan Coordination for a Taiwan Conflict*” (tạm dịch là Tăng cường sự phối hợp Hoa Kỳ - Nhật Bản đối với xung đột ở Đài Loan) của tác giả David Sacks (2022) đăng trên tạp chí Council on Foreign Relations bàn về ảnh hưởng vấn đề Đài Loan trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, từ đó buộc hai nước cần phải tăng cường phối hợp về quân sự và ngoại giao hơn nữa nếu Trung Quốc tấn công Đài Loan. Nghiên cứu chỉ ra những hạn chế trong khâu chuẩn bị nếu có chiến sự tại eo biển Đài Loan và đề xuất các lĩnh vực cần hợp tác về chia sẻ thông tin tình báo, tập trận quân sự và hỗ trợ hậu cần. Biện pháp ngăn chặn và giảm thiểu khả năng xảy ra xung đột cũng được bài viết đưa ra là việc Hoa Kỳ và Nhật Bản có thể sử dụng biện pháp ngoại giao (hợp tác với các đối tác trong khu vực và tổ chức quốc tế). Cuối cùng, tác giả khẳng định hợp tác chặt chẽ giữa Hoa Kỳ - Nhật Bản là yếu tố vô cùng quan trọng để duy trì hòa bình ổn định khu vực và giải quyết hòa bình căng thẳng tại eo biển Đài Loan.

Chương sách “*The Japan - US relationship: Imagining Its Future in the Indo-Pacific Era*” (Quan hệ Nhật Bản - Hoa Kỳ: Hình dung về tương lai trong kỷ nguyên Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) của Peter Harris và Meriel Hahn trong cuốn sách “*Japan and its Partners in the Indo-Pacific Engagements and Alignment*” (tạm dịch là Nhật Bản và các đối tác trong cam kết và sự liên kết ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) do Srabani Roy Choudhury (biên tập) (2023), NXB Routledge India, phân tích bối cảnh quốc tế và khu vực kể từ sau năm 1945 đến năm 2021 đã định hình quan hệ Nhật Bản và Hoa Kỳ, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc và chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” dẫn đến sự ra đời của hợp tác Nhóm Bộ Tứ (Quad) gồm Hoa Kỳ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ.

Bài viết “*Japan in the US Indo-Pacific Strategy: Strengthening role to contain China*” (Nhật Bản trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ: Tăng cường vai trò kiềm chế Trung Quốc) của tác giả Kochegurov (2023) đăng trên tạp chí “*Politics*” xem việc tăng cường hiện diện quân sự là cách củng cố vị thế Nhật Bản trên trường quốc tế với tư cách là đồng minh chủ chốt của Hoa Kỳ trong việc răn đe Trung Quốc. Trong khi đó, công trình “*Methods of Influence of the J.Biden Administration on Japanese Security Policy*” (Những cách thức ảnh hưởng của chính

quyền Joe Biden đến chính sách an ninh Nhật Bản) của Alexander D. Plaksin (2024) đăng trên số 3, tạp chí “Aziâ i Afrika Segodnâ” (châu Á và châu Phi), chỉ ra lợi ích của Nhật Bản khi tham gia vào các khối quân sự dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ và chính việc tăng cường hợp tác an ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản cũng là một nguyên nhân khiến Nhật Bản dần điều chỉnh chính sách quốc phòng so với Hiến pháp.

1.1.3. Những công trình về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản

Có sự đa dạng công trình nghiên cứu tổng thể về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản từ 2021-2025 theo từng lĩnh vực và theo từng không gian, thời gian nghiên cứu khác nhau. Chính vì vậy, có thể phân chia các nghiên cứu về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản theo thời gian như sau:

- *Các công trình nghiên cứu trước năm 2021*

Báo cáo “*US-Japan Relations and Southeast Asia: Meeting Regional Demands*” (tạm dịch là Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản và Đông Nam Á: Đáp ứng nhu cầu khu vực) của Satu P. Limaye và Tsutomu Kikuchi (2016) thuộc dự án của Trung tâm Đông - Tây (East-West Center) hợp tác với Viện Nghiên cứu các vấn đề quốc tế Nhật Bản (JIIA) và Quỹ Hòa bình Sasakawa (SPF), nghiên cứu về động lực phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đối với sự thịnh vượng và ổn định của Đông Nam Á. Các tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của Đông Nam Á đối với liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản và thảo luận cách hai cường quốc này tăng cường sự hiện diện tại khu vực, thông qua việc thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh hàng hải và hỗ trợ ổn định chính trị. Tiếp đó, báo cáo chỉ ra những thách thức và cơ hội cho liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Đông Nam Á.

Cuốn sách “*The History of US-Japan Relations from Perry to the Present*” (tạm dịch là Lịch sử quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản từ Perry đến nay) của tác giả Makoto Iokibe và Tosh Minohara (2017), NXB Palgrave Macmillan, bao quát chiều dài phát triển của mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản bắt đầu từ dấu mốc 1853 (Chuẩn Đô đốc Matthew Perry đến Vịnh Tokyo) đến những thăng trầm trong quan hệ (đan xen giữa giai đoạn: liên minh, chiến tranh, quan hệ đối tác) xuyên suốt trong thế kỷ XX và hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Các tác giả đã cung cấp những hiểu biết sâu sắc về hợp tác song phương trên lĩnh vực an ninh; thương mại; ngoại

giao cũng như chỉ ra những thách thức định hình quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong nhiều năm qua, cụ thể là sự trỗi dậy của Trung Quốc và hồi sinh của nước Nga, vấn đề Triều Tiên, chủ nghĩa khủng bố, vấn đề tranh chấp lãnh thổ của Nhật Bản.

Bài viết “*Triển vọng hợp tác Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc trước những diễn biến mới ở khu vực Đông Bắc Á*” của tác giả Trần Bách Hiếu đăng trên Tạp chí Cộng sản (08/05/2019) tìm hiểu những biến động khu vực Đông Bắc Á: chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; vấn đề Triều Tiên; khoảnh khắc hòa giải hai miền Triều Tiên dẫn đến nhu cầu hợp tác giữa Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Tác giả đưa ra nhận định về xu hướng hợp tác ba bên vẫn liên kết ngày càng chặt chẽ trước những thách thức đến từ bên trong (mâu thuẫn Hàn Quốc và Nhật Bản) lẫn bên ngoài liên minh (Trung Quốc trỗi dậy).

Cuốn sách “*Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản: Giai đoạn hiện nay*” của tác giả Nguyễn Tuấn Minh (chủ biên) (2019), NXB Khoa học Xã hội, phân tích một cách toàn diện về quan hệ Hoa Kỳ và Nhật Bản giai đoạn 2013-2019 trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng và kinh tế. Tác giả còn đưa ra dự đoán xu thế quan hệ hai nước đến năm 2030 đó là Hoa Kỳ đóng vai trò bảo trợ an ninh, còn Nhật Bản sẽ giữ vai trò hỗ trợ nhưng ngày càng chủ động hơn trong liên minh hai nước, đặc biệt là bối cảnh quốc tế và khu vực đầy biến động (gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, vấn đề hạt nhân của CHDCND Triều Tiên, tranh chấp biển đảo của Nhật Bản với các nước láng giềng). Cuối cùng là một số khuyến nghị dành cho Việt Nam trong việc phát triển quan hệ với Hoa Kỳ và Nhật Bản về mặt an ninh (ủng hộ chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng”) mà hai nước đang thúc đẩy, gia tăng năng lực hải quân Việt Nam, phối hợp với Hoa Kỳ và Nhật Bản để quốc tế hóa an ninh hàng hải ở Biển Đông) và kinh tế (chủ động hội nhập vào các sáng kiến kinh tế của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, chủ động tìm kiếm thị trường hàng hóa xuất khẩu và giảm bớt phụ thuộc vào thị trường lớn, cải tổ quy trình sản xuất phù hợp với yêu cầu của Hoa Kỳ và Nhật Bản, tích cực thúc đẩy triển khai hiệu quả Hiệp định CPTPP).

Cuốn sách “*The United States in the Indo - Pacific: Obama's Legacy and the Trump Transition*” (tạm dịch là Hoa Kỳ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Di sản của Obama và quá trình chuyển giao của Trump) do Inderjeet Parmar và

Oliver Turner (biên tập) (2020), NXB Manchester University Press, dành phần 4 trong chương I để nói về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản dưới thời Tổng thống Barack Obama chứng kiến giai đoạn hiếm hoi trong lịch sử quan hệ song phương khi hai bên có sự đồng thuận, phối hợp chiến lược từ năm 2012-2016 để đạt được tiến bộ toàn diện về an ninh, kinh tế xuyên Thái Bình Dương và hòa giải mâu thuẫn lịch sử. Ngoài ra, cuốn sách còn so sánh quan hệ song phương thời Donald Trump so với thời Obama có sự “căng thẳng” nhất định thể hiện qua cách Nhật Bản phải thích ứng với cuộc tranh chấp thương mại và có thái độ hoài nghi về cam kết của Chính quyền Trump trong việc duy trì an ninh cho Nhật Bản và trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên khái quát quan hệ Hoa Kỳ và Nhật Bản vào thời kỳ trước hoặc đưa ra những dự báo phân tích chung về triển vọng hợp tác như nhiệm kỳ của Tổng thống Biden. Tóm lại, các công trình này là chính nền tảng và cơ sở giúp tìm hiểu về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong những giai đoạn sau.

- *Các công trình nghiên cứu sau năm 2021*

Cuốn sách “*Strategic relations between India, the United States and Japan in the Indo-Pacific: when three is not a crowd*” (tạm dịch là Quan hệ chiến lược giữa Ấn Độ, Hoa Kỳ và Nhật Bản ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: khi ba quốc gia không phải là một đám đông) của Rupakjyoti Borah (2021), NXB WSPC, nghiên cứu chuyên sâu về phát triển quan hệ đối tác chiến lược giữa Hoa Kỳ, Ấn Độ và Nhật Bản trong bối cảnh địa chính trị khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Thông qua việc nghiên cứu một cách tổng thể hợp tác chiến lược giữa ba bên trên lĩnh vực an ninh, kinh tế và ngoại giao, tác giả lập luận vai trò Nhật Bản là quan trọng trong ba nước để duy trì sự cân bằng và thúc đẩy hòa bình, thịnh vượng ở nơi này.

Báo cáo “*The View from America’s Quad Partners*” (tạm dịch là Quan điểm của Hoa Kỳ về những đối tác Quad) của Stephen Tankel, Lisa Curtis, Joshua Fitt và Coby Goldberg (2021) thuộc Trung tâm An ninh Mới của Hoa Kỳ (Center for a New American Security) cho rằng cách thức kiềm chế Trung Quốc trong giai đoạn trong và sau đại dịch Covid-19 của Chính quyền Biden là củng cố liên minh với nhóm Bộ Tứ (Australia, Nhật Bản và Ấn Độ) thông qua hợp tác về phân phối

vaccine cho khu vực ASEAN và toàn cầu, xu thế hợp tác kinh tế và quốc phòng. Các tác giả nhân mạnh trong nhóm Quad thì Tokyo là đối tác quan trọng hàng đầu và phù hợp với mục tiêu của Washington tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Chương sách “*Reshaping U.S-South Korea - Japan Trilateral Relations*” (tạm dịch là Tái định hình quan hệ ba bên Hoa Kỳ - Hàn Quốc - Nhật Bản) của Jeeho Bae trong cuốn sách “*From Trump to Biden and Beyond: Reimagining US-China Relations*” do Earl A. Carr Jr. (chủ biên) (2021), NXB Palgrave Macmillan, đề xuất những biện pháp cho Tổng thống Biden áp dụng để cải thiện quan hệ với Nhật Bản và Hàn Quốc, qua đó vừa xây dựng một liên minh đối trọng với Trung Quốc, vừa là cách gia tăng ảnh hưởng tại Đông Á. Thứ nhất, Chính quyền Biden đang tìm cách lấy lại niềm tin từ Tokyo và Seoul bị suy giảm nặng trong nhiệm kỳ đầu của Donald Trump thông qua việc khẳng định Washington cùng chí hướng với cả hai bên với việc đóng vai trò tích cực làm trung gian hòa giải những xung đột giữa hai nước láng giềng Đông Á này. Thứ hai, Hoa Kỳ hứa hẹn sẽ giúp hai nước giảm bớt phụ thuộc vào kinh tế từ Bắc Kinh qua chính sách “Sản xuất ở Mỹ và Mua ở Mỹ” (Make in America and Buy in America), quay lại các nhóm hợp tác thương mại đa phương như RCEP hoặc đàm phán song phương (Hàn Quốc là KORUS và Nhật Bản là USJTA) và đảm bảo hợp tác tập trung vào lĩnh vực công nghệ cao (mạng 5G).

Cuốn sách “*Great Power Strategies - The United States, China, and Japan*” (tạm dịch là Chiến lược của các cường quốc: Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản) của Quansheng Zhao (2022), NXB Routledge, tập trung phân tích bối cảnh lịch sử của quá trình vươn lên nắm quyền của Hoa Kỳ; Trung Quốc và Nhật Bản, lợi ích địa chính trị hiện tại và cách thức từng nước điều hướng hệ thống quốc tế để đạt được mục tiêu của quốc gia. Ngoài ra, cuốn sách này thảo luận về những thách thức và cơ hội mà liên minh quân sự Hoa Kỳ và Nhật Bản phải đối mặt trong việc xử lý những xung đột tiềm ẩn ở khu vực như Biển Đông, đàm phán thương mại và quản trị toàn cầu.

“*Chương 2 - Nội dung chính sách đối ngoại của chính quyền Joe Biden*” trong cuốn sách “*Chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời Chính quyền Joe Biden và những tác động tới quan hệ quốc tế*” của Lê Công Tiến và Trần Huyền Trang (đồng chủ biên) (2023), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, phân tích chủ trương cải thiện

quan hệ với các đồng minh truyền thống của Hoa Kỳ như Nhật Bản nhằm ứng phó với thách thức ngày càng phức tạp tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [Công Tiên & Huyền Trang, 2023, tr.214-215].

Bài viết “*The US, Japan, and Indo-Pacific*” (tạm dịch là Hoa Kỳ, Nhật Bản và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) của tác giả Sheila A. Smith trong cuốn sách “*The Routledge Handbook of US Foreign Policy in the Indo-Pacific*” (2023), NXB Routledge, khẳng định sự hình thành quan hệ đồng minh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế của Nhật Bản trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Nghiên cứu còn thảo luận những đóng góp hiện nay của cặp quan hệ này đối với an ninh khu vực, hội nhập kinh tế khu vực, cách thức đối phó với tham vọng của một Trung Quốc đang trỗi dậy và giải quyết vấn đề hạt nhân của Triều Tiên. Cuối cùng là cách thức mà liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản có thể thúc đẩy trật tự Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, giải quyết an ninh hàng hải và tăng cường hợp tác với hai thành viên khác của nhóm Quad (Australia và Ấn Độ).

Bài viết của Michael Motyavin với tựa đề “*The U.S - Japan Cooperation as part of the Fumio Kishida’s renewed administration strategy*” (tạm dịch là Hợp tác Hoa Kỳ - Nhật Bản như một phần đổi mới chiến lược của Chính quyền Fumio Kishida) đăng vào tháng 1/2023 trên tạp chí “*Россия и Америка вXXI веке*” (Russia and America in the 21st Century), phân tích cách thức liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản đang được củng cố như một phần của chiến lược rộng lớn hơn của Kishida nhằm giải quyết thách thức an ninh khu vực, nhất là để ứng phó với ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc và tham vọng hạt nhân của Triều Tiên. Motyavin tìm hiểu những tác động của sự hợp tác này đối với sự ổn định khu vực và cán cân quyền lực tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tác giả không chỉ xem xét các khía cạnh kinh tế; công nghệ; quân sự trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, mà còn nêu bật các sáng kiến và thỏa thuận chính nhằm tăng cường quan hệ song phương, làm rõ những thách thức và cơ hội tiềm tàng cho quan hệ đối tác này trong bối cảnh thay đổi địa chính trị toàn cầu và tầm quan trọng của chủ nghĩa đa phương trong việc giải quyết mọi đe dọa chung.

Bài viết “*Tighter U.S-Japan alliance is unexpected legacy of Kishida-Biden era*” (tạm dịch là Thắt chặt liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản là di sản bất ngờ của thời kỳ Kishida-Biden) của Ken Moriyasu đăng trên Nikkei Asia (28/8/2024), khái quát

sự phát triển của quan hệ song phương chưa từng có trong lịch sử dưới thời của Tổng thống Joe Biden và Thủ tướng Fumio Kishida, thể hiện qua việc liên minh hai nước trở thành “đôi tác toàn cầu cho tương lai”; nâng cấp trụ sở quân đội Hoa Kỳ tại Nhật Bản và thành lập nhóm hợp tác ba bên khác để thích ứng với bối cảnh quốc tế mới. Tiếp đó, bài viết nêu bật những chiến lược của hai chính quyền để tăng cường liên minh gồm: phản ứng của Nhật Bản trước xung đột Nga - Ukraine và việc tham dự hội nghị của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) cũng như điều chỉnh quy định xuất khẩu quốc phòng sang nước thứ ba. Cuối cùng, tài liệu còn nêu ra những thách thức cho liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn hậu Biden và Kishida.

Bài viết “*Hợp tác Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc trong bối cảnh mới*” của Trần Thị Hải Yến đăng trên Tạp chí Cộng sản (07/09/2024), làm rõ sự phát triển hợp tác ba bên thời Joe Biden trên lĩnh vực: chính trị (gia tăng các chuyến thăm ngoại giao cũng như bên lề hội nghị NATO và G7); quốc phòng (tập trận chung về tên lửa đạn đạo và tác chiến tàu ngầm, tăng ngân sách quốc phòng từ phía Nhật Bản); kinh tế (xây dựng chuỗi cung ứng và phát triển công nghệ, hàn gắn quan hệ kinh tế rạn nứt trong nhiệm kỳ đầu của Trump); mở rộng hợp tác đa phương (tham gia vào Quad+ và IPEF). Nghiên cứu này phân tích những thách thức tồn tại đối với hợp tác ba nước (bất đồng giữa Hàn Quốc và Nhật, yếu tố CHDCND Triều Tiên và trỗi dậy của Trung Quốc) và trình bày những tác động của liên minh đối với khu vực Đông Nam Á về tích cực (hài hòa cân bằng trong vấn đề khu vực, hưởng lợi ưu thế công nghệ từ Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc) và tiêu cực (nguy cơ căng thẳng khu vực từ các vấn đề eo biển Đài Loan, Triều Tiên, cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc).

Nobuhiko Tamaki (玉置 敦彦) có bài phân tích “「西側の黄昏」後の東アジア——第二次トランプ政権の成立にあたって” (Tạm dịch là Đông Á sau khi phương Tây kết thúc: Cái nhìn đầu tiên về chính quyền Trump thứ hai) đăng trên website của Viện Kinh tế Phát triển, Tổ chức Thương mại Đối ngoại Nhật Bản (IDE-JETRO) vào tháng 2/2025, có đánh giá ban đầu về chính sách đối ngoại của Tổng thống Donald Trump trong nhiệm kỳ hai. Đó là sự tập trung vào lợi ích quốc gia, gia tăng áp lực kinh tế và thỏa thuận song phương với các đối tác, trong khi bỏ qua giá trị và

đạo đức. Quan điểm của Tổng thống Trump về các liên minh như là gánh nặng, nhất là tại Đông Á, nơi Hoa Kỳ đang đối phó với ảnh hưởng của Trung Quốc. Nguyên nhân của chính sách này nhằm giành được nguồn lực từ các đồng minh. Tác giả kết luận Nhật Bản cần đánh giá sự thay đổi quốc tế và không chỉ dựa vào các liên minh hiện có để duy trì an ninh và thịnh vượng. Nhật Bản vừa phải chú ý đến sự trỗi dậy của Trung Quốc và hợp tác với một Hoa Kỳ đang thay đổi cũng như cần chủ động tham gia xây dựng trật tự khu vực mới như Nam Bán cầu để đảm bảo vị thế và lợi ích của mình.

- *Các công trình về lĩnh vực cụ thể*

- + Chính trị ngoại giao

Công trình “*Chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống Joe Biden*” đăng trên Tạp chí Cộng sản của Lộc Thị Thủy (2021), chỉ ra những điều chỉnh chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ thời Biden là có lợi hơn cho Nhật Bản và Hàn Quốc so với nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Donald Trump (2017-2021) với một số hoạt động như từ bỏ chính sách chia sẻ chi phí quân sự công bằng, đình chỉ chiến tranh thương mại, tránh trừng phạt thuế quan một số mặt hàng (thép và sợi), cam kết chia sẻ vaccine và tài chính để chống dịch đại dịch Covid-19, đồng thời xây dựng liên minh ba nước để kiềm chế Trung Quốc cũng như thúc đẩy một trật tự đa phương khu vực dưới sự dẫn dắt của Hoa Kỳ.

Bài viết “*Triển vọng quan hệ Mỹ - Nhật Bản dưới thời Tổng thống Mỹ Joe Biden*” của Nguyễn Trần Xuân Sơn đăng trên Tạp chí Cộng Sản (23/03/2021), ngoài việc nêu ra những triển vọng hợp tác về y tế và ứng phó đại dịch Covid-19, chống biến đổi khí hậu, quan hệ với Trung Quốc, tăng cường thể chế đa phương ở khu vực Châu Á... Bài viết đã trình bày những thách thức chính trị, an ninh mà Nhật Bản đang gặp phải trong quan hệ với Hoa Kỳ thời Joe Biden. (1) Thành viên trong Chính quyền Suga có sự chia rẽ lập trường về Trung Quốc như đây là đối tác kinh tế sống còn chứ không phải là mối đe dọa tiềm tàng, trong khi số khác lại ủng hộ vấn đề eo biển Đài Loan cũng như giống quan điểm với Hoa Kỳ về vùng lãnh thổ này. (2) Tình thế tiến thoái lưỡng nan về việc có hay nên di dời căn cứ quân sự của Hoa Kỳ tại Okinawa xuất phát từ những vấn đề xã hội của căn cứ này đang gây ra cho người dân địa phương. (3) Xung đột thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc

vẫn là một trở ngại lớn và khiến nhiều nhà đầu tư Nhật Bản buộc phải di dời nhà máy, dây chuyền sản xuất sang các nước thứ ba, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các tập đoàn Nhật Bản.

Bài viết “*Japan and U.S. in the Indo-Pacific region under the J. Biden administration*” (tạm dịch là Nhật Bản và Hoa Kỳ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới thời J. Biden) của Voda Kristina (2022) đăng trên tạp chí “*Problemy dalnego vostoka*” trình bày quan điểm của Hoa Kỳ và Nhật Bản đối với các vấn đề chính trị quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương kể từ năm 2021. Nghiên cứu chỉ ra quan điểm ủng hộ tuyệt đối của Nhật Bản đối với Tổng thống Biden trong cạnh tranh với Trung Quốc về thương mại và công nghệ, đồng thời nêu ra những mâu thuẫn vẫn tồn tại giữa Nhật Bản và Hàn Quốc sẽ phần nào cản trở nỗ lực của Hoa Kỳ trong việc xây dựng liên minh với hai quốc gia Đông Á này. Cuối cùng, tác giả Voda phân tích triển vọng hợp tác kinh tế của liên minh Washington và Tokyo với đối tác khác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nhằm làm giảm sự phụ thuộc của các nước với Bắc Kinh.

Công trình “*Về chính sách đối ngoại của Thủ tướng Nhật Bản: Một vài phân tích và nhận xét*” của Hà Mỹ Phương và Đoàn Anh Tuấn đăng trên Tạp chí Cộng Sản (03/07/2022), khái quát nội dung chính sách đối ngoại của Thủ tướng Fumio Kishida và đảng Dân chủ Tự do (LDP), nhấn mạnh tầm quan trọng của quan hệ đồng minh thân thiết giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ vừa mang lại thuận lợi (nhân tố kiềm chế Trung Quốc) vừa mang lại thách thức (bài toán cân bằng nước lớn giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tại khu vực). Bài viết “*Kishida: Japan ready to step up as U.S. 'global partner' at Biden summit*” (tạm dịch là Kishida: Nhật Bản sẵn sàng trở thành ‘đối tác toàn cầu’ của Hoa Kỳ tại Hội nghị cấp cao Biden) của Ken Moriyasu và Mitsuru Obe đăng trên Nikkei Asia (10/04/2024), thảo luận về chuyến thăm thủ đô Washington của Thủ tướng Nhật Bản Kishida để dự hội nghị cấp cao với Tổng thống Biden. Các chủ đề thảo luận chính bao gồm hội nhập quốc phòng sâu sắc hơn, quan hệ kinh tế và những thách thức do bối cảnh chính trị tại Hoa Kỳ đặt ra. Chuyến thăm của ông Kishida đánh dấu cam kết củng cố liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh căng thẳng toàn cầu, đặc biệt là với Trung Quốc và Triều Tiên.

Thêm vào đó, bài viết còn đề cập đến mức chi tiêu quốc phòng của Nhật Bản (tăng ngân sách và tăng cường mua vũ khí từ Hoa Kỳ), ngoại giao khu vực và tác động tiềm tàng của cuộc bầu cử Hoa Kỳ trong quan hệ với Nhật Bản.

Phân tích từ báo cáo thường niên của Viện Nghiên cứu các vấn đề quốc tế Nhật Bản (JIIA) (2023) cho rằng việc thể chế hóa liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc tại hội nghị “Trại David” (8/2023) với nhiều hoạt động (điện đàm lãnh đạo, duy trì họp thường xuyên, chia sẻ cảnh báo tên lửa thời gian thực) có thể làm giảm đáng kể rủi ro “lạc nhịp” trong phối hợp tác chiến giữa Tokyo và Washington trong trường hợp Bán đảo Triều Tiên trở nên căng thẳng. Tuy vậy, liên minh ba bên vẫn không thay thế hợp tác song phương, nhưng có thể xem là cách nước Nhật có thể quản trị rủi ro an ninh trong khu vực và tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ hơn nữa.

Bài viết “*PM Kishida’s State Visit to Washington: Impact on the Alliance and the Indo-Pacific*” (tạm dịch là Chuyên thăm cấp nhà nước đến Washington của Thủ tướng Kishida: Tác động đến liên minh và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) của tác giả Yuki Tatsumi đăng trên Stimson (13/06/2024), đánh giá chuyến công du Hoa Kỳ của Thủ tướng Kishida mang nhiều ý nghĩa khi thể hiện quan điểm của Nhật Bản là đối tác bình đẳng của Hoa Kỳ trong việc giải quyết thách thức toàn cầu và là sự chuẩn bị cho những thay đổi chính trị tại Hoa Kỳ như sự trở lại của Tổng thống Trump.

+ Quốc phòng - an ninh

Bài viết “*Japan’s Diplomacy towards ASEAN from the Perspective of its Indo-Pacific Strategy*” (tạm dịch là Ngoại giao của Nhật Bản đối với Đông Nam Á theo góc nhìn Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) của Bi Shihong (2022) đăng trên số 1/2022- Tạp chí East Asian Affairs, nghiên cứu tổng thể chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với các nước Đông Nam Á trong bối cảnh chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Bài viết lập luận quan hệ với Hoa Kỳ với Nhật Bản tác động không nhỏ đến hướng tiếp cận về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của quốc gia Đông Á này. Chính việc tập trung vào liên minh với Nhật Bản nói riêng hay tăng cường hợp tác với nhóm Quad nói chung dưới thời Joe Biden làm tăng tính răn đe của Hoa Kỳ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, mục đích thực sự của hành động này được cho sẽ làm suy yếu vai trò trung tâm của ASEAN tại khu vực Ấn

Độ Dương - Thái Bình Dương để từ đó duy trì hệ thống liên minh do Hoa Kỳ lãnh đạo. Phía Tokyo dù ủng hộ chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Tổng thống Biden, nhưng họ cũng không chắc chắn về mức độ Washington có thể bảo vệ lợi ích của mình vì tầm nhìn của Tokyo về khu vực này có sự khác biệt với Washington: tăng cường trao đổi chính trị; kinh tế; an ninh với các nước ASEAN và biến Nhật Bản là điểm tựa cho chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thay vì trở thành một chư hầu của Hoa Kỳ.

Bài viết “*Hợp tác quốc phòng Nhật - Mỹ giai đoạn 2012-2022*” của Huỳnh Trọng Hiền và Nguyễn Đắc Tùng (2022) đăng trên số 10/2022 - Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á phân tích thành tựu hợp tác mà Nhật Bản và Hoa Kỳ đã đạt được trong 10 năm, bao gồm: gia tăng các chuyến trao đổi cấp cao giữa lãnh đạo quốc phòng, mua sắm vũ khí ngày càng tăng, nhiều cuộc tập trận tổ chức trên khắp các binh chủng và điều chỉnh “nguyên tắc chỉ đạo quốc phòng” về chỉ đạo vai trò của quân đội Hoa Kỳ và Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản trong những tình huống khẩn cấp từ năm 2014 là nền tảng cho việc triển khai chiến lược “răn đe hạt nhân” tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Chính quyền Joe Biden.

Futoshi Takabatake (高畠太) với công trình “日米同盟の補完性 —同盟の経済学に基づく計量分析” (tạm dịch là Sự bổ sung của liên minh Nhật Bản - Hoa Kỳ: Phân tích kinh tế lượng dựa trên nền kinh tế của liên minh), đăng trên tạp chí “安全保障戦略研究” (tạm dịch là tạp chí Nghiên cứu Chiến lược An ninh) tập 3, số 1 (2023), áp dụng mô hình định lượng theo “kinh tế học liên minh” để nghiên cứu mối quan hệ giữa năng lực quân sự Hoa Kỳ và năng lực phòng vệ Nhật Bản (1979-2020). Kết quả cho thấy sức mạnh quân sự Hoa Kỳ chỉ đóng vai trò bổ sung, chứ không thể thay thế cho khả năng phòng vệ của Nhật Bản. Việc Nhật Bản tăng cường tự lực phòng vệ không làm giảm độ bền của liên minh. Dù phạm vi nghiên cứu chỉ đến năm 2020, kết quả công trình này có thể áp dụng cho giai đoạn 2021-2025, hỗ trợ lý thuyết về “liên minh đồng phát triển năng lực”- nghĩa là Nhật Bản cần nâng cấp khả năng phòng thủ trong khi vẫn dựa vào sự hỗ trợ của Hoa Kỳ.

Bài viết “*Quan điểm của một số nước về việc Việt Nam - Nhật Bản nâng cấp quan hệ*” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Chiến lược (03/12/2023), Phạm Quang Hiền ngoài việc tìm hiểu quan điểm của Hoa Kỳ đối với sự kiện Việt Nam - Nhật

Bản nâng cấp quan hệ ngoại giao lên “Đối tác chiến lược toàn diện” vào năm 2023, tác giả còn đề cập quan điểm của Hoa Kỳ về Nhật Bản - một đồng minh quan trọng và muốn quốc gia này đóng vai trò lớn hơn để giảm gánh nặng cho quân đội Hoa Kỳ tại châu Á - Thái Bình Dương phù hợp với chính sách “Nước Mỹ trở lại” của Tổng thống Biden. Cụ thể, Hoa Kỳ lần lượt thúc đẩy vai trò trong các cơ chế khu vực và đa phương (nhóm Quad), hỗ trợ an ninh chính thức (OSA) cho Philippines - đồng minh của Hoa Kỳ được Nhật Bản ưu tiên cung cấp trong Thỏa thuận Tiếp cận Đối ứng (RAA) - tạo nền tảng cho mở rộng hợp tác quốc phòng 3 bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Philippines (tập trung chung định kỳ và tiếp cận căn cứ quân sự).

Trong bài viết “*Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ tại khu vực Đông Bắc Á và sự tham gia của Mỹ*” của Nguyễn Khánh Vân và Hà Hồng Vân đăng trên Tạp chí Lý luận Chính trị (21/02/2024), chỉ ra quan điểm ủng hộ của Hoa Kỳ về Nhật Bản trong tranh chấp với Trung Quốc tại quần đảo Senkaku (phía Trung Quốc gọi là Điếu Ngư) qua việc cung cấp thông tin tình báo, giám sát và do thám các hoạt động của tàu Trung Quốc và tổ chức các cuộc tập trận chung nhằm tăng cường khả năng ứng phó cho lực lượng phòng vệ Nhật Bản tại vùng biển Hoa Đông. Ngoài ra, nghiên cứu còn cho rằng sự tham gia của Hoa Kỳ được dựa trên sự cân nhắc về lợi ích và chi phí tiềm năng khi can dự. Điều này là phù hợp với chính sách “kiềm chế Trung Quốc” nói riêng và chính sách “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” nói chung, đồng thời nhằm nâng cao vai trò thực thi luật pháp quốc tế của Hoa Kỳ tại khu vực Đông Bắc Á, đảm bảo lợi ích quốc gia và đồng minh.

Bài viết “*Japan, the Philippines, and the United States: A New Era of Partnership through Trilateral Defense and Security Cooperation*” (tạm dịch là Nhật Bản, Philippines và Hoa Kỳ: Kỷ nguyên mới của quan hệ đối tác ba bên về an ninh và quốc phòng) của Miyoko Taniguchi đăng trên số 672 - Tạp chí Asia Pacific Bulletin của East-West Center (Trung tâm Nghiên cứu Đông - Tây) vào ngày 09/07/2024, phân tích những lợi ích chiến lược đằng sau của hợp tác 3 bên: Philippines nhận được nguồn lực hỗ trợ, Nhật Bản nâng cao vị thế trong việc duy trì trật tự quốc tế, Hoa Kỳ chia sẻ được gánh nặng và tăng cường chiến lược răn đe trong khu vực. Kết quả nghiên cứu chỉ ra hợp tác ba bên này đóng vai trò là cơ chế tăng cường quan hệ an ninh giữa các quốc gia có cùng chí hướng, mang lại khả năng phục

hồi trước những thay đổi chính sách và thay đổi lãnh đạo, từ đó đảm bảo tính liên tục trong chính sách an ninh và quốc phòng ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bài viết “*Japan’s “Three National Security Documents” and Defense Capabilities: Reinforcing a Radical Military Trajectory*” (Ba văn kiện an ninh quốc gia của Nhật Bản và năng lực quốc phòng: củng cố định hướng quân sự cấp tiến) của Christopher W. Hughes (2024) đăng trên tạp chí “*The Journal of Japanese Studies*”, chỉ ra sự chuyển mình của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản từ một “liên minh trưởng thành” sang một quan hệ đối tác đa lĩnh vực, tích cực hoạt động hơn và tập trung vào các tình huống khẩn cấp. Tác giả còn xác định động lực chính là môi trường đe dọa ngày càng gay gắt (hành động của Trung Quốc và các kịch bản Đài Loan; hạt nhân Triều Tiên), điều này thúc đẩy Tokyo và Washington hướng tới phối hợp tác chiến thực tế gồm: các thỏa thuận chỉ huy, lập kế hoạch chung và bổ sung năng lực. Sự chuyển đổi này như một sự thích ứng của liên minh với việc năng lực ngày càng tăng của Nhật Bản làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau của hai bên trong liên minh.

Bài viết “*Threat Perception, Vision of Order, and the Logic of Changes in the US-Japan Alliance in the Post-Cold War Era*” (tạm dịch là Nhận thức về mối đe dọa, tầm nhìn về trật tự và logic của những thay đổi trong liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh) của Yiming Zeng và Xiaodi Ye (2025) đăng trên *Chinese Journal of International Review*, lý giải sự gắn kết của liên minh Hoa Kỳ và Nhật Bản xoay quanh mối quan hệ giữa hợp tác an ninh, kinh tế và chính trị thông qua nhận thức về mối đe dọa và tầm nhìn về trật tự khu vực. Có 4 loại liên minh: (1) Liên minh Trôi dạt (*Drifting Alliance*) có sự gắn kết thấp nhất vì nhận thức mối đe dọa và tầm nhìn về trật tự khác nhau; (2) Liên minh Duy trì Luật lệ (*Rules-Maintaining Alliance*) gắn kết ở mức trung bình dù chia sẻ tầm nhìn về hội tụ trật tự cho phép liên minh tăng cường kinh tế và chính trị; (3) Liên minh Cân bằng Mối đe dọa (*Threat - Balancing Alliance*) có sự gắn kết ở mức trung bình dù nhất quán về mối đe dọa và có sự khác biệt về trật tự nên việc củng cố hợp tác an ninh là điều bắt buộc, nhưng không đạt được sự đồng thuận về kinh tế và chính trị; (4) Liên minh Hợp tác Toàn diện (*Comprehensively Collaborative Alliance*) là mạnh nhất vì hai bên chia sẻ nhận thức mối đe dọa nhất quán và tầm nhìn hội tụ chiến lược nên dẫn đến

tăng cường tất cả lĩnh vực hợp tác. Các tác giả cho rằng tùy theo từng giai đoạn mà liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản có sự linh hoạt chiến lược, tầm nhìn hội tụ về trật tự để tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác song phương. Ví dụ, giai đoạn Trump 1.0 là điển hình cho “liên minh cân bằng mối đe dọa” thể hiện qua việc hai nước thiên về tìm cách đồng thuận về vấn đề kinh tế và hợp tác chính trị gặp khó khăn hơn, còn giai đoạn thời Biden là trường hợp “liên minh hợp tác toàn diện” thể hiện qua cải thiện quan hệ đồng minh gắn kết một cách toàn diện từ an ninh, kinh tế, chính trị.

+ Kinh tế

Bài viết “*U.S.-ROK-Japan Trilateral Engagement on Economic Security: Disentangling Resilience, Competitiveness, and Protection*” (tạm dịch là Hợp tác ba bên Hoa Kỳ - Hàn Quốc - Nhật Bản về an ninh kinh tế: Phân tách khả năng phục hồi, sự cạnh tranh và sự bảo vệ) của Kristi Govella, đăng trên tạp chí “Asia Policy” số 20, quyển 1 (1/2025), dù nghiên cứu về hợp tác ba bên nhưng vẫn phân tích đến quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Nhật Bản. Tác giả phân chia an ninh kinh tế thành ba mục tiêu chính sách: (i) khả năng phục hồi, (ii) khả năng cạnh tranh và (iii) bảo hộ, chỉ ra Nhật Bản và Hoa Kỳ có những điểm tương đồng (ví dụ: chuỗi cung ứng, hỗ trợ công nghiệp), trong khi cũng có những điểm khác biệt (ví dụ: luật pháp toàn diện của Nhật Bản so với công cụ kết hợp của Hoa Kỳ; sự khác biệt về thuế quan và sàng lọc hàng xuất khẩu).

Chương sách “*Japan’s Role in Improving Global Economic Governance in the Era of US-China Strategic Competition*” (tạm dịch là Vai trò của Nhật Bản trong việc cải thiện quản trị kinh tế toàn cầu trong kỷ nguyên cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc) của Masahiro Kawai trong cuốn sách “*Consensus or Conflict? China and Globalization in the 21st Century*” do Huiyao Wang và Alistair Michie (biên tập) (2021), NXB Springer, tác giả đưa ra phân tích về quản trị kinh tế toàn cầu theo quan điểm của Nhật Bản và lập luận Nhật Bản có thể đóng vai trò chính trong việc giải quyết những thách thức của toàn cầu hóa và các nền kinh tế mới nổi, chẳng hạn như sự suy giảm tương đối của nền kinh tế Hoa Kỳ và sự trở dậy nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc.

Bài viết “*Biden unveils Indo-Pacific Economic Framework in Tokyo*” (tạm dịch là Biden công bố Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tại Tokyo)

đăng trên trang Oxford Analytica Daily Brief (24/5/2022), phân tích chi tiết tuyên bố của Tổng thống Biden về Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF) trong chuyến công du Tokyo để tăng cường hợp tác kinh tế với các nước tham gia trong khu vực như Nhật Bản về lĩnh vực: thương mại; khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng; nền kinh tế kỹ thuật số và năng lượng sạch. Tiếp đó, bài viết còn tìm hiểu tác động địa chính trị của IPEF, tiềm năng trong việc cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc cũng như thách thức, cơ hội mà nó mang lại cho hợp tác Hoa Kỳ các nước nói chung và với Nhật Bản nói riêng trong bối cảnh kinh tế và chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bài viết “*Recasting U.S.-Japan Ties in a New Era of Economic Security*” (tạm dịch là Viết lại quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong kỷ nguyên an ninh kinh tế mới) của Shihoko Goto đăng trên quyển 17, số 4, năm 2022 của tạp chí Asia Policy, bàn luận về sự thay đổi chính sách của Tổng thống Biden từ cạnh tranh sang hợp tác, tập trung vào lợi ích kinh tế chung và giải quyết thách thức do sự thống trị của nền kinh tế Trung Quốc gây ra. Hai nước đang hợp tác để bảo vệ trật tự kinh tế dựa trên luật lệ và tăng cường an ninh kinh tế. Cách tiếp cận thực dụng của Nhật Bản đối với thách thức của Trung Quốc phù hợp với lợi ích của Hoa Kỳ (tập trung vào lợi ích chung, thách thức chung), thúc đẩy mối quan hệ chặt chẽ hơn. Các sáng kiến hợp tác xuất hiện với việc nhấn mạnh vào bảo vệ công nghệ và đổi mới cho mục đích quốc phòng, đồng thời giải quyết mối quan tâm kinh tế rộng hơn trong bối cảnh thế giới bị gián đoạn vì đại dịch Covid-19 và rủi ro địa chính trị. Nghiên cứu của Sunami Atsushi (角南篤) đăng trên tạp chí “Viện nghiên cứu quốc tế Nhật Bản” (国際問題), số 719 (6/2024), phân tích ảnh hưởng của tuyên bố chung của lãnh đạo Hoa Kỳ và Nhật Bản trong tháng 4/2024 với luật an ninh mới và luật thúc đẩy an ninh kinh tế (2022) của Nhật Bản. Tác giả Atsushi cho rằng tính tương thích khung pháp lý - thể chế (xử lý các hoạt động R&D, dữ liệu và sở hữu trí tuệ nhạy cảm) sẽ trở thành xương sống của hợp tác kinh tế Hoa Kỳ - Nhật Bản trên lĩnh vực bán dẫn, AI/lượng tử và chuỗi cung ứng [篤, 2024, tr.2].

Bài viết của Đỗ Thị Ánh với tựa đề “*Thỏa thuận thương mại Nhật - Mỹ và tác động với khu vực Đông Nam Á*” đăng trên số 01/2022 - Tạp chí Đông Bắc Á, phân tích kế hoạch của Tổng thống Biden sau khi nhậm chức là muốn củng cố lại liên

minh và quan hệ đối tác khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, xây dựng thỏa thuận thương mại khu vực gồm các nguyên tắc: kỹ thuật số cởi mở, bao trùm, công bằng, minh bạch, tự do và tin cậy. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng Hiệp định Thương mại Kỹ thuật số Nhật Bản - Hoa Kỳ là nền tảng và tiêu chuẩn cho việc xây dựng một hiệp định thương mại kỹ thuật số khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bài viết “*Scale and development of foreign economic interaction between the USA and Japan in 2009-2021*” (tạm dịch là Quy mô và sự phát triển của tương tác kinh tế nước ngoài giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản trong giai đoạn 2009-2021) của K. Chudinova (2022) đăng trên tạp chí *Mezhdunarodnaja Jekonomika* (The World Economics), đưa ra phân tích chuyên sâu về hợp tác kinh tế giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản từ năm 2009 đến năm 2021 về động lực cho thương mại, dòng đầu tư và quan hệ đối tác kinh tế chiến lược giữa hai nước. Chudinova nêu bật yếu tố chính ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế song phương, bao gồm các thay đổi địa chính trị, tiến bộ công nghệ và thay đổi chính sách. Nghiên cứu này cũng đánh giá tác động của những tương tác này đối với nền kinh tế toàn cầu, đồng thời xác định những thách thức và cơ hội hợp tác trong giai đoạn tới. Tiếp đó, tác giả K.Chudinova có bài viết “U.S - Japan Economic Cooperation Under the Biden Administration” (Hợp tác kinh tế Hoa Kỳ - Nhật Bản thời Joe Biden) (2023) đăng trên số 12 - Tạp chí *World Economy and International Relations* (Kinh tế Thế giới và Quan hệ Quốc tế), tìm hiểu mục tiêu hợp tác kinh tế của Tổng thống Joe Biden với Nhật Bản tập trung vào hai khía cạnh: (1) Cũng cố đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu (Global Value Chain: GVC) để đảm bảo an ninh quốc gia cũng như phát triển công nghệ mới và sản xuất sản phẩm công nghệ cao (công nghiệp bán dẫn, chuỗi cung ứng EV và nền kinh tế kỹ thuật số), (2) Kiểm soát xuất khẩu đối với “các quốc gia không thân thiện” và tạo ra “liên minh công nghệ” với các đối tác như Nhật Bản. Thêm vào đó, tầm quan trọng của hợp tác kinh tế với Nhật Bản thời Biden giúp Hoa Kỳ phục hồi tăng trưởng, thúc đẩy năng suất và tạo ra cơ hội kinh doanh mới. Các lĩnh vực hợp tác song phương chính là R&D (bao gồm các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo và công nghệ lượng tử), phát triển cơ sở hạ tầng CNTT, đào tạo lao động lành nghề và tạo ra hệ sinh thái khởi nghiệp chung như một trụ cột của lĩnh vực đổi mới sáng tạo, khuyến khích khu vực tư nhân giới thiệu các công nghệ tiên tiến.

Bài viết “*Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng: Xu hướng liên kết kinh tế mới trong khu vực*” của Nguyễn Anh Tuấn (2023) đăng trên Tạp chí Cộng Sản, đi vào làm rõ sáng kiến IPEF (bối cảnh ra đời và nội dung) của Tổng thống Biden nhằm thúc đẩy các đối tác trong khu vực (đặc biệt là Nhật Bản - đối tác hàng đầu của Hoa Kỳ) và là cách ông Biden định hình lại mối quan hệ kinh tế với các đồng minh để tăng liên kết và làm suy yếu ảnh hưởng kinh tế Trung Quốc tại khu vực. Tuy nhiên, thách thức đặt ra đối với Hoa Kỳ là cần đạt được thỏa thuận tiêu chuẩn cao, phù hợp với nền kinh tế trong nước, đủ hấp dẫn để thu hút các đối tác khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Chính vì vậy, IPEF không đi theo hướng tạo ra khuôn khổ của hiệp định thương mại đa phương truyền thống, mà đây là quá trình thiết lập các quy tắc bao trùm cho hoạt động kinh tế và thương mại ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Chương sách “*Digital trade and economic security: considerations on the Japan-US Digital Trade Agreement*” (tạm dịch là Thương mại kỹ thuật số và an ninh kinh tế: những cân nhắc về Hiệp định thương mại kỹ thuật số Nhật Bản - Hoa Kỳ) của tác giả Rikako Watai trong cuốn sách “*Research Handbook on Digital Trade*” của David Collins và Michael Geist (biên tập) (2023), NXB Edward Elgar Publishing, đề cập về sự bùng phát đại dịch Covid-19 làm thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử và hợp tác kinh tế giữa Hoa Kỳ - Nhật Bản. Kết quả nghiên cứu chỉ ra sự chuẩn bị của Nhật Bản trước biến động này qua việc thành lập sáng kiến “Data Free Flow with Trust” (DFFT), từ đó đặt nền móng cho Hiệp định thương mại kỹ thuật số Hoa Kỳ - Nhật Bản có hiệu lực vào tháng 1/2020. Có thể nói, thỏa thuận này phản ánh nỗ lực hợp tác nhằm tăng cường thương mại kỹ thuật số trong khi giải quyết các mối quan ngại về an ninh quốc gia, cho thấy sự phát triển đáng kể trong hợp tác kinh tế giữa hai nước.

Báo cáo “*U.S.-Japan Trade Agreements and Negotiations*” (tạm dịch là Các Hiệp định và Đàm phán Thương mại Hoa Kỳ - Nhật Bản) của Cathleen D. Cimino-Isaacs và Kyla H. Kitamura (03/04/2024) thuộc Vụ Khảo cứu Quốc hội (Congressional Research Service: CRS), chỉ ra vấn đề đang tồn tại trong hợp tác kinh tế song phương đó là Hoa Kỳ và Nhật Bản chưa có hiệp định thương mại tự do toàn diện (FTA) và hiện chỉ tồn tại thỏa thuận thương mại hạn chế là USJTA (cắt

giảm thuế và mở rộng hạn ngạch để cải thiện khả năng tiếp cận thị trường) dù đã được ký vào 2020 nhưng các cuộc đàm phán sau đó vẫn chưa được hai nước tiến hành. Bên cạnh việc trình bày những điểm chính trong quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Nhật Bản (kim ngạch thương mại, thỏa thuận khu vực IPEF, thỏa thuận khoáng sản) và những triển vọng hợp tác (dịch vụ, sản xuất ô tô...), nghiên cứu còn đưa ra những câu hỏi gợi mở cho Quốc Hội và những nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ tìm cách thúc đẩy việc ký kết FTA toàn diện với Nhật Bản trong tương lai.

Phần chương sách “*U.S.-ROK-Japan Trilateral Engagement on Economic Security: Disentangling Resilience, Competitiveness, and Protection*” (tạm dịch là Cam kết ba bên Hoa Kỳ - Hàn Quốc - Nhật Bản về an ninh kinh tế: Gỡ rối khả năng phục hồi, khả năng cạnh tranh và bảo vệ) của Kristi Govella trong cuốn sách “*Pathways for U.S.-ROK-Japan Cooperation: Strengthening Trilateral Ties amid Uncertainty*” do Cục Nghiên cứu Quốc gia về châu Á (The National Bureau of Asian Research: NBR) xuất bản vào năm 2025, nghiên cứu đặc điểm chính sách an ninh kinh tế từng nước và quá trình hợp tác giữa Hoa Kỳ và hai đồng minh châu Á từ 2020 đến nay. Ba nước có những bước đi quan trọng hướng tới việc khôi phục đối thoại và thiết lập cơ chế hợp tác với trọng tâm là tăng khả năng phục hồi và khả năng cạnh tranh của từng bên. Dù vậy, tiến trình hợp tác này hiện vẫn còn đang trong giai đoạn đầu và có thể bị thay đổi do ưu tiên của từng nước trong vấn đề bảo hộ kinh tế. Chính vì vậy, ba nước tìm cách thể chế hóa sự hợp tác chung với việc thành lập một ban thư ký điều phối ba bên, điều này giúp giảm bớt những lo ngại trên. Kristi Govella còn đưa ra triển vọng hợp tác trong thời gian tới: duy trì các kênh tham vấn và phối hợp với nhau về tư vấn chính sách hợp tác phù hợp ở phạm vi nhỏ hơn như Đối tác an ninh khoáng sản, thiết lập các tiêu chuẩn chung cho công nghệ mới nổi và các nước có thể hy sinh lợi ích quốc gia: về sức cạnh tranh hàng hóa lấy việc hợp tác đồng minh hoặc các mục tiêu chính trị (ví dụ, Hoa Kỳ có thể cân nhắc giảm mức 25% thuế nhập khẩu cho mặt hàng thép và nhôm từ Nhật Bản và Hàn Quốc).

Vấn đề chuỗi cung ứng chất bán dẫn là lĩnh vực trọng tâm của sự liên kết và cạnh tranh kinh tế giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Bài viết “*The impact of institutional entrepreneurs on semiconductor supply chain resilience: the case of Rapidus in Japan*” (Tác động của các hệ thống khởi nghiệp đến khả năng phục hồi của chuỗi

cung ứng bán dẫn: trường hợp của Rapidus ở Nhật Bản) của Nakamura (2025), đăng trên tạp chí “Asia Pacific Business Review”, cho rằng chuỗi cung ứng chất bán dẫn như một nơi mà tinh thần kinh doanh thể chế và rủi ro địa chính trị định hình lại quản trị và phối hợp. Nghiên cứu xem chip không chỉ là chính sách ngành mà còn là xương sống của sức mạnh quốc gia: chính sách công nghiệp, kiểm soát xuất khẩu và “chuyên sản xuất về nước” trong chuỗi cung ứng trở thành những công cụ quan trọng của liên minh.

+ Các lĩnh vực khác

Cuốn sách “*Toward a U.S.-Japan Technology Alliance Competition and Innovation in New Domains*” (tạm dịch là Hướng tới Liên minh Công nghệ Hoa Kỳ - Nhật Bản: Cạnh tranh và Đổi mới trong các lĩnh vực mới) của Hannah Fodale và cộng sự (2022), cung cấp góc nhìn toàn diện về quan hệ đối tác chiến lược giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản trong lĩnh vực công nghệ, tập trung vào cách liên minh hai nước có thể thúc đẩy đổi mới về công nghệ và tăng khả năng cạnh tranh công nghệ đối với Trung Quốc (duy trì ưu thế công nghệ, nhận thức về không gian mặt trận trên biển, nâng cấp hệ thống phòng thủ chống vệ tinh và hệ thống tác chiến điện tử) trong giai đoạn sắp tới. Ngoài ra, cuốn sách còn gợi ý chính sách cho chính quyền Biden và chính quyền Kishida về việc khởi xướng một thỏa thuận thương mại song phương kỹ thuật số khu vực mới như ghi nhận các nguyên tắc Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) về thương mại điện tử cũng như khái niệm bao trùm về “dòng dữ liệu tự do với sự tin cậy”.

Chương sách “*Defending Energy Security Pathways: U.S.-ROK-Japan Strategic Cooperation*” (tạm dịch là Bảo vệ con đường an ninh năng lượng: Hợp tác chiến lược Hoa Kỳ - Hàn Quốc - Nhật Bản) của Kayla Orta trong cuốn sách “*Pathways for U.S.-ROK-Japan Cooperation: Strengthening Trilateral Ties amid Uncertainty*” do Cục Nghiên cứu Quốc gia về châu Á (The National Bureau of Asian Research: NBR) xuất bản năm 2025, cho rằng trong bối cảnh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương ngày càng bất ổn và cạnh tranh khốc liệt về kinh tế, các chính sách an ninh năng lượng của các nước trong khu vực như Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ gắn chặt với Hoa Kỳ để bảo vệ chuỗi cung ứng năng lượng và đảm bảo thuận lợi cho

sự phát triển của ngành công nghệ tiên tiến và ngành công nghiệp quan trọng của ba nước. Công trình này đề xuất ba khía cạnh hợp tác chính cho Hoa Kỳ - Hàn Quốc - Nhật Bản để đảm bảo năng lượng trong thời gian ngắn hạn đến trung hạn, bao gồm: (1) Mở rộng xuất khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG); (2) Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển (R&D) về năng lượng hạt nhân dân sự; (3) Khai thác cơ sở hạ tầng và vận chuyển nước Hydrogen.

1.2. Nhận xét các công trình nghiên cứu và những vấn đề Luận án cần tập trung giải quyết

Chủ đề về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản thu hút sự quan tâm từ các học giả trên thế giới nghiên cứu và công bố trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng với sự đa dạng hình thức và thể loại.

1.2.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đã đạt được những kết quả quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Hệ thống tài liệu hiện có khá phong phú, bao quát nhiều khía cạnh như lịch sử hình thành và phát triển của liên minh, động lực chiến lược, vai trò của hai nước trong cấu trúc khu vực cũng như các lĩnh vực hợp tác chủ yếu như chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế, công nghệ cao... Các nghiên cứu, đặc biệt là trong giai đoạn trước năm 2021, góp phần làm rõ tính bền vững và khả năng thích ứng của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trước những biến động của môi trường quốc tế.

Đối với giai đoạn từ năm 2021 đến nay, các công trình bước đầu phản ánh những điều chỉnh quan trọng trong quan hệ song phương, dưới tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự trỗi dậy của Trung Quốc, các điểm nóng an ninh khu vực cũng như những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và Nhật Bản. Một số nghiên cứu đề cập đến xu hướng mở rộng hợp tác đa phương, tiểu đa phương và sự gia tăng vai trò của Nhật Bản trong chiến lược khu vực của Hoa Kỳ. Đồng thời, các nghiên cứu cũng ghi nhận tầm quan trọng ngày càng gia tăng của những lĩnh vực mới như an ninh kinh tế, chuỗi cung ứng và công nghệ chiến lược.

Tuy nhiên, mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, tình hình nghiên cứu hiện nay vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Trước hết, các công trình nghiên

cứu còn thiếu tính hệ thống khi tiếp cận giai đoạn 2021-2025, chủ yếu dừng lại ở việc phân tích từng vấn đề hoặc từng lĩnh vực riêng lẻ. Bên cạnh đó, cách tiếp cận nghiên cứu còn mang tính phân mảnh, thiếu sự liên kết giữa các yếu tố chính trị, an ninh, kinh tế và công nghệ trong một khung phân tích thống nhất. Ngoài ra, việc vận dụng lý thuyết quan hệ quốc tế trong giải thích sự biến đổi của liên minh còn hạn chế, dẫn đến nhiều nghiên cứu thiên về mô tả hơn là phân tích chiều sâu.

Một hạn chế khác là các nghiên cứu hiện có thường tập trung vào xu hướng tăng cường hợp tác, trong khi chưa chú ý đầy đủ đến các yếu tố ràng buộc, mâu thuẫn và sức ép điều chỉnh nội tại trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản. Đồng thời, vai trò của các yếu tố trong nước cũng như tác động của liên minh đối với các quốc gia tầm trung và cấu trúc khu vực vẫn chưa được phân tích một cách toàn diện. Các nghiên cứu mang tính dự báo về xu hướng phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong thời gian tới cũng còn hạn chế.

1.2.2. Những vấn đề Luận án kế thừa

Dựa trên việc nghiên cứu và tổng hợp các nguồn tài liệu khác nhau liên quan đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, có thể nói rằng những tài liệu đã xuất bản ở trên là vô cùng giá trị, có tính khoa học sâu sắc và cung cấp kiến thức sâu rộng cùng luận cứ khoa học giúp ích cho việc nghiên cứu chủ đề quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025). Chính vì vậy, Luận án có thể kế thừa một số vấn đề sau:

Thứ nhất, Luận án kế thừa kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận của liên minh trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là cách tiếp cận của Chủ nghĩa hiện thực, Chủ nghĩa tự do và Chủ nghĩa kiến tạo. Các công trình này cung cấp nền tảng quan trọng để lý giải vai trò của cân bằng quyền lực, lợi ích quốc gia, thể chế hợp tác và các giá trị chung trong việc hình thành và duy trì liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản.

Thứ hai, Luận án kế thừa các nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai đến trước năm 2021. Các nghiên cứu này làm rõ đặc điểm cơ bản của liên minh, bao gồm tính bất đối xứng về quyền lực, vai trò bảo đảm an ninh của Hoa Kỳ và sự phụ thuộc chiến lược của Nhật Bản cũng như quá trình điều chỉnh của liên minh qua các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Thứ ba, Luận án kế thừa các phân tích về bối cảnh quốc tế và khu vực tác động đến quan hệ song phương, đặc biệt là xu hướng chuyển dịch quyền lực toàn cầu, sự trỗi dậy của Trung Quốc, thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, cũng như sự gia tăng cạnh tranh chiến lược tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Thứ tư, Luận án kế thừa các nghiên cứu về vai trò của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong cấu trúc an ninh khu vực, trong đó liên minh này được xem là một trong những trụ cột quan trọng bảo đảm cân bằng chiến lược, duy trì trật tự khu vực và thúc đẩy cơ chế hợp tác đa phương, tiểu đa phương.

Thứ năm, Luận án kế thừa các kết quả nghiên cứu về mở rộng nội hàm hợp tác trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, bao gồm không chỉ lĩnh vực quốc phòng - an ninh mà còn có lĩnh vực kinh tế, thương mại, công nghệ, an ninh kinh tế, chuỗi cung ứng và đổi mới sáng tạo. Các nghiên cứu cho thấy xu hướng chuyển đổi của liên minh từ mô hình truyền thống sang mô hình hợp tác đa chiều.

Thứ sáu, Luận án kế thừa các phân tích về cơ chế hợp tác khu vực và tiểu đa phương có sự tham gia của Hoa Kỳ và Nhật Bản, như Quad và các khuôn khổ hợp tác ba bên, qua đó làm rõ vai trò của hai nước trong việc định hình cấu trúc khu vực và tập hợp lực lượng.

Thứ bảy, Luận án kế thừa các nhận định bước đầu về tác động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đối với khu vực và các quốc gia tầm trung, trong đó có Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh, kinh tế và đối ngoại.

1.2.3. Những khoảng trống mà Luận án sẽ nghiên cứu bổ sung

Nhằm thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra, đồng thời dựa vào việc kế thừa những giá trị cũng như khắc phục khoảng trống từ các công trình khoa học trước đó, Luận án hướng đến làm rõ những nội dung mới như sau:

Thứ nhất, Luận án làm rõ quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 là một giai đoạn đáng chú ý khi vừa có sự tiếp nối của các giai đoạn trước nhưng vừa có sự khác biệt. Qua đó, Luận án phân tích sâu sự đan xen giữa tính kế thừa và sự điều chỉnh trong liên minh dưới tác động của những biến động mới của môi trường quốc tế.

Thứ hai, Luận án khắc phục hạn chế về tính phân mảnh trong nghiên cứu hiện nay bằng cách xây dựng một khung phân tích tích hợp, kết nối các lĩnh vực chính trị, quốc phòng - an ninh, kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - giáo dục... Điều này giúp phản ánh đầy đủ tính chất đa chiều của liên minh trong bối cảnh mới.

Thứ ba, Luận án bổ sung khoảng trống về cách tiếp cận lý thuyết, thông qua việc vận dụng kết hợp các lý thuyết chủ đạo trong quan hệ quốc tế nhằm giải thích một cách hệ thống động lực, cơ chế vận động và xu hướng phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025).

Thứ tư, Luận án không chỉ tập trung vào xu hướng tăng cường hợp tác mà còn phân tích các giới hạn, mâu thuẫn nội tại và sức ép điều chỉnh trong liên minh, như vấn đề chia sẻ gánh nặng, mức độ tự chủ chiến lược của Nhật Bản và những biến động trong cam kết của Hoa Kỳ.

Thứ năm, Luận án mở rộng phạm vi phân tích bằng cách đặt quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) trong bối cảnh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, từ đó làm rõ vai trò của liên minh trong việc định hình trật tự khu vực này.

Thứ sáu, Luận án đánh giá tác động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) đối với từng nước và đối với khu vực.

Thứ bảy, Luận án phát triển các phân tích mang tính dự báo, nhận định về xu hướng vận động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đến năm 2030, qua đó cung cấp cơ sở khoa học cho việc đánh giá triển vọng và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Trên đây chính là những vấn đề mà Luận án sẽ tập trung nghiên cứu và mong muốn đóng góp về cả học thuật lẫn ứng dụng thực tiễn thông qua việc triển khai đề tài nghiên cứu này.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Chương này tập trung trình bày về các cơ sở lý luận (khái niệm đồng minh, khung lý thuyết về quan hệ quốc tế và cách tiếp cận của Luận án) và những nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025) (cấp độ toàn cầu, vị trí của Nhật Bản và Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại của từng nước, khái quát quan hệ hai nước trước năm 2021).

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm về đồng minh và quan hệ đồng minh

- Đồng minh

Theo từ điển Cambridge, “đồng minh” (Ally) là khái niệm chính trị nói về một quốc gia đã đồng ý giúp đỡ và hỗ trợ một quốc gia khác, nhất là trong thời chiến (Cambridge Dictionary, 2025). Ví dụ điển hình là Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) thành lập từ năm 1949 nhằm thực hiện hệ thống phòng thủ chung trước sự tấn công từ bên ngoài; khối Warsaw (Hiệp ước Hữu nghị, Hợp tác và Tương trợ) tồn tại từ năm 1955-1991 do Liên Xô thành lập và chỉ huy nhằm đối trọng lại khối quân sự NATO do Hoa Kỳ đứng đầu, trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh.

Đồng minh là sự thỏa thuận giữa các quốc gia nhằm phối hợp hay hỗ trợ lẫn nhau để đối phó với vấn đề an ninh chung nào đó. Trong chính trị quốc tế, các đồng minh thường là đồng minh quân sự hay quân sự - chính trị. Sự hình thành đồng minh là một biện pháp tập hợp lực lượng. Đó cũng là cách thức thay đổi cán cân so sánh quyền lực nhanh nhất. Đồng minh đã tồn tại trong các thời kỳ lịch sử. Có thể kể tên một vài đồng minh nổi tiếng như hai khối đồng minh do Athen và Sparta đứng đầu trong cuộc chiến tranh Peloponnese ở Hi Lạp cổ đại, các đồng minh trong thời Xuân Thu - Chiến Quốc ở Trung Quốc, hai khối Tin Lành và Công giáo trong Chiến tranh 30 năm (1618-1648) ở châu Âu, Đại Liên minh ở châu Âu cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, Liên minh Thần thánh chống Napoleon, hai khối Liên minh và Antanta trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất, hai phe Đồng Minh và phe Trục trong Chiến tranh thế giới thứ Hai, Khối Hiệp ước Warsaw và NATO trong Chiến tranh Lạnh,...

Việt Nam cũng từng thiết lập quan hệ đồng minh với Liên Xô qua Hiệp định Hữu nghị và Tương trợ ký ngày 3/11/1978 [Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.238].

Lý do chính cho sự hình thành và tồn tại của các đồng minh là vấn đề an ninh chung. Vì thế, đồng minh thường xuất hiện trong hoàn cảnh xung đột và đối đầu. Các vấn đề an ninh này có thể là mối đe dọa từ bên ngoài đã hiện hữu, có thể là nguy cơ an ninh được các bên cho rằng sẽ có. Thành lập đồng minh để cộng sức mạnh và phối hợp hành động giữa các nước thành viên nhằm đối phó với vấn đề an ninh chung. Vấn đề an ninh càng chung, nguy cơ đe dọa an ninh càng lớn, đồng minh càng dễ hình thành và tồn tại. Đồng minh được thành lập thường có mục tiêu, vấn đề, mối đe dọa hay kẻ thù cụ thể. [Evans & Newnham, 1998, tr.15; Griffiths et al., 2007, tr.1].

Đồng minh thường được xác lập bằng một thỏa thuận chính thức qua việc ký kết hiệp định giữa các nước tham gia, hiệp định này có thể được công khai hoặc không công khai. Nội dung của các thỏa thuận đồng minh thường là sự cam kết và phối hợp giữa hai hay nhiều quốc gia để hỗ trợ lẫn nhau về chính trị - an ninh, quân sự hoặc cả kinh tế trong một khoảng thời gian có thể được xác định hoặc không xác định. Đến thời hiện đại, trong một số đồng minh quân sự - chính trị, các quan hệ kinh tế được tăng cường nhiều hơn bởi kinh tế cũng là một thứ sức mạnh, một cách lôi kéo và tập hợp lực lượng, có tác dụng củng cố cho mối quan hệ quân sự - chính trị. Tuy nhiên, mặt quân sự - chính trị vẫn là lĩnh vực nổi trội và căn bản trong đồng minh. [Dowding, 2011, tr.83-84; Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.237]

Thành viên tham gia đồng minh thường từ hai nước trở lên. Có đồng minh số lượng thành viên không thay đổi, nhưng cũng có đồng minh thay đổi số lượng qua việc kết nạp thêm thành viên hoặc có thành viên rút ra. Italy từng rời bỏ Liên minh để chuyển sang khối Antanta trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất. Albania cũng rời khỏi khối Hiệp ước Warsaw năm 1968. Còn NATO là ví dụ điển hình cho sự mở rộng số lượng thành viên. Kể từ khi thành lập năm 1949 đến năm 2020, khối đồng minh này tăng số lượng thành viên từ 12 nước lên 30 nước. Các nước tham gia đồng minh thường là tự nguyện nhưng cũng có thể là bị ép buộc. Napoleon và Hitler đều từng dùng chính sách vừa lôi kéo, vừa ép buộc các quốc gia nhỏ hơn tham gia đồng minh

do mình lãnh đạo. Đồng minh hình thành trên cơ sở tự nguyện thường dễ chắc chắn hơn do các nước tìm thấy lợi ích của mình trong đó, do giữa các thành viên có mức độ tin cậy cao hơn. Ngược lại, đồng minh có tính ép buộc thường thiếu chắc chắn do sự ép buộc thường đem lại mâu thuẫn và thiếu lòng tin ngay bên trong đồng minh. [Evans & Newnham, 1998, tr.15; Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.240].

Ban đầu đồng minh thường tồn tại dưới hình thức cam kết tổng thể trên giấy và có thể được triển khai khi chiến tranh hay xung đột bắt đầu. Trong thực tiễn, hình thức cam kết và phối hợp giữa các nước đồng minh khá đa dạng như trao đổi thông tin, hỗ trợ nâng cao năng lực quân sự, tăng cường ủng hộ chính trị, phối hợp chiến lược cho đến tham chiến cùng nhau chống đối thủ chung,... Mức độ cam kết và phối hợp thực tế lỏng, chặt không giống nhau giữa các đồng minh kể cả trong thời chiến [Griffiths et al., 2007, tr.1; Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.242]. Ví dụ, Liên minh trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất hay quan hệ đồng minh giữa Đức và Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ Hai là khá hạn chế.

Sự phối hợp quân sự trong những chiến dịch nhất định hay trong những tình huống cụ thể không phải là đồng minh. Sự liên minh quân sự kiểu này thường chấm dứt khi chiến dịch hay tình huống an ninh kết thúc. Những liên minh quân sự giữa Hoa Kỳ và các nước trong Chiến dịch Bão táp Sa mạc năm 1991 hay Chiến dịch Tự do Iraq năm 2003 đều không phải là đồng minh. [Evans & Newnham, 1998, tr.15]

Đồng minh thường tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định tùy theo nhận thức về nguy cơ an ninh và sự thỏa thuận của các bên tham gia. Hầu hết đồng minh thường chấm dứt hoạt động khi không còn sự đe dọa an ninh từ bên ngoài. Nhưng cũng có đồng minh chuyển đổi mục tiêu để tiếp tục hoạt động. NATO là một ví dụ hiếm hoi cho trường hợp này. NATO được thành lập nhằm mục đích đối phó với phe Xã hội chủ nghĩa ở châu Âu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Tuy nhiên, khi phe này với khối quân sự - chính trị của mình là Hiệp ước Warsaw không còn nữa, từ năm 1999, NATO thay đổi mục tiêu từ phòng thủ tập thể sang can dự vào các vấn đề an ninh trên thế giới và tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay.

Đồng minh được coi là một chiến lược quan trọng của các quốc gia nhằm nâng cao sức mạnh và bảo đảm lợi ích an ninh. Dù mục tiêu chính của đồng minh là

nhằm đối phó với vấn đề an ninh chung, các nước tham gia đồng minh vẫn có nhiều lý do riêng và toan tính khác nhau tùy theo từng trường hợp. Về cơ bản, sự tồn tại của đồng minh gắn liền với quyền lực và an ninh trong quan hệ quốc tế. [Dowding, 2011, tr.82].

Trong phương diện quyền lực, đồng minh là cách thức tập hợp lực lượng để tạo ra quyền lực lớn hơn nhằm cân bằng hoặc vượt trội so với đối thủ trong cạnh tranh quyền lực. Đồng minh cũng là cách thức lôi kéo các nước vào vòng ảnh hưởng của mình và ngăn không cho các nước đó chuyển sang phe đối phương. Đối với những cường quốc hàng đầu thế giới, dù có sức mạnh vượt trội thì đồng minh vẫn là cách thức để tranh giành địa vị bá chủ cũng như để củng cố địa vị đó. Nước Anh trong thời cận đại và Hoa Kỳ trong thời hiện đại là những minh chứng của trường hợp này.

Trong phương diện an ninh, xây dựng đồng minh để tạo ra sự cân bằng mối đe dọa, tức là hàm ý buộc đối phương sẽ phải trả giá tương tự hoặc lớn hơn nếu đe dọa an ninh của thành viên đồng minh. Sự hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất hay khối Hiệp ước Warsaw và NATO trong Chiến tranh Lạnh là những trường hợp như vậy. Đối với các nước có sức mạnh hạn chế hơn, đồng minh là chiến lược nhằm giảm thiểu sự đe dọa an ninh từ đối phương lớn hơn bằng sức mạnh tập thể của các đồng minh. Nhiều khi, tham gia đồng minh cũng là cách thức thể hiện sự phồn thịnh nhằm hạn chế nguy cơ an ninh từ chính các cường quốc trong khối [Griffiths et al., 2007, tr.1]. Đây là lý do mà nhiều nước nhỏ đã tham gia đồng minh do nước lớn lãnh đạo.

Trong phương diện xung đột, lập đồng minh là cách thức quản lý xung đột không chỉ với đối phương mà còn cả giữa các thành viên của đồng minh. Một đồng minh đủ mạnh có thể giúp kiềm chế, ngăn chặn hoặc thậm chí buộc đối phương đi vào giải quyết xung đột. Tham gia vào đồng minh, các nước thành viên có thêm cơ chế, nguyên tắc và áp lực trong khối để giải quyết mâu thuẫn giữa chúng [Griffiths et al., 2007, tr.1]. Chẳng hạn, xung đột kéo dài giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Hi Lạp nhưng vẫn được kiềm chế và không leo thang thành chiến tranh có phần đóng góp quan trọng của việc hai nước này đều là thành viên của NATO.

Trong phương diện tổ chức, có đồng minh được tập hợp xung quanh hạt nhân nào đó mà thường là nước lớn, nhưng cũng có đồng minh được hình thành dựa trên mối quan hệ tương đối bình đẳng giữa các nước tham gia. Có đồng minh với những cam kết chặt chẽ, nhưng cũng có những đồng minh quan hệ lỏng lẻo với mức độ cam kết với nhau không cao, thậm chí có những đồng minh chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Có đồng minh được tổ chức và hoạt động như một tổ chức quốc tế thật sự. Khối Hiệp ước Warsaw và NATO là hai hệ thống đồng minh được xây dựng và vận hành như một tổ chức với những quy định và ràng buộc khá chặt chẽ. Các hoạt động của chúng vì thế cũng được duy trì thường xuyên hơn. Cả hai khối Hiệp ước Warsaw và NATO đều có cơ cấu chỉ huy quân sự và cơ cấu phối hợp chính trị. Các cuộc họp và tập trận chung được tiến hành tương đối liên tục. Cả hai tổ chức quân sự - chính trị này đều có nhiều căn cứ quân sự và việc quân đội các nước thành viên đóng trên lãnh thổ của nhau cũng phổ biến. [Griffiths et al., 2007, tr.2]

Đối với lợi ích khác, các nước nhỏ tham gia đồng minh còn nhằm tranh thủ thêm sự trợ giúp về quân sự, chính trị, kinh tế để nâng cao vị thế và năng lực của mình. Ví dụ trong Chiến tranh Lạnh, Pakistan tham gia Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) và Tổ chức Hiệp ước Trung tâm (CENTO) chủ yếu để tranh thủ Hoa Kỳ và Phương Tây ủng hộ mình trong cuộc xung đột với Ấn Độ hơn là để bao vây Liên Xô và phe XHCN như mục tiêu chính của các đồng minh này. Cũng với lý do tương tự như vậy, sự tham gia của Thái Lan và Philippines vào SEATO trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh hay của một số nước châu Âu tham gia vào NATO thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh. [Evans & Newnham, 1998, tr.16]

Tóm lại, đồng minh là sự hợp tác giữa các quốc gia để đối phó với mối đe dọa an ninh chung, đồng thời là công cụ tập hợp lực lượng và điều chỉnh cán cân quyền lực trong quan hệ quốc tế. Chúng thường được hình thành trên cơ sở lợi ích an ninh chung, được thể chế hóa bằng các cam kết chính trị - quân sự và trong thời hiện đại ngày càng mở rộng sang lĩnh vực kinh tế. Các đồng minh có thể khác nhau về mức độ cam kết, tính bền vững và hình thức tổ chức, nhưng nhìn chung đều nhằm gia tăng sức mạnh, răn đe đối thủ và quản lý xung đột. Sự tồn tại và biến đổi của đồng minh phụ thuộc vào môi trường an ninh và tính toán chiến lược của các quốc gia tham gia.

- Quan hệ đồng minh

Quan hệ đồng minh (Alliance) trong quan hệ quốc tế là một mối quan hệ hợp tác an ninh chính thức hoặc không chính thức giữa hai hoặc nhiều quốc gia có chủ quyền. Định nghĩa này giả định một mức độ cam kết nhất định và sự trao đổi lợi ích cho cả hai bên; việc cắt đứt mối quan hệ hoặc không tôn trọng thỏa thuận có lẽ sẽ gây tổn thất, ngay cả khi được đền bù bằng những cách khác [Walt, 2013, tr.1]. Học giả Nhật Bản, Toshihiko Aono (青野 利彦) xem “quan hệ liên minh” là bối cảnh rộng hơn của hành vi và kỳ vọng xoay quanh các hiệp ước chính thức [青野, 2022, tr.9]. Các đặc điểm chính quan hệ liên minh gồm: (1) Liên minh hình thành dựa trên việc cân bằng mối đe dọa và bản sắc chung; (2) Lợi ích trong phòng thủ và răn đe, nhưng cũng đi kèm với những rủi ro như bị đồng minh bỏ rơi; (3) Quan hệ có sự bất đối xứng vai trò giữa các bên đôi khi không bình đẳng, tức là quan hệ đồng minh không gánh vác các nghĩa vụ hoặc chi phí quốc phòng không ngang nhau do khoảng cách về sức mạnh, bên mạnh hơn đơn phương đảm bảo quốc phòng cho bên yếu hơn, ví dụ như quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản [青野, 2022, tr.7]; (4) Các liên minh không chỉ giới hạn ở quốc phòng, mà còn mở rộng ra các lĩnh vực như cứu trợ thiên tai và gìn giữ hòa bình [青野, 2022, tr.14].

Quan hệ đồng minh giữ vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế, thể hiện qua 5 vấn đề, gồm: (1) Yếu tố răn đe là chức năng chính của liên minh sẽ báo hiệu cho mối đe dọa/đối thủ tiềm tàng trước khả năng phòng vệ tập thể giữa các nước nếu có cuộc tấn công xảy ra; (2) Đảm bảo an ninh là yếu tố đem lại cảm giác an toàn cho thành viên trong đồng minh trước các xung đột cũng như giảm bớt khả năng chạy đua vũ trang [Benson, 2012, tr.71]; (3) Chia sẻ gánh nặng được các liên minh áp dụng nhằm giảm bớt chi phí an ninh và giảm gánh nặng cho từng nước, điều này quan trọng với quốc gia nhỏ hơn và không có đủ nguồn lực tự đảm bảo an ninh của mình [Istomin & Baykov, 2019, tr.37], ví dụ: các nước nhỏ như Hungary, Romania, Bulgaria, Slovenia, Albania dù chỉ đóng góp từ 2-3% chi phí cho NATO trong năm 2024 nhưng vẫn được đảm bảo quyền lợi bảo vệ an ninh từ thành viên khác theo điều khoản số 5 của tổ chức này; (4) Tầm ảnh hưởng và tính chính danh: quan hệ đồng minh có thể giúp tăng cường vị thế của các nước thành viên trong vấn

đe quốc tế và cung cấp tính hợp pháp cho hành động của họ; (5) Yếu tố cuối cùng là quản lý xung đột giúp liên minh giảm sự leo thang trong tranh chấp và thúc đẩy giải quyết hòa bình bằng cách cung cấp khuôn khổ hợp tác và tham vấn.

Tóm lại, quan hệ đồng minh là một hình thức hợp tác an ninh giữa hai hoặc nhiều quốc gia nhằm ứng phó với các mối đe dọa chung, tăng cường khả năng răn đe và bảo đảm lợi ích chiến lược của các bên. Trong quan hệ quốc tế, liên minh không chỉ mang ý nghĩa quân sự mà còn có vai trò chính trị quan trọng thông qua việc chia sẻ gánh nặng quốc phòng, nâng cao vị thế quốc tế và tạo cơ chế tham vấn, phối hợp trong quản lý xung đột. Đặc biệt, trong các liên minh bất đối xứng, sự chênh lệch về năng lực và mức độ phụ thuộc giữa các thành viên thường làm xuất hiện đồng thời hai nỗi lo cơ bản là bị bỏ rơi và bị lôi kéo, qua đó cho thấy tính phức tạp và động thái hai mặt của quan hệ đồng minh trong thực tiễn quốc tế.

Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản được xem là liên minh bất đối xứng vì hai nước không có sức mạnh, khả năng quân sự hay vai trò chiến lược ngang nhau. Hoa Kỳ là đối tác mạnh hơn nhiều và cung cấp cho Nhật Bản sự bảo vệ an ninh cốt lõi, bao gồm cả răn đe và hỗ trợ quân sự. Đổi lại, Nhật Bản cung cấp các căn cứ, hỗ trợ hậu cần và vị trí chiến lược quan trọng ở Đông Á. Mối quan hệ không cân bằng này cũng tạo ra những mối lo ngại khác nhau cho mỗi bên: Nhật Bản lo lắng về việc bị bỏ rơi hoặc liệu Hoa Kỳ có hoàn toàn bảo vệ họ trong cuộc khủng hoảng hay không, trong khi Hoa Kỳ lo lắng về việc bị mắc kẹt hoặc bị lôi kéo vào cuộc xung đột vì những cam kết liên minh của mình. Dù Nhật Bản gần đây đảm nhận vai trò an ninh lớn hơn, nhưng liên minh về cơ bản vẫn bất đối xứng vì Hoa Kỳ vẫn nắm giữ sức mạnh quân sự và tầm ảnh hưởng chiến lược lớn hơn nhiều.

2.1.2. Một số lý thuyết quan hệ quốc tế

Phần này giới thiệu các khung lý thuyết dựa trên việc phân tích các lý thuyết phổ biến trong quan hệ quốc tế (QHQT). Lý thuyết QHQT là tập hợp quan điểm tương đối bao quát về QHQT trên cơ sở lý luận chung với 5 mục tiêu chính: Khái quát và mô tả thực tiễn QHQT; tìm hiểu bản chất QHQT; giải thích các vấn đề và hiện tượng QHQT; dự báo sự vận động trong QHQT; và hướng dẫn hành động trong nghiên cứu lẫn thực tiễn [Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr.5-7]. Từ nửa cuối thế kỷ XIX, ba lý thuyết phổ biến được áp dụng trong QHQT, bao gồm: Chủ nghĩa

Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo. Sau đây Luận án sẽ đề cập đến những luận điểm chính của ba lý thuyết trên, vì đây là những lý thuyết được áp dụng để làm khung phân tích chính cho quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản.

• *Chủ nghĩa Hiện thực (Realism)*

Chủ nghĩa Hiện thực là khuôn khổ lý thuyết then chốt trong QHQT, có nguồn gốc từ thời cổ đại và có ảnh hưởng đáng kể đến hệ tư tưởng chính sách đối ngoại của các quốc gia, đặc biệt là trong suốt thế kỷ XX. Lý thuyết này thường được gọi là chủ nghĩa hiện thực chính trị hoặc chính trị quyền lực, chủ nghĩa hiện thực ưu tiên xem xét các vấn đề chính trị quốc tế và nhấn mạnh vai trò của quyền lực trong quan hệ quốc tế.

Theo GS. Hoàng Khắc Nam, lý thuyết chủ nghĩa hiện thực chỉ ra việc các quốc gia dân tộc là đối tượng chính hay chủ thể chính trong hệ thống quốc tế và môi trường quốc tế vốn có bản chất là vô chính phủ, đồng thời mục tiêu chính của các quốc gia là tồn tại và quyền lực đóng vai trò bảo vệ cho các quốc gia [Hoàng Khắc Nam, 2017a, tr.38]. Trong môi trường, các nước lớn có quyền lực và tầm ảnh hưởng lớn có khả năng sẽ thắng thế. Với các mối đe dọa bên ngoài liên tục, các quốc gia cần phải tự chủ và tự lực để tồn tại. Chủ nghĩa Hiện thực chỉ ra các quốc gia cần có sức mạnh và phải liên tục củng cố, tăng cường sức mạnh của mình để bảo vệ chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia.

Chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh tầm quan trọng của an ninh và tính tất yếu của xung đột, lập luận rằng khi các quốc gia tìm cách thúc đẩy lợi ích quốc gia và tăng cường quyền lực, ảnh hưởng của mình, xung đột chắc chắn sẽ phát sinh thường xuyên trong lĩnh vực QHQT. Quan điểm của Chủ nghĩa Hiện thực xem xung đột là một đặc điểm lâu dài, còn hợp tác được coi là tạm thời, về cơ bản là một khoảng thời gian tạm nghỉ trước khi xảy ra xung đột tiếp theo [Hoàng Khắc Nam, 2017a, tr.39]. Các quốc gia hướng tới việc đạt được sự cân bằng quyền lực với các quốc gia có ưu thế hơn để giảm thiểu sự mất cân bằng quyền lực và từ đó giảm thiểu rủi ro an ninh. Ngoài ra, lý thuyết này phân tích quan hệ quốc tế thông qua hệ thống cấu trúc, bất kỳ sự thay đổi nào về cấu trúc quyền lực khu vực cũng ảnh hưởng đến các chủ thể trong bối cảnh đó, từ đó khiến các quốc gia phải thích ứng với bối cảnh chính trị và an ninh đang thay đổi.

Đối chiếu vào quan hệ Hoa Kỳ và Nhật Bản, Chủ nghĩa Hiện thực cung cấp một số góc nhìn để phân tích mối quan hệ đồng minh, tiêu biểu như: Chủ nghĩa Hiện thực Tân Cổ điển, Chủ nghĩa Hiện thực Tấn công và Phòng thủ, vai trò của các yếu tố trong nước trong việc định hình chính sách đối ngoại. Về Chủ nghĩa Hiện thực Tân Cổ điển (Neoclassical Realism), điều này diễn ra theo một cách có hệ thống, chẳng hạn như sự phân bổ quyền lực, với biến động trong nước, chẳng hạn như điều kiện chính trị và kinh tế, để giải thích hành vi của nhà nước. Theo Levchenko, Chủ nghĩa Hiện thực Tân cổ điển không xem xét các yếu tố (chính trị trong nước, tiêu chuẩn và thể chế) là những yếu tố quan trọng đối với hành vi của các nước cụ thể, mà diễn giải chúng như những ràng buộc trung gian trong những trường hợp nhất định có thể ảnh hưởng đến việc các nước đưa ra quyết định trong bối cảnh quốc tế đương đại [Levchenko, 2023, tr.96]. Chẳng hạn, chính sách an ninh của Nhật Bản dưới thời cựu Thủ tướng Shinzo Abe đến nay chịu ảnh hưởng của cả sự trỗi dậy của Trung Quốc và những thay đổi chính trị trong nước. Từ Chính quyền Thủ tướng Abe đến Thủ tướng Kishida theo đuổi chính sách đối ngoại quyết đoán hơn, tăng chi tiêu quốc phòng và ủng hộ quyền tự vệ tập thể, phản ánh phản ứng thực tế trước mối đe dọa bên ngoài.

Về Chủ nghĩa Hiện thực Tấn công và Phòng thủ (Offensive and Defensive Realism), lý thuyết này nhấn mạnh vào việc duy trì sự ổn định và tránh xung đột, trong khi chủ nghĩa hiện thực tấn công ủng hộ việc theo đuổi quyền lực và bành trướng để đảm bảo an ninh. Trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, chủ nghĩa hiện thực phòng thủ phổ biến hơn, vì cả hai quốc gia đều tìm cách duy trì sự ổn định trong khu vực thay vì theo đuổi sự bành trướng hung hăng trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên theo các chính sách an ninh gần đây của Nhật Bản, việc tăng cường quân sự và hợp tác chặt chẽ hơn với Hoa Kỳ được xem như dấu hiệu cho việc thực hiện chủ nghĩa tấn công, nhằm ngăn chặn những kẻ xâm lược tiềm tàng (Trung Quốc, Bắc Triều Tiên) và đảm bảo an ninh của Nhật Bản trong bối cảnh quốc tế nhiều biến động [Lande, 2018, tr.178]. Đối với vai trò của các yếu tố trong nước trong việc định hình chính sách đối ngoại, các nhà lãnh đạo của Nhật Bản (Shinzo Abe hay Fumio Kishida) có sự chuyển dịch sang Chủ nghĩa Hiện thực nhằm xác định lại vai trò của Nhật Bản trong QHQT. Sự chuyển dịch này được hỗ trợ bởi các cuộc tranh

luận trong nước về bản sắc an ninh của Nhật Bản và nhu cầu giải quyết các mối đe dọa mới nổi. Tương tự như vậy, một số lãnh đạo Hoa Kỳ như Donald Trump đã tranh luận về vai trò của Hoa Kỳ trong việc duy trì liên minh với Nhật Bản vì quốc gia này đang cho rằng Washington phải chịu gánh nặng không cân xứng trong liên minh, điều này dẫn đến ngày càng có nhiều lời kêu gọi Tokyo cần phải đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn cho vấn đề an ninh của mình.

- *Chủ nghĩa Tự do (Liberalism)*

Chủ nghĩa Tự do là một trong những quan điểm lý thuyết quan trọng khi nghiên cứu về quan hệ quốc tế. Nó đặt ra rằng môi trường quốc tế có thể làm giảm tình trạng vô chính phủ và đặc trưng của QHQT là đa dạng về chủ thể và lợi ích. Ngoài ra, Chủ nghĩa Tự do còn nhấn mạnh tầm quan trọng của các cá nhân, tổ chức quốc tế, các tập đoàn xuyên quốc gia và cả tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ với tư cách là những người tham gia vào quan hệ quốc tế. Cách tiếp cận này giúp các quốc gia có khả năng thực hiện hài hòa lợi ích, do đó có điều kiện để tăng cường hợp tác, góp phần giảm trừ xung đột, thúc đẩy kinh tế và phát huy dân chủ tự do.

Lý thuyết này cho rằng các chủ thể trong môi trường quốc tế có những xung đột, nhưng cần hợp tác với nhau để theo đuổi các mục tiêu chung. Vai trò của các thể chế quốc tế tại các quốc gia là rất quan trọng để có thể cùng nhau hợp tác cùng có lợi và cùng tiến bộ. Sự hợp tác như vậy trải dài trên nhiều lĩnh vực không chỉ giới hạn ở các lĩnh vực quyền lực cứng (kinh tế và quân sự), mà còn gồm cả khía cạnh của quyền lực mềm (văn hóa, truyền thông, hệ tư tưởng và tôn giáo).

Dựa vào cơ sở lý thuyết của Chủ nghĩa Tự do, Luận án có thể xem xét và phân tích đa chiều về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, về khả năng phòng thủ tập thể (Collective Security) giữa hai nước như là phương thức phòng thủ chung của các đồng minh nhằm ngăn chiến tranh và xung đột. An ninh tập thể được xây dựng dựa trên một trong ba yếu tố chính: hình thành liên minh giữa một hoặc nhiều quốc gia để chống lại sự xâm lược từ bên ngoài, răn đe, ngăn chặn hoặc trừng phạt các đối thủ kích động xung đột trong khu vực và toàn cầu. An ninh tập thể hoạt động như một phương tiện để các quốc gia đoàn kết chống lại một quốc gia duy nhất nhằm đảm bảo an ninh và ngăn ngừa chiến tranh. Điều này ngụ ý rằng nếu một quốc gia

đồng minh bị đe dọa hoặc tấn công, các thành viên khác của liên minh có nghĩa vụ phải hợp tác để chống lại mối đe dọa đó [Hoàng Khắc Nam, 2013, tr.20]. Ngoài ra là sự cam kết duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật lệ (International law), thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau (Interdependence) về kinh tế và thúc đẩy quản trị dân chủ, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản toàn diện từ an ninh đến thương mại và công nghệ. Sự thống nhất về mục tiêu, lợi ích và nguyên tắc dân chủ giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ cũng là yếu tố khuyến khích thúc đẩy các sáng kiến hợp tác đa phương và tham gia vào tổ chức quốc tế được thấy trong việc tham gia vào nhóm Quad, nhóm hợp tác ba bên như với Hàn Quốc và Philippines.

• *Chủ nghĩa Kiến Tạo (Constructivism)*

Chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh tầm quan trọng của các cấu trúc xã hội, bao gồm bản sắc, chuẩn mực và sự hiểu biết tập thể trong việc định hình hành vi chính trị xã hội. Những người theo Chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng mỗi quốc gia đều sở hữu một bản sắc riêng quyết định các mục tiêu của mình (như an ninh, thịnh vượng kinh tế và quan hệ đối ngoại). Hiện nay, mỗi quốc gia đều xây dựng lợi ích quốc gia của mình để phù hợp với bản sắc này. Dựa trên quan điểm này cho thấy Hoa Kỳ và Nhật Bản có chung bản sắc khi đều là cường quốc với quyền lực và tầm ảnh hưởng lớn đến khu vực và thế giới.

Các nhà theo Chủ nghĩa Kiến tạo xem xã hội như một môi trường có thể tác động lên các chủ thể chính trị; đồng thời là phạm vi định hình nên các chủ thể trong chính xã hội đó vì các tác nhân xã hội luôn ảnh hưởng đến từng hành động của các chủ thể [Nghiên cứu Quốc tế, 2015]. Nói cách khác, các yếu tố trong nước có thể giữ vai trò định hình chính sách đối ngoại và những thay đổi trong dư luận hoặc lãnh đạo chính trị có thể có những tác động đáng kể đến liên minh. Bất kỳ một thay đổi chính trị trong nước ở cả Hoa Kỳ và Nhật Bản đều ảnh hưởng đến quan hệ song phương. Ví dụ, sau khi kế nhiệm Tổng thống Barack Obama vào năm 2017, Tổng thống Donald Trump có cách tiếp cận thực dụng với phương châm “đặt nước Mỹ lên trên hết” gây căng thẳng với đồng minh truyền thống như Nhật Bản, do yêu cầu tăng chi phí hàng năm cho quân đội Hoa Kỳ đóng quân hay áp thuế vào mặt hàng nhập khẩu từ Nhật Bản.

Chủ nghĩa Kiến tạo còn cung cấp những hiểu biết sâu sắc về sự phát triển của liên minh và những thách thức mà liên minh phải đối mặt. Khi môi trường quốc tế tiếp tục phát triển, hai nước cần phải thích ứng, dựa trên các mối liên kết xã hội và văn hóa vốn hỗ trợ liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh mới. Ví dụ, liên minh đã thích nghi với sự trỗi dậy của Trung Quốc và động lực an ninh đang thay đổi ở Đông Á. Nhật Bản ngày càng tìm cách củng cố liên minh với Hoa Kỳ như một phương tiện để cân bằng với sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc, phản ánh sự thay đổi trong bản sắc và chuẩn mực chiến lược của nước này [IMF, 2025, tr.37].

Tóm lại, bằng cách sử dụng lý thuyết từ Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo giúp cho Luận án có thể phân tích những yếu tố tác động, thực trạng cũng như đánh giá và dự báo xu hướng phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản.

2.1.3. Cách tiếp cận và khung phân tích

• Cách tiếp cận

Thứ nhất, Luận án xác định mối quan hệ giữa nước lớn, quan hệ đồng minh đều được chủ thể coi trọng, thúc đẩy để theo đuổi những lợi ích riêng và mục tiêu chung. Yếu tố lợi ích quốc gia - dân tộc là thiết yếu và đóng vai trò quan trọng trong việc định hình mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản cả trước và sau năm 2021.

Thứ hai, mỗi lý thuyết đều có những đặc điểm, ưu điểm, nhược điểm riêng và đưa ra những giải thích, góc nhìn riêng về quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, để bảo đảm tính nhất quán và khả năng giải thích trọng tâm, Luận án xác lập Chủ nghĩa Hiện thực là lý thuyết chủ đạo vì cho phép Luận án làm rõ lợi ích an ninh, logic cân bằng quyền lực cũng như tác động của cấu trúc khu vực (phân bố quyền lực, nhận diện đe dọa và các ràng buộc chiến lược) đối với hành vi và lựa chọn chính sách của Hoa Kỳ và Nhật Bản. Trên nền đó, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản được tiếp cận trước hết như quan hệ đồng minh nhằm bảo đảm an ninh, duy trì vị thế và tối ưu hóa lợi ích quốc gia trong một môi trường cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt.

Dù lấy Chủ nghĩa Hiện thực làm “xương sống” để luận giải vấn đề, Luận án còn vận dụng thêm các tiếp cận khác theo hướng bổ trợ trong quá trình nghiên cứu. Chủ nghĩa Kiến tạo được sử dụng để làm rõ vai trò của nhận thức, bản sắc, diễn

ngôn và chuẩn mực, qua đó giải thích vì sao trong những thời điểm nhất định, cùng một điều kiện cấu trúc có thể dẫn tới nhiều lựa chọn chính sách khác nhau hoặc vì sao mức độ gắn kết/điều chỉnh trong liên minh phụ thuộc vào quá trình tương tác và kiến tạo ý nghĩa chiến lược giữa hai bên. Bên cạnh đó, Chủ nghĩa Tự do được sử dụng nhằm bổ sung giải thích về cơ chế hợp tác giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, điều phối chính sách và lợi ích tương hỗ trong các lĩnh vực cụ thể.

• *Khung phân tích*

Dựa vào những lý luận đã trình bày ở trên, Luận án thiết lập một khung phân tích chính để tìm hiểu quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) theo hướng phân tích đa lĩnh vực, nhằm làm rõ sự vận động của mối quan hệ này trong bối cảnh môi trường quốc tế và khu vực có nhiều biến động sâu sắc. Phạm vi phân tích được tổ chức thành bốn lĩnh vực chính, bao gồm: chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế và các lĩnh vực khác. Khung phân tích này không chỉ cho phép Luận án nhận diện những thay đổi cụ thể trong từng lĩnh vực, mà còn giúp làm rõ mối liên hệ giữa các trụ cột hợp tác song phương, qua đó cung cấp đánh giá toàn diện về bản chất, mức độ và xu hướng phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025).

Trước hết, trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, Luận án tập trung phân tích mức độ gắn kết chiến lược giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, coi đây là nền tảng định hình toàn bộ quan hệ song phương. Trên bình diện song phương, nghiên cứu sẽ xem xét các hoạt động tiếp xúc cấp cao, cơ chế đối thoại chiến lược và nội dung các tuyên bố chung nhằm đánh giá mức độ hội tụ trong nhận thức và ưu tiên chiến lược của hai nước. Đặc biệt, Luận án sẽ phân tích cách thức hai bên phối hợp trong việc xử lý các vấn đề khu vực nổi bật như cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc, vấn đề Đài Loan, bán đảo Triều Tiên và trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Một trọng tâm quan trọng là đánh giá vai trò của Nhật Bản trong liên minh, liệu quốc gia này vẫn duy trì vị thế phụ thuộc vào bảo trợ an ninh của Hoa Kỳ hay đang chuyển dịch theo hướng chủ động hơn trong việc cùng định hình chính sách khu vực. Trên bình diện đa phương, Luận án sẽ khảo sát mức độ phối hợp giữa hai nước trong các cơ chế như Quad, G7 và các diễn đàn khu vực, từ đó làm rõ xu hướng mở rộng liên minh từ khuôn khổ song phương sang cấu trúc mạng lưới. Lĩnh vực này được kỳ vọng sẽ

cung cấp cơ sở để đánh giá mức độ “liên kết chiến lược” giữa hai nước trong giai đoạn nghiên cứu.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, Luận án coi đây là trụ cột cốt lõi phản ánh rõ nhất bản chất của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản. Phân tích sẽ tập trung vào hai khía cạnh chính: chiều sâu hợp tác song phương và sự mở rộng của liên minh trong các cơ chế an ninh khu vực. Trên phương diện song phương, nghiên cứu sẽ xem xét các điều chỉnh trong bố trí lực lượng quân sự của Hoa Kỳ tại Nhật Bản, mức độ tăng cường khả năng phối hợp tác chiến cũng như những thay đổi trong chính sách quốc phòng của Nhật Bản, bao gồm việc gia tăng ngân sách, mở rộng vai trò của Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản và phát triển các năng lực răn đe mới. Trên cơ sở đó, Luận án sẽ đánh giá liệu liên minh có đang chuyển từ mô hình “bất đối xứng” sang một cấu trúc hợp tác cân bằng hơn hay không. Đồng thời, nghiên cứu cũng sẽ phân tích vai trò của hai nước trong các cơ chế hợp tác an ninh đa phương, qua đó làm rõ xu hướng tích hợp liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản vào một mạng lưới an ninh rộng lớn hơn trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Thông qua phân tích này, Luận án hướng tới việc xác định mức độ thay đổi của liên minh về mặt chức năng, đồng thời kiểm tra liệu bản chất bất đối xứng của liên minh có được duy trì hay không.

Trong lĩnh vực kinh tế, Luận án tiếp cận theo hướng phân tích địa kinh tế, coi quan hệ kinh tế giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản không chỉ là hoạt động thương mại và đầu tư, mà còn là một thành tố quan trọng của cạnh tranh chiến lược. Ở cấp độ song phương, nghiên cứu sẽ tập trung vào các lĩnh vực hợp tác then chốt như chuỗi cung ứng chiến lược, công nghệ cao, chất bán dẫn và các nguồn tài nguyên quan trọng, nhằm đánh giá mức độ hỗ trợ hay cạnh tranh giữa hai nền kinh tế. Ở cấp độ đa phương, nghiên cứu sẽ phân tích vai trò của Hoa Kỳ và Nhật Bản trong các sáng kiến kinh tế khu vực, qua đó làm rõ sự phân công chức năng giữa hai nước trong việc định hình trật tự kinh tế khu vực. Lĩnh vực kinh tế được kỳ vọng sẽ làm rõ cách thức mà hai nước sử dụng công cụ kinh tế để củng cố và mở rộng liên minh.

Bên cạnh các trụ cột truyền thống, Luận án cũng dành một phần quan trọng để phân tích các lĩnh vực hợp tác khác: văn hóa - giáo dục, khoa học - công nghệ, năng lượng và biến đổi khí hậu. Về văn hóa - giáo dục, nghiên cứu sẽ xem xét vai trò của

giao lưu nhân dân và hợp tác học thuật trong việc củng cố nền tảng xã hội của quan hệ song phương. Về khoa học - công nghệ, Luận án sẽ phân tích mức độ hợp tác trong các ngành công nghệ mũi nhọn, từ đó làm rõ xu hướng chuyển dịch của liên minh sang một mô hình “liên minh công nghệ”. Về năng lượng và biến đổi khí hậu, nghiên cứu sẽ đánh giá các sáng kiến hợp tác song phương và đa phương nhằm giải quyết thách thức an ninh phi truyền thống và quản trị toàn cầu. Những lĩnh vực này được đưa vào phân tích nhằm phản ánh xu hướng toàn diện hóa của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, khi phạm vi hợp tác không còn giới hạn trong lĩnh vực truyền thống mà mở rộng sang nhiều lĩnh vực mới có ý nghĩa chiến lược lâu dài.

Cuối cùng, dựa vào cơ sở phân tích các trụ cột nêu trên, Luận án sẽ tiến hành tổng hợp và đánh giá toàn diện nhằm rút ra các đặc điểm của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025). Cụ thể, nghiên cứu hướng tới việc làm rõ ba vấn đề trung tâm: mức độ làm sâu sắc của liên minh trên các phương diện khác nhau; xu hướng chuyển dịch từ mô hình song phương sang cấu trúc mạng lưới đa tầng; và sự điều chỉnh trong tính chất bất đối xứng của liên minh dưới tác động của những thay đổi trong vai trò của Nhật Bản. Thông qua đó, Luận án không chỉ cung cấp một đánh giá thực trạng, mà còn góp phần lý giải sự thích ứng của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh môi trường chiến lược đang thay đổi nhanh chóng.

2.2. Những nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025

2.2.1. Tình hình thế giới, khu vực và hai nước

• Tình hình thế giới

Thứ nhất là xu thế đa cực hóa và quá trình tái cấu trúc trật tự quốc tế đương đại. Giai đoạn 2021-2025 chứng kiến sự chuyển dịch ngày càng rõ nét của trật tự quốc tế từ trạng thái tương đối đơn cực sang xu hướng đa cực với sự nổi lên của nhiều trung tâm quyền lực mới. Quá trình phân tán quyền lực này không chỉ làm suy giảm mức độ tập trung quyền lực toàn cầu mà còn làm gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, tạo ra môi trường quốc tế phức tạp và khó dự báo hơn.

Trong bối cảnh đó, các cường quốc ngày càng có xu hướng điều chỉnh chiến lược nhằm bảo đảm vị thế và khả năng thích ứng trước sự thay đổi của cán cân quyền lực. Hoa Kỳ tiếp tục củng cố hệ thống liên minh truyền thống như một công

cụ duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu, đồng thời tăng cường hiện diện tại các khu vực chiến lược. Nhật Bản tận dụng quan hệ với Hoa Kỳ để mở rộng không gian chiến lược, gia tăng vai trò quốc tế và nâng cao năng lực tham gia vào quá trình định hình trật tự khu vực.

Sự tái cấu trúc của hệ thống quốc tế cũng diễn ra đồng thời với xu hướng gia tăng cạnh tranh trong xây dựng thể chế, thiết lập chuẩn mực và mở rộng ảnh hưởng địa chính trị. Trong môi trường đó, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản ngày càng mang tính cấu trúc, vượt khỏi phạm vi liên minh an ninh truyền thống để trở thành một trong những trụ cột quan trọng của quá trình định hình trật tự quốc tế đang chuyển đổi. Đồng thời, quá trình đa cực hóa không làm suy giảm vai trò của các liên minh mà ngược lại làm gia tăng nhu cầu điều phối chiến lược giữa các đối tác có cùng lợi ích. Điều này thúc đẩy Hoa Kỳ và Nhật Bản mở rộng hợp tác không chỉ trong lĩnh vực an ninh mà còn trong kinh tế, công nghệ, chuỗi cung ứng và quản trị toàn cầu.

Thứ hai là sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trên phạm vi toàn cầu. Cạnh tranh giữa các nước lớn, đặc biệt giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, đã vượt khỏi phạm vi khu vực và trở thành xu thế trung tâm của hệ thống quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Sự cạnh tranh này diễn ra toàn diện trên các lĩnh vực an ninh, kinh tế, công nghệ và ảnh hưởng thể chế, tạo ra áp lực buộc các quốc gia phải lựa chọn, điều chỉnh hoặc cân bằng chiến lược.

Nhân tố Trung Quốc trở thành một trong những biến số quan trọng nhất tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản. Trong ba thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc gia tăng đáng kể năng lực quốc gia thông qua hiện đại hóa quân sự, đặc biệt trong lĩnh vực hải quân; mở rộng ảnh hưởng tại khu vực Đông Á; đồng thời thúc đẩy các sáng kiến và cơ chế hợp tác nhằm mở rộng vai trò quốc tế.

Lãnh đạo Hoa Kỳ từ nhiệm kỳ đầu của Donald Trump đến chính quyền Joe Biden đều xác định Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh nghiêm trọng nhất” và là “thử thách địa chính trị lớn nhất trong thế kỷ XXI”, xuất phát từ nhận định rằng: “Trung Quốc là quốc gia duy nhất trên thế giới với sức mạnh kinh tế, ngoại giao, quân sự và công nghệ có thể thách thức nghiêm trọng tới hệ thống quốc tế rộng mở và ổn định” [FDI Intelligence, 2025]. Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản được đặt vào

vị trí “đòn bẩy chiến lược” nhằm duy trì cân bằng quyền lực tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đối với Hoa Kỳ, Nhật Bản là đối tác then chốt trong cạnh tranh địa chiến lược với Trung Quốc; còn đối với Nhật Bản, liên minh vừa là công cụ bảo đảm an ninh vừa là cơ chế giảm thiểu rủi ro trước môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Trung Quốc cũng được xem là nhân tố thúc đẩy liên minh vượt khỏi mô hình truyền thống “Hoa Kỳ bảo đảm - Nhật Bản hỗ trợ” để chuyển sang hình thức liên kết cân bằng hơn. Nhật Bản có thêm cơ sở chiến lược để tăng chi tiêu quốc phòng, nâng cao trạng thái sẵn sàng và mở rộng phối hợp tác chiến với Hoa Kỳ. Trong khi đó, Hoa Kỳ có thêm đối tác chia sẻ gánh nặng thông qua mạng lưới căn cứ, hậu cần, chia sẻ thông tin tình báo và khả năng phối hợp liên quân. Sự thay đổi này cũng phản ánh qua việc mở rộng các khuôn khổ hợp tác ba bên và đa phương quy mô nhỏ, đặc biệt với Hàn Quốc và Philippines nhằm tăng cường năng lực răn đe, phân tán rủi ro chuỗi cung ứng và duy trì ổn định khu vực.

Bên cạnh đó, khu vực Đông Bắc Á tiếp tục chịu sức ép ngày càng lớn khi Trung Quốc gia tăng hoạt động quân sự và các hình thức gây áp lực đối với Nhật Bản. Diễn biến tại eo biển Đài Loan và khu vực biển Hoa Đông/Senkaku - Điều Ngự ngày càng làm nổi bật yêu cầu phối hợp chặt chẽ hơn giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản nhằm chuyển từ bảo đảm chính trị sang cơ chế răn đe thực chất.

Thứ ba là tác động lan tỏa của các xung đột và điểm nóng quốc tế. Các xung đột khu vực và toàn cầu trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục làm gia tăng bất ổn của hệ thống quốc tế và thách thức các nguyên tắc của trật tự dựa trên luật lệ. Những diễn biến này không chỉ tác động trực tiếp đến cấu trúc an ninh khu vực mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa đến các không gian chiến lược khác, đặc biệt là khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Nổi bật nhất là xung đột Nga - Ukraine bắt đầu từ tháng 2/2022 khi Nga tuyên bố mở “chiến dịch quân sự đặc biệt” tại miền Đông Ukraine nhằm đáp trả lời đề nghị hỗ trợ và bảo đảm an ninh từ hai thực thể tự xưng Donetsk (DPR) và Lugansk (LPR). Đến năm 2025, đây tiếp tục được xem là cuộc chiến tranh quy mô lớn nhất trên lãnh thổ châu Âu kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Xung đột này

không chỉ tác động đến hai bên tham chiến mà còn tạo ra những thay đổi đáng kể trong quan hệ quốc tế và liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản. Trong bối cảnh đó, Nhật Bản thúc đẩy mở rộng hợp tác quốc phòng với Hoa Kỳ và NATO trên cơ sở các quan ngại chung về an ninh, đặc biệt trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và tác động từ chính sách của Nga tại châu Âu.

Điều này được phản ánh thông qua một số hoạt động nổi bật như tập trận hải quân giữa Nhật Bản và Pháp (Brunet Takamori, 8-20/9/2024), ký thỏa thuận vận chuyển vũ khí với Anh ngày 12/1/2023 nhằm tạo điều kiện cho hoạt động quân sự chung tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời duy trì lập trường hỗ trợ Ukraine tương đồng với Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu. Theo số liệu tính đến tháng 12/2024, Hoa Kỳ đứng đầu về hỗ trợ tài chính và nhân đạo cho Ukraine với 119,6 tỷ USD, trong khi Nhật Bản đóng góp 9,6 tỷ USD, đứng thứ ba trong nhóm các nước viện trợ.

Một hệ quả chiến lược khác là việc Nga ngày càng tăng cường quan hệ với Trung Quốc trong bối cảnh chịu các lệnh trừng phạt từ phương Tây. Xu hướng này làm gia tăng quan ngại của Nhật Bản về môi trường an ninh khu vực, đặc biệt tại biển Hoa Đông và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thúc đẩy Tokyo củng cố liên minh với Hoa Kỳ và mở rộng hợp tác với NATO nhằm chuẩn bị cho các kịch bản khủng hoảng tiềm tàng.

Bên cạnh chiến sự Nga - Ukraine, các điểm nóng khác cũng tác động mạnh đến môi trường chiến lược. Tại Trung Đông, xung đột Gaza xảy ra từ tháng 10/2023 đến nay tiếp tục tạo ra khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng và làm gia tăng nguy cơ lan rộng bất ổn trong khu vực. Những diễn biến quân sự giữa Israel và Iran tiếp tục đặt ra thách thức đối với an ninh năng lượng toàn cầu và các tuyến vận tải chiến lược. Đáng chú ý là chiến tranh 12 ngày giữa Israel và Iran (13/6/2025-24/6/2025) với chiến dịch “Midnight Hammer” của Hoa Kỳ vào ngày 22/6/2025 đã tấn công 3 cơ sở hạt nhân của Iran làm tăng căng thẳng tại khu vực. Ở Đông Bắc Á, tình hình bán đảo Triều Tiên, cạnh tranh tại eo biển Đài Loan và tranh chấp biển Hoa Đông tiếp tục là các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tính toán chiến lược của Hoa Kỳ và Nhật Bản. Do vậy, Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường phối hợp lập trường chính trị, mở

rộng hợp tác an ninh và thúc đẩy cơ chế điều phối chiến lược nhằm nâng cao khả năng ứng phó trước các cú sốc địa chính trị.

Thứ tư là biến động kinh tế toàn cầu và xu hướng điều chỉnh chuỗi cung ứng. Nền kinh tế thế giới giai đoạn 2021-2025 chịu tác động đồng thời từ suy giảm tăng trưởng, lạm phát kéo dài, gián đoạn chuỗi cung ứng và xu hướng gia tăng bảo hộ kinh tế. Những cú sốc địa chính trị, đặc biệt từ xung đột Nga - Ukraine và bất ổn tại Trung Đông, làm gia tăng áp lực đối với giá năng lượng, chi phí vận tải và khả năng duy trì dòng lưu chuyển hàng hóa toàn cầu. Trong tình hình này, Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường phối hợp nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đa dạng hóa nguồn cung và tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu. Quan hệ kinh tế song phương được mở rộng sang các lĩnh vực chiến lược như bán dẫn, năng lượng, công nghệ cao và các ngành công nghiệp có khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài. Đồng thời, việc gia tăng hợp tác kinh tế cũng phản ánh xu hướng chuyển dịch từ mô hình phụ thuộc lẫn nhau truyền thống sang mô hình “an ninh hóa kinh tế”, trong đó các yếu tố địa chính trị ngày càng chi phối quyết định thương mại và đầu tư.

Thứ năm là sự cạnh tranh công nghệ và sự hình thành các không gian quyền lực mới. Công nghệ trở thành một trong những lĩnh vực cạnh tranh cốt lõi giữa các cường quốc, với trọng tâm là các ngành như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và an ninh mạng. Trong bối cảnh đó, Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường hợp tác nhằm duy trì lợi thế công nghệ, thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế và kiểm soát công nghệ chiến lược. Sự phối hợp này không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn có tác động sâu sắc đến cấu trúc quyền lực toàn cầu, qua đó làm gia tăng tầm quan trọng của quan hệ song phương.

Thứ sáu là gia tăng các thách thức an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu. Bên cạnh những thách thức an ninh truyền thống, giai đoạn 2021-2025 chứng kiến sự nổi lên ngày càng rõ của vấn đề an ninh phi truyền thống mang tính xuyên biên giới và vượt quá khả năng giải quyết đơn phương của từng quốc gia. Các thách thức như biến đổi khí hậu, đại dịch, an ninh năng lượng, an ninh mạng, gián đoạn chuỗi cung ứng và khủng hoảng nhân đạo ngày càng tác động trực tiếp đến ổn định chính trị, phát triển kinh tế và năng lực quản trị quốc gia.

Tại Đông Nam Á, căng thẳng liên quan đến Biển Đông tiếp tục leo thang và thu hút sự tham gia của nhiều chủ thể khu vực cũng như ngoài khu vực. Tại Đông Bắc Á, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên và những diễn biến tại eo biển Đài Loan tiếp tục được xem là nguy cơ đối với ổn định khu vực. Ở châu Âu, hệ quả từ khủng hoảng di cư và bất ổn kéo dài đặt ra nhiều thách thức đối với cấu trúc an ninh khu vực. Trong khi đó, khu vực Trung Đông tiếp tục đối mặt với nguy cơ lan rộng xung đột và gián đoạn các tuyến vận tải chiến lược.

Những biến động này thúc đẩy Hoa Kỳ và Nhật Bản mở rộng nội dung hợp tác ngoài phạm vi quốc phòng truyền thống sang các lĩnh vực như bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ hạ tầng chiến lược, phối hợp ứng phó khủng hoảng và tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc toàn cầu. Hợp tác song phương vì vậy ngày càng mang tính toàn diện hơn, đồng thời góp phần nâng cao vai trò của hai nước trong quản trị toàn cầu.

Thứ bảy là cạnh tranh trong việc định hình thể chế và chuẩn mực quốc tế. Trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển đổi, các cường quốc ngày càng coi việc định hình thể chế và chuẩn mực quốc tế là một phương thức quan trọng để mở rộng ảnh hưởng và bảo vệ lợi ích chiến lược. Cạnh tranh giữa các nước lớn không chỉ diễn ra trong lĩnh vực quân sự hay kinh tế mà còn mở rộng sang không gian thể chế, nơi các quốc gia tìm cách xây dựng quy tắc và tiêu chuẩn có lợi cho vị thế của mình. Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường phối hợp trong các tổ chức quốc tế, diễn đàn đa phương và cơ chế khu vực nhằm duy trì trật tự dựa trên luật lệ, bảo vệ tự do hàng hải và thúc đẩy giá trị chung. Trong bối cảnh Trung Quốc thúc đẩy các khuôn khổ hợp tác lấy mình làm trung tâm, Hoa Kỳ có xu hướng củng cố mạng lưới liên minh và đối tác như một cơ chế đối trọng. Nhật Bản vừa tìm cách bảo vệ lợi ích an ninh, vừa duy trì không gian chiến lược độc lập nhằm tránh bị cuốn hoàn toàn vào cạnh tranh giữa các cực quyền lực. Việc tăng cường phối hợp thể chế giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản không chỉ củng cố quan hệ song phương mà còn nâng cao khả năng tác động của hai nước đối với tiến trình định hình cấu trúc quản trị toàn cầu.

Thứ tám là gia tăng tính bất định và phân mảnh của hệ thống quốc tế. Hệ thống quốc tế giai đoạn 2021-2025 ngày càng mang tính phân mảnh và khó dự báo,

với sự đan xen giữa hợp tác và cạnh tranh. Các yếu tố như xung đột địa chính trị, biến động kinh tế và sự thay đổi trong cán cân quyền lực làm gia tăng mức độ bất định của môi trường chiến lược. Trong bối cảnh đó, Hoa Kỳ và Nhật Bản có xu hướng tăng cường liên kết chiến lược nhằm nâng cao khả năng thích ứng và quản trị rủi ro, qua đó làm cho quan hệ song phương trở nên chặt chẽ và linh hoạt hơn. Tình hình thế giới giai đoạn 2021-2025 tạo ra một môi trường chiến lược mang tính phức hợp cao, trong đó các xu thế như đa cực hóa, cạnh tranh nước lớn, biến động kinh tế và thách thức toàn cầu tác động sâu sắc đến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Những biến động này không chỉ thúc đẩy hai nước tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực mà còn làm cho quan hệ song phương ngày càng mang tính chiến lược và toàn diện hơn. Qua đó, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản tiếp tục được củng cố như một trụ cột quan trọng trong việc duy trì ổn định và định hình trật tự khu vực cũng như quốc tế trong bối cảnh chuyển đổi hiện nay.

- *Tình hình khu vực*

Thứ nhất là sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc và sự tái cấu trúc môi trường chiến lược khu vực. Trong giai đoạn 2021-2025, Đông Bắc Á tiếp tục là một trong những không gian địa - chính trị có ý nghĩa chiến lược quan trọng nhất trên thế giới, tập trung nhiều nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan. Đồng thời, đây cũng là khu vực chịu tác động trực tiếp từ quá trình tái cấu trúc quyền lực khu vực và cạnh tranh giữa các cường quốc.

Cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục mở rộng cả về chiều sâu lẫn phạm vi tác động. Sự cạnh tranh này không chỉ diễn ra trên phương diện quân sự mà còn lan rộng sang kinh tế, công nghệ, chuỗi cung ứng và ảnh hưởng thể chế. Việc hai cường quốc điều chỉnh chiến lược theo hướng đối đầu có kiểm soát làm gia tăng tính phân cực trong khu vực và tạo ra áp lực buộc các quốc gia phải điều chỉnh chính sách đối ngoại và an ninh. Sự trỗi dậy của Trung Quốc trở thành mối quan ngại an ninh trung tâm của cả Hoa Kỳ và Nhật Bản. Việc Trung Quốc tiếp tục hiện đại hóa quân đội, mở rộng năng lực hải quân và gia tăng hoạt động tại Biển Đông và biển Hoa Đông thúc đẩy Nhật Bản tăng cường năng lực quốc phòng cũng như củng cố liên minh với Hoa Kỳ. Một bước điều chỉnh đáng chú ý là

việc Nhật Bản công bố kế hoạch tăng gấp đôi chi tiêu quốc phòng lên mức 2% GDP vào năm 2022, đánh dấu sự thay đổi quan trọng trong tư duy chiến lược và phản ánh xu hướng chuyển dịch từ phòng vệ truyền thống sang chủ động hơn trong bảo đảm an ninh. Về phía Hoa Kỳ, Washington tiếp tục củng cố hiện diện quân sự tại khu vực nhằm tăng cường khả năng răn đe và duy trì cân bằng quyền lực. Theo kế hoạch điều chỉnh lực lượng, Hoa Kỳ thực hiện cơ cấu lại khoảng 4.000 thủy quân lục chiến từ Okinawa (Nhật Bản) tới đảo Guam (Hoa Kỳ) theo từng giai đoạn bắt đầu từ tháng 12/2024, đồng thời hai bên tiếp tục mở rộng hợp tác nhằm nâng cao năng lực ứng phó của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản [Thanh Niên, 2024].

Những biến động này khiến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản ngày càng mang tính cấu trúc sâu sắc hơn trong tổng thể chiến lược khu vực. Đối với Hoa Kỳ, Nhật Bản tiếp tục là trụ cột quan trọng trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; còn đối với Nhật Bản, việc tăng cường liên minh không chỉ nhằm đối phó với các rủi ro an ninh mà còn góp phần nâng cao vị thế quốc tế. Cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc không chỉ làm thay đổi môi trường chiến lược Đông Bắc Á mà còn thúc đẩy sự tái định hình quan hệ đồng minh Hoa Kỳ - Nhật Bản theo hướng gắn kết sâu hơn và mở rộng phạm vi hợp tác.

Thứ hai là những diễn biến phức tạp của vấn đề hạt nhân và tên lửa trên bán đảo Triều Tiên. Chương trình hạt nhân và tên lửa của CHDCND Triều Tiên tiếp tục là một trong những nguồn bất ổn an ninh nghiêm trọng nhất tại Đông Bắc Á trong giai đoạn 2021-2025.

Các hoạt động thử tên lửa và gia tăng năng lực quân sự của Bình Nhưỡng không chỉ tạo áp lực đối với cấu trúc an ninh khu vực mà còn đặt ra thách thức trực tiếp đối với hệ thống phòng thủ của Hoa Kỳ và Nhật Bản. Đáng chú ý, việc Triều Tiên tiếp tục thử tên lửa đạn đạo xuyên lục địa Hwasong-17 vào tháng 4/2022 thúc đẩy Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường hợp tác trong lĩnh vực phòng thủ tên lửa, chia sẻ thông tin tình báo và điều chỉnh chính sách răn đe. Trong bối cảnh đó, yếu tố an ninh truyền thống tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong việc duy trì và củng cố liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản. Hai nước tăng cường phối hợp triển khai các cơ chế cảnh báo sớm, nâng cao khả năng đánh chặn và mở rộng phối hợp tác chiến.

Tuy nhiên, do các giải pháp ngoại giao đối với vấn đề hạt nhân Triều Tiên vẫn còn nhiều hạn chế, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục mở rộng hợp tác ba bên với Hàn Quốc như một công cụ nhằm nâng cao hiệu quả răn đe và quản trị khủng hoảng.

Thứ ba là sự điều chỉnh chính sách an ninh và quốc phòng của Nhật Bản trong bối cảnh mới. Trước những biến động ngày càng phức tạp của môi trường chiến lược khu vực, Nhật Bản tiến hành nhiều điều chỉnh đáng kể trong chính sách an ninh và quốc phòng nhằm nâng cao khả năng ứng phó trước các thách thức mới. Các thay đổi này diễn ra trong bối cảnh môi trường an ninh Đông Bắc Á chịu tác động đồng thời từ cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc, các hoạt động quân sự của Trung Quốc tại biển Hoa Đông, tình hình eo biển Đài Loan và chương trình hạt nhân của CHDCND Triều Tiên.

Một trong những điều chỉnh quan trọng nhất là việc Nhật Bản từng bước mở rộng vai trò của lực lượng phòng vệ, gia tăng đầu tư quốc phòng và tăng cường năng lực triển khai trong các tình huống khẩn cấp. Quyết định tăng chi tiêu quốc phòng lên mức tương đương 2% GDP phản ánh xu hướng “bình thường hóa” vai trò an ninh của Nhật Bản trong bối cảnh môi trường khu vực thay đổi nhanh chóng. Những điều chỉnh này cho thấy sự chuyển dịch từ mô hình phòng thủ thụ động sang tư duy chủ động hơn trong bảo đảm an ninh quốc gia.

Ngoài ra, việc nâng cao năng lực quốc phòng cũng giúp Nhật Bản gia tăng mức độ tương thích với Hoa Kỳ trong các hoạt động phối hợp tác chiến, chia sẻ trách nhiệm và quản trị các rủi ro an ninh. Sự điều chỉnh của Nhật Bản không chỉ làm gia tăng mức độ tự chủ chiến lược mà còn góp phần củng cố nền tảng của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh khu vực đang chuyển đổi.

Thứ tư là cạnh tranh công nghệ và tái cấu trúc chuỗi cung ứng trong khu vực Đông Bắc Á. Đông Bắc Á tiếp tục là trung tâm của các ngành công nghệ cao toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực bán dẫn, công nghệ số, pin và chuỗi giá trị công nghiệp chiến lược. Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ giữa các cường quốc ngày càng gay gắt, hợp tác kinh tế - công nghệ trở thành một trong những trụ cột quan trọng của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản. Hai nước tăng cường phối hợp nhằm bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng, giảm thiểu phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài và duy trì lợi thế cạnh tranh trong các ngành chiến lược.

Bên cạnh cấp độ song phương, nhân tố tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản còn đến từ cấp độ liên quốc gia thông qua cơ chế hợp tác đa phương có sự tham gia của cả hai nước. Các diễn đàn như liên minh ba bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc; nhóm G7; nhóm G20; nhóm Quad và Liên Hợp Quốc ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối chính sách kinh tế, công nghệ và quản trị toàn cầu. Sự tham gia của Hoa Kỳ và Nhật Bản tại các diễn đàn này không chỉ giúp hai nước nâng cao vị thế quốc tế mà còn mở rộng khả năng phối hợp trong các lĩnh vực như xây dựng hòa bình, tài chính quốc tế, chuyển đổi năng lượng và kiểm soát công nghệ chiến lược. Có thể thấy rằng, cạnh tranh công nghệ đang làm thay đổi cấu trúc hợp tác kinh tế truyền thống và đưa quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản sang một giai đoạn liên kết chiến lược sâu hơn.

Thứ năm là sự gia tăng vai trò của các cơ chế hợp tác khu vực và mạng lưới liên kết chiến lược. Trong bối cảnh môi trường khu vực biến động nhanh chóng, các cơ chế hợp tác khu vực và mạng lưới liên kết chiến lược ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối quan hệ giữa các quốc gia. Hoa Kỳ và Nhật Bản tận dụng các khuôn khổ này nhằm mở rộng phạm vi hợp tác vượt ra ngoài quan hệ song phương truyền thống.

Đối với nhóm G7 và G20, đây là các diễn đàn quan trọng giúp hai nước phối hợp giải quyết thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, y tế và ổn định kinh tế. Nhật Bản tiếp tục duy trì vai trò nổi bật với tư cách là thành viên châu Á duy nhất của G7 và từng là nước chủ nhà của Hội nghị G7 lần thứ 49 tại Hiroshima (2023).

Đối với Nhóm Bộ Tứ (Quad) gồm Hoa Kỳ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ, đây được xem là cơ chế phù hợp để tăng cường hợp tác an ninh khu vực trước ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc về quân sự và kinh tế [CAND, 2020]. Quad tạo nền tảng cho Hoa Kỳ và Nhật Bản thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và đổi mới công nghệ trên cơ sở luật lệ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Về phía Nhật Bản, việc tham gia Quad không chỉ giúp tăng cường quan hệ với các nền dân chủ cùng chí hướng mà còn góp phần củng cố quyền tự chủ chiến lược.

Tại Liên Hợp Quốc, Nhật Bản tiếp tục duy trì mức độ phối hợp cao với Hoa Kỳ thông qua việc ủng hộ nghị quyết và cơ chế trừng phạt liên quan đến Nga, Triều Tiên và hỗ trợ nhân đạo cho Ukraine. Điều này cũng đặt ra thách thức nhất định đối với Nhật Bản khi phải chấp nhận một số chi phí kinh tế và điều chỉnh quan hệ đối tác nhằm giảm thiểu tác động từ quyết định chiến lược của đồng minh.

Thứ sáu là gia tăng tính bất định và phức hợp của môi trường an ninh khu vực. Môi trường an ninh Đông Bắc Á trong giai đoạn 2021-2025 ngày càng mang tính bất định và phức hợp cao do sự đan xen giữa thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Các yếu tố như cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nguy cơ xung đột khu vực, biến đổi khí hậu, gián đoạn chuỗi cung ứng, an ninh năng lượng và rủi ro phi truyền thống khác làm thay đổi cách tiếp cận an ninh của các quốc gia trong khu vực. Môi trường chiến lược ngày càng khó dự báo thúc đẩy Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường phối hợp nhằm nâng cao khả năng thích ứng và quản trị rủi ro. Bên cạnh các nội dung quân sự truyền thống, hợp tác song phương từng bước mở rộng sang các lĩnh vực như bảo vệ hạ tầng chiến lược, duy trì khả năng chống chịu của nền kinh tế, an ninh công nghệ và ứng phó với cú sốc toàn cầu. Sự thay đổi này phản ánh xu hướng mở rộng nội hàm của khái niệm an ninh trong khu vực Đông Bắc Á, đồng thời làm sâu sắc hơn tính chất liên minh giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Điều này cho thấy quan hệ song phương sẽ không còn giới hạn trong chức năng răn đe quân sự mà ngày càng trở thành cơ chế phối hợp chiến lược đa lĩnh vực.

Thứ bảy là căng thẳng tại eo biển Đài Loan và tác động lan tỏa đến khu vực. Căng thẳng tại eo biển Đài Loan ngày càng nổi lên như một trong những điểm nóng chiến lược quan trọng nhất tại Đông Bắc Á và có tác động trực tiếp đến cấu trúc an ninh khu vực.

Đối với Hoa Kỳ, vấn đề Đài Loan gắn với các cam kết chiến lược, uy tín quốc tế và vai trò duy trì cân bằng quyền lực tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong khi với Nhật Bản, ổn định tại eo biển Đài Loan có ý nghĩa đặc biệt quan trọng do liên quan trực tiếp đến chuỗi đảo Tây Nam, tuyến hàng hải chiến lược, an ninh năng lượng và sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ tại khu vực.

Trong những năm gần đây, các hoạt động quân sự gia tăng quanh eo biển Đài Loan cùng với cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc làm gia tăng mức độ nhạy cảm của môi trường an ninh Đông Bắc Á. Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản đều tăng cường điều phối lập trường chính trị, mở rộng đối thoại chiến lược và chuẩn bị phương án ứng phó đối với tình huống khẩn cấp.

Điều này góp phần thúc đẩy liên minh song phương chuyển từ mô hình bảo đảm chính trị truyền thống sang cơ chế phối hợp chiến lược thực chất hơn. Đồng thời, những diễn biến tại eo biển Đài Loan cũng có tác động lan tỏa đến lĩnh vực kinh tế và chuỗi cung ứng, đặc biệt trong ngành bán dẫn và vận tải biển quốc tế.

Thứ tám là biến động trong quan hệ Nhật Bản - Hàn Quốc và tác động đến cấu trúc hợp tác ba bên. Quan hệ giữa Nhật Bản và Hàn Quốc trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục có những thay đổi quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của cấu trúc hợp tác ba bên với Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ tiếp tục thúc đẩy hợp tác giữa hai đồng minh nhằm giảm thiểu tác động từ các bất đồng lịch sử tồn tại lâu dài giữa Tokyo và Seoul, bao gồm tranh chấp liên quan đến lao động cưỡng bức trong Chiến tranh thế giới thứ Hai. Cải thiện quan hệ Nhật - Hàn tạo điều kiện để củng cố hợp tác ba bên trong các lĩnh vực như răn đe quân sự, chia sẻ thông tin tình báo, chuỗi cung ứng và công nghệ. Đặc biệt là Hàn Quốc có vai trò quan trọng trong lĩnh vực bán dẫn và công nghệ pin đối với cả Hoa Kỳ và Nhật Bản, tạo thêm động lực cho hợp tác nhằm nâng cao khả năng chống chịu kinh tế sau đại dịch và kiểm soát các công nghệ cốt lõi. Hàn Quốc hiện là nhà sản xuất pin lớn thứ hai thế giới, chiếm 21% tổng công suất pin xe điện (bao gồm cả hệ thống lưu trữ năng lượng) toàn cầu (tính đến năm 2021) [Invest Korea, 2026]. Thêm vào đó, sự liên kết của Hàn Quốc còn góp phần nâng cao khả năng chia sẻ dữ liệu cảnh báo tên lửa theo thời gian thực và tăng cường hiệu quả của các hoạt động tập trận đa phương. Tuy vậy, những biến động chính trị ở Hàn Quốc như quá trình luận tội Tổng thống Yoon Suk Yeol vào tháng 12/2024 và các diễn biến chính trị tiếp theo, đã đặt ra những câu hỏi về tính ổn định và bền vững của cơ chế hợp tác ba bên. Điều này cho thấy mặc dù hợp tác ba bên ngày càng có ý nghĩa chiến lược, hiệu quả của cấu trúc này vẫn chịu tác động đáng kể từ nhân tố chính trị nội bộ của từng quốc gia.

- *Tình hình Hoa Kỳ và Nhật Bản*

Phần này sẽ trình bày tình hình của từng nước giai đoạn 2017-2021 để từ đó chỉ ra những tác động nhất định đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025).

Tình hình trong nước và những thay đổi trong chính sách của Hoa Kỳ

Giai đoạn cuối nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Donald Trump (2017-2021) ghi dấu nhiều thành tựu và cũng gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hoa Kỳ. Xét về thành tựu. *Thứ nhất*, nền kinh tế Hoa Kỳ trải qua một giai đoạn tăng trưởng đáng chú ý với tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục (giảm từ 4,7% xuống 3,5%) và thị trường chứng khoán bùng nổ (chỉ số S&P 500 tăng 62,82%) giai đoạn trước đại dịch bùng phát [Moomoo, 2024]. Tuy vậy, tăng trưởng này đi kèm với sự gia tăng đáng kể về thâm hụt tài chính: 3.130 tỷ USD trong năm 2020 cao gấp 3 lần so với 984 tỷ USD của năm 2019 [Hải quan Online, 2020], trong khi đó nợ công ở mức cao kỷ lục là 26.000 tỷ USD năm 2020 [Tập chí Tài chính, 2020]. Goran Mirašćić chỉ ra nguyên nhân xuất phát từ chính sách kinh tế của ông Trump: cắt giảm thuế thu nhập/thuế doanh nghiệp; bãi bỏ nhiều quy định liên bang liên quan đến doanh nghiệp; chủ nghĩa bảo hộ; hỗ trợ sản phẩm nội địa, điều này góp phần tăng trưởng kinh tế ngắn hạn nhưng cũng đặt ra thách thức dài hạn cho nền kinh tế Hoa Kỳ và hệ thống thương mại quốc tế [Mirašćić, 2022, tr.149].

Thứ hai, xây dựng bức tường biên giới Mexico - Hoa Kỳ để ngăn chặn người nhập cư trái phép được xem là một thành tựu khác của Tổng thống Trump vì đó tượng trưng cho cam kết với đảng Cộng hòa và cử tri ủng hộ xuyên suốt quá trình tranh cử trong năm 2016. Mặc dù đây cũng mới đạt được một số kết quả nhất định vì bức tường mới chỉ hoàn thành khoảng 595 km trên tổng số đường biên giới dài hơn 3.200 km và đây chỉ là sự sửa chữa hoặc bổ sung các hàng rào hiện có, chưa phải hoàn toàn mới. Trong nhiệm kỳ đầu, ông Trump cam kết trục xuất 3 triệu người nhập cư bất hợp pháp nhưng chỉ mới thực hiện được một nửa con số đó và Mexico không trả tiền xây dựng bức tường theo yêu cầu của ông Trump. Một khía cạnh đáng chú ý khác, dù lên tiếng chỉ trích “di sản” của ông Trump trong cuộc bầu cử 2020, Tổng thống kế nhiệm là Joe Biden vẫn tiếp tục xây dựng bức tường biên giới phía Nam với Mexico nhằm hạn chế dòng người di cư ngày càng tăng đến biên giới trong đại dịch Covid-19.

Bên cạnh những thành tựu, nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Trump tồn tại nhiều hạn chế, khi chương trình nghị sự gây nhiều tranh cãi về đối phó dịch bệnh Covid-19, chủ nghĩa bảo hộ về thương mại, rút khỏi những thỏa thuận quốc tế (biến đổi khí hậu và hạt nhân) và căng thẳng trong bầu cử Hoa Kỳ vào năm 2020.

Thứ nhất, cách thức Tổng thống Trump đối phó với đại dịch Covid-19 luôn bị dư luận chỉ trích vì Hoa Kỳ đã trải qua một trong những kết quả tồi tệ nhất trong nhóm nước G7 với tỷ lệ tử vong và lây nhiễm cao: 471.000 người chết và 27,3 triệu trường hợp dương tính Covid-19 [Tanne, 2021, tr.1]. Phản ứng của chính quyền Trump trước khủng hoảng là sự thiếu phối hợp, phủ nhận chuyên môn khoa học và chính trị hóa các biện pháp y tế công cộng [Tanne, 2021, tr.1].

Thứ hai, chính sách thương mại của Tổng thống Trump với đặc trưng là chủ nghĩa bảo hộ tập trung vào việc đàm phán các thỏa thuận thương mại và áp thuế hàng hóa nhập khẩu. Dù đây là các biện pháp nhằm bảo vệ doanh nghiệp Hoa Kỳ nhưng chúng cũng dẫn đến cuộc chiến tranh thương mại với các đối tác chính như Trung Quốc. Hệ quả của điều này là tạo ra sự chia rẽ và hoài nghi của thế giới về cam kết của Hoa Kỳ - vấn đề trong suốt nhiệm kỳ đầu của Trump, xuất phát từ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa của ông Trump trong quan hệ quốc tế, thể hiện qua chính sách đối ngoại đơn phương hay rút lui khỏi thể chế đa phương; tập trung vào thỏa thuận song phương; chủ nghĩa bảo hộ, phần nào làm xói mòn uy tín và ảnh hưởng của Hoa Kỳ.

Thứ ba, việc rút khỏi một số thỏa thuận quốc tế như Hiệp định biến đổi khí hậu Paris và Thỏa thuận Hạt nhân Iran ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín và vai trò quản trị toàn cầu của Hoa Kỳ trên thế giới. Những hành động này được biện minh là phương tiện khẳng định vị thế quan trọng của Hoa Kỳ, nhưng chúng cũng dẫn đến việc gia tăng căng thẳng với đồng minh và làm suy giảm ảnh hưởng của Hoa Kỳ trong các vấn đề quốc tế.

Thứ tư, bầu cử 2020 được xem là cuộc bầu cử gây tranh cãi nhất lịch sử Hoa Kỳ vì Tổng thống Trump từ chối thua cuộc trước đối thủ là cựu Phó Tổng thống Joe Biden và tuyên bố lý do gian lận phiếu bầu nhưng không có bằng chứng. Chính việc từ chối nhượng bộ này dẫn đến những tranh chấp pháp lý để lật ngược kết quả bầu

cử, đỉnh điểm là việc các thành phần quá khích ủng hộ ông Trump tấn công vào Điện Capital ngày 06/01/2021. Hệ quả của cuộc bầu cử 2020 gây phân cực chính trị sâu sắc, suy yếu lòng tin của người dân vào các thể chế và quy trình bầu cử, đe dọa tương lai nền dân chủ Hoa Kỳ [Arvanitopoulos, 2022, tr.97-98].

Sau khi tiếp quản Hoa Kỳ đầy chia rẽ và biệt lập khỏi thế giới, Tổng thống Biden chủ trương tìm cách khắc phục những vấn đề của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Trump, đặc biệt là đối ngoại. Phương châm “Nước Mỹ đã sẵn sàng trở lại, sẵn sàng dẫn dắt trật tự thế giới” và “sẵn sàng tìm lại linh hồn cho nước Mỹ” trong đường lối đối ngoại năm 2021-2025 cho thấy mục tiêu của Hoa Kỳ là xác lập lại vị thế lãnh đạo toàn cầu, khôi phục những giá trị cốt lõi có trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ năm 1945-2016. Chủ trương hiện thực hóa ba mục tiêu chiến lược trong quan hệ với Trung Quốc đó là kiềm chế về quân sự, duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông theo luật pháp quốc tế, thay đổi nhận thức của Trung Quốc trong quan hệ với Hoa Kỳ. Chính quyền Biden tập trung cải thiện quan hệ rạn nứt với các đồng minh như Hàn Quốc; Nhật Bản; EU, vẫn duy trì một số sáng kiến có từ thời Trump 1.0 như Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở (FOIP); Mạng lưới điểm xanh (BDN); sáng kiến kết cấu hạ tầng châu Á chất lượng cao. Có thể nói rằng, vai trò của quan hệ Hoa Kỳ và Nhật Bản vẫn rất quan trọng dưới thời Tổng thống Biden khi Hoa Kỳ điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng có lợi cho các đồng minh Đông Bắc Á (Nhật Bản và Hàn Quốc) như từ bỏ chính sách chia sẻ chi phí đóng quân sự công bằng, đình chiến thương mại, tránh trừng phạt hàng rào thuế quan với thép và chì, đồng thời thúc đẩy hợp tác ba bên trong vấn đề hạt nhân Triều Tiên và trở dậy Trung Quốc.

Chiến thắng áp đảo trước Phó Tổng thống Kamala Harris trong cuộc bầu cử tháng 11/2024 giúp Tổng thống Donald Trump quay trở lại Nhà Trắng sau 4 năm. Tính đến tháng 8/2025 tức khoảng hơn 200 ngày đầu nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Trump, chính quyền của ông Trump đã đạt được những thành tựu đáng chú ý như việc thông qua dự luật cải cách thuế lớn, đạt được mức thấp kỷ lục về số lượng người vượt biên dọc biên giới phía Nam và đảm bảo các thỏa thuận thương mại với một số quốc gia. Cải cách thuế khiến việc cắt giảm thuế năm 2017 của ông Trump trở thành vĩnh viễn, ảnh hưởng đến tiền tip, tiền làm thêm giờ và thuế An sinh Xã

hội, đồng thời cũng tác động đến chương trình bảo hiểm sức khỏe Medicaid và tín dụng thuế năng lượng xanh. Chính quyền của Trump cũng tập trung vào an ninh biên giới, dẫn đến không có trường hợp vượt biên trái phép nào được báo cáo vào tháng 6 và tháng 7. Hoa Kỳ cũng lần lượt đạt được thỏa thuận thương mại với các nước: Hàn Quốc, Pakistan, Nhật Bản, Indonesia, Philippines, Việt Nam, Vương quốc Anh và Liên minh châu Âu. Ngoài ra, chính quyền của Trump công bố Kế hoạch hành động AI (AI Action Plan), nhằm mục đích đưa Hoa Kỳ trở thành quốc gia dẫn đầu toàn cầu về công nghệ trí thông minh nhân tạo. Tuy nhiên, việc xử lý các hồ sơ liên quan đến tỷ phú Jeffrey Epstein đang gây nên tranh cãi trong số những người ủng hộ Tổng thống Trump.

Tình hình trong nước và những thay đổi trong chính sách của Nhật Bản

Giai đoạn 2017-2021, Nhật Bản đã chứng kiến nhiều thành tựu cũng như hạn chế từ chương trình nghị sự trong nước (chính trị, kinh tế, xã hội) cho đến chính sách đối ngoại. Về thành tựu, *thứ nhất*, chính sách kinh tế “Abenomics” của Thủ tướng Shinzo Abe triển khai nhằm phục hồi nền kinh tế vốn trì trệ từ những năm 1990 thông qua nới lỏng tiền tệ, kích thích tài khóa và cải cách cơ cấu. Kết quả, Nhật Bản thoát khỏi vòng xoáy lạm phát, giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống mức thấp nhất trong 26 năm và tạo ra giai đoạn tăng trưởng liên tục dài thứ 2 trong lịch sử thời hậu chiến cho Nhật Bản với 71 tháng tăng trưởng liên tiếp [VietnamPlus, 2022]. Với sự sụt giảm của đồng Yen đã đẩy thu nhập của các công ty lên mức kỷ lục; vốn FDI vào Nhật Bản tăng tương đương 1,2% GDP quốc gia năm 2020; lượng khách du lịch đạt đỉnh 31,88 triệu năm 2019; tỷ lệ lao động nữ tăng lên 72% - mức này cao hơn 10 điểm phần trăm so với lúc Abe nắm quyền năm 2012, cao hơn 6 điểm phần so với tỷ lệ của Hoa Kỳ [VietnamPlus, 2022]. *Thứ hai*, sự ổn định về chính trị là một thành tựu đáng chú ý xuyên suốt giai đoạn cầm quyền của Abe, đảng Dân chủ Tự do (LDP) trở thành một lực lượng chính trị thống nhất và gắn kết hơn, hơn 76% nghị sĩ Quốc hội ủng hộ sự lãnh đạo của Abe trong cuộc bầu cử 2018 [VOV, 2018]. *Thứ ba*, chính sách đối ngoại của Nhật Bản hướng đến mục tiêu trở thành cường quốc toàn cầu thông qua việc giải quyết những thách thức an ninh khu vực. Tiếp tục củng cố liên minh quân sự và kinh tế với Hoa Kỳ bất chấp những thay

đổi đến từ Tổng thống Trump, kết quả Nhật Bản định vị là đối tác chủ chốt của Hoa Kỳ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương xuyên suốt giai đoạn nắm quyền của Obama và Trump, tìm cách vừa ổn định quan hệ với Trung Quốc qua kinh tế và vừa cạnh tranh kiềm chế thông qua liên minh với Hoa Kỳ.

Về hạn chế, *thứ nhất*, tình trạng thiếu lao động; nợ công vẫn dai dẳng; ảnh hưởng nghiêm trọng do tác động của đại dịch Covid-19 vào năm 2020 gây ra sự gián đoạn đáng kể cho nền kinh tế của Nhật Bản, do sự phụ thuộc quá nhiều vào chính sách tiền tệ nới lỏng và chi tiêu tài khóa khiến kinh tế Nhật Bản vẫn vật lộn để tìm ra con đường tăng trưởng dài hạn. Tiếp đó, mức thuế đối ứng 25% mà Tổng thống Trump đưa ra vào tháng 4/2025 còn khiến nền GDP Nhật Bản giảm 0,85% trong năm 2025 và thậm chí nhiều chuyên gia kinh tế còn đưa ra dự báo khả năng nước Nhật có thể rơi vào suy thoái kinh tế vào năm 2026 với xác suất xảy ra là hơn 50% [VTV Online, 2025]. *Thứ hai*, thời kỳ hậu Abe nền chính trị Nhật Bản có sự biến động trong 5 năm qua khi có sự thay đổi liên tục ở vị trí thủ tướng từ Yoshihide Suga (9/2020-9/2021), Fumio Kishida (10/2021-10/2024) và Shigeru Ishiba (10/2024 đến 9/2025). Đảng LDP từ lâu đã thống trị chính trường Nhật Bản, nhưng quyền lực của đảng này bị thách thức bởi các vụ bê bối tham ô, đấu đá phe phái, qua đó giảm lòng tin từ người dân. Điều này thể hiện qua việc Liên minh cầm quyền của Thủ tướng Ishiba mất quyền kiểm soát đa số tại Hạ viện lần đầu tiên sau 15 năm (liên minh LDP và đảng Công Minh chỉ giành được tổng cộng 215/465 ghế tại Hạ viện, không đạt được mục tiêu 233 ghế và thấp hơn nhiều so với mức 288 ghế trong nhiệm kỳ trước) trong cuộc bầu cử 2024 [QĐND, 2022]. Vào ngày 7/9/2025, Thủ tướng Shigeru Ishiba tuyên bố từ chức chỉ sau gần 1 năm kế nhiệm Thủ tướng Fumio Kishida, nguyên nhân từ những phản đối ngày càng tăng từ trong nội bộ đảng LDP đối với ông Ishiba sau thất bại nặng nề của liên minh cầm quyền trong cuộc bầu cử Thượng viện Nhật Bản vào tháng 7/2025. *Thứ ba*, Nhật Bản phải vật lộn với các vấn đề liên quan đến dân số già hóa, tỷ lệ sinh giảm và nhu cầu cải cách phúc lợi xã hội. Đáng chú ý nhất là đại dịch Covid-19 khiến Thế vận hội Tokyo 2020 bị hoãn đến năm 2021, đồng thời số lượng người dân Nhật Bản mong muốn hủy hoặc hoãn sự kiện này là rất cao (hơn 50%) vì những lo ngại lây nhiễm

virus SARS-CoV-2 [VOV, 2021], điều này ảnh hưởng đến hình ảnh đất nước cũng như cơ hội kích cầu nền kinh tế qua du lịch.

Trong quan hệ với Hoa Kỳ, có thể nói rằng Nhật Bản vẫn tích cực điều chỉnh chiến lược quốc phòng của mình (nỗ lực sửa đổi Điều 9 Hiến pháp), tăng cường hợp tác an ninh với Hoa Kỳ và tham gia vào sáng kiến quân sự đa phương ở khu vực và toàn cầu dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ. Sự hỗ trợ từ Hoa Kỳ cho các điều chỉnh chính sách quốc phòng của Nhật Bản là rất quan trọng vì nó phản ánh sự phát triển của liên minh quân sự giữa hai quốc gia hướng tới quan hệ đối tác toàn diện hơn. Sự thay đổi này sẽ dẫn đến việc Nhật Bản đảm nhận vai trò và trách nhiệm lớn hơn ở cả Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và trên toàn cầu. Khi Hoa Kỳ tăng cường sự tham gia và củng cố dấu ấn quân sự của mình ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, liên minh quân sự Hoa Kỳ - Nhật Bản sẽ trở nên ngày càng quan trọng trong khu vực, song trùng với các mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ trong giai đoạn sau.

- *Cấp độ cá nhân*

Phần này sẽ đề cập đến những người đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và thúc đẩy quan hệ đồng minh Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, bao gồm các đời tổng thống Hoa Kỳ và thủ tướng Nhật Bản: Tổng thống Joe Biden (2021-2025); Tổng thống Donald Trump (2025-2029); Thủ tướng Yoshihide Suga (2020-2021); Thủ tướng Fumio Kishida (2021-2024); và Thủ tướng Shigeru Ishiba (2024-2025).

- *Về phía Hoa Kỳ*

Joe Biden là tổng thống thứ 46 của Hoa Kỳ, là người kế nhiệm Tổng thống Donald Trump (2017-2021). Trong nhiệm kỳ của Tổng thống Biden (2021-2025), quan hệ đối tác Hoa Kỳ - Nhật Bản trải qua một giai đoạn điều chỉnh đáng kể để củng cố hợp tác chiến lược giữa hai siêu cường này. Lễ nhậm chức của Biden đánh dấu sự chuyển hướng sang một cách tiếp cận chủ động, đa phương trong chính sách đối ngoại, hoàn toàn trái ngược với lập trường cô lập của người tiền nhiệm, Tổng thống Trump. Sự chuyển hướng này đặt nền móng cho những hướng hợp tác mới và mở rộng phạm vi hợp tác, bao gồm các lĩnh vực quan trọng như sáng kiến y tế toàn cầu, giảm thiểu biến đổi khí hậu và tăng cường an ninh khu vực. Một bước phát

triển quan trọng trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản dưới thời Biden là việc làm sâu sắc hơn quan hệ quân sự. Các cuộc gặp thượng đỉnh giữa Tổng thống Biden và Thủ tướng Nhật Bản Fumio Kishida đã xoa dịu những bất đồng trước đây liên quan đến chi tiêu quân sự, tạo điều kiện thuận lợi cho các thỏa thuận về trách nhiệm tài chính cho sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ tại Nhật Bản. Những diễn biến này không chỉ củng cố liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản mà còn tối ưu hóa sự chuẩn bị của họ trước những thách thức an ninh chung. Hơn nữa, cả hai nhà lãnh đạo đã tích cực phối hợp để xây dựng lập trường thống nhất trước những thách thức ngày càng gia tăng từ Trung Quốc, qua đó tăng cường hợp tác quân sự trong khu vực. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn còn gặp phải một số trở ngại. Gánh nặng tài chính cho việc tiếp đón lực lượng Hoa Kỳ vẫn là một vấn đề gây tranh cãi trong chính trường Nhật Bản. Hơn nữa, sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ tại Okinawa gây ra sự phản đối tại địa phương, dẫn đến nhiều cuộc biểu tình. Tranh chấp thương mại cũng là những vấn đề chưa được giải quyết giữa hai quốc gia. Bất chấp những trở ngại này và những bước tiến tích cực đã đạt được, Hoa Kỳ và Nhật Bản cần tiếp tục nỗ lực duy trì, củng cố và mở rộng liên minh đặc biệt của mình trong bối cảnh chiến lược toàn cầu đang biến đổi.

Donald Trump là tổng thống thứ 45 và 47 của Hoa Kỳ, được xem là nhân vật gây tranh cãi và có ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản khi vừa là người tiền nhiệm (2017-2021) và vừa là người kế nhiệm (2025-2028) của Tổng thống Joe Biden. Mặc dù quan hệ đồng minh thân thiết với Nhật Bản vẫn là trụ cột chính trong chiến lược của Hoa Kỳ tại châu Á, nhưng liên minh này giai đoạn 2021-2025 gặp một số thách thức, một phần là do di sản từ nhiệm kỳ đầu của Trump. Việc Tổng thống Trump dù khởi xướng cuộc chiến thương mại với Trung Quốc nhưng cũng không miễn trừ thuế quan đối với sản phẩm nhôm và thép của Nhật Bản, điều này đặt ra câu hỏi về độ tin cậy của Hoa Kỳ với tư cách là một đối tác và dẫn đến những tổn thất kinh tế đáng kể. Thêm vào đó, ông Trump còn đe dọa sẽ rút lực lượng quân sự Hoa Kỳ trừ phi quốc gia Đông Á này đồng ý tăng gấp 5 lần chi phí đồn trú lên 8 tỷ USD [Kyodo News, 2020], quyết định rút lui khỏi các cam kết quốc tế như hiệp định thương mại Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) cũng

khiến các quan chức ở Tokyo lo ngại, những người coi sự hiện diện mạnh mẽ của Washington tại châu Á và trên thế giới là điều cần thiết để đối trọng với sự trỗi dậy của Bắc Kinh. Theo khảo sát của PEW vào ngày 15/09/2020, người dân Nhật Bản chỉ có 25% tin tưởng Tổng thống Donald Trump, trái ngược hoàn toàn so với mức độ tin tưởng 78% của người Nhật đối với Tổng thống Barack Obama trong năm cuối cùng nhiệm kỳ hai [PEW, 2020].

Những chính sách của ông Trump giai đoạn 2017-2021 đã làm suy yếu liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản vào thời điểm không thích hợp trước những hành động gây hấn từ Trung Quốc, vấn đề hạt nhân Triều Tiên, đại dịch Covid-19 đang bùng phát dữ dội tại hai nước. Do đó, một trong những trọng tâm đối ngoại của Chính quyền Joe Biden chính là tìm cách “sửa chữa” những sai lầm của người tiền nhiệm nhằm giúp liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản đạt hiệu quả cao nhất và thúc đẩy những lợi ích chung của hai nước trong giai đoạn 2021-2025. Nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Trump bắt đầu từ tháng 1/2025, với phương châm “Nước Mỹ trên hết” của ông Trump tiếp tục tạo nên “căng thẳng” trong quan hệ với Nhật Bản thông qua việc Hoa Kỳ đưa ra thuế đối ứng 25% cho cường quốc Đông Á này vào tháng 4/2025 và sau quá trình đàm phán khó khăn, hai bên đạt mức thuế quan hàng hóa xuất khẩu sang Hoa Kỳ cuối cùng là 15% vào tháng 7/2025. Để đạt mức thuế này, nước Nhật phải cam kết đầu tư 550 tỷ USD và Hoa Kỳ sẽ nhận được 90% lợi nhuận [Tuổi trẻ Online, 2025b]. Tiếp đó, vào tháng 3/2025, Tổng thống Trump chỉ trích hiệp ước an ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản, vì cho rằng đây là thỏa thuận không công bằng, vì Washington có trách nhiệm bảo vệ Tokyo, trong khi quốc gia Đông Bắc Á không có nghĩa vụ tương tự đối với đồng minh lớn nhất ở phương Tây, điều này sẽ gây áp lực buộc Nhật Bản phải tăng ngân sách quốc phòng trong thời gian tới [Thế giới & Việt Nam, 2025].

- *Về phía Nhật Bản*

Yoshihide Suga (2020-2021) là thủ tướng thứ 99 của Nhật Bản. Trong 2 năm nhiệm kỳ, Thủ tướng của Suga phải đối mặt với thách thức kép là đương đầu với cuộc khủng hoảng y tế từ đại dịch Covid-19 và thích ứng với sự thay đổi lãnh đạo tại Hoa Kỳ với nhiệm kỳ của Tổng thống Joe Biden. Bất chấp những trở ngại này,

Suga vẫn kiên định với cam kết của mình đối với liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản, thừa nhận vai trò quan trọng của liên minh trong việc đảm bảo hòa bình và ổn định ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Những nỗ lực của Suga nhằm duy trì và củng cố mối quan hệ với Hoa Kỳ đã được thể hiện rõ trong một số lĩnh vực quan trọng. Về quốc phòng, ông tiếp tục ủng hộ việc tái cơ cấu lực lượng Hoa Kỳ tại Nhật Bản và tăng cường năng lực phòng thủ của Nhật Bản, liên kết chặt chẽ với các lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ trong việc chống lại sự quyết đoán quân sự của Trung Quốc và các mối đe dọa tên lửa của Triều Tiên. Điều này bao gồm việc củng cố các hệ thống phòng thủ tên lửa và tăng cường cuộc tập trận quân sự chung, qua đó củng cố tư thế răn đe của liên minh.

Về mặt kinh tế, Suga tìm cách đảm bảo rằng quan hệ thương mại của Nhật Bản với Hoa Kỳ vẫn là ưu tiên số một, hướng tới sự cân bằng có lợi cho cả hai nền kinh tế. Ông cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác trong các công nghệ mới nổi và an ninh mạng, những lĩnh vực cùng quan tâm và có ý nghĩa quan trọng đối với an ninh quốc gia và khả năng cạnh tranh kinh tế. Hơn nữa, sự lãnh đạo của Suga đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết thách thức khu vực, đặc biệt là trong việc phối hợp ứng phó với hành động quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông và biển Hoa Đông cũng như tham vọng hạt nhân của Triều Tiên. Ông Suga ủng hộ tầm nhìn “Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” vừa để phù hợp với các mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ trong khu vực. Tóm lại, nhiệm kỳ của Suga dù ngắn ngủi, nhưng được đánh dấu bằng cách tiếp cận thực dụng nhằm duy trì và củng cố liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu phức tạp, đảm bảo rằng quan hệ đối tác này vẫn là nền tảng của an ninh và ổn định khu vực.

Fumio Kishida (2021-2024) là thủ tướng thứ 100 của Nhật Bản, đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao động lực quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trên nhiều lĩnh vực, phản ánh cách tiếp cận toàn diện đối với các vấn đề song phương và toàn cầu. Quan hệ đối tác chiến lược giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ được củng cố đáng kể, đặc biệt là trong lĩnh vực an ninh, nhằm đối phó với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Điều này không chỉ bao gồm việc tăng cường khả năng sẵn sàng và khả năng tương tác quân sự mà còn ủng hộ tự do

hàng hải và hàng không tại các vùng biển tranh chấp, nhấn mạnh cam kết về một Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, được neo giữ trong một trật tự dựa trên luật lệ. Về kinh tế, chính quyền của ông Kishida tập trung vào việc củng cố mối liên kết thương mại và đầu tư với Hoa Kỳ, nhận thức được tầm quan trọng đặc biệt của an ninh kinh tế. Điều này bao gồm nỗ lực đa dạng hóa và bảo đảm an ninh cho các chuỗi cung ứng dễ bị gián đoạn, như đã thấy trong đại dịch Covid-19 và thúc đẩy đổi mới thông qua các liên doanh trong lĩnh vực công nghệ số và an ninh mạng. Các sáng kiến này nhằm đảm bảo khả năng phục hồi kinh tế và bảo vệ những tiến bộ công nghệ. Ông Kishida cũng thể hiện vai trò lãnh đạo trong các vấn đề môi trường và sức khỏe toàn cầu. Chính phủ của ông đã hợp tác với Hoa Kỳ về biến đổi khí hậu, cam kết thực hiện mục tiêu giảm phát thải carbon đầy tham vọng và đầu tư vào công nghệ năng lượng tái tạo. Quan hệ đối tác này mở rộng sang việc giải quyết các thách thức y tế toàn cầu với việc Nhật Bản và Hoa Kỳ cùng nhau tăng cường các cơ chế chuẩn bị và ứng phó với đại dịch, thể hiện cam kết chung về an ninh - y tế. Nhìn chung, nhiệm kỳ của ông Kishida được đánh dấu bằng lập trường chủ động trong việc củng cố liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản với trọng tâm rõ ràng là giải quyết thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Những nỗ lực của Thủ tướng Kishida nhằm tăng cường quan hệ kinh tế cùng với hợp tác về các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh và y tế làm nổi bật tính toàn diện của mối quan hệ, góp phần vào sự ổn định của khu vực và quốc tế.

Shigeru Ishiba là người kế nhiệm Thủ tướng Kishida trở thành thủ tướng thứ 101 của Nhật Bản. Dù nhiệm kỳ chỉ kéo dài gần 1 năm (10/2024-9/2025) nhưng chính quyền Ishiba đã tìm cách đàm phán với Tổng thống Trump nhằm giải quyết những vướng mắc trong quan hệ Nhật Bản - Hoa Kỳ. Về kinh tế, Thủ tướng Ishiba chủ động xoa dịu những “bất mãn” của Tổng thống Trump ngay trong cuộc gặp lần đầu tiên tại Nhà Trắng vào tháng 2/2025 bằng lời hứa rằng Nhật Bản sẽ đầu tư 1.000 tỷ USD vào Hoa Kỳ [The Japan News, 2025]. Hai bên có những căng thẳng sau đó trong quá trình đàm phán thuế quan khi Washington cáo buộc phía Tokyo ngăn ngại mua sản phẩm gạo của Hoa Kỳ, qua đó Tổng thống Trump tuyên bố sẽ áp thuế 25% đối với hàng nhập khẩu từ Nhật Bản kể từ ngày 1/8/2025. Ngay sau đó,

đội ngũ đàm phán của Thủ tướng Ishiba đưa ra mức cam kết đầu tư 550 triệu USD vào Hoa Kỳ, Nhật Bản cuối cùng đạt được mức thuế đối ứng với Hoa Kỳ là 15% vào tháng 9/2025. Về hợp tác an ninh - quốc phòng, Thủ tướng Ishiba tái khẳng định tầm quan trọng của Nhật Bản đối với an ninh Hoa Kỳ cũng như vai trò qua trọng của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản. Tiếp đó, ông Ishiba nói rằng Nhật Bản sẽ tự chủ động việc tăng chi tiêu quốc phòng theo “sáng kiến riêng của mình” (lên 2%) và đưa ra những kế hoạch cụ thể từ phía Nhật Bản nhằm gánh vác trách nhiệm lớn hơn trong liên minh an ninh Nhật Bản - Hoa Kỳ, đồng thời Thủ tướng Ishiba chính thức mời Tổng thống Trump đến thăm chính thức nước Nhật Bản trong tương lai gần [The Asahi Shimbun, 2025].

2.2.2. Vị trí Nhật Bản trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ

- *Đồng minh chiến lược then chốt trong triển khai chiến lược toàn cầu và khu vực của Hoa Kỳ*

Nhật Bản giữ vị trí là một trong những đồng minh quan trọng nhất của Hoa Kỳ, đặc biệt trong triển khai chiến lược tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong tổng thể chính sách đối ngoại của Washington, Tokyo không chỉ là đối tác song phương mà còn là điểm tựa chiến lược giúp Hoa Kỳ duy trì hiện diện quân sự, bảo vệ lợi ích cốt lõi và củng cố vai trò lãnh đạo khu vực. Vai trò này được hình thành từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh, khi Nhật Bản được xem là thành trì chiến lược nhằm ngăn chặn sự mở rộng của chủ nghĩa cộng sản tại Đông Á. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, dù mục tiêu đối đầu ý thức hệ không còn giữ vai trò trung tâm, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản vẫn tiếp tục được duy trì và điều chỉnh để thích ứng với thách thức mới như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc và những biến động trong cấu trúc quyền lực khu vực.

- *Trụ cột trong hệ thống liên minh và kiến trúc an ninh do Hoa Kỳ dẫn dắt*

Trong mạng lưới đồng minh của Hoa Kỳ tại châu Á - Thái Bình Dương, Nhật Bản giữ vai trò trung tâm trong việc duy trì và vận hành kiến trúc an ninh khu vực. Hệ thống căn cứ quân sự và cơ sở hậu cần của Hoa Kỳ tại Nhật Bản cho phép Washington triển khai lực lượng nhanh chóng, duy trì ưu thế trên không và trên biển, đồng thời nâng cao khả năng ứng phó với các điểm nóng an ninh. Đối với Hoa

Kỳ, hiện diện quân sự tại Nhật Bản không chỉ mang ý nghĩa quân sự mà còn thể hiện cam kết chiến lược lâu dài đối với đồng minh trong khu vực. Sự hiện diện này góp phần củng cố lòng tin của các đối tác như Hàn Quốc và Đài Loan, đồng thời duy trì cân bằng quyền lực tại Đông Bắc Á. Trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị gia tăng, Nhật Bản trở thành nền tảng giúp Hoa Kỳ bảo đảm tính liên tục và hiệu quả của chiến lược khu vực.

• *Đối tác chủ lực trong chiến lược cạnh tranh và cân bằng quyền lực với Trung Quốc*

Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc làm nổi bật hơn vai trò của Nhật Bản như một đối tác chủ lực trong chiến lược cân bằng quyền lực của Hoa Kỳ. Không chỉ phối hợp chặt chẽ về quốc phòng, hai nước còn mở rộng hợp tác trong lĩnh vực công nghệ, an ninh kinh tế và xây dựng mạng lưới đối tác khu vực. Nhật Bản đồng thời tham gia sâu hơn vào cơ chế an ninh đa phương và tăng cường hợp tác với các đối tác như Australia, Ấn Độ và Hàn Quốc. Điều này giúp Hoa Kỳ mở rộng cấu trúc liên kết chiến lược và tăng khả năng điều phối khu vực trong khuôn khổ chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở. Từ chính quyền Donald Trump đến Joe Biden, vai trò của Nhật Bản trong chiến lược khu vực của Hoa Kỳ nhìn chung vẫn duy trì tính liên tục và thậm chí ngày càng được củng cố.

• *Đối tác trọng yếu trong hợp tác kinh tế, công nghệ và bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng*

Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản ngày càng mở rộng vượt ra ngoài lĩnh vực an ninh truyền thống để bao trùm các lĩnh vực kinh tế chiến lược và công nghệ cao. Nhật Bản hiện là đối tác quan trọng của Hoa Kỳ trong lĩnh vực như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch và bảo đảm chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ toàn cầu gia tăng và các cú sốc chuỗi cung ứng ngày càng rõ nét, sự phối hợp giữa hai nước góp phần tăng cường khả năng chống chịu kinh tế và duy trì lợi thế cạnh tranh. Đồng thời, một môi trường an ninh ổn định tại khu vực cũng được Hoa Kỳ xem là điều kiện cần thiết để bảo vệ lợi ích kinh tế và duy trì vai trò trung tâm của mình trong nền kinh tế khu vực.

- *Đối tác nòng cốt trong thúc đẩy hợp tác đa phương và định hình luật lệ quốc tế*

Hoa Kỳ coi Nhật Bản là đối tác then chốt trong việc thúc đẩy các cơ chế hợp tác đa phương nhằm gia tăng khả năng định hình chuẩn mực và luật lệ quốc tế. Với vị thế là một cường quốc kinh tế và có ảnh hưởng chính trị rộng, Nhật Bản hỗ trợ Hoa Kỳ trong việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng và tăng tính chính danh cho các sáng kiến khu vực. Bên cạnh vai trò thể chế, Nhật Bản còn mang lại cho Hoa Kỳ nguồn lực sức mạnh mềm đáng kể thông qua uy tín quốc tế, mạng lưới đối tác và khả năng kết nối khu vực. Điều này giúp Washington mở rộng hiệu quả tập hợp lực lượng trong bối cảnh môi trường quốc tế ngày càng phân tán quyền lực.

- *Nhân tố quan trọng trong chia sẻ gánh nặng chiến lược và tái phân bổ nguồn lực*

Trước áp lực cạnh tranh chiến lược trên nhiều khu vực cùng lúc, Hoa Kỳ ngày càng thúc đẩy mô hình chia sẻ trách nhiệm với các đồng minh. Trong bối cảnh đó, Nhật Bản được kỳ vọng đóng vai trò chủ động hơn trong bảo đảm an ninh khu vực. Việc Nhật Bản công bố bộ ba văn kiện chiến lược năm 2022 gồm Chiến lược An ninh Quốc gia, Chiến lược Quốc phòng và Chương trình tăng cường năng lực quốc phòng phản ánh bước chuyển quan trọng trong tư duy chiến lược của Tokyo. Những điều chỉnh này không chỉ nâng cao năng lực tự chủ của Nhật Bản mà còn giúp giảm áp lực cho Hoa Kỳ trong duy trì hiện diện khu vực và phân bổ nguồn lực toàn cầu.

- *Cơ sở củng cố vai trò lãnh đạo và tính chính danh của Hoa Kỳ trong khu vực và toàn cầu*

Quan hệ đồng minh với Nhật Bản tiếp tục là một trong những nền tảng quan trọng giúp Hoa Kỳ duy trì vai trò lãnh đạo trong trật tự khu vực và quốc tế. Thông qua liên minh này, Hoa Kỳ không chỉ bảo đảm khả năng hiện diện chiến lược mà còn gia tăng tính chính danh trong việc thúc đẩy các giá trị, chuẩn mực và mô hình quản trị mà mình theo đuổi. Trong bối cảnh cấu trúc quốc tế chuyển dịch theo hướng đa cực hóa, vai trò của Nhật Bản đối với Hoa Kỳ không còn giới hạn ở chức năng đồng minh truyền thống mà đã mở rộng thành đối tác chiến lược toàn diện, hỗ trợ Washington duy trì ảnh hưởng và thích ứng với môi trường cạnh tranh quyền lực ngày càng phức tạp.

2.2.3. Vị trí của Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản

• *Đối tác chiến lược quan trọng hàng đầu trong cấu trúc đối ngoại của Nhật Bản*

Hoa Kỳ giữ vị trí trung tâm và mang tính trụ cột trong tổng thể chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Không chỉ đơn thuần là một đối tác song phương, Hoa Kỳ còn đóng vai trò định hình tư duy chiến lược, thứ tự ưu tiên đối ngoại và định hướng phát triển dài hạn của Nhật Bản. Trong bối cảnh quốc tế ngày càng biến động, Nhật Bản thường điều chỉnh chính sách đối ngoại trên cơ sở duy trì mức độ đồng bộ nhất định với Hoa Kỳ nhằm bảo đảm tính ổn định chiến lược và khả năng ứng phó trước những thay đổi của môi trường quốc tế. Quan hệ đồng minh giữa hai nước được đặt nền móng từ Hiệp ước An ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản năm 1951. Theo thỏa thuận này, Hoa Kỳ được sử dụng các cơ sở và lãnh thổ của Nhật Bản, đổi lại Washington cam kết bảo vệ Tokyo trước các mối đe dọa bên ngoài. Khuôn khổ liên minh đó trở thành nền tảng lâu dài định hình chính sách đối ngoại và chiến lược an ninh của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

• *Nền tảng cốt lõi bảo đảm an ninh và ổn định chiến lược của Nhật Bản*

Liên minh với Hoa Kỳ là trụ cột trong kiến trúc an ninh của Nhật Bản kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong điều kiện bị ràng buộc bởi Hiến pháp hòa bình và giới hạn về phát triển quân sự, Nhật Bản dựa vào cam kết an ninh của Hoa Kỳ như một bảo đảm chiến lược nhằm duy trì an ninh quốc gia và ổn định môi trường khu vực. Yếu tố này càng trở nên quan trọng khi xét tới điều kiện địa chiến lược của Nhật Bản. Là một quốc đảo có diện tích đất liền hạn chế và nằm gần các trung tâm quyền lực tại Đông Bắc Á, Nhật Bản được xem là dễ tổn thương trước rủi ro an ninh. Các khu vực đô thị đông dân, nơi tập trung nguồn lực kinh tế và bộ máy quản trị quốc gia, đồng thời trở thành điểm dễ bị tác động nếu xảy ra xung đột. Việc không có vùng đệm địa lý với Trung Quốc, Nga và Triều Tiên khiến nhu cầu duy trì liên minh với Hoa Kỳ càng trở nên cấp thiết. Kể từ sau Chiến tranh Lạnh, khu vực châu Á - Thái Bình Dương xuất hiện nhiều thách thức từ mối “quan hệ mất cân bằng nghiêm trọng” giữa các cường quốc như Hoa Kỳ và Trung Quốc, các điểm nóng trong khu vực như eo biển Đài Loan và bán đảo Triều Tiên có nguy cơ dẫn

đến khủng hoảng hoặc xung đột quân sự, từ đó đe dọa hòa bình và an ninh khu vực [QĐND, 2022]. Trong bối cảnh đó, sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ tại Đông Bắc Á không chỉ bảo đảm an ninh cho Nhật Bản mà còn đóng góp vào ổn định khu vực nói chung.

Song song với đó, Nhật Bản còn phải đối mặt với nhiều thách thức trực tiếp như tranh chấp lãnh thổ với Nga tại Nam Kuril (Lãnh thổ phương Bắc), với Hàn Quốc tại Dokko/Takeshima, với Trung Quốc tại Điếu Ngư/Senkaku; vấn đề công dân Nhật bị Bắc Triều Tiên bắt cóc và chương trình hạt nhân của Bình Nhưỡng; cùng với những thay đổi cán cân quyền lực do sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trong điều kiện đó, liên minh với Hoa Kỳ tiếp tục là công cụ giúp Nhật Bản bảo vệ các mục tiêu chính trị và an ninh chiến lược của mình.

- *Công cụ quan trọng trong việc tham gia định hình cân bằng quyền lực khu vực*

Thông qua quan hệ với Hoa Kỳ, Nhật Bản có điều kiện tham gia sâu hơn vào quá trình định hình cân bằng quyền lực tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng và sự trỗi dậy của Trung Quốc, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trở thành một nhân tố quan trọng duy trì trạng thái cân bằng tương đối trong khu vực. Do đó, Nhật Bản không chỉ nhận được lợi ích an ninh quốc gia mà còn có điều kiện để nước này mở rộng vai trò trong các vấn đề khu vực và quốc tế. Hợp tác chặt chẽ với Hoa Kỳ vì vậy không chỉ mang tính phòng thủ mà còn là nền tảng giúp Nhật Bản nâng cao năng lực tham gia quản trị chiến lược khu vực.

- *Động lực thúc đẩy hợp tác kinh tế, công nghệ và tái cấu trúc chuỗi cung ứng*

Bên cạnh an ninh, Hoa Kỳ còn giữ vai trò mở rộng sang các lĩnh vực chiến lược như công nghệ cao, chuyển đổi số, trí tuệ trò quan trọng trong định hướng kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. Quan hệ song phương nhân tạo, năng lượng sạch và bảo đảm chuỗi cung ứng. Việc duy trì một khu vực ổn định và thịnh vượng mang lại lợi ích kinh tế đáng kể cho cả hai nước. Hoa Kỳ hiện đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chính sách kinh tế của Nhật Bản thông qua quan hệ thương mại và sáng kiến kinh tế khu vực. Chẳng hạn, học giả Koga cho rằng sáng kiến “Ấn Độ Dương -

Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (FOIP) bao gồm các dự án phát triển cơ sở hạ tầng và quan hệ đối tác kinh tế nhằm giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc và thúc đẩy khả năng phục hồi kinh tế trong khu vực [Koga, 2020, tr.63]. Nhật Bản đồng thời liên kết chiến lược kinh tế của mình với Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF) của Hoa Kỳ nhằm thúc đẩy thương mại công bằng, hội nhập kinh tế số và chuyển đổi năng lượng sạch. Quan hệ đồng minh toàn diện cũng tạo ra mức độ phụ thuộc lẫn nhau cao về thương mại và đầu tư. Hoa Kỳ tiếp tục khuyến khích Nhật Bản duy trì chính sách thị trường mở, thúc đẩy hội nhập kinh tế và tham gia các cơ chế hợp tác đa phương như TPP, G7, GATT và OECD.

- *Cơ sở quan trọng để mở rộng vai trò đối ngoại và thúc đẩy hợp tác đa phương*

Quan hệ với Hoa Kỳ tạo điều kiện để Nhật Bản mở rộng vai trò trong các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu. Thông qua sự phối hợp với Washington, Tokyo tham gia tích cực hơn vào việc xây dựng chuẩn mực quốc tế và gia tăng ảnh hưởng trong quản trị toàn cầu. Điều này cho phép Nhật Bản từng bước chuyển đổi từ vị thế một quốc gia chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế sang một chủ thể có vai trò toàn diện hơn trong lĩnh vực chính trị, an ninh và hợp tác quốc tế.

- *Nhân tố định hướng và điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản*

Quan hệ với Hoa Kỳ có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hoạch định và điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Trong nhiều trường hợp, Tokyo phải cân nhắc giữa việc duy trì liên minh với Hoa Kỳ và mở rộng quan hệ với các đối tác khác nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia. Do đó, Hoa Kỳ không chỉ là đối tác chiến lược mà còn là một biến số quan trọng định hướng các lựa chọn chính sách của Nhật Bản trong bối cảnh môi trường quốc tế ngày càng đa cực và cạnh tranh hơn.

- *Nền tảng nâng cao vị thế quốc tế và vai trò chiến lược của Nhật Bản*

Liên minh với Hoa Kỳ tạo điều kiện để Nhật Bản từng bước nâng cao vị thế quốc tế và mở rộng vai trò chiến lược của mình. Thông qua mối quan hệ này, Nhật Bản có thể tham gia sâu hơn vào các vấn đề toàn cầu, từ an ninh, kinh tế đến quản trị quốc tế. Điều đó góp phần giúp Nhật Bản chuyển từ vị thế bị hạn chế sau chiến tranh sang một quốc gia có ảnh hưởng ngày càng rõ nét trong trật tự khu vực và quốc tế, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng với các chuyển dịch quyền lực đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu.

2.2.4. Nhân tố Trung Quốc và tác động đến quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025)

- *Sự trỗi dậy toàn diện của Trung Quốc và tác động đến tương quan lực lượng quốc tế*

Trong giai đoạn 2021-2025, Trung Quốc tiếp tục củng cố và mở rộng sức mạnh tổng hợp quốc gia trên các phương diện kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ và ảnh hưởng chính trị. Sự trỗi dậy này không chỉ làm thay đổi tương quan lực lượng trong khu vực Đông Á mà còn tác động đến cấu trúc quyền lực toàn cầu. Đối với Hoa Kỳ, đây là thách thức mang tính hệ thống đối với vai trò lãnh đạo quốc tế; đối với Nhật Bản, đây là áp lực trực tiếp đối với môi trường an ninh và không gian chiến lược. Trong bối cảnh đó, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản được thúc đẩy theo hướng tăng cường gắn kết nhằm ứng phó với sự dịch chuyển quyền lực này.

- *Cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung và sự định hình lại liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản*

Cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc ngày càng mang tính dài hạn, toàn diện và có chiều sâu cấu trúc. Sự cạnh tranh này không chỉ diễn ra trên lĩnh vực truyền thống mà còn mở rộng sang lĩnh vực mới như công nghệ, dữ liệu và không gian mạng. Trong bối cảnh đó, Hoa Kỳ đẩy mạnh chiến lược củng cố liên minh với Nhật Bản nhằm duy trì ưu thế chiến lược, trong khi Nhật Bản cũng điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng gia tăng mức độ tương thích và phối hợp với Hoa Kỳ. Qua đó, liên minh song phương được tái định hình theo hướng vừa mở rộng phạm vi, vừa nâng cao mức độ gắn kết chiến lược.

- *Chính sách an ninh và hành vi chiến lược của Trung Quốc tại Đông Bắc Á*

Trung Quốc ngày càng gia tăng hiện diện quân sự, mở rộng phạm vi hoạt động và thể hiện lập trường cứng rắn tại các khu vực tranh chấp làm gia tăng căng thẳng an ninh khu vực. Đặc biệt, các động thái tại biển Hoa Đông và khu vực lân cận đã tạo ra những quan ngại sâu sắc đối với Nhật Bản, đồng thời thúc đẩy Hoa Kỳ tăng cường cam kết an ninh đối với các đồng minh. Trong bối cảnh đó, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản được củng cố như một cơ chế răn đe chiến lược, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định và cân bằng quyền lực khu vực.

- *Đan xen lợi ích và cạnh tranh trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc*

Trung Quốc là một đối tác kinh tế quan trọng của cả Hoa Kỳ và Nhật Bản, tạo ra mối quan hệ đan xen phức tạp giữa hợp tác và cạnh tranh. Trong khi cạnh tranh chiến lược gia tăng, sự phụ thuộc kinh tế, đặc biệt của Nhật Bản, vẫn tồn tại ở mức đáng kể. Điều này buộc hai nước phải điều chỉnh chính sách theo hướng vừa giảm thiểu rủi ro chiến lược, vừa duy trì lợi ích kinh tế. Sự phối hợp giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản trong việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng, thúc đẩy sản xuất trong nước và tăng cường hợp tác kinh tế góp phần làm sâu sắc hơn quan hệ song phương.

- *Cạnh tranh công nghệ và sự hình thành không gian quyền lực mới*

Trong bối cảnh Trung Quốc nổi lên như một cường quốc công nghệ, cạnh tranh trong lĩnh vực như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và hạ tầng số ngày càng trở nên gay gắt. Điều này thúc đẩy Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường hợp tác nhằm duy trì lợi thế công nghệ, thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế và kiểm soát công nghệ chiến lược. Qua đó, hợp tác công nghệ trở thành trụ cột quan trọng trong quan hệ song phương, đồng thời phản ánh sự chuyển dịch của quyền lực từ lĩnh vực truyền thống sang không gian mới.

- *Vai trò của Trung Quốc trong việc tái cấu trúc trật tự khu vực và phản ứng của Hoa Kỳ - Nhật Bản*

Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc trong cơ chế khu vực và sáng kiến kinh tế góp phần tái định hình cấu trúc quyền lực tại Đông Á và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trước xu hướng này, Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường phối hợp nhằm duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ, đồng thời thúc đẩy các khuôn khổ hợp tác thay thế. Điều này cho thấy nhân tố Trung Quốc không chỉ là một thách thức mà còn là động lực thúc đẩy sự gắn kết chiến lược giữa hai nước.

- *Vấn đề Đài Loan như một biến số chiến lược trực tiếp*

Căng thẳng liên quan đến Đài Loan ngày càng gia tăng, trở thành một trong những điểm nóng chiến lược có khả năng tác động trực tiếp đến an ninh khu vực. Đối với Hoa Kỳ, vấn đề này gắn liền với cam kết chiến lược và uy tín quốc tế; đối với Nhật Bản, đây là yếu tố liên quan mật thiết đến an ninh quốc gia. Điều này thúc đẩy hai nước tăng cường phối hợp chiến lược, từ việc điều chỉnh lập trường chính trị đến xây dựng kịch bản ứng phó, qua đó làm sâu sắc hơn quan hệ đồng minh.

- *Tác động hai chiều và tính phức hợp của nhân tố Trung Quốc*

Nhân tố Trung Quốc vừa là động lực thúc đẩy sự gắn kết chiến lược giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, vừa tạo ra những thách thức trong việc cân bằng lợi ích. Trong khi áp lực an ninh và cạnh tranh chiến lược khiến hai nước xích lại gần nhau hơn, thì sự phụ thuộc kinh tế và nhu cầu duy trì ổn định khu vực lại đòi hỏi mức độ linh hoạt trong chính sách đối ngoại. Sự đan xen này phản ánh tính phức hợp của quan hệ quốc tế hiện đại, trong đó cạnh tranh và hợp tác cùng tồn tại.

Nhân tố Trung Quốc đóng vai trò trung tâm trong việc định hình quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản trong giai đoạn 2021-2025. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, cùng với các điều chỉnh chiến lược và hành vi ngày càng quyết đoán đã tạo ra cả áp lực lẫn động lực, buộc hai nước phải tăng cường hợp tác và nâng cấp liên minh. Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản vì vậy không chỉ được củng cố về mặt song phương mà còn ngày càng mang tính chiến lược, cấu trúc và có vai trò quan trọng trong việc duy trì cân bằng quyền lực cũng như định hình trật tự khu vực trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gia tăng.

2.2.5. Khái quát quan hệ quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trước năm 2021

Sự kiện Chuẩn Đô đốc Matthew Perry dẫn một hạm đội tàu chiến của Hoa Kỳ vào neo đậu tại vịnh Tokyo vào ngày 8/7/1853. Hành động này của Hoa Kỳ nhằm mục tiêu phô trương sức mạnh quân sự, qua đó gây sức ép buộc chính quyền “Mạc phủ Tokugawa” chấm dứt chính sách “bế quan tỏa cảng” và mở cửa giao thương với Hoa Kỳ. Kết quả chính là việc hai nước đã ký kết Hiệp ước Kanagawa vào ngày 31/3/1854, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Nhật Bản bằng việc chấm dứt hơn hai thế kỷ tự cô lập và mở cửa quốc gia cho thương mại quốc tế. Hoa Kỳ thiết lập quan hệ lãnh sự với Nhật Bản khi ông Townsend Harris nhận chức Lãnh sự tại thành phố Shimoda vào ngày 4/8/1855. Đến ngày 29/7/1858, quan hệ ngoại giao song phương chính thức được thiết lập thông qua việc ký kết Hiệp ước Hữu nghị và Thương mại giữa Tổng lãnh sự Hoa Kỳ Townsend Harris và các đại diện Nhật Bản tại kinh đô Edo (Tokyo) của Nhật Bản.

Giai đoạn 1900-1945 đánh dấu những thăng trầm trong quan hệ song phương chuyển từ “hợp tác” và “tôn trọng lẫn nhau” sang “căng thẳng” và “xung đột” với đỉnh điểm là Chiến tranh thế giới thứ Hai. Sau sự kiện Đức Quốc Xã đầu hàng đồng

minh ở châu Âu vào ngày 9/5/1945 cộng thêm việc Hoa Kỳ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Hiroshima (6/8/1945) và Nagasaki (9/8/1945), Nhật Bản đã đầu hàng quân đồng minh vô điều kiện và chấp nhận để quân đồng minh (do Hoa Kỳ lãnh đạo) chiếm đóng đất nước (1945-1951). Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản bước sang chương mới, phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau: từ tình trạng chiếm đóng đến trở thành một đồng minh thân thiết.

Về chính trị - ngoại giao, trong giai đoạn “Chiến tranh Lạnh”, Hoa Kỳ đã có điều chỉnh về chính sách của Nhật Bản như cho phép quốc gia Đông Á này thành lập các Lực lượng Phòng vệ (JSDF) và Hoa Kỳ hỗ trợ kinh tế để phát triển. Quan hệ song phương dần chuyển đổi thành “đồng minh chiến lược” với việc hai bên ký kết Hiệp ước San Francisco (còn gọi là Hiệp ước Hoà bình với Nhật Bản) vào ngày 08/09/1951, chính thức chấm dứt tình trạng chiếm đóng và khôi phục chủ quyền cho Nhật Bản, đồng thời thiết lập một liên minh an ninh giữa hai quốc gia, đặt nền tảng cho mối quan hệ đối tác sẽ phát triển mạnh mẽ hơn trong nhiều thập kỷ. Trong giai đoạn 1960-1970, mối quan hệ này chủ yếu được xác định bởi hợp tác an ninh và tái thiết kinh tế với việc Nhật Bản trải qua sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và trở thành một cường quốc kinh tế toàn cầu lớn. Hoa Kỳ và Nhật Bản đã hợp tác chặt chẽ về vấn đề an ninh, với việc Hoa Kỳ duy trì các căn cứ quân sự tại Nhật Bản và cung cấp chiếc “ô hạt nhân” để đổi lấy sự hỗ trợ của Nhật Bản trong vấn đề an ninh khu vực và toàn cầu. Từ thập niên 1980, quan hệ hai nước có sự căng thẳng do những thâm hụt thương mại chưa thể khắc phục có từ thập niên 1960 với việc Hoa Kỳ gây sức ép buộc Nhật Bản mở cửa thị trường nhiều hơn cho hàng hóa của Hoa Kỳ và định giá lại đồng Yên. Bất chấp những căng thẳng kinh tế này, liên minh an ninh vẫn vững mạnh và hai nước tiếp tục hợp tác giải quyết nhiều thách thức toàn cầu khác nhau. Đến khi Chiến tranh Lạnh kết thúc và Liên Xô sụp đổ vào đầu thập niên 1990 đã mang lại động lực mới cho mối quan hệ với sự tập trung nhiều hơn vào vấn đề kinh tế, hợp tác công nghệ và giải quyết mối đe dọa toàn cầu mới nổi như khủng bố và phổ biến vũ khí hạt nhân. Đến những năm 1990, Nhật Bản phải đối mặt với tình trạng vỡ bong bóng giá tài sản và tình trạng trì trệ kinh tế, qua đó ảnh hưởng đến vai trò của nước này trên trường quốc tế.

Đầu thế kỷ XXI, đặc biệt là sau sự kiện ngày 11/9, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản tiếp tục được củng cố khi cả hai quốc gia phải đối mặt với những thách thức an ninh mới, bao gồm khủng bố và sự trỗi dậy của Trung Quốc như một cường quốc khu vực. Nhật Bản đảm nhận vai trò chủ động hơn trong an ninh quốc tế, tham gia vào hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc (cao nguyên Golan, Haiti) và hỗ trợ các sáng kiến do Hoa Kỳ lãnh đạo. Thập niên 2010 đánh dấu những nỗ lực hiện đại hóa liên minh với việc sửa đổi Nguyên tắc hợp tác quốc phòng Hoa Kỳ - Nhật Bản và việc Nhật Bản diễn giải lại hiến pháp hòa bình của mình để cho phép tự vệ tập thể. Hai bên hợp tác chặt chẽ về các vấn đề kinh tế, nhất là cuộc đàm phán cho Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), mặc dù sau đó Hoa Kỳ rút khỏi thỏa thuận. Giai đoạn 2016-2021, mối quan hệ này phải đối mặt với những thử thách mới với nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống Donald Trump với việc yêu cầu Nhật Bản phải tăng chi phí đóng quân của quân đội Hoa Kỳ tại Nhật Bản hay khởi xướng chiến tranh thương mại. Tuy nhiên, cả hai quốc gia vẫn tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của liên minh đối với an ninh khu vực và sự ổn định kinh tế.

Về kinh tế, dưới sự chiếm đóng của Hoa Kỳ trong giai đoạn 1945-1951, Nhật Bản đã thực hiện các chính sách ổn định như “Đường Dodge” (1949) nhằm kiềm chế lạm phát và ổn định nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh. Các biện pháp chủ chốt bao gồm cân bằng ngân sách quốc gia, giảm sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế và thiết lập tỷ giá hối đoái cố định 360 Yên đổi 1 USD. Điều này tạo ra một môi trường kinh tế ổn định, thuận lợi cho tăng trưởng. Ngoài ra, Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) thúc đẩy đáng kể nền kinh tế Nhật Bản thông qua các đơn đặt hàng mua sắm từ Hoa Kỳ do cần nguồn cung ứng và vật tư cho cuộc chiến tranh. Nhu cầu này thúc đẩy sản xuất công nghiệp và đặt nền móng cho sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Nhật Bản trong những thập kỷ tiếp theo, thường được gọi là giai đoạn “tăng trưởng cao” của Nhật Bản. Sự kết hợp giữa các chính sách ổn định này và biện pháp kích thích kinh tế từ Chiến tranh Triều Tiên được coi là chất xúc tác cho quá trình chuyển đổi kinh tế và nâng cấp công nghiệp của Nhật Bản.

Từ thập niên 1960 đến cuối thập niên 1980 chứng kiến các sản phẩm Nhật Bản như ô tô và đồ điện tử thâm nhập vào thị trường Hoa Kỳ, những căng thẳng thương mại dần gia tăng dẫn đến các vụ kiện của Hoa Kỳ chống bán phá giá và hạn chế xuất khẩu tự nguyện từ phía Nhật Bản. Nhiều cuộc họp và thỏa thuận được ký kết giữa hai nước đáng chú ý như: MOSS (The Market-Oriented Sector Selective Talks: Các cuộc đàm phán theo định hướng thị trường và chọn lọc theo từng lĩnh vực) (1985-1988) và Hiệp định Plaza (1985) được diễn ra, qua đó giúp đồng Yên tăng giá đáng kể và đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản dần tăng lên. Bước những năm 1990 được đánh dấu bằng sự vỡ bong bóng tài sản của Nhật Bản, dẫn đến một “thập kỷ mất mát” và gia tăng hoạt động chuyển dịch sản xuất công ty Nhật sang Bắc Mỹ, điều này làm giảm bớt một số căng thẳng thương mại. Vào những năm 2000, Hoa Kỳ và Nhật Bản chịu ảnh hưởng đáng kể bởi tư cách thành viên của mình trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mà cả hai nước đều gia nhập vào năm 1995. Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm các hành động thương mại đơn phương, khuyến khích cả hai quốc gia giải quyết bất đồng thông qua khuôn khổ quốc tế đã được thiết lập. Sự thay đổi này dẫn đến việc tập trung vào các vấn đề như tiêu chuẩn, quyền sở hữu trí tuệ (IPR) và dịch vụ, thay vì các rào cản thương mại truyền thống như thuế quan. Trong giai đoạn này chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể trong thương mại dịch vụ hai chiều và doanh số bán hàng liên kết, đặc biệt là trong các lĩnh vực như tài chính, công nghệ thông tin (CNTT) và dịch vụ kinh doanh. Sự mở rộng này được tạo điều kiện thuận lợi bởi việc mở rộng chuỗi cung ứng và tăng cường đầu tư xuyên biên giới. Kỷ nguyên này đánh dấu sự chuyển đổi từ thương mại dựa trên hàng hóa sang mối quan hệ kinh tế phức tạp hơn được đặc trưng bởi dòng dịch vụ và đầu tư.

Trong thập niên 2010, quan hệ kinh tế giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản chuyển từ “xung đột” thương mại sang “hợp tác thiết lập quy tắc”, đặc biệt là thông qua các cuộc đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Dù Hoa Kỳ đã rút khỏi TPP vào năm 2017, nhiều cuộc thảo luận song phương được tổ chức để thảo luận mối quan tâm chung trong việc thiết lập quy tắc thương mại hiện đại bao gồm lĩnh vực như dữ liệu, doanh nghiệp nhà nước (SOE), lao động và môi trường. Hai

nước tập trung vào các thỏa thuận song phương hạn chế để giải quyết vấn đề thương mại cụ thể như Hiệp định Thương mại Hoa Kỳ - Nhật Bản (USJTA) (2020) để cắt giảm thuế quan và hạn ngạch đối với nông sản và một số mặt hàng công nghiệp, tăng cường tiếp cận thị trường và giảm các rào cản thương mại. Ngoài ra, Hiệp định Thương mại Kỹ thuật số Hoa Kỳ - Nhật Bản được ký kết vào năm 2019 đặt ra các tiêu chuẩn cao cho thương mại kỹ thuật số giống như chương kỹ thuật số của “Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada” (USMCA). Thỏa thuận này tạo điều kiện thuận lợi cho luồng dữ liệu, cấm thuế hải quan đối với giao dịch điện tử và áp đặt giới hạn về nội địa hóa dữ liệu và tiết lộ mã nguồn, phản ánh bản chất đang phát triển của thương mại toàn cầu trong thời đại kỹ thuật số.

Đại dịch Covid-19 bùng phát và làm gián đoạn thương mại nhưng thương mại song phương đã dần phục hồi vào năm 2021. Xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Nhật Bản đạt 75,0 tỷ USD, tăng 17,6% so với 2019, trong khi nhập khẩu là 135,1 tỷ USD (tăng 9,6%) dẫn đến thâm hụt thương mại hàng hóa [BIS, 2021]. Các danh mục thương mại chính bao gồm thiết bị vận tải, máy móc, dụng cụ quang học/y tế và nông nghiệp. Bất chấp thâm hụt thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trở thành một yếu tố ổn định. Đến cuối năm 2021, Nhật Bản là nguồn cung cấp FDI lớn nhất tại Hoa Kỳ với 690,0 tỷ USD từ công ty mẹ nước ngoài và 721,0 tỷ USD từ chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng trong lĩnh vực sản xuất và thương mại [BEA, 2022]. Điều này phản ánh một chiến lược dài hạn của Nhật Bản là đầu tư ra nước ngoài và sản xuất tại nơi bán.

Về khoa học - công nghệ, giai đoạn 1945-1960, hai nước chú trọng vào việc tái thiết và thiết lập khuôn khổ hợp tác để tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu chung về khoa học biển và tài nguyên thiên nhiên với sáng kiến chủ chốt là Ủy ban Hợp tác Khoa học Hoa Kỳ - Nhật Bản và Chương trình Hợp tác Tài nguyên Thiên nhiên Hoa Kỳ - Nhật Bản (UJNR). Thập niên 1970-1980 có sự cạnh tranh giữa hai bên trong lĩnh vực công nghệ như chất bán dẫn. Điều này dẫn đến việc ra đời của Hiệp định Bán dẫn (1986) để điều phối, hạ nhiệt căng thẳng thương mại bằng cách đặt ra mục tiêu tiếp cận thị trường. Hiệp định Khoa học và Công nghệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (1988) củng cố hơn nữa hợp tác bằng cách thiết lập các khuôn khổ về

quyền sở hữu trí tuệ và chia sẻ lợi ích công bằng, góp phần định hướng mối quan hệ Khoa học và Công nghệ song phương. Giai đoạn 1990-2000, hợp tác song phương mở rộng sang các dự án “khoa học lớn” và vũ trụ: vệ tinh lượng mưa TRMM và phòng thí nghiệm Kibo của Nhật Bản trên Trạm vũ trụ quốc tế (ISS). Công nghệ năng lượng cũng đáng chú ý trong nỗ lực chung của hai nước về nghiên cứu hydro và pin nhiên liệu.

Hoa Kỳ và Nhật Bản chuyển sang hợp tác về các công nghệ tiên phong và an ninh - kinh tế kỹ thuật từ năm 2010 đến năm 2021, bao gồm về khả năng cạnh tranh và khả năng phục hồi Hoa Kỳ - Nhật Bản (CoRe) ưu tiên các lĩnh vực như 5G, chất bán dẫn và AI, phản ánh một bản cập nhật chiến lược để cùng định hình hệ sinh thái công nghệ toàn cầu. Các chương trình hợp tác không gian cũng tiến triển với nhiều thỏa thuận về thám hiểm mặt trăng và dự án Gateway. Nhìn chung, mối quan hệ được củng cố bởi các khuôn khổ thể chế mạnh mẽ được thiết lập từ sớm, cho phép hợp tác bền vững ngay cả trong bối cảnh căng thẳng thương mại. Việc tập trung vào cơ quan thực hiện sứ mệnh và bản cập nhật chiến lược đảm bảo quan hệ đối tác vẫn phù hợp và hướng tới tương lai, giải quyết cả những thách thức về khoa học và kinh tế.

Có thể nói rằng, trong suốt hơn tám thập kỷ qua mối quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đã thích ứng với môi trường quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi; duy trì nền tảng của mình trong các lợi ích an ninh chung, đồng thời mở rộng hợp tác trong các vấn đề kinh tế, khoa học - công nghệ. Liên minh đã trở thành nền tảng của sự ổn định và thịnh vượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tiếp tục phát triển để ứng phó với những thách thức và cơ hội mới.

Tiểu kết chương 2

Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản có thể nói là một quan hệ đồng minh bất đối xứng, trong đó Hoa Kỳ giữ vai trò bảo đảm an ninh chủ yếu còn Nhật Bản phụ thuộc vào sự bảo vệ an ninh của Hoa Kỳ. Trên cơ sở đó, việc vận dụng Chủ nghĩa Hiện thực làm khung phân tích chính kết hợp với Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo, cho phép Luận án tiếp cận quan hệ này không chỉ từ góc độ an ninh - quyền lực mà còn từ phương diện thể chế, lợi ích tương hỗ, bản sắc và nhận thức chiến lược.

Từ phương diện thực tiễn, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) chịu tác động mạnh của nhiều nhân tố đan xen ở cả cấp độ quốc tế, khu vực và nội bộ hai nước. Nổi bật nhất là cạnh tranh chiến lược Hoa Kỳ - Trung Quốc, sự gia tăng bất ổn an ninh tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, vấn đề Đài Loan, bán đảo Triều Tiên, tranh chấp tại biển Hoa Đông cùng với tác động lan tỏa của xung đột Nga - Ukraine và các thách thức an ninh phi truyền thống. Những biến động đó làm cho liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản ngày càng mang ý nghĩa quan trọng hơn như một công cụ răn đe, cân bằng chiến lược và duy trì trật tự khu vực.

Bên cạnh các yếu tố bên ngoài, nhân tố trong nước và vai trò lãnh đạo có ảnh hưởng trực tiếp đến chiều hướng phát triển của quan hệ song phương. Ở Hoa Kỳ, sự chuyển giao từ chính quyền Biden sang nhiệm kỳ hai của Donald Trump tạo ra cả yếu tố kế thừa lẫn điều chỉnh trong chính sách đối với đồng minh. Ở Nhật Bản, sự thay đổi lãnh đạo từ Suga đến Kishida và Ishiba phản ánh quá trình thích ứng chiến lược của Tokyo trước môi trường an ninh ngày càng bất ổn. Đồng thời, vị trí của Nhật Bản trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và vị trí của Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản tiếp tục khẳng định tính chất gắn bó chiến lược, phụ thuộc lẫn nhau và khó thay thế của mỗi quan hệ này.

Tóm lại, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 được định hình bởi hai nhóm yếu tố lớn: một là nền tảng liên minh đã được xác lập vững chắc về lịch sử, chiến lược và thể chế; hai là những biến động mới của môi trường quốc tế, khu vực và nội bộ mỗi nước đang thúc đẩy liên minh này tiếp tục điều chỉnh, mở rộng và làm sâu sắc hơn. Đây chính là cơ sở quan trọng để phân tích thực trạng quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trên các lĩnh vực cụ thể ở các chương tiếp theo.

Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN TRÊN CÁC LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Trên cơ sở khung lý luận và các nhân tố tác động đã trình bày ở Chương 2, phần này sẽ phân tích thực trạng quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) nhằm làm rõ sự vận động của quan hệ, cơ chế phối hợp và kết quả hợp tác song phương và đa phương trên thực tế. Nội dung Chương 3 tập trung vào 4 lĩnh vực chính: (i) chính trị - ngoại giao, (ii) quốc phòng - an ninh, (iii) kinh tế và (iv) các lĩnh vực hợp tác khác: văn hóa - giáo dục - du lịch, khoa học - công nghệ, năng lượng và chống biến đổi khí hậu. Cách tiếp cận này giúp Luận án phân tích được các lĩnh vực hợp tác “truyền thống” (ngoại giao, kinh tế, an ninh, khoa học - công nghệ), phản ánh xu hướng mở rộng hợp tác sang những lĩnh vực “phi truyền thống” (năng lượng, chống biến đổi khí hậu) đang ngày càng nổi bật trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và yêu cầu bảo đảm an ninh kinh tế.

3.1. Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

3.1.1. Quan hệ song phương

Trong nhiệm kỳ của Tổng thống Joe Biden, quan hệ ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản có sự cải thiện và ngày càng bền chặt với nhiều chuyến thăm cấp cao từ lãnh đạo hai nước.

- *Về phía Hoa Kỳ*

Với phương châm chính sách đối ngoại “Nước Mỹ trở lại” (America is back), chương trình nghị sự sau 100 ngày nhận chức của ông Biden chú trọng vào xây dựng lại các liên minh quan trọng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương như nước Nhật Bản vốn trở nên căng thẳng dưới nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Trump khi ông Trump sử dụng hàng rào thuế quan như “vũ khí” và “ngoại giao Twitter” (Twitter diplomacy) để gây sức ép hoặc công kích các đồng minh. Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 dần được kiểm soát trên phạm vi toàn cầu vào đầu năm 2021, Hoa Kỳ bắt đầu khôi phục lại các chuyến thăm ngoại giao trực tiếp tới Nhật Bản thay vì hình thức họp trực tuyến như trong suốt năm 2020.

Trong 4 năm qua có nhiều quan chức cấp cao dưới thời Tổng thống Joe Biden cũng như đầu nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump lần lượt đến thăm

nước Nhật: Tổng thống Joe Biden; Phó Tổng thống Kamala Harris; Chủ tịch Hạ Viện Nancy Pelosi; Ngoại trưởng Antony Blinken; Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin; Bộ trưởng Quốc phòng Pete Hegseth (thời Trump 2.0); Bộ trưởng Thương mại Gina Raimondo; Đại sứ lưu động về Chính sách kỹ thuật số và Không gian mạng, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Nathaniel C. Fick; và Thống đốc bang Texas, Greg Abbott. Dưới đây là một số sự kiện đáng chú ý trong quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản từ 2021 đến 2025 (xem phụ lục 2).

Vào tháng 3/2021, Ngoại trưởng Antony Blinken và Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin đến Nhật Bản và Hàn Quốc, đây là chuyến công du chính thức đầu tiên ra khỏi lãnh thổ Hoa Kỳ của cả hai vị quan chức này trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Ông Blinken thông báo trên mạng xã hội Twitter rằng *“tôi mong muốn được gặp gỡ những người bạn và đồng minh của chúng tôi tại Nhật Bản và Hàn Quốc trong chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của tôi với tư cách là Ngoại trưởng”* và mục đích của chuyến đi này nhằm *“thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và trên toàn thế giới”* [Aljazeera, 2021]. Đây có thể xem là thông điệp đầu tiên của Chính quyền Biden, tức là Hoa Kỳ cam kết quay trở lại và tham gia nhiều hơn vào khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời là thể hiện quyết tâm đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như là cách để “trấn an” đồng minh châu Á sau 4 năm đầy biến động dưới thời ông Trump. Trong cuộc họp với người đồng cấp Toshimitsu Motegi vào ngày 16/3/2021, Ngoại trưởng Blinken khẳng định rằng *“Hoa Kỳ nhấn mạnh cam kết không lay chuyển quyết định trong việc bảo vệ Nhật Bản bằng tất cả khả năng của mình, bao gồm cả năng lực hạt nhân”* [Kuhn, 2021]. Gần đây nhất vào ngày 30/3/2025, Bộ trưởng Quốc phòng Pete Hegseth trong chính quyền nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump có chuyến thăm đầu tiên đến Tokyo và có cuộc họp chung với “người đồng cấp” Gen Nakatani để tiếp tục khẳng định nhu cầu tăng cường khả năng răn đe và ủng hộ của liên minh song phương cũng như cách thức Nhật Bản tăng cường lực lượng phòng vệ và đầu tư vào quân đội. Các cuộc họp bộ trưởng 2+2 sau đó trở thành hoạt động ngoại giao thường niên xuyên suốt giai đoạn 2021-2025, qua đó minh chứng cho nỗ lực của Hoa Kỳ trong việc tăng cường hợp tác với Nhật Bản nhằm duy trì sự ổn định và giải quyết các

vấn đề an ninh toàn cầu, làm nổi bật tầm quan trọng của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong bối cảnh khu vực và quốc tế.

Hai chuyến thăm chính thức của Tổng thống Joe Biden vào tháng 5/2022 và tháng 5/2023 là điểm nhấn đáng chú ý trong quan hệ chính trị ngoại giao song phương. Tổng thống Biden được xem là vị nguyên thủ có nhiều chuyến công du Nhật Bản nhất trong chính phủ Hoa Kỳ với 8 lần: 6 lần trên cương vị là Phó Tổng thống (2009-2016) và 2 lần trên cương vị là Tổng thống (2021-2025), vượt qua người tiền nhiệm Barack Obama với 4 lần trong hai nhiệm kỳ. Trong chuyến thăm Nhật Bản của ông Biden vào tháng 5/2022 đã đạt được một số kết quả chính như sau: (1) Lãnh đạo hai bên cùng nhất trí rằng Hoa Kỳ và Nhật Bản là những đồng minh cùng chia sẻ các giá trị cơ bản, dẫn dắt cộng đồng quốc tế và tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các quốc gia có cùng chí hướng như Australia, Ấn Độ, Canada, nhóm ASEAN và châu Âu để hướng tới hiện thực hóa một “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở”; (2) Các nhà lãnh đạo nhất trí nối lại nhiều chương trình hợp tác, hướng tới kỷ nguyên hậu Covid-19 và thúc đẩy ngoại giao nhân dân để thúc đẩy quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (bồi dưỡng thế hệ lãnh đạo kế cận, tạo điều kiện cho các cuộc trao đổi hai chiều nhằm hiện thực hóa tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thu hút nhiều người Hoa Kỳ gốc Nhật Bản vào sáng kiến này); (3) Tổng thống Biden công bố việc ra mắt Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF) và Thủ tướng Kishida ủng hộ, sẽ tham gia hợp tác trong sáng kiến này, ngoài ra là duy trì cơ chế đối thoại 2+2 về kinh tế giữa hai nước; (4) Hai nước thống nhất cùng hợp tác trong một số vấn đề khu vực (phản đối Trung Quốc trong tranh chấp lãnh thổ Biển Đông và biển Hoa Đông, vấn đề Đài Loan, vấn đề hạt nhân Triều Tiên) và thế giới (ủng hộ Ukraine, cấm vận Nga; cải tổ Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc; giải trừ và không phổ biến vũ khí hạt nhân; hợp tác chống biến đổi khí hậu) [MOFA of Japan, 2022a].

Chuyến công du Nhật Bản lần thứ hai của Tổng thống Biden trùng với Hội nghị G7 ở Hiroshima vào tháng 5/2023, hai nước đạt được một số kết quả: hai bên tiếp tục nhất trí tăng cường hợp tác an ninh nhằm đảm bảo nền an ninh cho Nhật Bản theo hiệp ước an ninh chung; mở rộng hợp tác ba bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc; thúc đẩy hợp tác về công nghệ với việc ký kết Bản Ghi nhớ (MoU) về giáo

dục và công nghệ; ký kết quan hệ đối tác theo kế hoạch giữa các trường đại học và các công ty của hai nước trong lĩnh vực lượng tử, chất bán dẫn, công nghệ sinh học và trí tuệ nhân tạo (AI).

Ngoài ra, các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao khác như Chủ tịch Hạ Viện Nancy Pelosi (8/2022) và Phó Tổng thống Kamala Harris (9/2022) mang ý nghĩa biểu tượng cho Chính quyền Biden trong việc thắt chặt quan hệ với Nhật Bản nhằm đạt mục tiêu đối ngoại tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sự kiện bà Pelosi đến Nhật Bản là một phần của chuyến công du rộng lớn hơn nhằm thể hiện sự đoàn kết của Hoa Kỳ với các đối tác dân chủ và nhấn mạnh tầm quan trọng của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản về mặt an ninh, quan hệ đối tác kinh tế và lợi ích chung trong việc duy trì một Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, đặc biệt trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Bối cảnh chuyến thăm Nhật Bản (từ 4 đến 5/08/2022) của Chủ tịch Hạ Viện Hoa Kỳ rất đặc biệt khi nó diễn ra chỉ ngay sau chuyến thăm lịch sử Đài Loan (2/08/2022) - nơi bà Pelosi trở thành lãnh đạo cấp cao nhất của Washington đặt chân lên hòn đảo này trong vòng 28 năm qua (trước đó là Chủ tịch Hạ Viện Newt Gingrich từng đến vào năm 1997), điều này gây nên sự phản đối gay gắt từ chính quyền Bắc Kinh với những lời đe dọa “bắn hạ” máy bay chở bà Pelosi nếu cần [VnExpress, 2022]. Nhiều nhà phân tích cho rằng những lời lẽ gay gắt và đối đầu từ Bắc Kinh xuất phát từ nỗi lo lắng sâu sắc về khả năng Washington và các đồng minh phương Tây thay đổi lập trường của họ đối với Đài Bắc và chuyến đi của bà Pelosi được quan chức Bắc Kinh xem là dấu hiệu cho thấy Washington và đồng minh phương Tây đang tìm cách tăng cường quan hệ, ủng hộ việc độc lập của hòn đảo này [54]. Đối với chuyến đi Nhật Bản vào tháng 9/2022 của Phó Tổng thống Harris - nhân vật quyền lực số hai sau Tổng thống Biden lại mang ý nghĩa biểu tượng ngoại giao khi vừa là cơ hội cho Hoa Kỳ bày tỏ lòng thành kính với cố Thủ tướng Shinzo Abe - một đồng minh quan trọng và nhân vật có tầm ảnh hưởng và vai trò to lớn trong việc vun đắp quan hệ song phương, vừa là cách tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của Nhật Bản đối với Hoa Kỳ thể hiện qua nhiều cuộc thảo luận cấp cao bên lề về an ninh khu vực; hợp tác kinh tế; các thách thức toàn cầu, qua đó củng cố hơn nữa quan hệ chiến lược giữa hai nước.

- *Về phía Nhật Bản*

Sự kiện Thủ tướng Shinzo Abe từ chức Chủ tịch đảng LDP vì lý do sức khỏe vào năm 2020 kết thúc một thời kỳ ổn định hiếm hoi trong nền chính trị Nhật Bản khi chứng kiến 3 vị thủ tướng lần lượt nắm quyền trong giai đoạn 2020-2025: Yoshihide Suga (2020-2021), Fumio Kishida (2021-2024), và Ishiba Shigeru (10/2024-9/2025). Tuy nhiên, dù bất kể biến động chính trị trong nước hay tác động chính sách “cứng rắn” thời Trump 1.0 ra sao, Nhật Bản không thay đổi đường lối đối ngoại thân Hoa Kỳ và thắt chặt liên minh hai nước có từ thời Thủ tướng Shigeru Yoshida. Theo Sách Xanh ngoại giao 2021 của Bộ ngoại giao Nhật Bản, việc tăng cường liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản là một trong 7 ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản, cụ thể đây là “*nền tảng của chính sách đối ngoại và an ninh của Nhật Bản và nền tảng của hòa bình và thịnh vượng ở khu vực và quốc tế*” [MOFA of Japan, 2021, tr.22]. Với việc ông Joe Biden nhận chức tổng thống Hoa Kỳ vào tháng 1/2021, Nhật Bản tập trung tăng cường hơn nữa liên minh hai nước và hợp tác chặt chẽ để hiện thực hóa tầm nhìn FOIP cũng như giải các vấn đề khu vực và quốc tế như chống dịch Covid-19; biến đổi khí hậu và hạt nhân ở Triều Tiên [MOFA of Japan, 2021, tr.22].

Nhiều chuyên thăm của lãnh đạo Nhật Bản đến Hoa Kỳ từ năm 2021 đến năm 2025, bao gồm: Thủ tướng Yoshihide Suga; Thủ tướng Fumio Kishida; Thủ tướng Shigeru Ishiba; và các Bộ trưởng Ngoại giao: Hayashi Yoshimasa, Kamikawa Yōko và Iwaya Takeshi; các Bộ trưởng Quốc phòng: Hamada Yasukazu và Kihara Minoru; Bộ trưởng phụ trách phục hồi và phát triển kinh tế Akazawa Ryosei.

Sau khi nhận chức thủ tướng được một năm, ông Yoshihide Suga thực hiện chuyến công du đầu tiên đến Hoa Kỳ trong 4 ngày từ 15 đến 18/04/2021, trở thành nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên đến thăm Hoa Kỳ kể từ Tổng thống Biden nhận chức, góp phần thể hiện hình ảnh Nhật Bản là một đồng minh đáng tin cậy của Hoa Kỳ. Hai nhà lãnh đạo đã đưa ra tuyên bố chung “Quan hệ đối tác toàn cầu Hoa Kỳ - Nhật Bản cho kỷ nguyên mới” nêu rõ tầm nhìn rộng lớn về một liên minh vững chắc nhằm bảo vệ lợi ích an ninh chung, bao gồm eo biển Đài Loan và bảo vệ quyền đảo Senkaku. Tuyên bố này kết hợp các chương trình nghị sự kinh tế

(CORE); duy trì và tăng cường quan hệ song phương bền chặt về thương mại kỹ thuật số, cam kết tính cởi mở mạng 5G, phát triển chính sách thương mại hỗ trợ các mục tiêu chống biến đổi khí hậu, cải cách Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và thúc đẩy tăng trưởng bao trùm ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) và chương trình hợp tác an ninh đầy tham vọng với trọng tâm mới về khí hậu và năng lượng sạch, công nghệ và đổi mới, khắc phục dịch Covid-19 và sức khỏe toàn cầu, đảm bảo về an ninh chung để ứng phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc (đảm bảo tầm nhìn “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và cởi mở”, nâng cao vai trò của nhóm Quad và ASEAN). Giáo sư A.Takahara ở Đại học Tokyo đưa ra nhận định Nhật Bản có sự ủng hộ sự hiện diện ngày càng tăng của Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương bất chấp nền kinh tế Nhật đang gắn liền với nền kinh tế Trung Quốc; hay nói cách khác, dù có những lo ngại về an ninh, Nhật Bản vẫn phải tiếp cận hai chiều nhằm cân bằng giữa cạnh tranh và hợp tác [Nhật Minh, 2021]. Từ ngày 23 đến 26/09/2021, ông Suga có thêm chuyến thăm thứ hai và cũng là chuyến thăm cuối cùng đến Hoa Kỳ trên cương vị là thủ tướng Nhật Bản, để tham dự hội nghị thượng đỉnh lần thứ hai với các nguyên thủ nhóm Quad (hội nghị lần thứ nhất vào tháng 3/2021 qua hình thức họp trực tuyến). Mark Linscott, Trung tâm Nam Á của “Hội đồng Đại Tây Dương” (Atlantic Council) nhận xét hội nghị này mang ý nghĩa củng cố cam kết chính trị của từng thành viên nhằm biến Quad trở thành một nhân tố chủ chốt trong khuôn khổ chính sách toàn cầu cũng như chiến lược của riêng từng nước trong tương lai [Atlantic Council, 2021].

Sau khi kế nhiệm Thủ tướng Yoshihide Suga, Thủ tướng Fumio Kishida lần lượt có 8 chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ cấp nhà nước và trong khuôn khổ các hội nghị của Liên Hợp Quốc từ năm 2022 đến năm 2024. Điểm nhấn đáng chú ý trong số các chuyến thăm ngoại giao Hoa Kỳ chính là việc ông Kishida trở thành vị thủ tướng thứ hai trong lịch sử Nhật Bản sau Thủ tướng Shinzo Abe (2015), phát biểu trước cuộc họp chung của quốc hội hai nước trong chuyến thăm cấp nhà nước Hoa Kỳ vào ngày 11/4/2024. Có thể nói rằng, cơ hội phát biểu trước Quốc hội Hoa Kỳ là vinh dự mà Hoa Kỳ chỉ dành cho những đồng minh thân cận nhất (ví dụ: Anh, Israel, Hàn Quốc, EU), điều này tượng trưng cho mối quan hệ bền chặt và các giá trị

chung mà Hoa Kỳ đang chia sẻ với nước Nhật, đồng thời là thông điệp nhấn mạnh tầm quan trọng của liên minh hai nước trong việc giải quyết thách thức toàn cầu và thúc đẩy hòa bình ổn định ở khu vực.

Thủ tướng Kishida đề cao vai trò của Hoa Kỳ trong quan hệ quốc tế và sự sát cánh của Nhật Bản với Hoa Kỳ: *“Thế giới cần Hoa Kỳ tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong các vấn đề của các nước”* và *“Hoa Kỳ không nên được kỳ vọng sẽ một mình gánh vác tất cả mọi việc... Người dân Nhật Bản luôn sát cánh cùng bạn và đảm bảo sự hiện diện của tự do... Không chỉ cho người dân của hai nước chúng ta, mà còn cho cả thế giới”* [Nippon TV, 2024]. Ngoài ra, các chuyến thăm trên của ông Kishida còn nhằm tham gia các nhóm hợp tác ba bên dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ, thể hiện qua các hội nghị thượng đỉnh giữa lãnh đạo Nhật Bản - Hoa Kỳ - Hàn Quốc vào tháng 8 và tháng 11/2023; hội nghị Nhật Bản - Hoa Kỳ - Philippines vào tháng 4/2024. Ý nghĩa của các sự kiện này giúp Nhật Bản có thể cải thiện quan hệ với Hàn Quốc, tham gia vào hợp tác ba bên mới tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương về lĩnh vực: công nghệ lượng tử, trí tuệ nhân tạo, kinh tế và an ninh. Từ những hoạt động ngoại giao tích cực trên có thể xem Thủ tướng Kishida là “người kế tục” cố Thủ tướng Shinzo Abe khi ông Kishida tiếp tục áp dụng “Học thuyết Abe” trong chính sách đối ngoại với Hoa Kỳ theo ba nguyên tắc: (1) Tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ và các đối tác cùng chí hướng khác; (2) Điều chỉnh Điều 9 Hiến pháp để cho phép Nhật Bản có “quyền tự vệ tập thể” để tham gia hỗ trợ Hoa Kỳ bên ngoài lãnh thổ; (3) Cùng với Hoa Kỳ bảo vệ trật tự khu vực dựa theo luật pháp quốc tế [Teraoka, 2024]. Điểm khác biệt duy nhất giữa Kishida và Abe chính là việc ông Abe có sự dao động và không thể hiện quan điểm mạnh mẽ nào sau khi Nga tiến hành sáp nhập bán đảo Crimea của Ukraine vào năm 2014, vì tránh gây hấn với Nga trong các cuộc đàm phán về vấn đề tranh chấp lãnh thổ (Quần đảo Kuril Nam ở Nga và Lãnh thổ phía Bắc ở Nhật Bản), còn ông Kishida nhanh chóng tham gia việc trừng phạt đa phương nước Nga do Hoa Kỳ và NATO dẫn đầu ngay sau khi cuộc xung đột Nga - Ukraine nổ ra vào tháng 2/2022 [Ryall, 2022].

Hơn ba tuần kể từ sau lễ nhận chức nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump, Thủ tướng Shigeru Ishiba thực hiện chuyến thăm Washington “chớp nhoáng”

trong vòng 24 giờ và trở thành nhà lãnh đạo châu Á đầu tiên và là nhà lãnh đạo quốc tế thứ hai sau Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu gặp gỡ Tổng thống Trump vào ngày 7/2/2025. Mong muốn của Thủ tướng Ishiba chính là thắt chặt thêm quan hệ toàn diện giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ, đồng thời xây dựng mối quan hệ cá nhân tốt đẹp với ông Trump mặc dù sở thích khác nhau: ông Trump đam mê chơi golf trong khi ông Ishiba lại có sở thích sưu tầm mô hình tàu chiến, máy bay bằng nhựa. Trước đó, ngay sau khi Tổng Thống Trump đắc cử, lãnh đạo Nhật Bản đã gọi điện chúc mừng và có cuộc trò chuyện lần đầu tiên rất thân thiện và cởi mở.

Cơ chế họp 2+2 về ngoại giao và quốc phòng song phương rất được Nhật Bản chú trọng thể hiện qua các chuyến công tác hàng năm đến Hoa Kỳ của các bộ trưởng ngoại giao (Yoshimasa Hayashi và Yōko Kamikawa) và bộ trưởng quốc phòng (Yasukazu Hamada và Minoru Kihara) (xem phụ lục 3). Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các ưu tiên chính sách đối ngoại và quốc phòng song phương: phát triển chiến lược chung đối phó với mối đe dọa mới nổi (xung đột ở Palestine, xung đột Nga - Ukraine, tấn công mạng), ký kết thỏa thuận chung về chia sẻ thông tin tình báo; công nghệ; kế hoạch tập trận chung nhằm tăng cường khả năng tác chiến. Các cuộc thảo luận còn mở rộng sang an ninh kinh tế như sáng kiến đảm bảo chuỗi cung ứng và thúc đẩy công nghệ. Bên cạnh đó, một trong những vấn đề trọng tâm trong giai đoạn 2021-2025 chính là đàm phán thuế quan song phương, Bộ trưởng phụ trách phục hồi và phát triển kinh tế Nhật Bản - ông Akazawa Ryosei có nhiều chuyến thăm Hoa Kỳ để hội đàm với các đại diện đàm phán thuế của phía Hoa Kỳ là Bộ trưởng Tài chính Scott Bessent và người đứng đầu Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Jamieson Greer trong suốt quãng thời gian từ tháng 4-8/2025.

Nhìn chung, quan hệ Hoa Kỳ và Nhật Bản trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao được duy trì ở mức tốt bất kể tác động của dịch bệnh Covid-19, thể hiện qua tần suất thường xuyên những chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo hai nước. Những điều chỉnh chính sách đối ngoại và hành động của Chính quyền Joe Biden đã cải thiện rõ rệt quan hệ song phương. Tiếp đó, vai trò quan trọng của Nhật Bản trong chiến lược an ninh của Hoa Kỳ cùng với thiện chí củng cố quan hệ dưới thời các thủ tướng: Suga, Kishida và Ishiba cũng là nhân tố giúp liên minh ngày càng bền chặt.

3.1.2. Trong các cơ chế đa phương

3.1.2.1. Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản tại Liên Hợp Quốc

Ảnh hưởng từ “Chủ nghĩa biệt lập” trong nhiệm kỳ đầu tiên của Tổng thống Trump khiến Hoa Kỳ lần lượt rút lui khỏi một số cơ quan của Liên Hợp Quốc: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) vào tháng 10/2017; Hội đồng Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc (UNHCR) vào tháng 6/2018; Hiệp định khí hậu Paris vào tháng 4/2019; và tuyên bố bắt đầu tiến trình rút khỏi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) vào ngày 6/7/2020 trong lúc đại dịch Covid-19 đang bùng phát dữ dội. Đến khi nhận chức, Tổng thống Biden đảo ngược lại các quyết định trên của người tiền nhiệm, đây cũng là cách để Hoa Kỳ trấn an các đồng minh như Nhật Bản về lời hứa “nước Mỹ trở lại” với vai trò quốc tế.

Sự hợp tác giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản tại Liên Hợp Quốc dưới thời chính quyền Joe Biden rất đa dạng, từ đó phản ánh mối quan hệ đối tác sâu rộng giữa hai quốc gia về biến đổi khí hậu; an ninh; thúc đẩy nhân quyền; đại dịch Covid-19; giải trừ vũ khí hạt nhân.

Về biến đổi khí hậu, trong hội nghị trực tuyến diễn ra từ ngày 22-23/4/2021, Tổng thống Biden và Thủ tướng Suga nhất trí khởi đầu quan hệ đối tác song phương về khí hậu để đạt được mục tiêu của Thỏa thuận Paris và mục tiêu tạm thời của năm 2030 (Hoa Kỳ hướng đến mục tiêu giảm phát thải Carbon mới từ 50%-52% so với mức năm 2005, còn Nhật Bản cam kết giảm 46% lượng khí thải so với năm 2013) [Nikkei Asia, 2021] và phát triển công nghệ năng lượng sạch và thúc đẩy quá trình khử Carbon ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và những nơi khác. Ngoài khuôn khổ Liên Hợp Quốc, hai nước còn hợp tác trong nhóm Quad thể hiện qua trong cuộc họp tại nhà riêng của Tổng thống Biden ở Wilmington, bang Delaware vào ngày 21/09/2024, Tổng thống Joe Biden cùng các lãnh đạo nhóm Quad (Thủ tướng Fumio Kishida, Thủ tướng Narendra Modi và Thủ tướng Anthony Albanese) cùng thống nhất tăng cường hợp tác về chống biến đổi khí hậu và năng lượng sạch thông qua Gói Thích ứng và Giảm thiểu Biến đổi khí hậu Quad (Q-CHAMP). Chương trình trên của nhóm Quad giúp các thành viên điều chỉnh chính sách; ưu đãi; tiêu chuẩn và đầu tư xung quanh việc tạo chuỗi cung ứng năng lượng sạch đa

dạng và chất lượng cao để đảm bảo an ninh năng lượng, đồng thời hứa hẹn mang lại lợi ích kinh tế cho tất cả các nước khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Về mặt an ninh, Hoa Kỳ và Nhật Bản hợp tác để giải quyết các mối đe dọa như chương trình hạt nhân của Triều Tiên và thúc đẩy nỗ lực gìn giữ hòa bình, giải quyết xung đột trên toàn thế giới. Về sự hỗ trợ trong tổ chức Liên Hợp Quốc, Tổng thống Biden bày tỏ việc ủng hộ quốc gia Đông Á này trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc trong chuyến thăm Nhật Bản vào tháng 5/2022; Hoa Kỳ và Nhật Bản cùng kêu gọi cải tổ Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, đồng thời thúc giục thế giới tái khẳng định tầm quan trọng của trật tự quốc tế dựa trên luật lệ như tại khóa họp 77 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào tháng 9/2022. Sự hợp tác song phương còn mở rộng sang an ninh mạng và bảo vệ cơ sở hạ tầng quan trọng, thừa nhận tầm quan trọng ngày càng tăng của lĩnh vực này trong an ninh quốc tế.

Về thúc đẩy nhân quyền và dân chủ, là một lĩnh vực khác mà Hoa Kỳ và Nhật Bản có tiếng nói chung tại Liên Hợp Quốc khi cùng nhau ủng hộ nghị quyết lên án hành vi vi phạm nhân quyền ở các quốc gia và khu vực như tại hội nghị “*Thập kỷ 2014-2024: Tái khẳng định quyền con người, bảo vệ nền dân chủ*” tổ chức ở Kiev, Ukraine vào ngày 5/12/2024 do chính phủ Ukraine phối hợp với Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Ukraine và Chính phủ Nhật Bản tổ chức.

Về khắc phục đại dịch Covid-19, liên minh hai nước đã hợp tác trong các sáng kiến nhằm đảm bảo tiếp cận công bằng với vaccine và phương pháp điều trị, thừa nhận tầm quan trọng của phản ứng quốc tế phối hợp đối với cuộc khủng hoảng. Tại hội nghị trực tuyến bên lề khóa họp của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào ngày 23/09/2021, Tổng thống Biden cam kết chuyển giao 1 triệu liều vaccine Pfizer: 500 triệu liều từ tháng 1/2022 và 500 triệu vào năm 2023, trong khi Thủ tướng Yoshihide Suga có kế hoạch cung cấp cho các nước khác 60 triệu liều vaccine, tăng gấp đôi 30 triệu liều so với trước đó và những vaccine này sẽ chuyển giao cho các nước châu Á (Việt Nam, Indonesia và Đài Loan) [PLVN, 2021]. Sau đó một ngày, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục phối hợp trong cuộc họp đầu tiên của bốn nước nhóm Quad theo hình thức trực tuyến vào ngày 24/09/2021, cụ thể hai bên cùng nhất trí với sáng kiến các nước Quad cung cấp 1,2 tỷ liều vaccine cho thế giới thông qua nền tảng COVAX,

đồng thời sẽ phối hợp để chuẩn bị và ứng phó tốt hơn với các đại dịch khác trong tương lai; nhấn đến việc phát triển vaccine; thuốc chữa và phương pháp chẩn đoán trong vòng 100 ngày từ khi dịch bệnh mới xuất hiện [Thanh Niên, 2021].

Về vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân, Hoa Kỳ và Nhật Bản đều bày tỏ cam kết hướng tới một thế giới không có vũ khí hạt nhân trong Hội nghị Thượng đỉnh G7 tổ chức ở Hiroshima (5/2023), Tổng thống Biden và Thủ tướng Kishida cùng các lãnh đạo của nhóm G7 đã công bố “Tầm nhìn Hiroshima về Giải trừ vũ khí hạt nhân” nhằm khẳng định thế giới sẽ an toàn dù không có vũ khí hạt nhân thông qua một cách tiếp cận thực tế và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Thêm vào đó, lãnh đạo hai bên ủng hộ nhiều sáng kiến và đối thoại về không phổ biến vũ khí hạt nhân trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc như đề xuất nghị quyết Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc kêu gọi tất cả các quốc gia không triển khai hoặc phát triển vũ khí hạt nhân trong không gian vào ngày 19/03/2024. Mục đích của Hoa Kỳ và Nhật Bản khi đưa ra nghị quyết trên được cho là nhắm tới Nga khi nước này được cho là đang phát triển một loại vũ khí hạt nhân chống vệ tinh phóng từ vũ trụ và loại vũ khí này có thể làm gián đoạn liên lạc quân sự cho tới dịch vụ điện thoại. Tuy nhiên, Nga đã bác bỏ thông tin nước này đang phát triển loại vũ khí trên và lên tiếng phản đối việc triển khai vũ khí hạt nhân trong vũ trụ [Tin tức, 2024].

Nhìn chung, hợp tác Hoa Kỳ - Nhật Bản tại Liên Hợp Quốc giai đoạn 2021-2025 thể hiện cho cam kết chung của hai nước trong việc giải quyết vấn đề toàn cầu thông qua chủ nghĩa đa phương và quan hệ đối tác. Sự hợp tác này là một thành phần quan trọng trong các mục tiêu chiến lược rộng lớn hơn ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và xa hơn nữa, nhằm thúc đẩy một trật tự quốc tế ổn định, thịnh vượng và dựa trên luật lệ.

3.1.2.2. Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đối với các vấn đề quốc tế

Xung đột Nga - Ukraine (2022-đến nay), cả hai nước chia sẻ lập trường thống nhất trong việc ủng hộ hoàn toàn Ukraine và lên án hành động của Nga. Đây được xem là một phản ứng của liên minh hai nước trong việc duy trì luật pháp quốc tế và chủ quyền quốc gia. Thủ tướng Kishida nhanh chóng hưởng ứng theo Tổng thống Biden áp đặt các lệnh trừng phạt vào các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế: hạn chế ngân hàng trung ương Nga và ủng hộ việc loại bỏ Moscow khỏi hệ thống

ngân hàng quốc tế SWIFT, phong tỏa tài sản cá nhân và các thực thể có liên quan đến chính phủ Nga. Các lệnh trừng phạt này nhằm gây sức ép buộc Nga phải chấm dứt hoạt động quân sự và trừng phạt vì vi phạm toàn vẹn lãnh thổ của Ukraine. Như đã đề cập ở trên, quan điểm của Thủ tướng Kishida là khác biệt so với Thủ tướng Abe về việc lên án Nga xuất phát từ việc nhận thấy rất khó có thể đàm phán về vấn đề tranh chấp lãnh thổ với Nga và vấn đề này không ảnh hưởng nhiều đến an quốc gia. Giáo sư Hiromi Murakami tại Đại học Temple, Tokyo nhận xét rằng: *“Nhật Bản hầu như không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tham gia cộng đồng quốc tế và lên tiếng về cuộc xâm lược Ukraine... Các hòn đảo này không phải là vấn đề sống còn, chúng không quan trọng với an ninh quốc gia. Nhưng những gì đang xảy ra ở Ukraine rõ ràng là rất, rất nghiêm trọng”* [Ryall, 2022].

Ngoài các biện pháp cấm vận kinh tế, Hoa Kỳ và Nhật Bản còn hỗ trợ nhân đạo cho Ukraine ngay từ khi bắt đầu cuộc xung đột về hoạt động di tản công dân và khắc phục thiệt hại cơ sở hạ tầng. Hoa Kỳ là nước tham gia trực tiếp hơn vào việc cung cấp viện trợ quân sự cho Ukraine: tính đến tháng 12/2024 cho thấy Hoa Kỳ đã chi 119,6 tỷ USD, trong đó: 67,2 tỷ USD là cung cấp khí tài quân sự; 48,8 tỷ USD cho tài chính và 3,6 tỷ USD cho hỗ trợ nhân đạo [Voronoi, 2025]. Tổng thống Biden khẳng định rằng: *“Hoa Kỳ sẽ tiếp tục làm việc không ngừng nghỉ để củng cố vị thế của Ukraine trong cuộc chiến này trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ của tôi”* [Aljazeera, 2024]. Trong khi đó, sự giúp đỡ của Nhật Bản tập trung nhiều vào hỗ trợ tài chính và nhân đạo để phù hợp với hiến pháp hòa bình của nước này. Trong cuộc điện đàm với Tổng thống Ukraine vào ngày 28/03/2024, Thủ tướng Kishida bày tỏ sự tôn trọng đối với lòng dũng cảm của người dân Ukraine và Tổng thống Volodymyr Zelenskyy, đồng thời nhấn mạnh việc Nhật Bản sẽ luôn ủng hộ Ukraine trước cuộc xung đột đang diễn ra với Nga [USNews, 2024]. Tính tới tháng 12/2024, Nhật Bản là nước đứng thứ 4 trên thế giới viện trợ cho Ukraine với 11 tỷ USD, trong đó: 9,6 tỷ USD hỗ trợ tài chính; 1,3 tỷ USD hỗ trợ nhân đạo và 0,1 tỷ USD về hỗ trợ quân sự [Voda, 2022]. Sự phối hợp giữa hai bên còn mở rộng sang các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, G7 và G20 nhằm lên án hành động của Nga, kêu gọi giải quyết hòa bình cuộc xung đột tại Đông Âu. Tóm lại, lập trường chung của Hoa Kỳ và Nhật Bản về cuộc xung đột Nga - Ukraine phản ánh cam kết

chung của họ đối với các nguyên tắc về chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và pháp quyền trong quan hệ quốc tế. Điều này còn thể hiện sức mạnh của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản trong việc giải quyết các thách thức an ninh toàn cầu.

Xung đột dải Gaza (2023-2024), cách tiếp cận chung của hai nước là hướng tới sử dụng ngoại giao như là phương tiện chính để đạt được tiến bộ hướng tới hòa bình như kêu gọi đàm phán trực tiếp giữa chính quyền Israel và Palestine để giải quyết các vấn đề cốt lõi từ lâu đã thúc đẩy xung đột (tranh chấp biên giới; tình trạng của Jerusalem; vấn đề an ninh và quyền của người tị nạn). Hoa Kỳ và Nhật Bản đều nhấn mạnh đến hỗ trợ nhân đạo và phát triển kinh tế tại các vùng lãnh thổ của Palestine như hỗ trợ sáng kiến cải thiện điều kiện sống; thúc đẩy cơ hội kinh tế và xây dựng năng lực thể chế cần thiết cho một nhà nước Palestine trong tương lai. Hoa Kỳ đóng vai trò làm trung gian cho các nỗ lực hòa giải thể hiện qua việc nước này cùng với Ai Cập và Qatar thuyết phục cả Israel và Hamas ký vào thỏa thuận ngừng bắn ở dải Gaza từ ngày 27/11/2024; Tổng thống Biden có chuyến thăm Israel vào tháng 10/2023 và cam kết cung cấp 100 triệu USD cho cả Gaza lẫn khu vực Bờ Tây sông Jordan, đồng thời yêu cầu quốc hội bổ sung hơn 2 tỷ USD viện trợ cho Israel và Ukraine [APNews, 2023]. Cách tiếp cận của Nhật Bản là tập trung nhiều hơn vào hỗ trợ kinh tế và phát triển, cụ thể: số liệu của Bộ Ngoại giao Nhật Bản cho thấy có khoảng 230 triệu USD sử dụng vào việc cứu trợ nhân đạo và cung cấp nhu yếu phẩm cho người dân Palestine và Bờ Tây sông Jordan tính từ tháng 10/2023 [MOFA of Japan, 2025b]. Tóm lại, lập trường chung của chính quyền Biden và Kishida về vấn đề xung đột dải Gaza nhấn mạnh vào đàm phán đảm bảo an ninh và danh dự cho tất cả các bên liên quan, qua đó phản ánh cam kết rộng hơn của từng nước nói riêng và liên minh nói chung đối với quá trình thúc đẩy hòa bình và ổn định ở Trung Đông.

3.2. Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh

3.2.1. Quan hệ song phương

3.2.1.1. Vị trí của hợp tác quốc phòng - an ninh trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản

Đây được xem là nền tảng chính trong quan hệ đối tác chiến lược song phương xuyên suốt lịch sử từ sau năm 1945 đến nay, xuất phát từ vai trò quan trọng đối với an ninh, chiến lược và kinh tế.

Về mặt an ninh, dựa vào Hiệp ước Hợp tác và An ninh Nhật Bản - Hoa Kỳ vào năm 1951 và sửa đổi vào năm 1960 cho phép liên minh này có thể đáp trả mọi cuộc tấn công vào lãnh thổ Nhật Bản, đồng thời Nhật Bản cung cấp đất cho các căn cứ của Hoa Kỳ nhằm thực hiện nhiệm vụ kép: đảm bảo an ninh cho Nhật Bản và khu vực Viễn Đông. Tiếp đó, Điều 9 - Hiến pháp 1947 quy định việc Nhật Bản từ bỏ quyền phát động chiến tranh; đe dọa và sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp quốc tế; không công nhận quyền giao chiến; không có lực lượng Lục quân - Hải quân - Không quân hay các sức mạnh chiến tranh khác, qua đó mang đến lý do cho sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ ở Nhật Bản. Do vậy, quân đội Hoa Kỳ và Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản (JSDF) - thành lập từ năm 1954 đang chịu trách nhiệm cho việc bảo vệ quốc gia Đông Á này. Số liệu năm 2024 cho thấy căn cứ Hoa Kỳ tại tỉnh Okinawa hiện có 52.852 lính và nhân viên dân sự, đồng thời đây là căn cứ của Hoa Kỳ có số lính đồn trú lớn nhất trên thế giới (xếp sau lần lượt là Đức: 34.894 lính, Hàn Quốc: 23.732 lính; Ý: 12.319 lính; Vương quốc Anh: 10.180 lính) (World Population Review, 2025). Theo Sách Trắng Quốc phòng Nhật năm 2023, tổng số lực lượng JSDF là 247.754 lính (tính đến ngày 31/3/2023), bao gồm: 150.500 lính của lực lượng phòng vệ mặt đất; 45.293 lính của lực lượng phòng vệ biển; 49.994 lính của lực lượng phòng vệ trên không; và 4.367 sĩ quan phối hợp giữa các lực lượng và các nhân sự khác [Nippon, 2024]. Tuy vậy, năng lực JSDF đang có sự thua kém về mặt công nghệ vũ khí so với các nước láng giềng Đông Bắc Á như Trung Quốc (vũ khí vệ tinh, tên lửa đất đối hạm, chiến tranh mạng) và Bắc Triều Tiên (tên lửa đạn đạo xuyên lục địa: ICMB), dẫn đến khả năng dễ bị tổn thương của nước Nhật. Ngoài ra, dân số Nhật Bản đang suy giảm và già hóa ảnh hưởng đến việc phát triển quy mô lực lượng JSDF trong tương lai. Số trẻ em sơ sinh ở Nhật Bản vào năm 2024 giảm xuống mức thấp kỷ lục vào năm thứ 9 liên tiếp; 30% dân số trên 65 tuổi và dự kiến tăng lên 40% vào năm 2070 [Reuters, 2025b]. Chính những hạn chế ở trên của JSDF càng làm tăng sự phụ thuộc vào sức mạnh quân đội Hoa Kỳ trong việc giữ gìn an ninh cho nước Nhật.

Về mặt chiến lược, tăng cường hợp tác an ninh quốc phòng với Nhật Bản vừa là cách giúp Hoa Kỳ duy trì sự hiện diện quân sự hợp pháp tại khu vực Đông Á, vừa phục vụ cho sự cạnh tranh địa chính trị với Trung Quốc cũng như chiến lược “Ấn

Độ Dương - Thái Bình Dương” của nước này. Điều này xuất phát từ vị trí địa lý của Nhật Bản có thể mang lại những lợi thế chiến lược về quân sự và hậu cần cho quân đội Hoa Kỳ, đặc biệt liên quan đến việc dễ dàng đối phó với các thách thức tiềm tàng từ Bắc Triều Tiên, Trung Quốc hay thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động quân sự ở eo biển Đài Loan và khu vực Đông Nam Á. Căn cứ Okinawa của Hoa Kỳ nằm ở vị trí rất trung tâm của khu vực Thái Bình Dương và gần những khu vực chiến lược: bán đảo Triều Tiên là 1.259 km; cách Đài Loan là 749 km; Philippines là 1.622 km; Guam là 2.273 km.

Trong cuộc phỏng vấn với kênh truyền hình DW của Đức vào ngày 20/11/2023, Giáo sư Michael Thomas Cucek, Đại học Temple, Tokyo, chỉ ra rằng Okinawa nằm ở vị trí rất thuận lợi cho mọi hoạt động quân sự ở Tây Thái Bình Dương từ Bán đảo Triều Tiên cho đến Biển Nam Trung Hoa (Biển Đông), đồng thời căn cứ không quân Kadena là chốt chặn của không lực Hoa Kỳ trong khu vực vì khoảng cách gần Đài Loan và Trung Quốc; cung cấp sự bảo vệ trên không cho toàn bộ miền Nam của Nhật Bản [Ryall, 2023]. Mặc dù một bộ phận người dân Okinawa có sự phản đối và yêu cầu di dời căn cứ Hoa Kỳ vì những vụ bê bối của lính Hoa Kỳ gây ra (hiếp dâm, tai nạn giao thông) và ô nhiễm tiếng ồn từ hoạt động tại căn cứ, nhưng Nhật Bản vẫn sẽ ủng hộ sự hiện diện của Hoa Kỳ ở đây nhằm duy trì an ninh quốc gia. Theo khảo sát của tờ *The Asahi Shimbun* vào ngày 11/5/2022, tại Okinawa: 44% phản đối di dời Căn cứ không quân Thủy quân lục chiến Futenma đến khu vực Henoko tại thành phố Nago, Okinawa, trong khi có 33% ủng hộ kế hoạch này; trên toàn quốc: 33% phản đối kế hoạch di dời và 33% ủng hộ; 34% lựa chọn khác hoặc không trả lời [The Asahi Shimbun, 2022]. Tiếp đó là khảo sát về sự ủng hộ của Hiệp ước An ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản, tại Okinawa 58% ủng hộ việc tiếp tục hiệp ước và 26% phản đối; trên cả nước 82% ủng hộ hiệp ước và chỉ có 10% phản đối vấn đề trên [The Asahi Shimbun, 2022].

Về khía cạnh kinh tế, tăng cường hợp tác an ninh đảm bảo lợi ích kinh tế cho hai nước. Thông qua việc áp dụng Học thuyết Yoshida (1951) với việc tuyệt đối dựa vào sự bảo vệ an ninh của Hoa Kỳ giúp Nhật Bản chỉ dành ít ngân sách cho quốc phòng kể từ thập niên 1960 (dưới 1% GDP) và phải đến cuối nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Trump mức chi tiêu này bắt đầu tăng, cụ thể: năm 2020 là 51,40 tỷ

USD ~ 1,02% GDP [Macrotrends, 2025], còn năm 2025 ước tính là 70 tỷ USD ~ 1,8% GDP [Kyodo News, 2025]. Chính sự bảo vệ của Hoa Kỳ là nền tảng giúp Nhật Bản tập trung phát triển kinh tế và từ đó đạt được nhiều thành tựu đáng chú ý: là nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới vào năm 2025; Tokyo trở thành một trong 10 trung tâm tài chính lớn nhất toàn cầu với khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình hàng ngày đạt 2,66 tỷ cổ phiếu vào 2024. Ngoài ra, sự hiện diện của quân Hoa Kỳ tại Nhật Bản góp phần duy trì hòa bình tại eo biển Đài Loan, vừa đảm bảo trật tự khu vực cũng như quyền lợi kinh tế cho cả hai nước tại eo biển Đài Loan. Đây được xem là tuyến hàng hải sôi động và quan trọng của thế giới với khoảng 2,45 nghìn tỷ USD hàng hóa ~ hơn 1% thương mại hàng hải thế giới đi qua khu vực này vào năm 2022 [CSIS, 2024]. Tiếp đó, Đài Loan là nước sản xuất 90% chip điện tử tiên tiến được sử dụng trong điện thoại thông minh; máy tính; thiết bị quân sự tiên tiến, do đó nếu có bất kỳ sự gián đoạn nguồn cung cấp các công nghệ này từ Đài Loan có thể xóa sổ hàng nghìn tỷ USD cho GDP toàn cầu. Những quốc gia trong khu vực như Nhật Bản sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề về kinh tế nếu có xung đột xảy ra tại eo biển này. Phân tích của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS) năm 2022 chỉ ra 32,10% hàng nhập khẩu và 25,20% hàng xuất khẩu của Nhật Bản ~ tổng cộng gần 444 tỷ USD; 95% lượng dầu thô nhập khẩu từ Trung Đông cũng được vận chuyển qua tuyến đường này [CSIS, 2024].

3.2.1.2. Triển khai hợp tác quốc phòng - an ninh trên các lĩnh vực

Hoa Kỳ tích cực triển khai các hoạt động hợp tác với Nhật Bản về diễn đàn tham vấn chính sách quốc phòng, tập trận chung, sản xuất và mua bán quốc phòng, an ninh mạng, an ninh hàng hải và hợp tác tình báo.

- *Diễn đàn hợp tác*, Hội nghị bộ trưởng 2+2 là hoạt động trao đổi thường xuyên được tổ chức luân phiên tại Hoa Kỳ và Nhật Bản nhằm đưa ra phương hướng hợp tác chung về an ninh quốc phòng. Trong hội nghị vào tháng 3/2021 tại Tokyo, các bộ trưởng Hoa Kỳ (Antony Blinken, Lloyd Austin) và Nhật Bản (Motegi Toshimitsu và Kishi Nobuo) tập trung thảo luận hai vấn đề chính: tái cấu trúc lực lượng Hoa Kỳ đồn trú tại Nhật Bản và giảm thiểu ảnh hưởng của căn cứ này đối với người dân tại tỉnh Okinawa khi Hoa Kỳ tiếp tục xây dựng căn cứ mới tại trại Schwab - Henokosaki thay thế căn cứ không quân Futenma và chuyển dần lính Hoa

Kỳ tại Okinawa tới đảo Guam bắt đầu từ năm 2024; thảo luận về việc gia hạn thêm thoả thuận chia sẻ chi phí quốc phòng (Special Measures Agreement: SMA), qua đó làm tiền đề cho việc hai bên ký kết lại thoả thuận SMA vào tháng 12/2021. Đến Hội nghị 2+2 vào tháng 1/2023 ở thủ đô Washington, lãnh đạo hai bên chủ trương hiện đại hóa liên minh với việc thành lập Trung tâm Phân tích Song phương (Bilateral Information Analysis Cell) để tăng cường chia sẻ thông tin tình báo; giám sát và trinh sát (ISR), cho phép sử dụng linh hoạt các cảng hàng không và cảng biển để tăng hiệu quả lực lượng hai nước; tăng cường chiến lược răn đe của liên minh tại khu vực với việc phòng thủ chung; tập trận chung các binh chủng: bộ binh - hải quân - không quân (Keen Sword, Resolute Dragon, Orient Shield); tác chiến trên mạng internet và hàng không vũ trụ khi thành lập Bộ tư lệnh Phòng thủ Không gian mạng (JSDF) vào tháng 3/2022. Trong cuộc họp giữa Bộ trưởng Lloyd Austin và người đồng cấp Kihara Minoru ở Tokyo vào tháng 12/2024 quyết định cải cách về bộ chỉ huy liên quân ở từng nước vào đầu năm 2025, cụ thể: Hoa Kỳ nâng cấp Lực lượng Hoa Kỳ tại Nhật Bản (U.S. Forces Japan: USFJ) thành Bộ Tư lệnh Liên quân (Joint Force Headquarters), còn Nhật Bản thành lập Bộ tư lệnh Tác chiến Liên hợp Nhật Bản (JJOC) để nắm quyền chỉ huy ba nhánh của lực lượng phòng vệ JSDF. Mục đích của nâng cấp lịch sử này nhằm mở rộng trách nhiệm tác chiến và tăng cường năng lực răn đe của liên minh hai nước trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Bên cạnh cơ chế họp 2+2, nhiều diễn đàn hợp tác song phương cũng được tổ chức như Tiểu ban An ninh (SSC); Tiểu ban Hợp tác Quốc phòng (SDC); Ủy ban chung Hoa Kỳ - Nhật Bản (JC), để phối hợp “đa kênh” về quốc phòng; giải quyết các vấn đề an ninh, củng cố liên minh và các cam kết chung, nhằm đảm bảo sự chuẩn bị của hai bên trước các mối đe dọa chiến lược ở khu vực (xem phụ lục 4).

- *Tập trận chung*, Hoa Kỳ và Nhật Bản tổ chức diễn tập quân sự chung hàng năm giữa các binh chủng (lục quân - không quân - hải quân) trải dài từ bờ biển Nhật Bản đến miền Bắc Australia. Các cuộc tập trận chung giữa hai nước đáng chú ý nhất là “*Keen Sword 25*” (23/10 - 1/11/2024) được tổ chức tại Okinawa. Đây được xem là cuộc diễn tập song phương lớn nhất với sự tham gia từ rất nhiều đơn vị của quân đội Hoa Kỳ: Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (USINDOPACOM); Bộ Tư lệnh Không gian Hoa Kỳ (USSPACECOM);

Hạm đội 7 Hoa Kỳ (C7F); Lục quân Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương (USARPAC)... và ba nhánh lực lượng JSDF của Nhật Bản. Ý nghĩa của những cuộc tập trận và huấn luyện chung này rất quan trọng vì không chỉ đóng góp to lớn vào việc trao đổi về chiến thuật và phối hợp chung, mà còn có giúp cải thiện khả năng tác chiến cho mỗi bên, đặc biệt là Nhật Bản có thể học hỏi kinh nghiệm chiến đấu thực tế sẽ đóng góp rất lớn vào việc cải thiện năng lực của JSDF (xem phụ lục 6).

- *Sản xuất và mua sắm quốc phòng*, nhằm giúp đỡ về công nghệ; tăng khả năng tương tác và khả năng sẵn sàng trong chiến đấu của quân đội liên minh hai nước, Hoa Kỳ luôn xem trọng việc hợp tác với Nhật Bản trong việc sản xuất vũ khí và công nghệ quốc phòng, thông qua chương trình phát triển và sản xuất chung thiết bị quốc phòng; cải thiện khả năng thay thế vũ khí lẫn nhau; mở rộng khả năng sản xuất và bảo trì thiết bị quân sự của Hoa Kỳ tại Nhật Bản. Mặt khác, việc Trung Quốc đang ngày càng hiện đại hóa quân đội trở thành mối đe dọa về an ninh cho cả Hoa Kỳ và Nhật Bản, vì nguy cơ thụt lùi về công nghệ quốc phòng. Trong bài phát biểu tại Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS), Washington D.C vào tháng 9/2021, ông Suzuki Atsuo, Ủy viên Cơ quan Mua sắm, Công nghệ & Hậu cần của Nhật Bản (ATLA) nhận định Nhật Bản và Hoa Kỳ đang trên bờ vực mất đi lợi thế so với Trung Quốc - một quốc gia đang đầu tư rất mạnh vào nghiên cứu và phát triển quân sự. Ông Atsuo nhấn mạnh rằng: “*Để tránh mất hoàn toàn ưu thế công nghệ, chúng ta (Nhật Bản và Hoa Kỳ) cần phải... đầu tư nhiều hơn vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D)*” và “*hợp tác với các đồng minh và đối tác là điều không thể thiếu để tận dụng các nguồn lực hạn chế của chúng ta*” [Harper, 2021, tr.29].

Đại diện hai bên tiến hành tham vấn chung tại các cuộc họp như Cơ chế Đối thoại cấp Bộ trưởng 2+2; Diễn đàn Hệ thống và Công nghệ (S&TF); Diễn đàn về Hợp tác, Mua lại và Duy trì Công nghiệp Quốc phòng Nhật Bản - Hoa Kỳ (DICAS), để có thể cùng tiến hành nghiên cứu, phát triển và sản xuất các dự án quốc phòng. Hầu hết các dự án sản xuất chung trong giai đoạn này thường tập trung vào việc phát triển hệ thống tên lửa và nâng cấp công nghệ cho máy bay không người lái. Vào tháng 12/2022, Hoa Kỳ và Nhật Bản nhất trí dự án nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) tích hợp vào máy bay không người lái (UAV) [QĐND,

2024a]. Ngoài mục đích nâng cấp về công nghệ, dự án này còn nhằm sử dụng để thu thập dữ liệu khi máy bay gần chiến đấu. Điều này sẽ vô cùng ý nghĩa với kế hoạch của Nhật Bản trong việc phát triển máy bay chiến đấu thế hệ tiếp theo với Anh và Ý trước năm 2035, Hoa Kỳ dù không tham dự án này nhưng sẽ phần nào giúp Nhật Bản tích hợp công nghệ AI vào máy bay không người lái. Tiếp đó, trong cuộc họp lãnh đạo ba bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc tại Trại David vào tháng 8/2023, Tổng thống Biden và Thủ tướng Kishida nhất trí phát triển hệ thống tên lửa đánh chặn vũ khí siêu vượt âm với chi phí hơn 3 tỷ USD và đặt mục tiêu hoàn thành vào năm 2030 [Dân trí, 2024]. Đây là lần thứ hai Hoa Kỳ và Nhật Bản quyết định cùng nhau phát triển một tên lửa đánh chặn, sau dự án Standard Missile-3 Block IIA vào năm 2017, mục đích để cạnh tranh với các dự án về công nghệ siêu vượt âm từ Trung Quốc, Triều Tiên và Nga. Trong chuyến thăm Nhật Bản của Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ, Lloyd Austin vào tháng 7/2024, hai nước đưa ra tuyên bố chung của Ủy ban Tư vấn An ninh (2+2) sẽ ưu tiên cơ hội hợp tác sản xuất có lợi cho cả hai nước để mở rộng năng lực sản xuất tên lửa không đối không tầm trung tiên tiến (AMRAAM) và nâng cấp phân đoạn tên lửa Patriot PAC-3 (MSE) nhằm đáp ứng yêu cầu về mua sắm cũng mỗi bên và giúp liên minh có thể ngăn chặn các cuộc tấn công từ bên ngoài [U.S. Department of Defense, 2024].

Đối với mua sắm quốc phòng, Hoa Kỳ lần lượt ký hợp đồng 1,7 tỷ USD với Bộ Quốc phòng Nhật Bản để cung cấp 400 tên lửa hành trình tầm xa Tomahawk trong thời gian từ năm 2025-2027 vào tháng 1/2024 [134]; và hợp đồng trị giá 4,1 tỷ USD về máy bay nhiên liệu trên không KC-46A vào tháng 9/2024 [Saballa, 2024]. Tiếp đó, ngày 3/1/2025, Hoa Kỳ quyết định phê duyệt hợp đồng tiềm năng trị giá 3,64 tỷ USD để cung cấp cho Nhật Bản tối đa 1200 tên lửa không đối không tầm trung AMRAAM, gồm phiên bản AIM-120D-3 và AIM-120C-8 cùng các thiết bị liên quan [VnExpress, 2025]. Ở chiều ngược lại, vào tháng 12/2023, Thủ tướng Kishida quyết định nói lỏng lệnh cấm xuất khẩu vũ khí tối tân kể từ 2014, qua đó mở đường cho việc cấp giấy phép bán vũ khí cho Hoa Kỳ, cụ thể: hệ thống phòng thủ tên lửa đánh chặn PAC-2 và PAC-3 được sản xuất tại Nhật Bản theo giấy phép của các công ty về quốc phòng của Hoa Kỳ là Raytheon và Lockheed Martin. Điều này giúp Hoa Kỳ có thể bổ sung kho vũ khí dự trữ đang thiếu hụt, vì đã cung cấp

cho Ukraine trong xung đột với Nga kể từ tháng 2/2022. Trước đó, vào tháng 6/2023, Nhật Bản cho phép xuất khẩu thuốc nổ TNT nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất đạn pháo 155mm của quân đội Hoa Kỳ và theo giới quan sát nhận định trong bối cảnh thiếu hụt TNT toàn cầu thì đây cũng là cách để Hoa Kỳ hỗ trợ đạn pháo cho Ukraine trong cuộc phản công lực lượng Nga trong mùa hè 2023 [Reuters, 2023].

Ý nghĩa của những hợp đồng mua bán này được thúc đẩy bởi nhu cầu bổ sung kho vũ khí của Hoa Kỳ và nỗ lực hiện đại hóa quân đội cũng như tăng cường khả năng ứng phó với mối đe dọa trong khu vực của Nhật Bản. Việc bán vũ khí có tác động kép đến an ninh khu vực: một mặt là tăng cường năng lực quốc phòng của Hoa Kỳ và Nhật Bản khi tăng sự “hiện diện” liên minh trong vấn đề an ninh khu vực. Mặt khác là việc chuyển giao vũ khí tiên tiến làm tăng mối lo ngại của Trung Quốc và Nga khi xem đây là nỗ lực của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản tìm cách kiềm chế tham vọng quân sự của hai cường quốc này. Tình hình an ninh khu vực trở nên phức tạp hơn do việc bán vũ khí có thể làm trầm trọng thêm căng thẳng hiện có và tạo ra cuộc chạy đua vũ trang trong khu vực.

- *Hợp tác an ninh mạng*, Hoa Kỳ và Nhật Bản từ lâu nhận ra tầm quan trọng của an ninh mạng trong việc duy trì an ninh quốc gia, ổn định kinh tế và quản trị toàn cầu. Sự gia tăng các cuộc tấn công trên mạng có sự “hậu thuẫn” của nước khác (ví dụ, Trung Quốc) đòi hỏi sự hợp tác song phương mạnh mẽ. Theo điều tra của Cơ quan Cảnh sát Quốc gia Nhật Bản (NPA) trong giai đoạn 2019-2024, Nhật Bản hứng chịu hơn 200 cuộc tấn công mạng từ tin tặc có liên hệ với chính phủ Trung Quốc và mục tiêu bị nhắm đến là Bộ Ngoại giao; Bộ Quốc phòng; cơ quan vũ trụ của Nhật Bản; những cá nhân gồm: chính trị gia, nhà báo, doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức nghiên cứu (think-tank) liên quan về công nghệ tiên tiến [Yamaguchi, 2025]. Các tuyên bố chung của lãnh đạo hai nước giai đoạn 2021-2025 đều nhấn mạnh tới việc tăng cường hợp tác song phương về an ninh mạng. Ngày 1/5/2023, Đối thoại an ninh mạng Hoa Kỳ - Nhật Bản lần thứ 8 được tổ chức tại Tokyo, trong đó thảo luận về nhiều vấn đề liên quan đến hợp tác an ninh mạng giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ: các chính sách an ninh mạng trong nước, hợp tác trong lĩnh vực khu vực và quốc tế và hợp tác an ninh mạng song phương. Kết thúc sự kiện, đại diện hai nước đều khẳng định sẽ tiếp tục tổ chức đối thoại an ninh mạng song phương trong tương lai.

- Tiếp đó, trong quốc yến thiết đãi Thủ tướng Fumio Kishida nhân chuyến thăm Hoa Kỳ vào tháng 4/2024, Tổng thống Biden và Thủ tướng Kishida cùng đưa ra tuyên bố chung về việc thúc đẩy hợp tác về bảo mật thông tin và an ninh mạng để đảm bảo liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản luôn đi trước các mối đe dọa ngày càng gia tăng và xây dựng khả năng phục hồi trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), đồng thời lên kế hoạch thành lập nhóm làm việc chung gồm các chuyên gia từ hai nước để xây dựng một kế hoạch hành động nhằm đạt được sự đồng thuận về việc cấp tiêu chuẩn an ninh mạng cho chương trình Internet vạn vật [The White House, 2024a]. Tại cuộc họp 2+2 ở Tokyo vào tháng 7/2024, bốn vị bộ trưởng ngoại giao và quốc phòng đều thống nhất về mục số 8 trong “Khả năng răn đe và ứng phó” (U.S.-Japan Deterrence and Response Capabilities) của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản, đó là tăng cường an bảo mật thông tin và an ninh mạng trong hợp tác quốc phòng an ninh, đồng thời hai bên còn thảo luận tiềm năng trong việc kết hợp các khái niệm phòng thủ mạng vào các cuộc tập trận chung trong thời gian tới [U.S. Department of Defense, 2024].

Về thực trạng hợp tác, hai nước đã bắt đầu phối hợp giữa các cơ quan ban ngành liên quan về an ninh mạng. Vào ngày 6/1/2023, Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ (DHS) và Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) ký MoU hợp tác về an ninh mạng để tăng cường hoạt động hợp tác; nâng cao an ninh cho các hệ thống kiểm soát công nghiệp. Cơ quan An ninh mạng Hoa Kỳ (CISA) đã nhắc tới việc cộng tác với hai cơ quan đối tác của Nhật Bản: Trung tâm quốc gia về sẵn sàng ứng phó sự cố và chiến lược an ninh mạng của Nhật Bản (NISC) và Trung tâm điều phối nhóm ứng phó khẩn cấp máy tính của Nhật Bản (JPCERT/CC) trong cuốn cẩm nang về an ninh mạng “Chuyển đổi sự cân bằng của rủi ro an ninh mạng: Nguyên tắc và phương pháp tiếp cận cho phần mềm an toàn theo thiết kế” (Shifting the Balance of Cybersecurity Risk: Principles and Approaches for Secure by Design Software) vào ngày 25/10/2023 [CISA, 2023]. Những nỗ lực này dẫn đến việc thành lập Nhóm công tác về Sản phẩm an toàn tối thiểu khả thi (Minimum Viable Secure Product: MSVP), nhằm giải quyết yêu cầu về an ninh mạng đối với các nhà cung cấp phần mềm. Ngoài ra, Bộ chỉ huy Hoạt động Thông tin Hải quân Hoa Kỳ

(Hawaii N3J) và Nhóm An ninh Truyền thông của Lực lượng Phòng vệ trên biển Nhật Bản (JMSDF) tổ chức cuộc tập huấn chung từ ngày 1 đến 2/11/2022 nhằm cải thiện năng lực tác chiến cho lực lượng JMSDF về an ninh mạng cũng như cải thiện khả năng tương tác với nhóm an ninh mạng của Hải quân Hoa Kỳ. Trong thời gian tới, Hoa Kỳ và Nhật Bản sẽ cùng hợp tác nghiên cứu áp dụng AI vào trong hoạt động chống lại cuộc tấn công mạng bằng cách kết hợp công nghệ tiên tiến của Hoa Kỳ với dữ liệu của Nhật Bản về dữ liệu về các vụ tấn công mạng bên ngoài các nước nói tiếng Anh. Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thống Quốc gia Nhật Bản (NICT) sẽ thành lập một cơ sở nghiên cứu tại Washington D.C và dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động từ tháng 4/2025 [Watanabe, 2025]. (Xem phụ lục 3)

- *Hợp tác an ninh hàng hải*

Luôn là khía cạnh quan trọng của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản vì liên quan đến việc duy trì và đảm bảo lợi ích của cả hai nước tại Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương. Khu vực này bao gồm những tuyến đường biển quan trọng: Biển Đông được xem là cửa ngõ giao thương quốc tế - con đường ngắn nhất kết nối giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương. Tiếp đó, eo biển Malacca có chiều dài 600 hải lý và chiều rộng ở chỗ hẹp nhất chỉ 1,2 hải lý, nối liền nhiều cảng biển của Đông Bắc Á; bờ Tây châu Mỹ với Nam Á; châu Phi; Trung Đông; Nam Âu được dự báo sẽ trở nên quá tải hơn nữa do sự gia tăng thương mại toàn cầu và nhu cầu năng lượng của các quốc gia. Tuyến vận tải quốc tế qua Biển Đông là nơi giao lưu hàng hóa của nhiều nước châu Á với giá trị thương mại trị thương mại khoảng 5,3 nghìn tỷ USD; là nơi trung chuyển năng lượng quan trọng của thế giới: 1/3 lượng dầu thô và hơn 1/2 lượng khí hóa lỏng, đánh giá là lớn gấp 15 lần lượng năng lượng chuyên chở qua kênh đào Panama ở Trung Mỹ [Báo ảnh Việt Nam, 2023]. Ngoài ra, khoảng 70% khối lượng dầu mỏ nhập khẩu và khoảng 45% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Nhật Bản qua Biển Đông; trong khi tỷ lệ của Trung Quốc là 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu và 60% lượng hàng nhập khẩu [Báo ảnh Việt Nam, 2023].

Dưới thời Joe Biden, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục hợp tác chặt chẽ để khẳng định nguyên tắc tự do hàng hải, một khía cạnh cơ bản của luật pháp quốc tế. Sự hợp tác này đặc biệt rõ ràng ở Biển Đông và eo biển Đài Loan, nơi các yếu sách lãnh thổ

của Trung Quốc gây ra căng thẳng. Bằng cách tiến hành “Các hoạt động tự do hàng hải” (FONOP), hai nước thể hiện cam kết của mình trong việc đảm bảo các tuyến đường biển quan trọng này luôn mở cho tất cả các quốc gia, thách thức hành động đơn phương cản trở quyền trên. Thêm vào đó, nhiều cuộc tập trận song phương và đa phương với các nước đối tác như Quad, AUKUS, NATO, Hàn Quốc, Philippines... thường xuyên được tổ chức là biện pháp phản đối hành động sai trái của Trung Quốc cũng như duy trì quyền tự do hàng hải. Lần đầu tiên Hoa Kỳ làm chủ nhà Hội nghị Thượng đỉnh Đặc biệt ASEAN - Hoa Kỳ tại Washington D.C năm 2022, nhân dịp này Tổng thống Biden khẳng định ASEAN là “trái tim” trong chiến lược của Hoa Kỳ nhằm đạt được một Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, rộng mở và thịnh vượng, ám chỉ đến khu vực có tầm quan trọng chiến lược nằm trên các tuyến đường biển quan trọng, bao gồm Biển Đông, nơi Bắc Kinh đang đưa ra yêu sách lãnh thổ rộng lớn [Kyodo News, 2022]. Tương tự, tại Hội nghị Thượng đỉnh G7 ở Hiroshima năm 2023, Thủ tướng Fumio Kishida xác định khu vực Đông Nam Á, Nam Á, các quốc đảo Thái Bình Dương và Hàn Quốc là “trọng tâm hợp tác” trong Kế hoạch FOIP mới của Nhật Bản [Prime Minister’s Office of Japan, 2023].

- *Hợp tác tình báo*

Trong giai đoạn 2021-2025, hợp tác tình báo giữa hai nước có sự chuyển dịch từ chức năng hỗ trợ sang yếu tố thúc đẩy răn đe trong hoạt động. Sự phát triển này được thúc đẩy bởi môi trường an ninh khu vực ngày càng khắt khe hơn, bao gồm các hoạt động quân sự ngày càng mở rộng của Trung Quốc và chương trình tên lửa của Triều Tiên. Để đối phó, hai bên tăng cường phối hợp trong lĩnh vực tình báo, giám sát và trinh sát (ISR), cải thiện việc chia sẻ thông tin theo thời gian thực và củng cố các cơ chế phân tích chung [U.S. Department of Defense, 2023a]. Một bước phát triển thể chế quan trọng là việc thành lập và mở rộng Trung tâm Phân tích Thông tin Song phương (BIAC), giúp tăng cường sự kết hợp thông tin tình báo và hỗ trợ việc ra quyết định nhanh hơn, phối hợp tốt hơn [U.S. Department of Defense, 2024].

Đồng thời, hợp tác tình báo ngày càng được tích hợp với chức năng rộng hơn của liên minh, đặc biệt là chỉ huy và kiểm soát cũng như lập kế hoạch tác chiến. Thay vì chỉ là một hoạt động kỹ thuật hoặc nền tảng, việc chia sẻ thông tin

tình báo được liên kết trực tiếp với răn đe chung và phản ứng dự phòng tiềm tàng. Sự thay đổi này cũng được phản ánh trong việc mở rộng hợp tác ba bên với Hàn Quốc, đặc biệt là trong việc chia sẻ dữ liệu cảnh báo tên lửa theo thời gian thực về Triều Tiên, giúp giảm sự phân mảnh trong phối hợp tình báo khu vực [U.S. Department of Defense, 2023b].

Ngoài tình báo quân sự truyền thống, hợp tác tình báo song phương còn mở rộng sang lĩnh vực an ninh mạng, giám sát không gian và các công nghệ mới nổi. Cả hai bên đều chú trọng hơn vào việc bảo vệ cơ sở hạ tầng trọng yếu, tăng cường tình báo về các mối đe dọa trên mạng và phát triển các hệ thống phát hiện tiên tiến để theo dõi tên lửa. Những phát triển này cho thấy hợp tác tình báo mở rộng thành một khuôn khổ đa lĩnh vực, hỗ trợ cả các mục tiêu an ninh truyền thống và phi truyền thống [U.S. Department of Defense, 2024].

Tuy nhiên, sự hợp tác này vẫn mang tính bất đối xứng vì Hoa Kỳ vẫn sở hữu năng lực tình báo mạnh hơn nhiều, phạm vi hoạt động toàn cầu rộng lớn hơn và các hệ thống thu thập và phân tích tiên tiến hơn. Trong khi đó, vai trò của Nhật Bản chủ yếu giữ vị trí chiến lược, chia sẻ các nguồn lực giám sát tiên tuyến và phối hợp với hiệu quả hơn các thông tin tình báo được Hoa Kỳ chia sẻ.

3.2.2. Trong cơ chế đa phương

Giai đoạn 2021-2025 chứng kiến sự tham gia nhiều hợp tác đa phương về quốc phòng an ninh của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản với các khối quân sự hay tổ chức khu vực như Quad, ASEAN và AUKUS, để hướng tới mục tiêu giải quyết thách thức trong khu vực (truyền thông và phi truyền thông); cạnh tranh địa chiến lược và thúc đẩy trật tự quốc tế dựa trên luật lệ.

Đối với nhóm Quad (Nhóm Bộ Tư), Chính quyền Biden hồi sinh nhóm này như một diễn đàn chính để thúc đẩy trật tự Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, cởi mở và toàn diện. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ tổ chức 4 hội nghị thượng đỉnh cấp cao (gồm cả hình thức trực tuyến lẫn trực tiếp). Nội dung hợp tác của nhóm này rất đa dạng từ vấn đề toàn cầu (cung cấp vaccine Covid-19 trên phạm vi toàn thế giới; sáng kiến tập trung vào các công nghệ quan trọng, biến đổi khí hậu và cơ sở hạ tầng) đến quốc phòng - an ninh thông qua các cuộc tập trận quân sự.

Thêm vào đó, nhiều cam kết tăng cường đảm bảo an ninh khu vực được đưa ra, đặc biệt là để ứng phó với hành động quyết đoán của Trung Quốc trong khu vực.

Đối với ASEAN, được xem là trung tâm của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, hai nước tích cực hợp tác với các nước ASEAN để hỗ trợ sự ổn định khu vực, tự do hàng hải và pháp quyền ở Biển Đông. Dưới thời Biden, Hoa Kỳ tái khẳng định cam kết của mình đối với Triển vọng ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (AOIP) sẽ phù hợp với cách tiếp cận chủ động của Nhật Bản đối với cơ chế do ASEAN lãnh đạo để đối thoại và hợp tác về vấn đề an ninh. Kể từ 2010 đến nay, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+) luôn có sự tham gia của Hoa Kỳ và Nhật Bản, điều này phần nào thể hiện mong muốn của hai nước trong việc hội nhập và hợp tác chặt chẽ đối với Đông Nam Á.

Đối với AUKUS, dù không phải là thành viên của Hiệp ước an ninh AUKUS của Australia - Anh - Hoa Kỳ, nhưng Nhật Bản bày tỏ sự ủng hộ đối với các mục tiêu của AUKUS, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng tiên tiến và an ninh hàng hải. Hoa Kỳ và Nhật Bản tìm thấy sự tương đồng với các sáng kiến của AUKUS, đặc biệt về phòng thủ mạng, trí tuệ nhân tạo và năng lực dưới nước, bổ sung cho mục tiêu an ninh rộng hơn của họ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Hoa Kỳ và Nhật Bản còn đẩy mạnh hợp tác ba bên với hai nước là Australia và Hàn Quốc. *Đối với Australia*, song song với hợp tác khuôn khổ nhóm Quad, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục duy trì các Đối thoại chiến lược ba bên (TSD) và Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ba bên (Trilateral Defence Ministers' Meeting: TDMM) kể từ 2018 đến nay. Mục đích của các diễn đàn này là làm tăng cường hợp tác nhóm Australia - Nhật - Hoa Kỳ (AJUS) với một số nội dung: hợp tác an ninh; giải quyết thách thức khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; duy trì trật tự khu vực dựa theo pháp luật quốc tế; hỗ trợ và cứu trợ nhân đạo.

Đối với Hàn Quốc, ba Bộ trưởng Lloyd Austin (Hoa Kỳ), Kihara Minoru (Nhật Bản) và Shin Won-sik (Hàn Quốc) đã tổ chức cuộc họp bộ trưởng quốc phòng ba bên lần đầu tiên vào ngày 2/6/2024 tại Singapore nhằm thảo luận những lo ngại chung về an ninh khu vực và xem xét những nỗ lực hợp tác an ninh ba nước được thảo luận từ cuộc họp giữa Tổng thống Biden với Thủ tướng Kishida và Tổng thống Yoon tại Trại David (18/8/2023). Các nhà lãnh đạo quyết định từ năm 2024

sẽ tổ chức luân phiên các diễn đàn: Hội nghị Bộ trưởng Ba bên (Trilateral Ministerial Meeting: TMM); cuộc họp các Tham mưu trưởng Quốc phòng Ba bên (Trilateral Chiefs of Defense: Tri-CHOD) và Đối thoại Quốc phòng Ba bên (Defense Trilateral Talks: DTT) (U.S.Embassy & Consulate in ROK, 2024) tại từng nước. Trong năm 2024, ba nước tổ chức thành công 3 cuộc tập trận chung: tập trận hải quân từ ngày 15-17/1/2024; “Freedom Edge 24-1” vào ngày 27-29/06/2024; và “Freedom Edge 24-2” vào ngày 13/11/2024.

Về tập trận đa phương, đây có thể xem là hoạt động thường xuyên của giai đoạn này khi hai nước lần lượt tham gia diễn tập quân sự với nhiều đối tác: khối NATO (Canada, Hà Lan, Pháp, Anh) với *La Perouse 21*; *ARC21*; *Pacific Crown 21*, nhóm Quad (Australia và Ấn Độ) qua *Malabar*; *Sea Dragon 22*; *Cope North 22*, nhóm AKUS (Hoa Kỳ, Anh, Australia) với *MPX*, Hàn Quốc (*Pacific Dragon 22*, *Pacific Vanguard 23*) và Philippines (*Kamandag 21* và *Sama Sama 21*) với nội dung đa dạng phong phú (cứu hộ nhân đạo, tiếp tế, diễn tập trên bộ/ không/ biển) và phạm vi trải dài khắp khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đáng chú ý là cuộc tập trận “Milan-22” có quy mô lớn với sự tham dự của hơn 40 quốc gia do Ấn Độ tổ chức; cuộc tập trận “Cope North 22” có sự triển khai lực lượng lớn: Hoa Kỳ điều động 2500 phi công/ thủy quân lục chiến/ thủy thủ, 1000 binh sĩ đến từ Nhật Bản và Australia. Điều này thể hiện cam kết của liên minh trong việc hợp lực giữa các lực lượng hải quân trong khu vực để dần hiện thực hóa tầm nhìn chung về một trật tự Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, cởi mở và toàn diện. (Xem phụ lục 5)

3.3. Trên lĩnh vực kinh tế

3.3.1. Quan hệ song phương

Quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Nhật Bản luôn tăng trưởng ổn định, dù kinh tế Nhật Bản chịu nhiều ảnh hưởng trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Trump với chính sách “Nước Mỹ trên hết” khiến Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) làm ảnh hưởng chiến lược đối trọng kinh tế với Trung Quốc của Nhật Bản tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời Hoa Kỳ còn áp thuế với nhiều hàng hóa nhập khẩu từ quốc gia Đông Á này (ví dụ như ô tô). Hợp tác kinh tế song phương chứng kiến nhiều động lực tích cực kể từ khi Tổng

thống Biden lên nắm quyền và gặt hái nhiều thành tựu: Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn thứ hai của Nhật Bản trong năm 2024, ngược lại Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ tư của Hoa Kỳ (sau Canada, Mexico, và Trung Quốc).

- *Khuôn khổ, cơ chế hợp tác*

Trao đổi thương mại và đầu tư giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản từ năm 2021 đến năm 2025 phát triển mạnh mẽ nhờ vào việc thiết lập nhiều khuôn khổ và cơ chế hợp tác chặt chẽ. Những khuôn khổ và cơ chế này không chỉ tạo ra môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hai phía mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế song phương, đồng thời phản ánh sự hợp tác tổng thể ngày càng tăng, mang lại khuôn khổ lớn hơn cho các hoạt động giữa Chính phủ hai nước, trao đổi thương mại và đầu tư tiêu biểu như Ủy ban Kinh tế 2+2 (The 2+2 Economic Committee) về ngoại giao và kinh tế. Các khuôn khổ và cơ chế hợp tác thương mại - đầu tư song phương giai đoạn này bao gồm Hiệp định thương mại Hoa Kỳ - Nhật Bản (USJTA) vào năm 2020; Hiệp định Thương mại Kỹ thuật số Hoa Kỳ - Nhật Bản (2020); Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng (IPEF) đưa ra từ năm 2022; và Thỏa thuận Khoáng sản Quan trọng (CMA) vào năm 2023.

- *Về thương mại*

Trao đổi thương mại Hoa Kỳ - Nhật Bản từ 2014 đến 2025 tăng dần với khoảng 1,13 lần từ 204,33 tỷ USD lên 231,87 tỷ USD, trong đó kim ngạch thương mại đạt đỉnh vào năm 2022 với 234,77 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu tăng gần 1,2 lần từ 66,83 tỷ USD đến 82,06 tỷ USD, còn nhập khẩu tăng 1,1 lần từ 137,50 tỷ USD (2014) lên 149,81 tỷ USD (2025) (xem bảng 3.1). Kết quả này phản ánh hoạt động nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Nhật Bản tăng nhanh hơn hoạt động xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Nhật Bản. Mức thâm hụt thương mại luôn nghiêng về phía Hoa Kỳ khi giá trị thâm hụt thương mại luôn ở mức cao (trung bình là 70,26 tỷ USD), chỉ có duy nhất năm 2020 giảm xuống mức thấp nhất trong giai đoạn 10 năm qua là 58,71 tỷ USD, vì ảnh hưởng từ sự bùng phát dịch Covid-19 trước khi tăng trở lại trong giai đoạn 2021-2025. Tuy vậy, trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump, thâm hụt thương mại có chiều hướng giảm: từ 72,33 tỷ USD xuống 67,75 tỷ USD (2024-2025).

Bảng 3.1. Kim ngạch thương mại Hoa Kỳ với Nhật Bản (2014-2025)

Đơn vị: Tỷ USD

| Năm | Xuất khẩu sang Nhật | Tỷ trọng XK so với thế giới (%) | Nhập khẩu từ Nhật | Tỷ trọng NK so với thế giới (%) | Tổng kim ngạch thương mại | Thâm hụt thương mại |
|------|---------------------|---------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------|---------------------|
| 2014 | 66,83 | 4,13% | 137,50 | 5,70% | 204,33 | -70,67 |
| 2015 | 62,39 | 4,15% | 135,11 | 5,83% | 197,50 | -72,72 |
| 2016 | 63,25 | 4,36% | 135,07 | 6,00% | 198,32 | -71,82 |
| 2017 | 67,60 | 4,37% | 139,73 | 5,81% | 207,33 | -72,13 |
| 2018 | 75,15 | 4,51% | 145,69 | 5,58% | 220,84 | -70,54 |
| 2019 | 74,50 | 4,53% | 146,92 | 5,73% | 221,42 | -72,42 |
| 2020 | 63,76 | 4,47% | 122,47 | 5,09% | 186,23 | -58,71 |
| 2021 | 74,56 | 4,25% | 139,11 | 4,74% | 213,67 | -64,55 |
| 2022 | 80,32 | 3,89% | 154,45 | 4,57% | 234,77 | -74,13 |
| 2023 | 76,16 | 3,77% | 151,58 | 4,78% | 227,74 | -75,42 |
| 2024 | 79,74 | 3,86% | 152,07 | 4,53% | 231,81 | -72,33 |
| 2025 | 82,06 | 3,76% | 149,81 | 4,27% | 231,87 | -67,75 |

Nguồn: Tổng hợp từ cơ sở dữ liệu Trademap.org

Bảng 3.2. Một số mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ sang Nhật Bản năm 2024

| Nhóm hàng | Năm 2024 (tỷ USD) |
|-------------------------------------|-------------------|
| Tổng xuất khẩu hàng hóa | ~79,7 |
| Nhiên liệu khoáng sản, dầu mỏ | 12,30 |
| Sản phẩm dược phẩm | 8,41 |
| Máy móc & thiết bị công nghiệp | 8,02 |
| Thiết bị quang học, y tế & kỹ thuật | 7,07 |
| Máy bay & tàu vũ trụ | 6,10 |
| Thiết bị điện & điện tử | 4,49 |
| Ngũ cốc | 3,71 |
| Thịt & các sản phẩm từ thịt | 3,13 |

Nguồn: Trading Economics (2026). *United States exports to Japan*. Truy cập ngày 22.2.2026 từ <https://tradingeconomics.com/united-states/exports/japan>

Cơ cấu xuất khẩu năm 2024 có tính tập trung cao với 8 nhóm hàng chính chiếm khoảng 2/3 tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhóm hàng lớn nhất là nhiên liệu và dầu khoáng (12,30 tỷ USD), tiếp theo là dược phẩm (8,41 tỷ USD), máy móc và thiết bị công nghiệp (8,02 tỷ USD) và dụng cụ quang học/y tế/kỹ thuật (7,07 tỷ USD). Máy bay, thiết bị điện tử, ngũ cốc và thịt cũng đóng góp đáng kể. Cơ cấu này cho thấy xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Nhật Bản chủ yếu là các sản phẩm năng lượng và hàng hóa sản xuất có giá trị cao, công nghệ cao và liên quan đến sức khỏe.

Các yếu tố thúc đẩy đằng sau mô hình này mang tính cấu trúc hơn là chu kỳ. Thứ nhất, sự phụ thuộc lớn của Nhật Bản vào năng lượng nhập khẩu hỗ trợ nhu cầu mạnh mẽ đối với xuất khẩu nhiên liệu của Hoa Kỳ, đặc biệt khi thị trường năng lượng toàn cầu thắt chặt. Thứ hai, mặt hàng dược phẩm và thiết bị y tế được xuất khẩu nhiều phản ánh nhu cầu lớn của kinh tế tiên tiến và nhu cầu chăm sóc sức khỏe lớn của Nhật Bản. Thứ ba, xuất khẩu máy móc, điện tử và máy bay phản ánh sự hội nhập chuỗi cung ứng sâu rộng giữa hai nền kinh tế công nghiệp tiên tiến.

Bảng 3.3. Một số mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ từ Nhật Bản năm 2024

| Nhóm hàng | Năm 2024 (tỷ USD) |
|--|------------------------------|
| Phương tiện vận tải (ngoại trừ xe điện) | 51,27 |
| Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi | 36,05 |
| Thiết bị điện và điện tử | 19,17 |
| Sản phẩm dược phẩm | 7,42 |
| Thiết bị quang học, nhiếp ảnh, kỹ thuật & y tế | 7,18 |
| Hàng hóa không xác định cụ thể theo chủng loại | 4,01 |
| Các sản phẩm hóa chất khác | 3,27 |
| Tổng nhập khẩu hàng hóa | 152,07 |

Nguồn: Trading Economics (2026). *United States Imports from Japan*. Truy cập ngày 1.3.2026 từ <https://tradingeconomics.com/united-states/imports/japan>

Bảng số liệu 3.3 cho thấy nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ từ Nhật Bản năm 2024 đạt tổng cộng 152,07 tỷ USD, tập trung vào một vài lĩnh vực công nghiệp. Ba nhóm hàng lớn nhất gồm ô tô (51,27 tỷ USD); máy móc (36,05 tỷ USD) và thiết bị điện & điện tử (19,17 tỷ USD), chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch nhập khẩu. Điều này cho thấy nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Nhật Bản chủ yếu là thiết bị vận tải và hàng hóa sản xuất tiên tiến, chứ không phải hàng tiêu dùng thiết yếu hay nguyên vật liệu.

Mặt hàng quan trọng nhất là ô tô, chiếm khoảng 1/3 tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Nhật Bản. Điều này phản ánh lợi thế so sánh về cấu trúc của Nhật Bản trong sản xuất ô tô, sức mạnh thương hiệu trên thị trường Hoa Kỳ và chuỗi cung ứng song phương tích hợp sâu rộng. Trụ cột chính thứ hai là máy móc công nghiệp, làm nổi bật chuyên môn của Nhật Bản trong sản xuất hàng hóa vốn có độ chính xác cao được sử dụng trong sản xuất, cơ sở hạ tầng và hệ thống sản xuất tiên tiến. Điện tử càng củng cố vai trò của Nhật Bản với tư cách là nhà cung cấp các linh kiện và thiết bị tinh vi được tích hợp trong sản phẩm công nghiệp và tiêu dùng của Hoa Kỳ. Các nhóm hàng nhỏ hơn nhưng vẫn có ý nghĩa quan trọng như dược phẩm và dụng cụ y tế/kỹ thuật cho thấy thế mạnh của Nhật Bản trong lĩnh vực có giá trị cao và đòi hỏi đổi mới sáng tạo mạnh mẽ. Những mặt hàng này có xu hướng ít nhạy cảm với giá cả hơn và gắn liền hơn với công nghệ và tiêu chuẩn quy định, củng cố bản chất kinh tế tiên tiến của thương mại song phương.

Tóm lại, các mặt hàng nhập khẩu chính của Hoa Kỳ từ Nhật Bản tập trung vào ngành sản xuất công nghệ cao, thâm dụng vốn, đặc biệt là ô tô và máy móc. Mô hình này phản ánh sự chuyên môn hóa công nghiệp lâu dài, chuỗi cung ứng tích hợp giữa hai nền kinh tế tiên tiến và nhu cầu mạnh mẽ của nước này đối với thiết bị vận tải và nền sản xuất chính xác của Nhật Bản.

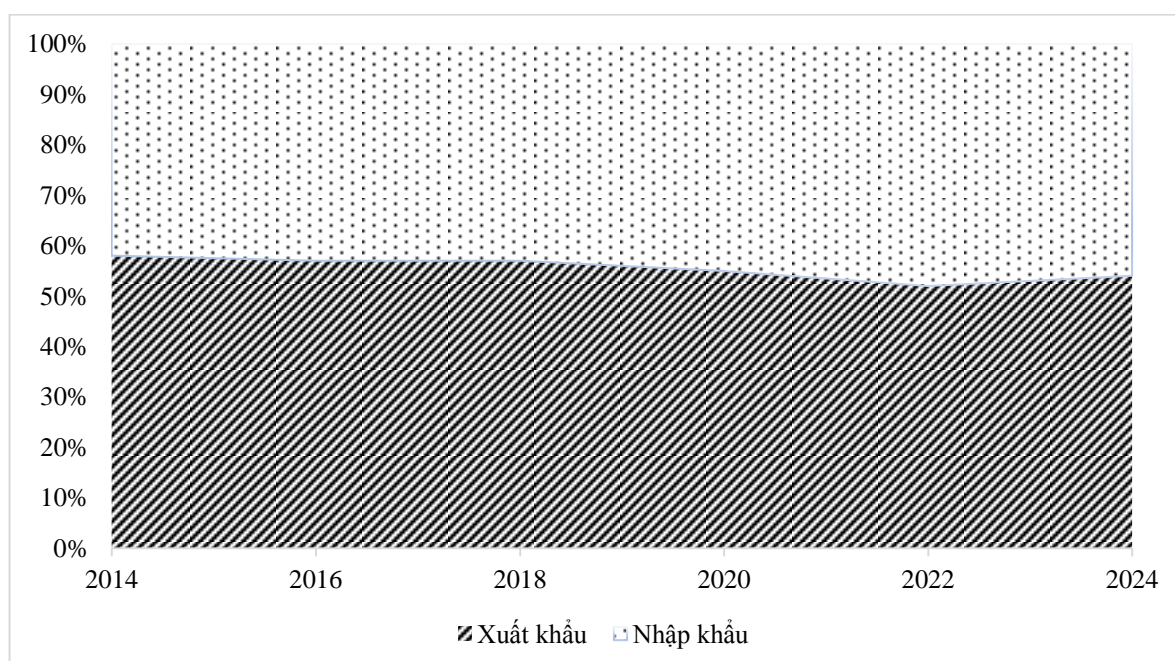
Bảng 3.4. Kim ngạch thương mại dịch vụ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản (2014-2024)

Đơn vị: tỷ USD

| Năm | Xuất khẩu dịch vụ của Hoa Kỳ sang Nhật Bản | Nhập khẩu dịch vụ của Hoa Kỳ từ Nhật Bản | Tổng thương mại dịch vụ | Cán cân thương mại |
|------|--|--|-------------------------|--------------------|
| 2014 | 46,20 | 32,85 | 79,05 | +13,35 |
| 2015 | 43,53 | 30,37 | 73,90 | +13,16 |
| 2016 | 44,04 | 33,05 | 77,09 | +10,99 |
| 2017 | 46,08 | 35,65 | 81,73 | +10,43 |
| 2018 | 46,37 | 35,21 | 81,58 | +11,16 |
| 2019 | 49,79 | 36,07 | 85,86 | +13,72 |
| 2020 | 39,09 | 32,15 | 71,24 | +6,95 |
| 2021 | 38,36 | 28,81 | 67,17 | +9,55 |
| 2022 | 41,29 | 37,46 | 78,75 | +3,83 |
| 2023 | 46,55 | 37,48 | 84,03 | +9,06 |
| 2024 | 49,38 | 42,46 | 91,84 | +6,92 |

Nguồn: Tổng hợp từ cơ sở dữ liệu Trademap.org

Biểu đồ 3.1. Cơ cấu xuất nhập khẩu dịch vụ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2014-2024)



Nguồn: Dựa vào số liệu Bảng 3.4

Bảng 3.4 và biểu đồ 3.1 cho thấy trao đổi dịch vụ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng trưởng trong suốt thập kỷ qua, dù cho có chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, nhưng sau đó phục hồi lên mức cao kỷ lục vào năm 2024. Tổng kim ngạch thương mại dịch vụ hai chiều tăng từ 79,05 tỷ USD năm 2014 lên 91,84 tỷ USD năm 2024, sau khi giảm xuống mức thấp nhất là 67,17 tỷ USD năm 2021.

Xuất khẩu dịch vụ của Hoa Kỳ sang Nhật Bản khá ổn định: 46,20 tỷ USD (2014) tăng lên mức cao trước đại dịch là 49,79 tỷ USD (2019), giảm xuống 38,36 tỷ USD (2021) và trở lại mức 49,38 tỷ USD (2024) là mức gần như trở lại mức đỉnh năm 2019. Nhập khẩu dịch vụ của Hoa Kỳ từ Nhật Bản tăng trưởng mạnh hơn, đặc biệt là sau đại dịch. Nhập khẩu tăng từ 32,85 tỷ USD (năm 2014) lên 42,46 tỷ USD (năm 2024), mức giá trị nhập khẩu cao nhất trong bảng.

Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu nhanh hơn này là lý do khiến thặng dư thương mại dịch vụ của Hoa Kỳ thu hẹp lại. Hoa Kỳ duy trì thặng dư thương mại dịch vụ hàng năm, nhưng thặng dư này giảm dần trong giai đoạn sau: đạt +13,35 tỷ USD năm 2014, đạt đỉnh +13,72 tỷ USD năm 2019, giảm xuống mức thấp nhất là +3,83 tỷ USD năm 2022 và kết thúc ở mức +6,92 tỷ USD năm 2024. Trên thực tế, mối quan hệ vẫn có lợi cho Hoa Kỳ trong thương mại dịch vụ ròng, nhưng doanh số bán dịch vụ của Nhật Bản sang Hoa Kỳ tăng nhanh hơn doanh số bán dịch vụ của Hoa Kỳ sang Nhật Bản trong những năm gần đây.

- *Hợp tác đầu tư*

- Về phía Hoa Kỳ:*

Bảng số liệu 3.5 cho thấy dòng vốn FDI của Hoa Kỳ vào Nhật Bản (2014-2024) có sự biến động theo từng giai đoạn. Giai đoạn đầu (2014-2016) chứng kiến hoạt động đầu tư tương đối thấp với dòng vốn FDI nhỏ và thậm chí doanh nghiệp Hoa Kỳ thoái vốn vào năm 2014 (-83 triệu USD), tiếp theo là dòng vốn khiêm tốn vào năm 2015 (598 triệu USD) và năm 2016 (234 triệu USD). Một sự mở rộng mạnh mẽ xảy ra vào năm 2017 khi đầu tư tăng vọt lên 5,55 tỷ USD, cho thấy một làn sóng giao dịch doanh nghiệp đáng kể. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này không được duy trì ngay lập tức khi dòng vốn giảm xuống còn 341 triệu USD vào năm 2018 trước khi phục hồi lên 1,92 tỷ USD vào năm 2019.

Thời điểm đại dịch Covid-19 bùng phát khiến đầu tư Hoa Kỳ vào Nhật Bản giảm mạnh trong năm 2020 (gần 2,4 tỷ USD), phản ánh tình trạng thoái vốn trong bối cảnh bất ổn toàn cầu. Đến năm 2021, đầu tư của Hoa Kỳ vào Nhật Bản dần hồi phục nhanh chóng với 4,53 tỷ USD (tăng gần gấp 1,9 lần) và tăng dần trong giai đoạn sau đó. Giai đoạn hậu đại dịch (2022-2024) đánh dấu thời kỳ đầu tư mạnh mẽ nhất của Hoa Kỳ với dòng vốn đạt 6,4 tỷ USD vào năm 2022 và duy trì ở mức cao với 5,72 triệu USD vào năm 2023 và 5,95 triệu USD vào năm 2024.

Về lĩnh vực đầu tư, Hoa Kỳ tập trung chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như: dịch vụ tài chính và bảo hiểm, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), thương mại và dịch vụ kinh doanh. Các lĩnh vực này phù hợp với thế mạnh của Nhật Bản về công nghệ, sản xuất công nghiệp và dịch vụ giá trị cao, cho thấy đầu tư của Hoa Kỳ được định hướng chiến lược vào ngành công nghiệp năng suất cao và dựa trên đổi mới sáng tạo hơn là sản xuất chi phí thấp.

Nhìn chung, dù vốn FDI Hoa Kỳ vào Nhật Bản biến động mạnh theo từng năm, nhưng sự tăng trưởng sau năm 2021 cho thấy sự hội nhập kinh tế sâu rộng hơn giữa hai nước, đặc biệt là trong những lĩnh vực liên quan đến công nghệ, tài chính và chuỗi cung ứng công nghiệp tiên tiến.

Bảng 3.5. FDI của Hoa Kỳ vào Nhật Bản (2014-2024)

Đơn vị: triệu USD

| Năm | FDI của Hoa Kỳ vào Nhật Bản |
|------------|------------------------------------|
| 2014 | -83 |
| 2015 | 598 |
| 2016 | 234 |
| 2017 | 5550 |
| 2018 | 341 |
| 2019 | 1915 |
| 2020 | -2397 |
| 2021 | 4532 |
| 2022 | 6408 |
| 2023 | 5718 |
| 2024 | 5947 |

Chú thích: Các giá trị âm biểu thị sự thoái vốn ròng, có nghĩa là các công ty Hoa Kỳ rút nhiều vốn hơn số vốn họ đầu tư trong năm đó.

Nguồn: Tổng hợp từ BEA (2026), *U.S. Direct Investment Abroad: Balance of Payments and Direct Investment Position Data*, Truy cập ngày 1.3.2026 từ <https://www.bea.gov/international/di1usdbal>

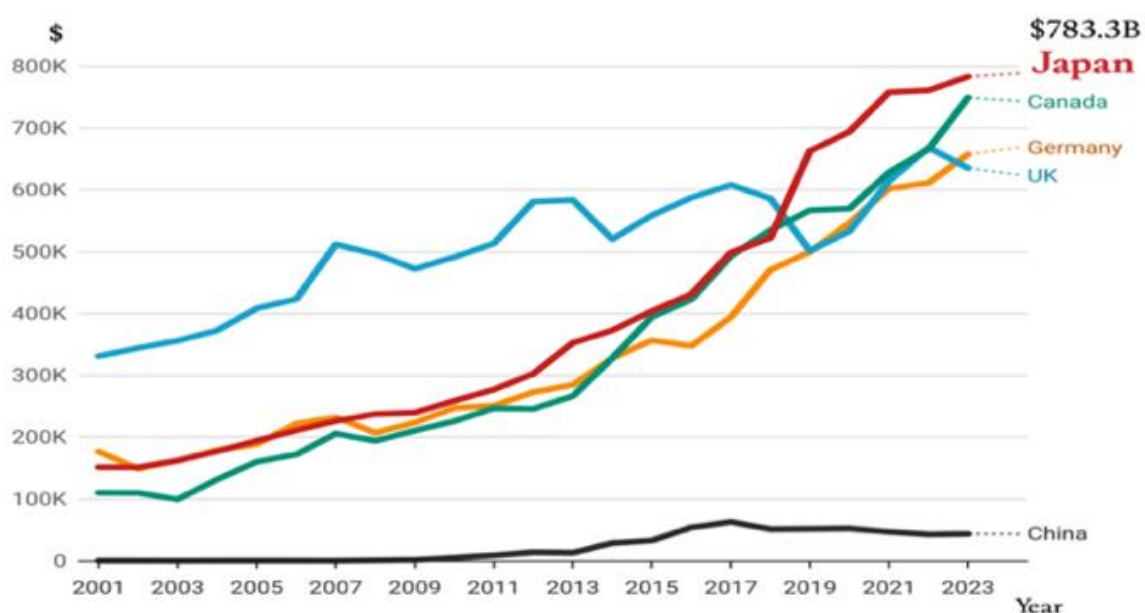
Thỏa thuận Khoáng sản Quan trọng (CMA) được ký kết giữa hai nước vào ngày 28/3/2023 là một sự kiện đáng chú ý, khi đây là nền tảng cho việc thúc đẩy sản xuất xe điện, đảm bảo nguồn cung ổn định cho nguồn tài nguyên chiến lược. Chẳng hạn, xe điện hãng TESLA của Hoa Kỳ và General Motors sử dụng kim loại chế biến tại Nhật Bản đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế theo Đạo luật Giảm lạm phát (The Inflation Reduction Act) của Tổng thống Biden vào ngày 16/8/2022. Tiếp đó, Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) tuyên bố thỏa thuận mới nhất giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản bao gồm các cam kết không áp thuế xuất khẩu đối với khoáng sản quan trọng được vận chuyển giữa hai nước. Ví dụ; lithium; coban; mangan; niken và than chì có tầm quan trọng chiến lược là một lợi ích cho các nhà sản xuất ô tô Nhật Bản và các công ty như Panasonic. Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản Hayashi Yoshimasa cho rằng nhu cầu về pin EV dự đoán sẽ tăng trong tương lai nên việc đảm bảo các khoáng sản quan trọng là một nhiệm vụ cấp bách cho hoạt động sản xuất của các công ty Nhật [Market Watch, 2023]. Vào ngày 6/12/2021, Tập đoàn Toyota công bố dự án xây dựng một nhà máy pin xe điện với trị giá 1,3 tỷ USD gần Greensboro, North Carolina và sẽ tạo việc làm cho 1750 người. Hiện tại, Hãng Toyota đang có kế hoạch bán 2 triệu xe chạy bằng pin và hydro không phát thải trên toàn thế giới vào năm 2030, trong đó tại Hoa Kỳ sẽ từ 1,5 triệu đến 1,8 triệu xe vào 2030 [The Asahi Shimbun, 2021].

Về phía Nhật Bản:

Trong số tất cả các quốc gia đầu tư, Nhật Bản hiện là nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất tại Hoa Kỳ trong 5 năm liên tiếp (2019-2024) với tổng vốn đầu tư lũy kế đạt khoảng 783 tỷ USD trong năm 2023. Đầu tư trực tiếp của Nhật Bản đóng vai trò thiết yếu trong việc góp phần vào tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng

của Hoa Kỳ, tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới và góp phần vào xuất khẩu hàng hóa của quốc gia Bắc Mỹ này. Theo báo cáo của Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản (JETRO), trong năm 2001-2023, FDI của Nhật Bản vào Hoa Kỳ tăng đều đặn: năm 2023 là hơn 783,3 tỷ USD (tăng hơn 3 lần khoảng 226,2%), qua đó trở thành quốc gia đầu tư lớn nhất (theo sau là Canada là 749,6 tỷ USD, Đức là 657,8 tỷ USD và Anh Quốc với 635,6 tỷ USD) kể từ sau khủng hoảng tài chính Hoa Kỳ năm 2009 [JETRO, 2025].

Biểu đồ 3.2. FDI lớn nhất vào Hoa Kỳ (2001-2023)

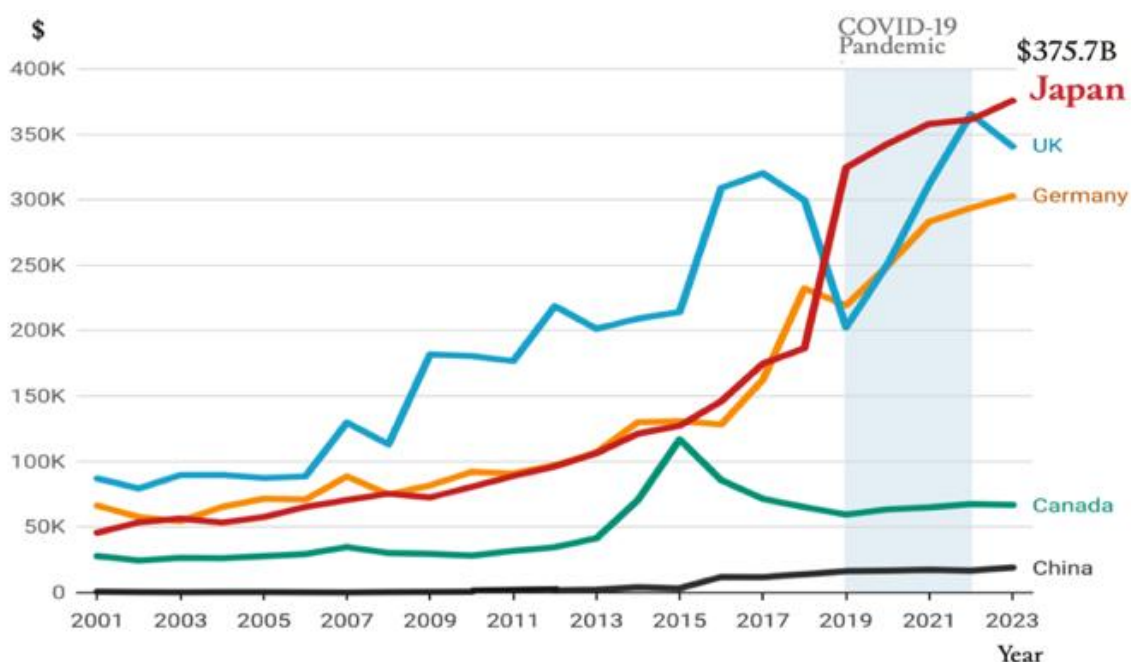


Nguồn: JETRO (2025), *Japan's U.S. investment dynamic: reflecting on the economic contributions by japanese companies*, tr.4, Truy cập ngày 20.4.2025 từ https://www.jetro.go.jp/ext_images/usa/2025/Japan-US-Investment-Report/japans_us_investment_dynamics_2025.pdf

Về đầu tư trong ngành sản xuất, so sánh giữa năm 2009 và năm 2023, mức đầu tư của Nhật Bản vào Hoa Kỳ tăng 303 tỷ USD (418%): từ 72,5 tỷ USD (2009) lên 375,7 tỷ USD (2023) [JETRO, 2025]. Ngoài ra, tỷ trọng đầu tư của Nhật Bản trong ngành sản xuất Hoa Kỳ chiếm 30,2% tổng đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào năm 2009, nhưng tỷ lệ này tăng lên 48% tổng đầu tư của Nhật Bản vào năm 2023. Các lĩnh vực đầu tư chính là sáp nhập và mua lại (Mergers & Acquisitions: M&A), xây dựng cơ sở sản xuất mới và mở rộng hoạt động hiện có, tất cả đều là hình thức đầu tư của nhà sản xuất Nhật Bản có trụ sở tại Hoa Kỳ. Khi khủng hoảng xảy ra,

các nhà sản xuất Nhật Bản có cam kết sâu sắc là sẽ ở lại đây để hỗ trợ lực lượng lao động và cộng đồng vượt qua những biến động. Với văn hóa đạo đức doanh nghiệp mạnh mẽ này của doanh nghiệp Nhật Bản phát triển tinh thần trách nhiệm công dân và củng cố tinh thần của nhân viên người Hoa Kỳ, cho phép các công ty Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau khi khủng hoảng kết thúc (ví dụ như đại dịch Covid-19).

Biểu đồ 3.3. Đầu tư các nước vào ngành sản xuất Hoa Kỳ (2001-2023)



Nguồn: JETRO (2025), *Japan's U.S. investment dynamic: reflecting on the economic contributions by japanese companies*, tr.6, Truy cập ngày 20.4.2025 từ https://www.jetro.go.jp/ext_images/usa/2025/Japan-US-Investment-Report/japans_us_investment_dynamics_2025.pdf

Trong nhiệm kỳ thứ hai, Tổng thống Donald Trump coi thuế quan là một đòn bẩy chủ yếu để tái định hình quan hệ thương mại với thế giới, theo cơ chế này Hoa Kỳ áp mức thuế cơ sở 10% đối với hầu hết hàng nhập khẩu và các ngành then chốt (thép, nhôm, ô tô và linh kiện ô tô tiếp tục chịu mức thuế riêng, cao hơn đáng kể so với mặt bằng chung), kèm theo mức bổ sung dựa trên thâm hụt thương mại song phương. Để đối phó với yêu cầu của Chính quyền Trump, Nhật Bản nhượng bộ, chủ động đàm phán cũng như đầu tư vào Hoa Kỳ. Ngày 4/9/2025, Hoa Kỳ và Nhật Bản đã ký MoU về việc Nhật Bản cam kết đầu tư 550 tỷ USD cho các dự án do Hoa Kỳ lựa chọn để đổi lấy việc Nhật Bản sẽ đạt được mức thuế nhập khẩu xe hơi thấp hơn

từ Hoa Kỳ (giảm từ 27,5% xuống 15%) [VnEconomy, 2025b]. Thỏa thuận này ưu tiên các lĩnh vực về năng lượng, chất bán dẫn và dược phẩm. Ví dụ như dự án đường ống dẫn khí LNG Alaska trị giá 44 tỷ USD được coi là một trong những ứng viên hàng đầu. Theo nguyên tắc, các dự án này sẽ gắn chặt với doanh nghiệp Nhật Bản, từ cung cấp linh kiện cho nhà máy điện đến thiết bị và vật liệu sản xuất chip.

3.3.2. Trong cơ chế đa phương

Quan hệ kinh tế giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản luôn là nền tảng của sự ổn định và đổi mới trong nền kinh tế toàn cầu. Dưới nhiệm kỳ của Tổng thống Joe Biden, hai nước tiếp tục hợp tác chặt chẽ và hỗ trợ nhau trong khuôn khổ hợp tác đa phương như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng (IPEF) và G7.

Trong khuôn khổ WTO, hợp tác giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản nhấn mạnh cam kết chung trong việc thúc đẩy một hệ thống thương mại quốc tế dựa trên luật lệ và giải quyết thách thức thương mại toàn cầu mới nổi. Điều này tập trung trong một số lĩnh vực chính: tự do hóa thương mại; thương mại điện tử; cải tổ WTO; hỗ trợ các nước đang phát triển.

Thứ nhất, hai nước đều vận động giảm rào cản thương mại và thúc đẩy nguyên tắc thương mại tự do trong khuôn khổ WTO. Điều này bao gồm các nỗ lực cải cách cơ cấu thuế quan và xóa bỏ các rào cản phi thuế quan ảnh hưởng đến nhiều ngành công nghiệp.

Thứ hai, sau đại dịch Covid-19 khiến thương mại điện tử trở thành xu thế và đóng vai trò ngày càng cao trong thương mại toàn cầu, Hoa Kỳ và Nhật Bản hợp tác trong các sáng kiến nhằm thiết lập quy tắc toàn cầu cho thương mại kỹ thuật số. Điều này bao gồm nỗ lực đảm bảo dòng dữ liệu tự do qua biên giới trong khi giải quyết mối quan ngại liên quan đến quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu.

Thứ ba, xuất phát từ nhu cầu hiện đại hóa WTO để giải quyết thách thức trong thương mại quốc tế, Hoa Kỳ và Nhật Bản tích cực thảo luận và đưa ra các sáng kiến nhằm cải cách cơ cấu và cơ chế giải quyết tranh chấp của tổ chức này. Trong Tuyên bố chung giữa Tổng thống Biden và Thủ tướng Suga vào tháng 4/2021, hai nhà lãnh đạo nỗ lực kêu gọi cải cách WTO và tăng cường hợp tác trong WTO nhằm giải quyết vấn đề sử dụng hoạt động thương mại phi thị trường và hoạt

động thương mại không công bằng khác (vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, ép buộc trong chuyển giao công nghệ, các vấn đề về năng lực dư thừa và sử dụng khoản trợ cấp công nghiệp để thao túng thương mại) [The White House, 2021].

Thứ tư, Hoa Kỳ và Nhật Bản đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hỗ trợ các nước đang phát triển hội nhập vào hệ thống thương mại toàn cầu gồm hỗ trợ kỹ thuật và sáng kiến xây dựng năng lực để giúp các nước này hưởng lợi từ thương mại toàn cầu.

Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng (IPEF), đây là sự thay thế cho Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và được Chính quyền Biden xem như một trọng tâm trong chiến lược kinh tế tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương vào tháng 5/2022. Trước đó một năm, tại hội nghị trực tuyến của 13 nước vào tháng 10/2021, Nhật Bản có lập trường ủng hộ Hoa Kỳ trong việc thực hiện hóa sáng kiến IPEF với tập trung vào 4 lĩnh vực: thương mại; chuỗi cung ứng; năng lượng sạch và cơ sở hạ tầng; các hoạt động kinh tế công bằng. Chính quyền Biden xem trọng Nhật Bản trong quá trình hình thành IPEF, vì Hoa Kỳ muốn học hỏi kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc điều phối thành công đàm phán CPTTP. Trong chuyến thăm của Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ Gina Raimondo đến Nhật Bản vào tháng 11/2021, Bộ trưởng Ngoại giao Hayashi Yoshimasa đề xuất “khuôn khổ kinh tế mang tính toàn diện và có tính phù hợp” với việc Tokyo sẽ đóng vai trò điều phối đề xuất phía Washington để các quốc gia châu Á có thể chấp nhận được [Bnews, 2022]. Tuy vậy, Nhật Bản rất hoan nghênh sáng kiến của Hoa Kỳ nhưng vẫn bày tỏ lo ngại về tiềm năng hợp tác vì mới chỉ có 3 trong 4 trụ cột của IPEF đạt được thỏa thuận, ngoại trừ thương mại [CRS, 2024].

Trong khuôn khổ Nhóm G7, Hoa Kỳ và Nhật Bản phối hợp trong các chính sách hợp tác phục hồi chuỗi cung ứng, năng lượng, thị trường tài chính và đầu tư, công nghệ, hỗ trợ các nước đang phát triển.

Về khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng, đây là nỗ lực để phục hồi chuỗi cung ứng quốc tế sau ảnh hưởng tác động của đại dịch Covid-19 và thương chiến Hoa Kỳ - Trung Quốc, thông qua đa dạng hóa nguồn cung ứng và giảm sự phụ thuộc vào điểm lỗi đơn lẻ, đặc biệt là trong các lĩnh vực quan trọng như chất bán dẫn, dược phẩm và vật liệu đất hiếm.

Về hợp tác năng lượng, nhiều dự án năng lượng được triển khai với việc tập trung vào phát triển công nghệ năng lượng sạch và thúc đẩy an ninh năng lượng.

Về thị trường tài chính và đầu tư, các nước tái nhấn mạnh cam kết về việc triển khai Giải pháp Hai trụ cột (Framework Two-Pillar Solution) trong Khung toàn diện OECD/G20 để giải quyết thách thức về thuế phát sinh từ xu thế toàn cầu hóa và số hóa nền kinh tế, thiết lập một hệ thống thuế quốc tế ổn định và công bằng hơn [MOFA of Japan, 2023].

Về công nghệ, hợp tác song phương trong nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), máy tính lượng tử và công nghệ sinh học. Điều này bao gồm quan hệ đối tác giữa khu vực công và tư nhân nhằm thúc đẩy đổi mới và đảm bảo vị thế dẫn đầu về công nghệ.

Về hỗ trợ các nước đang phát triển, Hoa Kỳ và Nhật Bản cùng thành viên G7 hợp tác với các nước mới nổi và đang phát triển, còn được gọi là Nam Bán Cầu (Global South), các bên đều tái khẳng định cùng nhau giải quyết những vấn đề mà Nam Bán Cầu đang đối mặt về an ninh lương thực và kinh tế [NHK World, 2023]. Tại hội nghị G7 năm 2022, các lãnh đạo nhất trí cam kết huy động 600 tỷ USD từ quỹ công và tư nhân cho các nước đang phát triển để chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng từ Trung Quốc và phần nào giảm tác động của tình trạng lạm phát giá cả thực phẩm và năng lượng [France 24, 2022].

3.4. Trên một số lĩnh vực khác

3.4.1. Văn hóa, giáo dục và du lịch

- *Lĩnh vực văn hóa và giáo dục*: được thể hiện qua các khía cạnh chính sách, chương trình trao đổi sinh viên, sáng kiến nghiên cứu chung và sự kiện văn hóa.

Về chính sách, hai nước tiếp tục các chính sách hỗ trợ giáo dục và trao đổi văn hóa từ giai đoạn trước. Bộ Giáo dục Hoa Kỳ có các sáng kiến hỗ trợ giáo dục quốc tế với chương trình khuyến khích sinh viên Hoa Kỳ du học và sinh viên nước ngoài du học tại Hoa Kỳ. Trong khi đó, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) thực hiện các chính sách nhằm tăng số lượng sinh viên quốc tế tại Nhật Bản và thúc đẩy ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản ở nước ngoài. Đối với chính sách văn hóa, nhiều tổ chức và thể chế văn hóa được thành lập nhằm

thúc đẩy sự hiểu biết và trân trọng lẫn nhau về nền văn hóa của nhau. Chẳng hạn, Quỹ Nhật Bản (Japan Foundation) được thành lập vào năm 1972, đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy giáo dục ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản trên toàn thế giới.

Về trao đổi sinh viên, những chương trình trao đổi sinh viên từ lâu đã là một phần quan trọng của hợp tác giáo dục Hoa Kỳ - Nhật Bản khi cung cấp cho sinh viên hai nước cơ hội tìm hiểu văn hóa nước ngoài, tiếp thu kiến thức học thuật và phát triển năng lực toàn cầu. Hai nước tiếp tục duy trì nhiều chương trình trao đổi ở nhiều cấp độ giáo dục khác nhau, chẳng hạn như chương trình JET là sáng kiến quan trọng đưa giáo viên Hoa Kỳ đến Nhật Bản để dạy tiếng Anh và thúc đẩy giao lưu văn hóa. Ước tính khoảng 36.800 người Hoa Kỳ từng tham gia từ năm 1987; hàng năm có khoảng 4.000-5.000 đơn đăng ký và chỉ có khoảng 1.000-1.100 ứng viên được lựa chọn [JET, 2025]. Chương trình Học bổng Fulbright cấp học bổng cho 10.000 công dân Nhật Bản kể từ năm 1952 đến nay, để tham gia vào các chương trình đào tạo sau đại học tại Hoa Kỳ về ngành báo chí; quỹ tài trợ thực hiện luận án tiến sĩ; trao đổi học giả ngắn hạn... Cơ quan đặc trách giáo dục phổ thông của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ (DODEA) ở Thái Bình Dương; Đại sứ Quán Hoa Kỳ và Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Nhật Bản và Lực lượng Hoa Kỳ (USFJ) và Bộ Ngoại giao Nhật Bản tổ chức các hoạt động trao đổi văn hóa và giáo dục thường niên giữa học sinh hai nước. Năm 2023, học sinh trường Trung học Nile C. Kinnick cùng các học sinh Nhật Bản từ nhiều địa phương tham gia chương trình trao đổi thanh niên kéo dài 2 ngày (4-5/2/2023) tại trường Trung học Cơ sở Yokosuka, Tokyo. Ngược lại, kể từ năm 2013 đến nay, chương trình EPIC của tỉnh Ehime, Nhật Bản tổ chức hoạt động giao lưu quốc tế hàng năm và từ ngày 26/9 đến 1/10/2025 có 10 học sinh đến từ các trường trung học khác nhau của tỉnh Ehime đến bang Hawaii để tham gia chương trình giao lưu văn hóa.

Về sáng kiến nghiên cứu chung, các trường đại học và viện nghiên cứu tại Hoa Kỳ và Nhật Bản tham gia vào nhiều dự án nghiên cứu chung, đặc biệt là trong các lĩnh vực như công nghệ, y học và khoa học môi trường. Sự hợp tác được thúc đẩy thông qua nhiều cơ chế khác nhau, bao gồm khoản tài trợ nghiên cứu chung, chương trình trao đổi cho các nhà nghiên cứu và dự án hợp tác giữa các trường đại

học và viện nghiên cứu. Ví dụ, Quỹ Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ (NSF) và Hiệp hội Xúc tiến Khoa học Nhật Bản (JSPS) thiết lập chương trình hỗ trợ dự án nghiên cứu hợp tác giữa các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ và Nhật Bản. Trong khuôn khổ chuyến thăm Hoa Kỳ của Thủ tướng Kishida (9/4/2024), Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ Gina Raimondo; Đại sứ Hoa Kỳ tại Nhật Bản Rahm Emanuel và Bộ trưởng Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) Moriyama Masahito công bố hai quan hệ đối tác nghiên cứu mới về AI giữa Đại học Washington và Đại học Tsukuba; giữa Đại học Carnegie Mellon và Đại học Keio. Những mối quan hệ đối tác này được tài trợ 110 triệu USD - khoản đầu tư kết hợp từ các doanh nghiệp Hoa Kỳ như Nvidia, Amazon, Arm và Softbank Group, Microsoft và 9 công ty Nhật Bản [U.S. Embassy & Consulates in Japan, 2024]. Chính sự hợp tác này không chỉ thúc đẩy kiến thức khoa học mà còn củng cố mối quan hệ song phương giữa hai bên khi cùng nhau giải quyết những thách thức chung, chia sẻ gánh nặng nghiên cứu và phát triển, qua đó tìm ra giải pháp hiệu quả hơn.

Về trao đổi văn hóa, nhiều sự kiện văn hóa (lễ hội, triển lãm và biểu diễn) được tổ chức đều đặn giúp hai nước tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Lễ hội hoa Anh Đào thường niên ở Washington, D.C. tổ chức từ tháng 3 đến tháng 4 là sự kiện kỷ niệm món quà “cây hoa Anh Đào” của Nhật Bản tặng cho Hoa Kỳ vào năm 1912, đồng thời cũng là dịp kỷ niệm tình hữu nghị hai nước. Các lễ hội văn hóa lớn ở Nhật Bản như lễ hội Mùa xuân Takayama (diễn ra từ ngày 14-15/4 hàng năm); lễ hội Tenjin Matsuri ở Osaka (6/2024); lễ hội Gion Matsuri ở Kyoto (7/2024) thu hút du khách quốc tế và giới thiệu truyền thống và phong tục của Nhật Bản. Bên cạnh đó phải kể đến những hoạt động trao đổi văn hóa từ các địa phương giữa hai nước như “Hội nghị thượng đỉnh bang và thành phố kết nghĩa Hawaii - Nhật Bản: những mối liên kết ràng buộc” (Hawaii-Japan Sister State & Sister City Summit: The Ties That Bind) tổ chức 2 ngày (27-28/07/2023) với sự tham gia của nhiều quan chức cấp cao, doanh nghiệp, lãnh đạo về văn hóa - giáo dục tại tiểu bang Hawaii và Nhật Bản, sự kiện này tạo cơ hội giao lưu kinh tế; văn hóa; thắt chặt tình hữu nghị song phương. Ngày 10/3/2024, thành phố Iwakuni, tỉnh Yamaguchi tổ chức lễ hội Văn hóa người Hoa Kỳ gốc Nhật Bản, nhằm giới thiệu văn hóa truyền thống địa phương

Nhật Bản cũng như kết nối giữa người dân Nhật Bản với những người lính thủy quân lục chiến Hoa Kỳ. Ngày 19/7/2025, Hội đồng người Hoa Kỳ gốc Nhật Bản Chicago (CJAC) với sự hỗ trợ từ Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Chicago tổ chức “Lễ hội Nhật Bản 2025” kỷ niệm 40 năm văn hóa, cộng đồng và sự kết nối tại khu vực Chicago, gồm các hoạt động: biểu diễn J-pop, thời trang kimono, anime, trà đạo, món ăn đường phố. Ngược lại, thành phố Tokyo, Nhật Bản tổ chức “Lễ hội Hoa Kỳ 2025” tại công viên Hibiya (22/11-24/11/2025) với các hoạt động về trải nghiệm ẩm thực (bia thủ công, triển lãm loạt thịt nhập khẩu từ Hoa Kỳ).

- *Lĩnh vực du lịch*

Đây là hoạt động quan trọng của mối quan hệ song phương với hàng triệu du khách Hoa Kỳ đến thăm Nhật Bản mỗi năm. Theo số liệu của Tổ chức Du lịch Quốc gia Nhật Bản (JNTO), sau khi đại dịch được kiểm soát vào năm 2021, ước tính số khách du lịch từ Hoa Kỳ đến Nhật Bản là hơn 2,7 triệu người trong năm 2024, tăng 58% so với năm 2019 [108]. Ngược lại, Nhật Bản luôn nằm trong 10 nước có nhiều du khách đến Hoa Kỳ nhất (sau Canada, Mexico, Anh Quốc, Ấn Độ, Đức, Brazil), lượng khách Nhật Bản thăm quan Hoa Kỳ trong năm 2024 là 1.84 triệu [JNTO, 2025]. Ngày 29/11/2023, Hoa Kỳ và Nhật Bản chính thức khởi động “Năm du lịch Hoa Kỳ - Nhật Bản” với lễ ký kết MoU giữa Đại sứ Hoa Kỳ Rahm Emanuel và Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản Tetsuo Saito tại dinh thự Đại sứ Hoa Kỳ ở Tokyo.

Đây là lần đầu tiên hai chính phủ tổ chức năm du lịch nhằm thúc đẩy hoạt động du lịch, kinh doanh song phương. Đại sứ Emanuel nhấn mạnh “*Sáng kiến này không chỉ là về du lịch; mà còn là về việc tăng cường quan hệ, thúc đẩy kinh tế và trao đổi văn hóa. Khi hai nước phục hồi sau đại dịch Covid-19, chúng ta sẽ cùng nhau tạo tiền đề cho sự gia tăng lượng du khách Nhật Bản đến Hoa Kỳ và du khách Hoa Kỳ đến Nhật Bản vào năm 2024 và sau đó*” [U.S. Embassy & Consulates in Japan, 2023b]. Còn Bộ trưởng Saito cho rằng “*Hoa Kỳ và Nhật Bản có 464 thành phố kết nghĩa và chúng tôi hy vọng hai nước sẽ tận dụng Năm Du lịch này để kết nối lại và thúc đẩy hơn nữa trao đổi ở cấp địa phương. Người dân hai nước chúng ta cũng chia sẻ niềm đam mê bóng chày. Năm 2024 trùng với kỷ niệm 90 năm huyền*

*thoại bóng chày Babe Ruth cùng đội hình toàn ngôi sao (Al-Istar Team) của Hoa Kỳ đến thi đấu với các đội địa phương ở Nhật Bản và chúng tôi mong muốn thúc đẩy sâu sắc hơn nữa trao đổi du lịch thông qua bóng chày và các môn thể thao khác” [U.S. Embassy & Consulates in Japan, 2023b]. “Năm Du lịch” sẽ được triển khai hai nước: phía Hoa Kỳ là Văn phòng Du lịch và Lữ hành Quốc gia thuộc Bộ Thương mại Hoa Kỳ và Dịch vụ Thương mại Hoa Kỳ, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Tokyo và Brand USA, trong khi phía Nhật Bản là Cơ quan Du lịch Nhật Bản, Tổ chức Du lịch Quốc gia Nhật Bản và Hiệp hội Đại lý Lữ hành Nhật Bản. Ngày 25/09/2024, Cơ quan Du lịch Nhật Bản (JTA) và JNTO tổ chức sự kiện “Bonds Across the Ocean” tại trung tâm sự kiện Gotham Hall ở New York để kỷ niệm Năm du lịch Hoa Kỳ - Nhật Bản cũng như quảng bá du lịch Nhật Bản đối với người dân Hoa Kỳ. Sự kiện này có sự tham dự của Thủ tướng Fumio Kishida; 250 cơ quan truyền thông báo chí về du lịch và ẩm thực; đầu bếp đạt sao Michelin Samuel Clonts và cự đồ vật Sumo Yasokichi Konishiki. Sau khi kết thúc buổi lễ, Phó Trợ lý Thư ký về Lữ hành và Du lịch tại Cục Quản lý Thương mại Quốc tế thuộc Bộ Thương mại Hoa Kỳ, Alex Lasry phát biểu: “*Nhật Bản vẫn luôn là một trong những thị trường quan trọng và được đánh giá cao nhất của Hoa Kỳ và với việc đi lại giữa hai nước tiếp tục củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa người dân Hoa Kỳ và người dân Nhật Bản*” [JNTO, 2024].*

3.4.2. Khoa học - công nghệ

Hoa Kỳ và Nhật Bản chú trọng hợp tác khoa học - công nghệ thể hiện qua 4 lĩnh vực chính: phát triển AI, sản xuất ô tô, chất bán dẫn và mạng 5G.

Về phát triển AI, Bộ Thương mại Hoa Kỳ và Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản góp phần quan trọng trong phát triển công nghệ AI. Ví dụ, Ủy ban tư vấn chính sách kinh tế Hoa Kỳ - Nhật Bản (Đối thoại Kinh tế 2+2) hợp tác AI để tăng cường khả năng phục hồi kinh tế và thúc đẩy cũng như bảo vệ các công nghệ quan trọng và mới nổi cho cả hai quốc gia. Tháng 11/2023, Tổng thống Biden ủng hộ Quy trình AI (AI Process) của Hội nghị G7 Hiroshima cũng như hai quy trình bổ sung: (a) Nguyên tắc chỉ đạo quốc tế của Quy trình Hiroshima dành cho các tổ chức phát triển hệ thống AI tiên tiến và (b) Quy tắc ứng xử quốc tế của

Quy trình Hiroshima dành cho các tổ chức phát triển hệ thống AI tiên tiến. Tuyên bố chính thức từ Kinh tế 2+2 cũng nêu rõ sự hợp tác khác về hướng dẫn AI giữa cơ quan Quản lý rủi ro AI của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia của Hoa Kỳ (NIST) và Cơ quan thúc đẩy công nghệ thông tin của Nhật Bản (Information-Technology Promotion Agency: IPA) nhằm sản xuất các chất bán dẫn cần thiết cho sự phát triển AI tạo sinh (hình thức AI này tập trung vào việc phát triển hệ thống và mô hình có khả năng tạo ra nội dung và ý tưởng mới một cách tự động, bao gồm tạo ra văn bản; hình ảnh; video; âm thanh; và mã lập trình). Tiếp đó là hợp tác về AI giữa Bộ Thương mại Hoa Kỳ và METI thông qua Quan hệ Đối tác Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản - Hoa Kỳ (JUCIP), nhưng ở quy mô nhỏ hơn so với Đối thoại Kinh tế 2+2; và hợp tác giữa Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ và Bộ Quốc phòng Nhật Bản trong việc sử dụng AI đối với lĩnh vực quân sự. Bên cạnh G7 và OECD, Hoa Kỳ và Nhật Bản còn hợp tác về chủ đề liên quan đến AI trong các bản tuyên bố chung tại cuộc họp với nhóm Quad hay với nước cùng chí hướng như Hàn Quốc.

Về sản xuất ô tô, hợp tác song phương dưới thời Joe Biden tập trung vào phát triển và nâng cấp xe điện (EV). Điều này bao gồm nỗ lực nghiên cứu và phát triển chung nhằm cải thiện công nghệ pin EV, yếu tố rất quan trọng để tăng phạm vi hoạt động và hiệu quả của xe điện. Cả hai quốc gia đều nhận ra tầm quan trọng của việc thúc đẩy công nghệ pin để khiến xe điện thu hút hơn với người tiêu dùng và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Một khía cạnh quan trọng khác là mở rộng trạm sạc xe điện và thực hiện các chính sách được thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng rộng rãi xe điện tại hai nước. Chẳng hạn, ngày 10/2/2022, Tổng thống Biden thành lập quỹ 5 tỷ USD để giúp các tiểu bang xây dựng mạng lưới sạc xe điện tại nhiều tuyến đường giao thông chính trên toàn quốc [Silicon, 2022] và Nhật Bản lên kế hoạch lắp đặt 300.000 trạm sạc xe điện vào năm 2030, gấp đôi theo mục tiêu trong chiến lược tăng trưởng xanh vào năm 2021 [The Japan News, 2023]. Bằng cách học hỏi từ kinh nghiệm và chiến lược của nhau, Hoa Kỳ và Nhật Bản đặt mục tiêu đẩy nhanh việc triển khai cơ sở hạ tầng xe điện, giúp người dân dễ dàng chuyển đổi sang xe điện hơn.

Bên cạnh những hoạt động trên, hai nước hợp tác để đảm bảo chuỗi cung ứng cho các khoáng sản quan trọng cần thiết cho sản xuất pin. Đây là một động thái chiến lược nhằm đảm bảo tính sẵn có của vật liệu thiết yếu như lithium và coban, vốn rất quan trọng để sản xuất pin EV. Điều này thể hiện cả hai quốc gia đều hướng đến mục tiêu giảm thiểu rủi ro liên quan đến gián đoạn chuỗi cung ứng và thúc đẩy nguồn cung ứng bền vững các vật liệu này. Ngoài ra, hợp tác về sản xuất ô tô không chỉ là một phần của quan hệ đối tác chiến lược rộng lớn hơn nhằm tăng cường mối quan hệ kinh tế và công nghệ giữa hai quốc gia. Quan hệ đối tác này được coi là một cách để đảm bảo hai bên vẫn duy trì được khả năng cạnh tranh trong ngành công nghiệp ô tô đang phát triển nhanh chóng, ngày càng hướng tới tính bền vững và điện khí hóa giao thông. Thông qua những nỗ lực chung của mình, Hoa Kỳ và Nhật Bản đã tìm cách dẫn đầu sự thay đổi toàn cầu hướng tới giao thông bền vững, giảm phát thải carbon và thúc đẩy việc áp dụng phương tiện sạch.

Về sản xuất chất bán dẫn, xuất phát từ vai trò ngày càng quan trọng của chất bán dẫn trong ngành công nghệ từ điện tử tiêu dùng đến hệ thống quân sự tiên tiến, Hoa Kỳ và Nhật Bản cùng nỗ lực tăng năng lực sản xuất và giảm sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng từ Trung Quốc, bao gồm đầu tư vào các nhà máy chế tạo chất bán dẫn và phát triển công nghệ chất bán dẫn thế hệ tiếp theo. Ngày 8/7/2024, Tập đoàn sản xuất vật liệu chip hàng đầu Nhật Bản, Resonac Holdings thành lập một liên danh với tên gọi “US-JOINT” với 9 công ty khác của Nhật Bản và Hoa Kỳ sẽ đặt trụ sở tại Thung lũng Silicon (Hoa Kỳ), mục đích để hợp tác phát triển các công nghệ then chốt trong sản xuất bán dẫn sử dụng cho công nghệ Trí tuệ Nhân tạo (AI) tạo sinh (VietnamPlus, 2024). Ngoài ra, hai bên còn tài trợ các dự án nghiên cứu chung và thiết lập quan hệ đối tác giữa trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp để thúc đẩy đột phá về công nghệ bán dẫn.

Ngày 21/05/2023, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony J. Blinken và Bộ trưởng Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) Keiko Nagaoka ký Biên bản ghi nhớ hợp tác trong giáo dục. Sau khi ký Biên bản ghi nhớ, các công ty công nghệ và trường đại học hàng đầu của Hoa Kỳ và Nhật Bản công bố khoản đầu tư hơn 210 triệu USD vào các trường đại học với việc tập trung vào điện toán lượng

tử và công nghệ bán dẫn. Đại sứ Hoa Kỳ tại Nhật Bản Rahm Emanuel cho biết: “*Những quan hệ đối tác này nhằm nắm bắt cơ hội kinh tế và tăng cường an ninh kinh tế*” và “*khi chúng tôi kết nối các công ty hàng đầu với các trường đại học hàng đầu, chúng tôi định vị mình để dẫn đầu trong các công nghệ quan trọng*” [U.S. Embassy & Consulates in Japan, 2023a]. Theo đó, Tập đoàn IBM công bố quan hệ đối tác trị giá 100 triệu USD/10 năm với Đại học Chicago và Đại học Tokyo để phát triển siêu máy tính lượng tử đầu tiên trên thế giới được cung cấp năng lượng bởi 100.000 qubit; công ty Google cam kết quan hệ đối tác chiến lược trị giá 50 triệu USD/10 năm với Đại học Tokyo và Đại học Chicago tập trung vào nghiên cứu và phát triển lượng tử cũng như phát triển lực lượng lao động; Tập đoàn Micron khởi động quan hệ đối tác kỹ thuật bán dẫn trị giá 60 triệu USD/5 năm với 11 trường đại học: Đại học Purdue; Viện Công nghệ Rochester; Viện Bách khoa Rensselaer; Đại học Washington; Đại học Boise State; Virginia Tech; Đại học Hiroshima; Đại học Tohoku; Đại học Kyushu; Đại học Nagoya và Viện Công nghệ Tokyo [U.S. Embassy & Consulates in Japan, 2023a].

Về mạng 5G, những tuyên bố chung giữa lãnh đạo hai nước đều nhấn mạnh việc cùng xây dựng mạng Internet 5G là một nền tảng chiến lược về cơ sở hạ tầng an toàn tránh rủi ro từ các nhà cung cấp Trung Quốc. Các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ lựa chọn áp dụng công nghệ Open RAN (Open Radio Access Network) - “Hệ thống mạng truy cập vô tuyến mở” như một cách để cho phép cạnh tranh rộng rãi hơn và đa dạng hóa nhà cung cấp như Nhật Bản. Tháng 4/2021, Tổng thống Biden và Thủ tướng Suga cam kết đầu tư tổng cộng 4,5 tỷ USD vào phát triển mạng không dây thế hệ thứ 5 (5G), trong đó: 2,5 tỷ USD Hoa Kỳ và 2 tỷ USD từ Nhật Bản [GR Japan, 2021]. Hai nước thiết lập “Quan hệ đối tác kết nối kỹ thuật số toàn cầu” (Global Digital Connectivity Partnership: GDCCP) như một khuôn khổ toàn diện để thúc đẩy hợp tác kỹ thuật số song phương ở một nước thứ ba. Với sáng kiến này mở ra triển vọng cho các nhà cung cấp mạng tại hai nước có thể cung cấp vấn đề bảo mật mạng 5G cho các quốc gia khác. Tiếp đó, Hoa Kỳ và Nhật Bản còn tìm kiếm sự hợp tác đa phương với các nước Quad nhằm thúc đẩy hệ sinh thái công nghệ mở, dễ tiếp cận và an toàn giữa các nước thành viên.

3.4.3. Năng lượng

Sự hợp tác này trải dài trên nhiều khía cạnh: năng lượng tái tạo, nhiên liệu hóa thạch, hợp tác năng lượng hạt nhân. *Về năng lượng tái tạo*, Chính quyền Biden nhấn mạnh hợp tác quốc tế về năng lượng sạch và xem Nhật Bản là đối tác chính trong nỗ lực này. Cả hai quốc gia tham gia vào nhiều dự án nghiên cứu và phát triển (R&D) chung, đặc biệt là trong các lĩnh vực như công nghệ năng lượng mặt trời tiên tiến và hệ thống lưu trữ năng lượng. Ngoài ra, Hoa Kỳ và Nhật Bản hợp tác trong các sáng kiến nhằm thúc đẩy Hydro xanh, được coi là thành phần quan trọng của hệ thống năng lượng phi carbon. Nhật Bản đi đầu trong việc phát triển cơ sở hạ tầng Hydro với việc chính phủ ban hành “Chiến lược Hydro cơ bản” được cập nhật vào tháng 6/2023 để mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. Hoa Kỳ cũng thể hiện sự quan tâm đến Hydro như một nguồn năng lượng sạch với các công ty như Tập đoàn Asahi Kasei tham gia sáng kiến hỗ trợ mục tiêu khử carbon tại Hoa Kỳ. Sự hợp tác này dự kiến sẽ tăng cường chuỗi cung ứng hydro toàn cầu và giảm chi phí thông qua quy mô kinh tế.

Về nhiên liệu hóa thạch, hợp tác song phương tập trung vào giảm tác động của nhiên liệu hóa thạch đến môi trường qua việc phát triển công nghệ Thu giữ, Sử dụng và Lưu trữ carbon (Carbon Capture, Utilization, and Storage: CCUS). Vào ngày 11/10/2024, Bộ Năng lượng Hoa Kỳ (DOE) và Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) đồng tổ chức cuộc họp lần thứ tư về Nhóm công tác CCUS và tái chế Carbon. Đây là hoạt động nằm trong nội dung hợp tác của “Sáng kiến Năng lượng sạch và An ninh Năng lượng Hoa Kỳ - Nhật Bản” (CEESI) thành lập vào tháng 5/2022 là một diễn đàn đối thoại năng lượng cấp bộ trưởng hai nước. Kết quả đạt được là hai bộ ký kết MoU về hợp tác trong việc khả năng triển khai và lưu giữ carbon (Carbon Capture and Storage: CCS) ở vùng Alaska.

Về năng lượng hạt nhân, hợp tác song phương ra đa chiều và tập trung về năng lượng hạt nhân và không phổ biến vũ khí hạt nhân.

Thứ nhất, Hoa Kỳ và Nhật Bản tập trung vào việc phát triển và triển khai các lò phản ứng hạt nhân tiên tiến với lò phản ứng hạt nhân module nhỏ (SMR) và công nghệ hạt nhân thế hệ tiếp theo. Một tuyên bố chung về kế hoạch hoạt động hợp tác giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản được ban hành vào ngày 10/4/2024 về việc mở rộng việc

sử dụng thỏa thuận mua điện theo thị trường của các công ty và ngành công nghiệp để hỗ trợ tiếp cận năng lượng sạch, bao gồm cả từ cả lò phản ứng hạt nhân lớn và lò phản ứng module tiên tiến và nhỏ (A/SMR). Điều này sẽ giúp hai bên đạt được mục tiêu khử carbon và hỗ trợ các ngành công nghiệp sử dụng nhiều điện như phát triển AI. *Thứ hai*, nhiều sáng kiến nghiên cứu chung và quan hệ đối tác giữa các công ty và viện nghiên cứu của Hoa Kỳ và Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các công nghệ này, được hỗ trợ bởi các chính sách và nguồn tài trợ từ chính phủ. Hai nước còn thống nhất về khuôn khổ an toàn và quy định hạt nhân, rút ra bài học từ thảm họa hạt nhân Fukushima Daiichi năm 2011 khi nâng cao tiêu chuẩn an toàn và khả năng sẵn sàng ứng phó khẩn cấp của các cơ sở hạt nhân, chia sẻ tiêu chuẩn và tiến hành các cuộc tập trận chung. Sự hợp tác này mở rộng ra trên phạm vi quốc tế, nơi Hoa Kỳ và Nhật Bản ủng hộ việc tăng cường chuẩn mực an toàn hạt nhân toàn cầu thông qua Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) và tại các diễn đàn đa phương khác. *Thứ ba*, hai nước củng cố cam kết ngăn chặn sự phổ biến vũ khí hạt nhân thông qua nỗ lực ngoại giao để giải quyết thách thức hạt nhân ở các khu vực như Triều Tiên và Iran, hỗ trợ các giải pháp ngoại giao và thực thi lệnh trừng phạt quốc tế. Ngoài ra, Hoa Kỳ và Nhật Bản cùng nỗ lực bảo vệ vật liệu hạt nhân để bị tổn thương trên toàn thế giới, giảm nguy cơ khủng bố hạt nhân.

3.4.4. Chống biến đổi khí hậu

Hoa Kỳ và Nhật Bản từ lâu đã là những nước đóng vai trò chủ chốt trong các nỗ lực toàn cầu nhằm giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Hợp tác song phương về chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trải dài từ thỏa thuận song phương, các chương trình nâng cao nhận thức người dân đến đầu tư công nghệ mới.

Thứ nhất, các thỏa thuận và tuyên bố chung là những yếu tố nền tảng của hợp tác khí hậu Hoa Kỳ - Nhật Bản. Những cam kết chính thức này cung cấp một khuôn khổ cho hành động phối hợp và đóng vai trò là minh chứng cho tầm nhìn chung của hai nước như Đối tác về Năng lực cạnh tranh và Khả năng phục hồi (CoRe) năm 2021; Đối tác về năng lượng sạch (JUCEP) vào năm 2021; Đối tác về khí hậu năm 2021; Sáng kiến năng lượng sạch và an ninh năng lượng cấp Bộ trưởng (CEESI) năm 2022; Đối thoại an ninh năng lượng năm 2022 và Quan hệ Đối tác Năng lượng Nhật Bản - Hoa Kỳ - Mekong (JUMPP) năm 2019. Sự tham gia trở lại

của Hoa Kỳ trong Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố cam kết của hai nước trong chương trình chống biến đổi khí hậu. Sau khi nhận chức, Tổng thống Biden đưa Hoa Kỳ tham gia trở lại Hiệp định Paris vào ngày 20/1/2021 và ngay lập tức Nhật Bản hoan nghênh hành động này, đồng thời tuyên bố tham gia những sáng kiến của Hoa Kỳ để giải quyết tình trạng nóng lên toàn cầu. Sau đó, Bộ trưởng Môi trường Nhật Bản Shinjiro Koizumi nhấn mạnh sự quay trở lại hiệp định Paris của Hoa Kỳ là “*điều thiết yếu để đạt được mục tiêu xã hội không phát thải carbon như đã được đề ra trong Thỏa thuận*” [Ministry of the Environment, 2021]. Bên lề Hội nghị thượng đỉnh Biden - Kishida vào tháng 4/2024, hai chính phủ đưa ra cuộc đối thoại cấp cao mới nhằm “tối đa hóa sự tương hỗ” giữa Đạo luật giảm lạm phát của Hoa Kỳ và Chiến lược thúc đẩy chuyển đổi xanh của Nhật Bản.

Thứ hai, nhiều chương trình nâng cao nhận thức cho người dân về chống biến đổi khí hậu được triển khai tại từng nước. Tại Hoa Kỳ, nhiều chương trình nâng cao ý thức cộng đồng được phối hợp tổ chức bởi các cơ quan chính phủ và tổ chức giáo dục để giáo dục người dân về tính cấp thiết của việc bảo vệ môi trường cũng như ứng phó với biến đổi khí hậu. Ví dụ, “Mạng lưới nhận thức về năng lượng và hiểu biết về khí hậu” (CLEAN) hợp tác với “Cơ quan khí quyển và đại dương quốc gia” (NOAA) xây dựng công thông tin “Climate.Gov” nhằm nâng cao hiểu biết của người dân về khoa học khí hậu qua việc cung cấp dữ liệu; dịch vụ và các hỗ trợ liên quan. Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Quốc gia (NASA) cung cấp quyền truy cập miễn phí các nội dung về khoa học không gian và khoa học trái đất tại trang “NASA Learn Science” cho giáo viên thực tập, sinh viên đại học và học sinh phổ thông. Tại Nhật Bản, tiêu biểu nhất là “Innovation for Cool Earth Forum” (ICEF) là diễn đàn thường niên có sự tham gia của các đại diện chính phủ, doanh nghiệp và cá nhân liên quan, nội dung thảo luận là hướng tới mục tiêu trung hòa carbon trong ngắn hạn (tới năm 2030) và dài hạn (tới năm 2050). Ngoài ra, trao đổi giáo dục còn là cách giúp hai nước củng cố thêm những nỗ lực hợp tác song phương về biến đổi khí hậu. Học bổng Fulbright và Chương trình Trao đổi và Giảng dạy Nhật Bản (JET) tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi ý tưởng và chuyên môn trong giáo dục môi trường, từ đó không chỉ tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau mà còn

thúc đẩy sự đổi mới trong giáo dục về biến đổi khí hậu; trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết thách thức toàn cầu cho người dân hai nước.

Thứ ba, hai nước thúc đẩy phát triển và triển khai các công nghệ năng lượng mới tiên tiến trong các lĩnh vực như nhiên liệu sinh học, hydro và amoniac sạch, công nghệ năng lượng mặt trời và gió, hiệu quả năng lượng và công nghệ lưới điện, thu giữ, sử dụng và cô lập carbon/tái chế carbon, giảm thiểu khí methane và pin. Nhiều công ty khởi nghiệp liên quan đến năng lượng ở hai nước có sự hợp tác với nhau để giải quyết các giải pháp năng lượng, ví dụ: công ty Green Grid ở Vịnh San Francisco đang hợp tác với đối tác Nhật Bản về các giải pháp khử carbon; công ty Principal Power đang hợp tác với công ty Tokyo Gas về một dự án điện gió ngoài khơi nổi sáng tạo tại Fukushima. Tại Nhật Bản, hai công ty *Helical Fusion* và *Kyoto Fusioneering* từng đạt giải “Showcase” tại Hội nghị chuyên đề đổi mới Hoa Kỳ - Nhật Bản thường niên tại Đại học Stanford, hiện đang nghiên cứu công nghệ nhiệt hạch sẽ cách mạng hóa sản xuất năng lượng.

Tiểu kết chương 3

Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025) tiếp tục được củng cố và mở rộng trên nhiều lĩnh vực quan trọng. Về chính trị - ngoại giao, hai nước duy trì tiếp xúc cấp cao thường xuyên, tăng cường phối hợp chiến lược và mở rộng hợp tác tại các cơ chế song phương, ba bên và đa phương. Về quốc phòng - an ninh, đây vẫn là trụ cột trung tâm của quan hệ hai nước, thể hiện qua việc đẩy mạnh phối hợp quân sự, chia sẻ thông tin, nâng cao năng lực sẵn đề và tăng vai trò của Nhật Bản trong liên minh. Trong lĩnh vực kinh tế, quan hệ hai nước tiếp tục có mức độ phụ thuộc và hỗ trợ cao, không chỉ ở thương mại và đầu tư mà còn trong chuỗi cung ứng chiến lược, công nghệ cao và an ninh kinh tế. Bên cạnh đó, hợp tác trong khoa học - công nghệ, giáo dục, văn hóa, năng lượng và biến đổi khí hậu cho thấy quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản ngày càng toàn diện hơn, vượt ra ngoài khuôn khổ liên minh an ninh truyền thống. Tóm lại, giai đoạn 2021-2025 phản ánh xu hướng làm sâu sắc hơn quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo cơ sở cho việc đánh giá đặc điểm và xu hướng phát triển của mối quan hệ này trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 4. NHẬN XÉT, TRIỂN VỌNG QUAN HỆ HOA KỲ - NHẬT BẢN ĐẾN NĂM 2030 VÀ KIẾN NGHỊ

Chương 3 đã phân tích thực trạng quan hệ hai nước giai đoạn 2021-2025, qua đó phác họa toàn diện bức tranh quan hệ song phương trong giai đoạn nghiên cứu. Dựa trên cơ sở đó, Chương 4 sẽ tiến hành đánh giá về thành tựu hạn chế, tìm ra đặc điểm và tác động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025); dự báo triển vọng đến năm 2030; đồng thời đề xuất kiến nghị chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ và Nhật Bản.

4.1. Nhận xét chung quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025)

4.1.1. Thành tựu và hạn chế của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản (2021-2025)

4.1.1.1. Thành tựu

- *Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Trong nhiệm kỳ Tổng thống Joe Biden, Hoa Kỳ và Nhật Bản đạt nhiều thành tựu ngoại giao nổi bật, đóng vai trò không chỉ là tiền đề tăng cường tin tưởng lẫn nhau mà còn là nền tảng định hướng thúc đẩy nhiều lĩnh vực khác. Các cuộc tiếp xúc ngoại giao giữa hai nước diễn ra thường xuyên ở nhiều cấp độ từ địa phương đến trung ương. Hoa Kỳ thực hiện cam kết “Nước Mỹ đã trở lại” với đồng minh Nhật Bản khi lần lượt các nhân vật cấp cao của chính quyền Biden đến thăm quốc gia Đông Á này: Tổng thống Biden (2 lần); Phó Tổng thống Harris (1 lần), Chủ tịch Hạ viện Pelosi (1 lần). Chuyến thăm Nhật Bản của Tổng thống Biden vào tháng 4/2021 nằm trong chuyến thăm 2 nước châu Á (Hàn Quốc và Nhật Bản) lần đầu tiên kể từ khi ông Biden nhận chức vào tháng 1/2021. Ý nghĩa chuyến đi này chính là sự trấn an dành cho Nhật Bản là Hoa Kỳ vẫn sẽ theo đuổi chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương ngay cả khi khu vực này đang trải qua cuộc khủng hoảng nặng nề từ cuộc giao tranh giữa Nga và Ukraine. Trong khi đó, chuyến đi thứ hai vào tháng 5/2023, Tổng thống Biden thể hiện tinh thần đoàn kết và bày tỏ sự ủng hộ với Thủ tướng Kishida tại hội nghị G7 ở Hiroshima trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu cũng như tìm cách thúc đẩy hợp tác song phương về an ninh và kinh tế. Một nỗ lực ngoại giao đáng chú ý khác của Tổng thống Biden đó là xây dựng mạng lưới hợp tác tại Ấn

Độ Dương - Thái Bình Dương cho quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản với nhóm Quad, Hàn Quốc và Philippines. Tổng thống Biden tổ chức các hội nghị thượng đỉnh nhóm Quad thường xuyên hơn theo hình thức trực tuyến lẫn trực tiếp, tìm cách hòa giải và xoa dịu căng thẳng tồn tại trong lịch sử giữa Nhật Bản và Hàn Quốc nhằm hướng đến việc xây dựng liên minh ba nước, khởi xướng đối thoại chiến lược ba bên giữa Hoa Kỳ - Nhật Bản - Philippines về an ninh; kinh tế; môi trường nhằm thảo luận chính sách, chia sẻ thông tin tình báo và phối hợp ứng phó với các thách thức khu vực. Chính những nỗ lực không ngừng nghỉ của Tổng thống Biden trong vấn đề quốc tế khiến ông Biden nhận được sự ủng hộ cao của người dân Nhật Bản. Theo khảo sát người dân của 23 nước về Hoa Kỳ và Tổng thống Biden do PEW thực hiện vào ngày 27/6/2023, có 65% người Nhật Bản tự tin vào Tổng thống Biden trong các vấn đề quốc tế vào năm 2023 (tăng 3% so với năm 2022), trong khi tỷ lệ về Tổng thống Trump chỉ là 25% vào năm 2020 [PEW, 2023].

Chính phủ Nhật Bản luôn xem việc thắt chặt quan hệ với Hoa Kỳ là trụ cột chính trong chính sách đối ngoại bất kể hoàn cảnh nào, điều này được dẫn chứng qua 10 chuyến thăm của hai vị thủ tướng Nhật Bản: Yoshihide Suga (2 lần), Fumio Kishida (8 lần) và Shigeru Ishiba (1 lần). Chuyến thăm Hoa Kỳ đầu tiên của Thủ tướng Suga vào tháng 4/2021 mang ý nghĩa đặc biệt khi ông Suga trở thành nhà lãnh đạo quốc tế đầu tiên gặp gỡ Tổng thống Biden sau khi nhận chức, đặc biệt là trong bối cảnh toàn thế giới vẫn đang trong tình trạng “phong tỏa” biên giới vì ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Gần đây nhất là chuyến thăm Thủ đô Washington duy nhất trong cả nhiệm kỳ của Thủ tướng Ishiba vào tháng 2/2025 - đây được xem là lãnh đạo châu Á đầu tiên và là nhà lãnh đạo quốc tế thứ hai (sau Thủ tướng Israel) được gặp gỡ Tổng thống Donald Trump kể từ sau khi ông Trump quay lại Nhà Trắng vào tháng 1/2025. Những chuyến công du liên tục của Thủ tướng Kishida từ năm 2022 đến năm 2024 là cách chính phủ Nhật Bản làm sâu đậm hơn nữa quan hệ với Hoa Kỳ, đáng chú ý nhất là sự kiện ông Kishida có phát biểu tại Quốc hội Hoa Kỳ vào tháng 4/2024 - đây được xem là một vinh dự hiếm có chỉ dành cho đồng minh thân thiết của Hoa Kỳ. Giống như cố Thủ tướng Shinzo Abe, ông Kishida cũng tìm cách xây dựng quan hệ “cá nhân” với “Ông chủ Nhà Trắng”

thể hiện qua việc tặng quà cho ông Biden gồm: bộ cốc cà phê son mài Wajima-Nuri; bút và hạt cà phê Okinawa, còn Phu nhân Thủ tướng Yuko Kishida tặng Đệ Nhất Phu nhân Jill Biden một chiếc vòng cổ; vòng tay và hoa tai bằng đồng Takaola. Ngược lại, Tổng thống Biden tặng Thủ tướng Kishida một chiếc bàn ba chân làm thủ công do một công ty của người Hoa Kỳ gốc Nhật Bản ở Pennsylvania chế tạo; trong khi Đệ nhất Phu nhân Jill Biden tặng Phu nhân Yuko Kishida một quả bóng có chữ ký của hai đội tuyển bóng đá nữ Hoa Kỳ và Nhật Bản [Portland Press Herald, 2024].

Bên cạnh những chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao, hai nước triển khai tốt nhiều hình thức hợp tác song phương quan trọng như: họp quốc hội chung, trao đổi thường niên nhân viên lập pháp của Hoa Kỳ và Nhật Bản, chuyến thăm lãnh đạo cấp địa phương. Tiếp đó, các cuộc họp bộ trưởng theo cơ chế đối thoại 2+2 về ngoại giao và quốc phòng tổ chức luân phiên tại từng nước là cách duy trì hoạt động trao đổi đoàn ngoại giao, là nền tảng thảo luận và phối hợp về an ninh, điều chỉnh chính sách để phù hợp với mục tiêu chung của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, dẫn đầu thảo luận về phương hướng hợp tác trong tương lai bên cạnh ngoại giao và quốc phòng như an ninh phi truyền thống (biến đổi khí hậu và an ninh mạng) và công nghệ.

Sự phối hợp của hai nước trên các diễn đàn quốc tế cũng là một thành tựu về ngoại giao thời kỳ này. Hoa Kỳ luôn kêu gọi việc cải tổ Liên Hợp Quốc và ủng hộ việc Nhật Bản trở thành một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an trong tương lai hay ủng hộ việc Nhật Bản trở thành chủ nhà của hội nghị G7 năm 2023. Trong khi đó, Nhật Bản luôn ủng hộ với bất kỳ chính sách hay lập trường của Hoa Kỳ trong các vấn đề thế giới (ủng hộ Ukraine và áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế Nga; xung đột Israel - Hamas; biến đổi khí hậu). Thủ tướng Kishida phát biểu rằng: *“Ngày nay, thế giới phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn hơn bao giờ hết. Nhật Bản sẽ chung tay với những người bạn Hoa Kỳ và cùng nhau chúng ta sẽ dẫn đầu trong việc giải quyết các thách thức tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thế giới, đồng thời không ngừng phát triển mối quan hệ song phương”* [Portland Press Herald, 2024].

Về nguyên nhân thành tựu:

Chính sách đối ngoại đặt liên minh lên hàng đầu của Tổng thống Joe Biden là chìa khóa với việc tập trung xây dựng các liên minh vững mạnh dựa trên giá trị chung, chứ không chỉ là những thỏa thuận như người tiền nhiệm. Cách tiếp cận này hướng đến tiến triển ổn định và đáng tin cậy trong quan hệ quốc tế. Với tần suất các cuộc họp và hội nghị thượng đỉnh thường xuyên giữa các nhà lãnh đạo và bộ trưởng hai nước đã thể hiện cam kết mạnh mẽ và liên tục đối với liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản. Những cam kết này giúp duy trì động lực cho chương trình nghị sự chung: sẵn sàng mở rộng và vấn đề khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở”. Sự thống nhất về các lợi ích và giá trị cốt lõi giữa các đồng minh hỗ trợ lập trường thống nhất tại các diễn đàn quốc tế như G7, G20, Quad, Liên Hợp Quốc. Sự thống nhất chính trị ngoại giao giữa hai nước cũng là nền tảng đạt được mục tiêu hợp tác ở nhiều lĩnh vực khác.

• *Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản giữ vai trò quan trọng đối với việc đem lại an ninh và thịnh vượng cho khu vực. Giai đoạn 2021-2025, hợp tác song phương tiếp tục phát triển mạnh mẽ thông qua cơ chế họp bộ trưởng 2+2 về ngoại giao và quốc phòng thường niên. Về phía Hoa Kỳ, Tổng thống Biden duy trì những kết quả từ giai đoạn trước, đồng thời thúc đẩy các mạng lưới đối tác ba bên (Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc, Hoa Kỳ - Nhật Bản - Philippines) và bốn bên (Quad, AUKUS). Về phía Nhật Bản, Chính quyền Thủ tướng Suga xác định Nhật Bản cần tăng cường năng lực phòng thủ quốc gia để củng cố liên minh Nhật Bản - Hoa Kỳ hơn nữa; Hoa Kỳ kiên định bảo vệ an ninh cho Nhật Bản dựa theo Hiệp ước An ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản (gồm năng lực quốc phòng hiện có cũng như vũ khí hạt nhân); áp dụng Điều V của Hiệp ước An ninh song phương với quần đảo Senkaku; phản đối bất kỳ hoạt động đơn phương nào nhằm phá hoại chủ quyền của Nhật Bản với quần đảo Senkaku [Hudson Institute, 2021]. Chính quyền Kishida chú trọng đến việc tăng cường hợp tác quân sự với Hoa Kỳ bằng cách tăng chi tiêu quốc phòng lên 2% GDP để ứng phó với môi trường biến động địa chính trị tại châu Á.

Hợp tác an ninh - quốc phòng giữa hai nước góp phần đảm bảo cân bằng quyền lực trước những tham vọng của Trung Quốc. Chính quyền Tổng thống Biden

tiếp tục triển khai chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng”, trong đó xem liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản là nòng cốt trong hoạt động của nhóm Quad. Hình thức hợp tác “Bộ Tứ” giúp các nước phối hợp hiệu quả hơn trong vấn đề đa phương như phân phát vaccine chống dịch Covid-19 và hợp tác kinh tế. Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng” của Chính quyền Biden và Quad đều là các cường quốc kinh tế, góp phần tạo ra một khu vực có sự cạnh tranh bình đẳng và tự do, tạo thêm động lực và nguồn lực để các nước trong khu vực tăng cường tiềm lực an ninh - quốc phòng. Hai bên còn phối hợp triển khai nhiều các hoạt động quốc phòng khác: nghiên cứu, phát triển, sản xuất thử nghiệm và đánh giá, cung cấp vũ khí như phát triển tên lửa đạn đạo không đối không tầm trung tiên tiến (AMRAAM) và nâng cấp phân đoạn tên lửa Patriot PAC-3 (MSE). Ngoài ra, Nhật Bản cung cấp cho Hoa Kỳ hệ thống phòng thủ tên lửa đánh chặn PAC-2, PAC-3 và thuốc nổ TNT để bổ sung kho vũ khí của Hoa Kỳ bị hao hụt vì cung cấp cho Ukraine kể từ tháng 2/2022.

Nhiều cuộc tập trận đa binh chủng song phương và đa phương được Hoa Kỳ và Nhật Bản tổ chức thành công, đáng chú ý như: Keen Sword; Orient Shield; Southern Beach; Resolute Dragon; Freedom Edge; Pacific Vanguard; Noble Mist; Milan; Malabar; Cope North; Pacific Crown; MPX; Sea Dragon; Sama Sama; Kamandag; La Perouse. Hoa Kỳ và Nhật Bản tiến hành nhiều cuộc tập trận chung với đồng minh, đối tác trong khu vực như nhóm Quad, AUKUS, Hàn Quốc, Philippines... Những cuộc tập trận trên giúp quân đội hai nước nâng cao khả năng phản ứng trước những thách thức an ninh trên khu vực, nhất là khu vực Đông Bắc Á, biển Hoa Đông, Biển Đông...

Vấn đề an ninh mạng tiếp tục được Hoa Kỳ và Nhật Bản quan tâm với nhiều MoU hợp tác an ninh mạng được ký kết giữa các cơ quan của hai chính phủ. Một đặc điểm trong giai đoạn này chính là việc hai nước bắt đầu nghiên cứu và ứng dụng AI vào hoạt động an ninh mạng, điều này không chỉ giúp tăng cường hiệu quả trong việc bảo mật thông tin mà còn mở ra cơ hội hợp tác trong tương lai. Vấn đề an ninh hàng hải cũng đạt được những thành công trong hợp tác giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, nhất là trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy và có nhiều động hành động gây

hấn và tranh chấp chủ quyền với các nước trong khu vực (Đài Loan, Việt Nam, Philippines). Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản góp phần đảm bảo tự do hàng hải, an ninh tuyến đường từ Biển Đông nối với Ấn Độ Dương.

Về nguyên nhân thành tựu:

Những kết quả này bắt nguồn từ cam kết mạnh mẽ về an ninh của Hoa Kỳ đối với Nhật Bản: bảo vệ bằng hạt nhân, lên kế hoạch và tập trận quốc phòng thường xuyên. Thông qua cuộc họp thường niên cấp bộ trưởng 2+2 và thảo luận hợp tác song phương giúp biến các kế hoạch chiến lược thành hành động quân sự thực sự. Thêm vào đó là việc Nhật Bản đầu tư nhiều hơn vào quốc phòng và đảm nhận vai trò an ninh lớn hơn trong liên minh là phù hợp với mục tiêu của Hoa Kỳ về một mối quan hệ đối tác cân bằng.

• *Trên lĩnh vực kinh tế*

Kim ngạch thương mại của Hoa Kỳ với Nhật Bản vẫn tăng trưởng đều từ 2021-2025, từ 213,67 tỷ USD (2021) lên 231,87 tỷ USD (2025), thâm hụt thương mại vẫn ở mức cao trong nhiệm kỳ của Tổng thống Joe Biden (trung bình là -70,4 tỷ USD) và có giảm nhẹ trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ hai của Tổng thống Trump: -67,75 tỷ USD (2025) so với -72,33 tỷ USD (2024). Các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ sang Nhật Bản là khí đốt; vũ khí; máy móc; hóa chất, trong khi nhập khẩu nhiều nhất của Hoa Kỳ từ Nhật Bản là ô tô; phụ tùng ô tô; các loại máy móc hạng nặng. Về thương mại dịch vụ, Nhật Bản là thị trường tiêu thụ dịch vụ của Hoa Kỳ về tài chính - ngân hàng; bảo hiểm doanh nghiệp; và Hoa Kỳ nhập khẩu dịch vụ từ Nhật Bản là hậu cần; du lịch; giáo dục.

Xét về đầu tư, dù có sự suy giảm kể từ sau năm 2019 nhưng Hoa Kỳ vẫn là quốc gia có số vốn đầu tư lớn nhất vào Nhật Bản trong năm 2024 với gần 5,95 tỷ USD. Các dự án đầu tư của Hoa Kỳ vào Nhật Bản tập trung vào dịch vụ tài chính và bảo hiểm, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), thương mại và dịch vụ kinh doanh. Ngược lại, Nhật Bản cũng là nhà đầu tư lớn nhất tại Hoa Kỳ với 783 tỷ USD vào năm 2023, tập trung vào các ngành sản xuất; sáp nhập và mua lại. Thương mại đầu tư song phương được lãnh đạo hai nước thúc đẩy thông qua Ủy ban Kinh tế 2+2 (ngoại giao và kinh tế) nhằm thực hiện chính sách và sáng kiến kinh tế. Ngoài ra,

Tổng thống Biden đưa ra “Khung kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng” (IPEF) vào năm 2022, sau đó Nhật Bản tham gia vào sáng kiến này. Hiện nhiều doanh nghiệp tập đoàn lớn của Hoa Kỳ (Nvidia, Amazon, Microsoft) và của Nhật Bản (Toyota, Sony, Subaru, Softbank, Honda, Daikin) đang đầu tư kinh doanh và ngày càng đóng góp vào quan hệ kinh tế giữa hai nước.

Về nguyên nhân thành tựu:

Những thành tựu trên đạt được nhờ sự đồng bộ về chính sách thương mại khi Hoa Kỳ và Nhật Bản cùng nhau xây dựng các quy tắc thương mại công bằng và ổn định. Bằng cách hỗ trợ khuôn khổ thuế của OECD/G20, hai nước giảm thiểu các vấn đề thuế do số hóa gây ra và duy trì hợp tác kinh tế một cách bài bản. Thêm vào đó, sự đồng bộ về chính trị hay thống nhất giữa lãnh đạo hai nước cũng là yếu tố nền tảng cho những thành tựu kinh tế. Các liên minh chính trị vững mạnh giúp hai bên đẩy mạnh hợp tác về chuỗi cung ứng và đầu tư, đảm bảo các sáng kiến kinh tế được phối hợp nhịp nhàng.

• *Trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục và du lịch*

Hoa Kỳ và Nhật Bản trong những năm qua tích cực mở rộng hợp tác về văn hóa và giáo dục với việc tạo điều kiện về cơ chế chính sách trao đổi học sinh/sinh viên hai nước cũng như có các chương trình thúc đẩy giao lưu văn hóa từ nguồn kinh phí từ khu vực nhà nước và khu vực tư nhân (NGO, trường đại học, think-tank). Nhiều sáng kiến nghiên cứu hợp tác chung được triển khai, đặc biệt là dự án hợp tác về AI giữa trường đại học với viện nghiên cứu hoặc giữa doanh nghiệp với trường đại học, từ đó không chỉ vừa là kênh chia sẻ kiến thức mà còn là cách thúc đẩy hợp tác song phương. Đối với hợp tác du lịch, lĩnh vực này mang lại hiệu quả giữa hai nước với số lượng khách du lịch hai nước đến thăm quan lẫn nhau không ngừng tăng theo hàng năm kể từ sau dịch bệnh. Năm 2024, có khoảng 2,7 triệu người Hoa Kỳ đến thăm Nhật Bản và 1,84 triệu lượt khách Nhật Bản thăm quan Hoa Kỳ. Nhiều lễ hội văn hóa diễn ra ở từng nước như Takayama, Gion Matsuri, lễ hội hoa Anh Đào ở Washington D.C... và hoạt động giao lưu văn hóa giữa các chính quyền địa phương, đoàn thể vừa giúp phát triển kinh tế du lịch cũng như tăng cường sự hiểu biết văn hóa giữa hai dân tộc.

Về nguyên nhân thành tựu:

Những thành tựu này bắt nguồn từ nền tảng mà hai nước xây dựng từ trước với các chương trình trao đổi như Fulbright và JET đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì mối liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia. Các chương trình này tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi kiến thức và hiểu biết văn hóa, thậm chí còn hỗ trợ nỗ lực chung trong giáo dục khí hậu. Giai đoạn sau đại dịch Covid-19, hai nước sớm phục hồi hoạt động giao lưu văn hóa, du lịch, ngoại giao nhân dân. Mặc dù thách thức từ dân số già hóa và sự suy yếu của đồng Yên phần nào làm chậm lại hoạt động du lịch nước ngoài của người Nhật, nhưng lượng du khách Hoa Kỳ đến Nhật Bản tăng đáng kể, cho thấy nhu cầu và kết nối giữa hai nước đang phục hồi.

• *Trên lĩnh vực khoa học - công nghệ*

Trí tuệ nhân tạo (AI) là lĩnh vực mới được hai nước bắt đầu xây dựng các nền tảng hợp tác trong Đối thoại kinh tế 2+2, khuôn khổ nhóm hợp tác đa phương Quad, hợp tác bộ ban ngành liên quan về lĩnh vực AI. Đầu tư vào nghiên cứu và sử dụng phổ biến xe điện (EV) là một bước đi mới trong hợp tác công nghệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản để phục vụ cho mục đích tăng trưởng xanh và giảm lượng khí thải carbon. Trong giai đoạn này, hai bên tạo hành lang pháp lý như ký kết những thỏa thuận về miễn thuế khoáng sản để sản xuất pin xe điện và đặt mục tiêu xây dựng đủ hệ thống trạm sạc để đáp ứng nhu cầu trong tương lai. Tiếp đó, sản xuất chip bán dẫn cũng nhận được sự đầu tư từ hai chính phủ nhằm tạo cơ chế cho các phòng thí nghiệm, trường đại học và doanh nghiệp Hoa Kỳ và Nhật Bản có thể đầu tư và hợp tác sản xuất chip một cách chủ động, qua đó dần thay thế chuỗi cung ứng từ Trung Quốc. Cuối cùng, Hoa Kỳ và Nhật Bản thiết lập được “Quan hệ đối tác kết nối kỹ thuật số toàn cầu” (GDCCP) làm nền tảng sở nghiên cứu chung và thiết lập hệ thống mạng không dây 5G bảo mật và tốc độ cao, điều này không chỉ phục vụ nhu cầu công nghệ ngày càng cao ở từng nước mà còn mở ra triển vọng hợp tác song phương trong việc cạnh tranh với các nhà thầu công nghệ từ Trung Quốc.

Về nguyên nhân thành tựu:

Lý do đầu tiên đến từ ưu tiên nghiên cứu và phát triển (R&D) trong lĩnh vực công nghệ tiên tiến với sự hỗ trợ của chính phủ hai bên vào các công nghệ tiên tiến như AI, điện toán lượng tử và công nghệ sinh học. Bằng cách kết hợp nỗ lực thông

qua quan hệ đối tác công tư, các sáng kiến này thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo ra những kết quả thiết thực, củng cố năng lực công nghệ của Hoa Kỳ và Nhật Bản. Lý do thứ hai chính là việc Hoa Kỳ và Nhật Bản cùng nhau cải thiện tiêu chuẩn và khuôn khổ an toàn cho công nghệ hạt nhân sau thảm họa hạt nhân Fukushima. Thông qua việc chia sẻ bài học kinh nghiệm và thực hiện các cuộc diễn tập an toàn chung, Hoa Kỳ và Nhật Bản đã xây dựng lòng tin và thiết lập chuẩn mực có thể chia sẻ trên toàn cầu, nâng cao tính an toàn và độ tin cậy của việc xuất khẩu công nghệ hạt nhân.

- *Trên lĩnh vực năng lượng*

Dưới thời Tổng thống Biden, Hoa Kỳ và Nhật Bản có những bước tiến đáng kể trong hợp tác năng lượng đó là đầu tư vào năng lượng mặt trời và năng lượng gió cũng như đặt mục tiêu tăng gấp đôi sản lượng năng lượng tái tạo; giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ việc sử dụng năng lượng hóa thạch bằng việc đưa ra tiêu chuẩn về khả năng thu giữ và tái chế carbon (CCUS). Hai nước còn tích cực triển khai lò phản ứng hạt nhân module tiên tiến và nhỏ (A/SMR) để đạt mục tiêu khử carbon cũng như ứng dụng AI vào điều khiển vận hành hạt nhân. Ngoài ra, Hoa Kỳ và Nhật Bản luôn đi đầu trong các nỗ lực ngoại giao nhằm ngăn chặn sự phổ biến vũ khí hạt nhân tại Iran và Triều Tiên cũng như nỗ lực bảo vệ vật liệu hạt nhân khỏi nguy cơ tấn công khủng bố.

Về nguyên nhân thành tựu:

Những kết quả trên đến từ việc Hoa Kỳ và Nhật Bản chủ trương thúc đẩy năng lượng sạch chung và kết nối các dự án khởi nghiệp. Hai bên hợp tác trong nhiều dự án năng lượng sạch, chẳng hạn như trang trại gió ngoài khơi, công nghệ nhiệt hạch và sáng kiến hydro/ amoniac. Những dự án này không chỉ thúc đẩy nỗ lực giảm phát thải carbon mà còn củng cố kết nối công nghiệp bằng cách thu hút các công ty khởi nghiệp và thúc đẩy đổi mới sáng tạo xuyên biên giới. An ninh năng lượng là một nhiệm vụ kép. Bằng cách định hình hợp tác năng lượng là thiết yếu cho cả mục tiêu khí hậu và an ninh quốc gia, quan hệ đối tác nhận được sự ủng hộ chính trị rộng rãi. Trọng tâm kép này đảm bảo sáng kiến năng lượng được coi là thiết yếu và bền vững, thu hút sự quan tâm của nhiều bên liên quan ở cả hai phía.

- *Trên lĩnh vực chống biến đổi khí hậu*

Nhiều sáng kiến hợp tác song phương và đa phương được đưa ra để Hoa Kỳ và Nhật Bản có thể phối hợp trong công cuộc chống biến đổi khí hậu như JUCEP, JUMPP, CoRe. Hai nước còn tìm cách nâng cao hiểu biết cho người dân về việc ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua các chương trình phối hợp giữa chính phủ và tổ chức phi chính phủ. Hai nước còn khuyến khích triển khai công nghệ năng lượng mới tiên tiến như nhiên liệu sinh học, công nghệ năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, việc Tổng thống Trump rút khỏi Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu ngay khi nhận chức nhiệm kỳ thứ hai vào ngày 21/1/2025 có thể dẫn đến những bước ngoặt trong chính sách và ưu tiên năng lượng của từng nước. Nhật Bản sẽ tiếp tục đầu tư vào năng lượng tái tạo, xuất phát từ những cam kết của nước này đối với mục tiêu khí hậu quốc tế, có thể dẫn đến những tiến bộ trong công nghệ xanh và vị thế vững chắc hơn trên thị trường năng lượng tái tạo toàn cầu.

Mặt khác, việc Hoa Kỳ tập trung tiềm tàng vào nguồn năng lượng trong nước, bao gồm cả nhiên liệu hóa thạch, có thể khiến nước này tách biệt khỏi xu hướng năng lượng toàn cầu và làm giảm khả năng cạnh tranh của nước này trong công nghệ năng lượng tái tạo. Việc giảm hợp tác trong công nghệ năng lượng sạch giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản có thể là rào cản trong việc phát triển giải pháp đổi mới cho thách thức năng lượng toàn cầu, vì cả hai nước đều có những đóng góp đáng kể vào những tiến bộ công nghệ trong lĩnh vực này. Hơn nữa, sự thay đổi trong quan hệ đối tác năng lượng chiến lược có thể dẫn đến việc sắp xếp lại liên minh năng lượng toàn cầu với việc Nhật Bản tìm kiếm đối tác mới chia sẻ cam kết về môi trường của mình, có khả năng làm giảm ảnh hưởng của Hoa Kỳ trong việc định hình chính sách năng lượng toàn cầu. Chẳng hạn, Nhật Bản đang đi đầu trong việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng cho các nước châu Á thuộc Nam Bán Cầu với mục tiêu “Cộng đồng Không Phát thải châu Á” (Asia Zero Emission Community) nhằm giúp các nước khối này đạt mục tiêu phi carbon hóa và tăng trưởng kinh tế. Sự điều chỉnh này cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại hàng hóa và công nghệ liên quan đến năng lượng với việc đàm phán lại thuế quan, hiệp định thương mại và tiếp cận thị trường để phản ánh động lực và ưu tiên thay đổi của mỗi quốc gia.

Về nguyên nhân thành tựu:

Hoa Kỳ và Nhật Bản đều thực hiện thỏa thuận giữa các lãnh đạo và cùng phối hợp thông qua các nhóm đa phương như G7 để tác động đến chính sách khí hậu toàn cầu. Bằng cách cam kết hỗ trợ tài chính đáng kể cho các nước đang phát triển, Hoa Kỳ và Nhật Bản tự định vị mình là những người đi đầu trong việc thiết lập tiêu chuẩn và quy chuẩn về khí hậu. Tiếp đó, nhiều sáng kiến về khí hậu lần lượt được hai bên thông qua trong hợp tác về khoa học - công nghệ và giáo dục hiện có. Chính những chương trình này giúp biến ý tưởng chung thành dự án thực tế để thúc đẩy xây dựng năng lực và đổi mới trong các giải pháp khí hậu.

4.1.1.2. Hạn chế

- *Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Ngay từ giai đoạn tranh cử, chính sách đối ngoại của Tổng thống Joe Biden đã xem Nga là “đối thủ” và Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh nghiêm trọng nhất” đe dọa vị thế siêu cường số một của Hoa Kỳ [Axios, 2020], đến giai đoạn cầm quyền cho thấy những hành động mạnh mẽ của ông Biden để cạnh tranh với hai quốc gia trên thế hiện qua lập trường chống Nga quyết liệt trong xung đột với Ukraine hay sự kiềm hãm Trung Quốc trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Là một đồng minh thân cận, Nhật Bản luôn ủng hộ Hoa Kỳ trong quan hệ quốc tế, dù vậy nước này vẫn tồn tại những bất đồng với chính sách đối ngoại trên của Tổng thống Biden xuất phát từ lợi ích quốc gia. Nhật Bản dù tuyên bố ngừng nhập khẩu năng lượng (dầu mỏ và khí đốt) từ Nga bắt đầu từ tháng 2/2022 theo lệnh trừng phạt quốc tế do Hoa Kỳ dẫn đầu, tuy nhiên Nhật Bản phải tái nhập năng lượng từ Nga sau 6 tháng vì không thể đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và buộc Hoa Kỳ sau đó phải nhượng bộ.

Điểm khác biệt so với chính sách “Nước Mỹ trên hết” của Tổng thống Donald Trump là việc Hoa Kỳ không đóng vai trò chính trong việc xây dựng kiến trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, chiến lược của Tổng thống Biden là củng cố và mở rộng hệ thống liên minh song phương và đa phương dưới sự lãnh đạo của Washington nhằm tăng cường khả năng răn đe đối với Bắc Kinh tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Cách tiếp cận này của ông Biden vô tình biến Tokyo trở

thành “chư hầu” của Washington, qua đó phần nào giảm vị thế khu vực của nước này, nhất là tại Đông Nam Á. Học giả Bi Shihong cho rằng dù Nhật Bản ủng hộ chiến lược của Chính quyền Biden, nhưng Nhật Bản có sự khác biệt về tầm nhìn với Hoa Kỳ tại Đông Nam Á, cụ thể Nhật Bản luôn xây dựng hình ảnh là một cường quốc có tiếng nói về kinh tế, chính trị và an ninh với ASEAN và xem đây như là khu vực trung tâm của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của mình, thay vì chỉ là một nước hỗ trợ cho Hoa Kỳ như dưới thời Joe Biden [Bi, 2022, tr.16].

Sự trở lại của Tổng thống Trump vào đầu năm 2025 có thể đảo ngược lại những thành tựu trong quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản dưới thời Joe Biden khi ông Trump tiếp tục khẩu hiệu “Đưa nước Mỹ vĩ đại trở lại” với hành động áp đặt hàng rào thuế quan cao để hạn chế hàng nhập khẩu từ Nhật Bản cũng như yêu cầu nâng chi phí quốc phòng. Sau đó, chính quyền Thủ tướng Ishiba phải nhanh chóng tìm cách “hạ nhiệt” với chính quyền Trump thông qua các cuộc đàm phán thuế quan cũng như sẽ cam kết tăng mức chi tiêu quốc phòng thường niên lên 2% GDP. Tuy vậy, những chính sách cứng rắn của Tổng thống Trump có thể khiến niềm tin của người dân Nhật Bản vào Hoa Kỳ cũng như ngay đối với cá nhân Tổng thống Trump giảm sút giống như giai đoạn 2017-2021. Các khảo sát công khai về vấn đề đối ngoại do Văn phòng Nội các thực hiện kể từ 2010 đến nay cho thấy tỷ lệ người dân Nhật Bản có thái độ “thân thiện” hoặc “khá thân thiện” với Hoa Kỳ luôn duy trì trên 80%, nhưng con số này suy giảm dưới mức 80% trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Trump. Trong một cuộc khảo sát vào tháng 8/2025 do *Nippon.com* và *JX Press* phối hợp thực hiện, khoảng 70% số người được hỏi cảm thấy quan hệ song phương đang xấu đi [Nippon.com, 2025b]. Giáo sư Shun'ya Yoshimi, Trưởng khoa Sáng kiến Liên khoa về Nghiên cứu Thông tin, Đại học Tokyo chỉ ra sự thay đổi trong quan điểm của người Nhật Bản đối với Hoa Kỳ sau khi ông Donald Trump trở lại Nhà Trắng. Giáo sư Yoshimi còn cho rằng nhờ vào cuộc khảo sát lớn gần đây, có thể suy ra rằng những phát ngôn gay gắt và chính sách của Trump đối với Nhật Bản có thể đã ảnh hưởng đến quan điểm tích cực trước đây của nhiều người Nhật. Sự thay đổi này có thể làm suy yếu sự đoàn kết giữa hai quốc gia cũng như quan điểm tích cực của người dân Nhật Bản về ngoại giao thân Hoa Kỳ [Nippon.com, 2025a].

Về nguyên nhân hạn chế:

Nhiều thành viên ASEAN (Phillipines, Việt Nam, Malaysia, Indonesia) đang gặp khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông, phần nào khiến Hoa Kỳ và Nhật Bản gặp khó khăn trong việc thực hiện đầy đủ chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở”, vì liên minh này thường gặp phải một đối tác bị chia rẽ, không thể tạo nên một mặt trận thống nhất. Tiếp đó, sự cạnh tranh địa chiến lược ngày càng gia tăng giữa các cường quốc, nhất là nhóm Quad và Trung Quốc. Điều này đang tạo ra một môi trường phức tạp ở Đông Nam Á khiến Hoa Kỳ và Nhật Bản khó xây dựng liên minh và truyền đạt mục tiêu chiến lược của mình, khi các quốc gia trong khu vực bị mắc kẹt giữa việc đứng về bên nào.

• *Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Thứ nhất, sự phụ thuộc hoàn toàn của Nhật Bản vào lực lượng Hoa Kỳ trong việc bảo vệ an ninh quốc gia kể từ năm 1960 đến nay khiến năng lực quốc phòng của Nhật Bản cũng như khả năng tác chiến của lực lượng JSDF có sự thua kém đối với các nước trong khu vực. Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc có số máy bay chiến đấu hiện đại hơn Nhật Bản 3,7 lần; số thiết giáp hạm nhiều hơn 1,5 lần; số tàu ngầm nhiều hơn 2,5 lần [Nikkei, 2022]. Tiếp đó, Trung Quốc, Nga và CHDCND Triều Tiên đang phát triển tên lửa siêu thanh và có thể hướng đến mục tiêu hoặc tránh xa hệ thống phòng thủ của Nhật Bản, qua đó dẫn đến việc nước Nhật dễ bị tổn thương trước cuộc tấn công từ đối thủ. Trong các cuộc diễn tập mô phỏng phòng thủ nội bộ mà Nhật Bản thực hiện, cố Thủ tướng Shinzo Abe phải thừa nhận lợi thế quân sự của Trung Quốc rõ ràng hơn hẳn so với liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản [Nikkei, 2022]. Một vấn đề khác chính là việc dân số Nhật Bản hiện đang già hóa và có xu hướng giảm trong 9 năm liên tiếp: số người trên 65 tuổi là 36 triệu người trong năm 2023 - chiếm 29,3% tổng dân số và dự báo lực lượng lao động Nhật Bản có thể giảm xấp xỉ 69,3 triệu người (2023) xuống còn 49,1 triệu người (2050) [VnEconomy, 2025a], qua đó gây cản trở không nhỏ cho việc bổ sung nhân lực cho lực lượng JSDF.

Thứ hai, với vai trò là một siêu cường toàn cầu, Hoa Kỳ thường tham gia vào nhiều vấn đề quốc tế từ tranh chấp ngoại giao đến xung đột quân sự. Sự tham gia toàn cầu này, mặc dù rất quan trọng để duy trì trật tự quốc tế và hỗ trợ đồng minh,

nhưng nó cũng là nguyên nhân có thể phân tán nguồn lực quân sự của nước này. Đối với Nhật Bản, quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào Hoa Kỳ để đảm bảo an ninh, sự phân tán nguồn lực quân sự và sự chú ý này có thể khiến Nhật Bản dễ tấn công, đặc biệt là khi đối mặt với mối đe dọa trong khu vực. Điều này có thể thấy rõ khi gần đây Hoa Kỳ phải mua vũ khí (thuốc nổ TNT và tên lửa) từ Nhật Bản nhằm bổ sung số lượng hao hụt vì tài trợ cho Ukraine.

Thứ ba, xuất phát từ điều khoản trong Hiến pháp hòa bình của Nhật Bản kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai với việc quy định hạn chế quân đội chỉ ở mức phòng vệ, điều này còn mở rộng sang việc cấm xuất khẩu vũ khí sát thương, do đó tạo ra rào cản cho Nhật Bản trong việc phát triển năng lực sản xuất quốc phòng. Giống như Hoa Kỳ, Chính phủ Nhật Bản đang tìm cách khai thác các công nghệ cũng như nghiên cứu từ khu vực tư nhân để phục vụ cho nền công nghiệp quốc phòng. Tuy nhiên, phía doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu ở Nhật Bản vẫn có một tâm lý dè chừng về việc không muốn tham gia vào dự án quốc phòng. Theo James Schoff, Giám đốc Cấp cao của Sáng kiến Liên minh NEXT Hoa Kỳ - Nhật Bản tại Quỹ Hòa bình Sasakawa, lý do các trường đại học và viện nghiên cứu không muốn tham vào dự án quốc phòng vì lo ngại thương hiệu của họ sẽ xuất hiện ở chiến trường nào đó trên thế giới [National Defense, 2024]. Vào năm 2024, Thủ tướng Kishida nói lỏng với việc xuất khẩu vũ khí sang 15 nước có thỏa thuận chuyển giao thiết bị quân sự với Nhật Bản (trong đó có Hoa Kỳ), điều này giúp công ty quốc phòng Nhật Bản có thể dần thích nghi và mở ra triển vọng hợp tác buôn bán vũ khí với Hoa Kỳ trong thời gian tới. Ví dụ, vào ngày 28/7/2024, Cơ quan Mua sắm, Công nghệ và Hậu cần Nhật Bản (ATLA) tuyên bố sẽ bán tên lửa Patriot cho Hoa Kỳ với trị giá 19 triệu USD (3 tỷ Yên) nhằm giúp bổ sung kho vũ khí đang thiếu hụt của đồng minh Hoa Kỳ, vì viện trợ chiến tranh cho Ukraine.

Về nguyên nhân hạn chế:

Thứ nhất là việc xuất phát từ Điều 9 Hiến pháp Nhật Bản đã hạn chế năng lực quân sự của nước này bằng cách từ bỏ chiến tranh như một phương tiện giải quyết tranh chấp quốc tế. Bên cạnh đó là sự phản đối chính phủ của người dân Nhật Bản đối với việc tăng chi tiêu quốc phòng, qua đó hạn chế khả năng mở rộng năng

lực an ninh mạng của Nhật Bản. Những hạn chế này ảnh hưởng đến chiều sâu và tốc độ hợp tác của Nhật Bản với đồng minh về vấn đề an ninh. Thứ hai là sự tiến bộ quân sự nhanh chóng của Trung Quốc tạo ra khoảng cách năng lực ngày càng lớn, càng thách thức thể trận quốc phòng của Nhật Bản. Thêm vào đó, Nhật Bản còn phải đối mặt với những thách thức về già hóa dân số khiến lực lượng lao động suy giảm, qua đó cản trở Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản (JSDF) mở rộng và duy trì hiệu quả sức mạnh quân sự. Thứ ba là việc Hoa Kỳ đang bị phân tán do cam kết toàn cầu rộng lớn, điều này có thể làm loãng trọng tâm và nguồn lực của nước này. Trong khi đó, các đồng minh như Nhật Bản lại phụ thuộc hoàn toàn vào sự bảo vệ của Hoa Kỳ, nhưng nhu cầu bổ sung nguồn cung quân sự gần đây, như đạn dược cho thấy áp lực lên năng lực quốc phòng của Hoa Kỳ và có thể ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ đồng minh một cách hiệu quả.

- *Trên lĩnh vực kinh tế*

Thứ nhất, thâm hụt thương mại giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản là một vấn đề tồn tại từ lâu khi Hoa Kỳ nhập khẩu nhiều hơn từ Nhật Bản so với xuất khẩu sang Nhật Bản. Điều này dẫn đến các cuộc thảo luận và đàm phán nhằm đạt được thương mại cân bằng hơn thông qua các biện pháp như thuế quan, hiệp định thương mại và khuyến khích xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Nhật Bản. Đây chính là động lực khiến Tổng thống Donald Trump đưa ra mức thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Nhật Bản vào tháng 4/2025. Mục đích nhằm làm cho hàng hóa Nhật Bản đắt hơn tại thị trường Hoa Kỳ và từ đó khuyến khích người tiêu dùng và doanh nghiệp lựa chọn sản phẩm thay thế được sản xuất trong nước. Động thái này là một phần của chiến lược rộng lớn hơn nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp và việc làm của Hoa Kỳ khỏi những gì được coi là cạnh tranh không lành mạnh và thúc đẩy hoạt động thương mại công bằng và có qua có lại.

Thứ hai, Chính quyền Biden đưa ra “Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (Indo-Pacific Economic Framework: IPEF) như một trọng tâm trong chiến lược kinh tế tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhằm thay thế cho TPP. Theo Báo cáo của Vụ Khảo cứu Quốc hội (CRS) vào ngày 22/07/2024, Nhật Bản và các đối tác khác của IPEF đều hoan nghênh sự tham gia của Hoa Kỳ, nhưng cũng

bày tỏ lo ngại về tiềm năng hợp tác vì các “trụ cột” của IPEF (thương mại; chuỗi cung ứng; năng lượng sạch và cơ sở hạ tầng; các hoạt động kinh tế công bằng) đều đã đạt được thỏa thuận chỉ ngoại trừ trụ cột thương mại [CRS, 2024].

Thứ ba, vấn đề bảo hộ sản xuất nội địa cũng là nguyên nhân gián đoạn hoạt động mua bán sáp nhập giữa các công ty từ hai phía. Tiêu biểu nhất chính là việc Tổng thống Joe Biden quyết định chặn thương vụ của tập đoàn thép “Nippon Steel” (Nhật Bản) mua lại Tập đoàn Thép “US Steel” (Hoa Kỳ) vào ngày 3/1/2025, vì lý do an ninh kinh tế: bảo vệ nền công nghiệp thép Hoa Kỳ khỏi sự cạnh tranh từ nước ngoài, hạn chế biến động thị trường ảnh hưởng đến giá thép cũng như khuyến khích sản xuất trong nước. Tổng thống Biden cho rằng: *“Thương vụ mua lại này sẽ đặt một trong những nhà sản xuất thép lớn nhất của Mỹ dưới sự kiểm soát của nước ngoài và tạo ra rủi ro cho an ninh quốc gia và chuỗi cung ứng quan trọng của chúng ta. Đó là lý do tôi đang hành động để chặn thương vụ này”* [Tuổi trẻ Online, 2025a]. Tuy vậy, sau khi trở lại “Nhà Trắng”, Tổng thống Donald Trump hủy bỏ quyết định của Tổng thống Biden và phê chuẩn thương vụ trên sau khi hai tập đoàn thép đáp ứng điều kiện ký kết một bản thỏa thuận với Bộ Tài chính Hoa Kỳ nhằm giải quyết lo ngại an ninh quốc gia.

Thứ tư, căng thẳng địa chính trị ở khu vực với các vấn đề như tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông và mối đe dọa an ninh từ Triều Tiên hay cuộc khủng hoảng quốc tế tác động đến quan hệ kinh tế giữa hai nước. Chẳng hạn, xung đột Nga - Ukraine dẫn đến khủng hoảng năng lượng toàn cầu và khiến giá cả sinh hoạt của người dân và sản xuất của nền kinh tế bị leo thang. Tiếp đó, đại dịch Covid-19 làm nổi bật sự mong manh của chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là trong các lĩnh vực như ô tô và điện tử, nơi cả Hoa Kỳ và Nhật Bản đều đóng vai trò quan trọng. Những nỗ lực để giải quyết những điểm yếu này bao gồm chuyển dây chuyền sản xuất từ Trung Quốc sang những nước khác như Việt Nam; Indonesia; Ấn Độ, đồng thời tăng dự trữ thành phần linh kiện điện tử quan trọng và đầu tư vào năng lực sản xuất trong nước.

Về nguyên nhân hạn chế:

Thứ nhất là sự mất cân bằng thương mại song phương dai dẳng khi Hoa Kỳ liên tục nhập siêu từ Nhật Bản dẫn đến thâm hụt thương mại. Điều này là nguồn

gốc của căng thẳng, thúc đẩy các cuộc đàm phán lặp đi lặp lại để giải quyết sự chênh lệch. Những nỗ lực tái cân bằng thương mại bao gồm các cuộc đàm phán về thuế quan, tiếp cận thị trường và rào cản pháp lý để tạo ra môi trường thương mại công bằng hơn. Thứ hai là việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng làm giảm đầu tư của Hoa Kỳ và Nhật Bản. Chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc và các chính sách dưới thời chính quyền Biden nhằm đa dạng hóa chuỗi cung ứng tác động đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Nhật Bản. Các doanh nghiệp Hoa Kỳ đang đánh giá lại chiến lược chuỗi cung ứng của mình để giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc, nhưng sự thay đổi này dẫn đến việc giảm đầu tư vào Nhật Bản khi các doanh nghiệp tìm kiếm khu vực khác để sản xuất và tìm nguồn cung ứng, ảnh hưởng đến hợp tác kinh tế hai nước.

- *Trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục và du lịch*

Về văn hóa, đại dịch Covid-19 khiến toàn thế giới nói chung và Hoa Kỳ và Nhật Bản nói riêng phải đóng cửa biên giới, tạm dừng các chương trình nghệ thuật cũng như đóng cửa các địa điểm du lịch trong suốt năm 2020-2021. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động giao lưu văn hóa giữa người dân hai nước. Về giáo dục, ảnh hưởng từ dịch bệnh và xu hướng già hóa dân số của Nhật Bản là nguyên nhân giảm số lượng ứng viên trao đổi giữa các trường đại học. Theo Open Doors, số lượng sinh viên Nhật Bản du học tại các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ đang giảm mạnh: từ 46.810 sinh viên (2001/2002) [Chawala, 2021] xuống 13.449 sinh viên (2020/2021) [International Trade Administration, 2023]. Thêm vào đó, bối cảnh đồng Yên đang mất giá cũng là rào cản khiến nhiều sinh viên Nhật Bản phải từ bỏ kế hoạch đi du học, vì lý do tài chính, nhất là tại Hoa Kỳ - là một trong những nơi có chi phí đào tạo đắt đỏ trên thế giới. Về du lịch, tác động chung của Covid-19 và cách ứng phó của hệ thống y tế toàn cầu dẫn đến việc mở cửa lại hoạt động du lịch song phương bị chậm và không đều so với trước năm 2020. Tiếp đó, chênh lệch về giá trị tiền tệ giữa hai nước đang dẫn đến sự bùng nổ du lịch một chiều, cụ thể là sự tăng giá của đồng USD so với đồng Yên là động lực chính thúc đẩy lượng du khách Hoa Kỳ đến Nhật Bản ngày càng tăng. Số liệu năm 2025 của Tổ chức Du lịch Quốc gia Nhật Bản cho thấy lượng du khách Hoa Kỳ đến Nhật Bản tăng gần 30% trong tháng 5 so

với cùng kỳ năm 2024, với một lượng lớn du khách lựa chọn lưu trú dài ngày [TTW, 2025]. Ngược lại, lượng du khách Nhật Bản đến Hoa Kỳ tăng trưởng khiêm tốn hơn chỉ 3,5% trong cùng kỳ [TTW, 2025].

Về nguyên nhân hạn chế:

Các chương trình như JET của Nhật Bản có tính cạnh tranh cao với hàng ngàn ứng viên tranh giành một số lượng vị trí hạn chế mỗi năm. Tính chọn lọc này đồng nghĩa với việc nhu cầu trao đổi văn hóa và giáo dục vượt xa cơ hội hiện có, hạn chế quy mô và ảnh hưởng đến hoạt động ngoại giao nhân dân. Sự bất cân xứng trong du lịch vẫn còn tồn tại dù du lịch phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, nhưng lượng khách du lịch và các sáng kiến liên quan vẫn phụ thuộc rất nhiều vào sự hỗ trợ và chính sách của chính phủ hai nước. Điều này cho thấy ngành du lịch vẫn chưa đạt đến điểm có thể tự duy trì độc lập, làm nổi bật nhu cầu tiếp tục can thiệp chính sách để duy trì đà phát triển và sự cân bằng trong các chương trình trao đổi du lịch.

• *Trên lĩnh vực khoa học - công nghệ*

Thứ nhất, sự khác biệt về quy tắc quyền riêng tư, luồng dữ liệu và quản trị AI giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản gây trở ngại cho việc thống nhất tiêu chuẩn và đưa sáng kiến chung ra thị trường vì những yêu cầu pháp lý riêng tại mỗi nước (ví dụ: luật về quyền riêng tư có thể quy định cách thức chia sẻ hoặc lưu trữ dữ liệu, quy tắc quản trị AI có thể ảnh hưởng đến cách thức phát triển và triển khai các dự án công nghệ).

Thứ hai, kiểm soát về xuất khẩu cũng là rào cản trong việc chia sẻ công nghệ liên quan đến quốc phòng giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Việc kiểm soát này được thiết kế để bảo vệ an ninh quốc gia bằng cách ngăn chặn các công nghệ nhạy cảm rơi vào tay đối thủ tiềm tàng. Tuy nhiên, chúng cũng có thể làm chậm các dự án phát triển chung giữa các đồng minh như Hoa Kỳ và Nhật Bản. Khi các biện pháp kiểm soát xuất khẩu được áp dụng, nhiều công ty và tổ chức nghiên cứu phải tuân thủ yêu cầu pháp lý phức tạp để chia sẻ công nghệ, điều này có thể làm chậm trễ sự hợp tác và đổi mới. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ để đảm bảo biện pháp an ninh được duy trì trong khi vẫn cho phép hợp tác hiệu quả và tiến bộ công nghệ.

Về nguyên nhân hạn chế:

Sự phụ thuộc vào Trung Quốc đối với các thành phần quan trọng như chất bán dẫn được xác định là nguyên nhân chính. Sự phụ thuộc này gây ra rủi ro cho an ninh quốc gia và ổn định kinh tế, thúc đẩy Hoa Kỳ và Nhật Bản hợp tác trong các sáng kiến nghiên cứu và phát triển chung. Bằng cách thành lập các tập đoàn, hai bên đặt mục tiêu đa dạng hóa nguồn cung ứng và tăng cường năng lực sản xuất trong nước, giảm thiểu rủi ro chiến lược liên quan đến việc quá phụ thuộc vào một quốc gia duy nhất.

- *Trên lĩnh vực năng lượng*

Mặc dù hai bên đều đang thúc đẩy phát triển năng lượng hydro như đã thấy trong Chiến lược Hydro Cơ bản của Nhật Bản (6/2023), nhưng việc tạo ra chuỗi cung ứng cho chương trình này gặp những thách thức về chi phí, phát triển cơ sở hạ tầng và lựa chọn nhà cung cấp (ví dụ: amoniac so với hydro lỏng). Tiếp đó, hai nước còn cần phải tìm cách duy trì niềm tin của công chúng và tuân thủ cam kết không phổ biến vũ khí hạt nhân làm tăng thêm sự phức tạp cho quá trình hợp tác năng lượng hạt nhân. Đối với năng lượng sạch, cả Hoa Kỳ và Nhật Bản hiện vẫn còn chưa thống nhất về các quy định về nguồn cung và chế biến khoáng sản cần thiết cho pin và năng lượng tái tạo, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển của năng lượng hydro và ngành xe điện.

Về nguyên nhân hạn chế:

Quyết định của Tổng thống Trump về việc rút Hoa Kỳ khỏi “Thỏa thuận Paris” báo hiệu một sự thay đổi trong chính sách năng lượng của nước này, từ đó có khả năng làm giảm mức độ ưu tiên của các cam kết quốc tế về khí hậu. Động thái này có thể dẫn đến sự khác biệt chiến lược với các đồng minh như Nhật Bản, những nước vẫn cam kết với mục tiêu này. Sự chia rẽ này đe dọa đến những dự án hợp tác đang diễn ra trong lĩnh vực năng lượng sạch, chẳng hạn như phát triển hydro, thu giữ và lưu trữ carbon (CCS), sáng kiến an toàn hạt nhân, vì các ưu tiên khác nhau có thể làm giảm nguồn tài trợ, sự phối hợp và những tiến bộ công nghệ chung. Những thách thức đối với dự án năng lượng sạch chung. Việc thiếu sự thống nhất về chính sách khí hậu có thể làm chậm tiến độ của sáng kiến chung. Ví dụ, dự án hydro sạch đòi hỏi đầu tư đáng kể và hợp tác quốc tế để phát triển cơ sở hạ tầng và

công nghệ. Một sự chia rẽ chiến lược có thể dẫn đến việc giảm sự tham gia của Hoa Kỳ, ảnh hưởng đến quy mô và sự thành công của các dự án này. Tương tự, nỗ lực về CCS và an toàn hạt nhân dựa trên nghiên cứu và tiêu chuẩn chung, điều này có thể bị phá hoại bởi các chính sách quốc gia khác nhau.

- *Trên lĩnh vực chống biến đổi khí hậu*

Khó khăn lớn nhất trong hợp tác chống biến đổi khí hậu chính là sự thay đổi chính sách từ phía Hoa Kỳ. Dưới thời Joe Biden, nước này tái gia nhập “Thỏa thuận Paris” vào năm 2021 với cam kết thúc đẩy các nỗ lực chung về khí hậu, nhưng lại rút lui một lần nữa dưới nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump vào đầu năm 2025, qua đó làm gián đoạn việc lập kế hoạch và phối hợp giữa hai nước. Tiếp đó, dù hai nước có những cam kết mạnh mẽ về hành động vì khí hậu, nhưng sự chú ý và nguồn lực thường được chuyển hướng sang các vấn đề an ninh và an ninh năng lượng. Sự chuyển hướng này gây khó khăn cho việc chuyển các dự án khí hậu dài hạn từ thỏa thuận sang triển khai thực tế, vì nguồn lực bị phân bổ mỏng trên nhiều ưu tiên. Cuối cùng là nhiều cơ chế hợp tác về khí hậu được đưa ra như CoRe, JUCEP và CEESI với mục đích tăng cường hợp tác, nhưng có thể gây chông chéo về phạm vi và kém hiệu quả nếu không phối hợp cẩn thận giữa lãnh đạo hai bên.

Về nguyên nhân hạn chế:

Như đã đề cập ở trên, một đối tác tham gia quan trọng như Hoa Kỳ rút khỏi Thỏa thuận Paris vào năm 2025 sẽ phá vỡ các khuôn khổ đã được thiết lập. Việc rút lui này có thể dẫn đến sự bất ổn về tài chính, vì các nhà đầu tư và chính phủ phụ thuộc vào tính ổn định và khả năng dự đoán mà các thỏa thuận như vậy mang lại. Ngoài ra, điều này còn cản trở sự phối hợp của Hoa Kỳ và Nhật Bản trong việc triển khai công nghệ mới, vì các bên có thể không còn thống nhất về thời gian, tiêu chuẩn hoặc ưu tiên, khiến việc triển khai giải pháp khí hậu quy mô lớn một cách hiệu quả trở nên khó khăn.

4.1.2. Đặc điểm quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản

Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản hàm chứa nhiều những tính chất khác nhau bên trong bản mối quan hệ đó. Trước hết đây là một quan hệ giữa hai nước lớn độc lập, có chủ quyền, quan hệ giữa hai thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực (WTO, APEC, G7, G20, Quad...), quan hệ song phương còn là quan hệ giữa hai

siêu cường về kinh tế thứ nhất và thứ năm thế giới, ảnh hưởng nền kinh tế và chính trị đương đại. Khác với quan hệ giữa các quốc gia khác, đây còn là quan hệ đồng minh thân thiết về quân sự và lâu đời kể từ sau năm 1945 tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn trước năm 2017 hay Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2017 đến nay. Với tất cả những đặc tính đó, quan hệ song phương vừa có những điểm chung, tương tự với các quan hệ của Hoa Kỳ với đồng minh phương Tây, nhưng cũng có những điểm riêng biệt.

- *Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản thể hiện chiều sâu và mức độ thể chế cao*

Quan hệ song phương đang ngày càng có chiều sâu và toàn diện, dần chuyển dịch từ “liên minh bất đối xứng” với việc “Hoa Kỳ giữ vai trò bảo vệ Nhật Bản” thành “đối tác bình đẳng” khi Nhật Bản tăng cường năng lực quốc phòng, sự phối hợp của liên minh hai nước mở rộng sang lĩnh vực an ninh kinh tế, quản trị công nghệ và kiến trúc khu vực cùng định hình trật tự Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Thứ nhất, giai đoạn 2021-2025 chứng kiến sự thay đổi về chất lượng trong cách thức liên minh được định hình và vận hành. Nhật Bản không chỉ còn dựa vào sự bảo vệ của Hoa Kỳ, mà còn tìm cách củng cố cơ bản năng lực và vai trò quốc phòng của mình (nâng chi phí cho quốc phòng lên 2% GDP, cung cấp vũ khí cho Hoa Kỳ), đồng thời tăng cường phối hợp trong khuôn khổ liên minh. Điều này đi kèm với các động thái thể chế nhằm cải thiện sự hội nhập trong thời bình và đối phó với các tình huống khẩn cấp, chẳng hạn ý định nâng cấp khuôn khổ chỉ huy và kiểm soát, tăng cường khả năng tương tác và lập kế hoạch được thực hiện thông qua cơ chế an ninh “2+2”. Đây là những dấu hiệu đặc trưng của một mối quan hệ đối tác sâu sắc hơn giữa hai bên vì chúng hàm ý trách nhiệm chung của Nhật Bản trong chiến lược răn đe và ứng phó, chứ không chỉ đơn thuần là sự hỗ trợ của quốc gia sở tại đối với lực lượng Hoa Kỳ.

Thứ hai, chiều sâu của mối quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản được thể qua những trụ cột hợp tác được hỗ trợ bởi các cơ chế hợp tác và thỏa thuận chung như Ủy ban Kinh tế 2+2 hay khuôn khổ hợp tác (USJTA, Hiệp định Thương mại Kỹ thuật số Hoa Kỳ-Nhật Bản, IPEF và Hiệp định Khoáng sản Quan trọng). Điều này cho thấy chiều sâu thể hiện qua hai khía cạnh: (i) hợp tác trở nên được điều chỉnh thông qua các cơ chế thường trực và (ii) chương trình nghị sự thể chế mở rộng hướng tới an ninh kinh

tế và khả năng chiến lược phục hồi, qua đó cho thấy liên minh ngày càng coi việc tiếp cận thị trường, quy tắc kỹ thuật số và yếu tố đầu vào.

Thứ ba, liên minh song phương đang đóng vai trò là nền tảng định hình trật tự khu vực. Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản được lồng ghép vào các thể chế quốc phòng ba bên thường trực như cuộc họp bộ trưởng quốc phòng ba bên đầu tiên giữa Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc (02/6/2024) và quyết định luân phiên nhiều diễn đàn ba bên thường trực (TMM, Tri-CHOD, DTT) cùng với các cuộc tập trận ba bên thường xuyên được tổ chức. Việc thể chế hóa như vậy rất quan trọng vì nó chuyển đổi sự hợp tác từ sự liên kết không thường xuyên thành các mô hình tham vấn và phối hợp hoạt động thường xuyên, cải thiện khả năng dự đoán và tín hiệu tập thể. Tiếp đó, các cuộc tập trận đa phương với nhiều đối tác (NATO và Quad) là hoạt động thường xuyên với nhiệm vụ đa dạng và phạm vi địa lý rộng lớn ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Điều này cho thấy Nhật Bản đang ngày càng hợp tác chặt chẽ với Hoa Kỳ để định hình trật tự khu vực bằng cách xây dựng mạng lưới tương tác, phổ biến các tiêu chuẩn hợp tác và đóng góp vào uy tín của hoạt động răn đe, ứng phó khủng hoảng vượt ra ngoài kênh song phương.

- *Nhật Bản là đồng minh quan trọng nhất của Hoa Kỳ tại châu Á*

Trong giai đoạn 2021-2025, Nhật Bản vẫn là đồng minh quan trọng nhất của Hoa Kỳ tại châu Á khi ngày càng đóng vai trò là nền tảng hoạt động cốt lõi cho chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, trong khi một số liên minh khác của Hoa Kỳ (Hàn Quốc và Philippines) vẫn chỉ tập trung vào các mối đe dọa cụ thể và giới hạn trong khu vực. Nhật Bản là nơi Hoa Kỳ triển khai lực lượng tiên tuyến quan trọng nhất ở Đông Bắc Á và liên minh trong giai đoạn này đã thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa sự hội nhập hoạt động cấp cao nâng cấp hệ thống chỉ huy và kiểm soát, tinh chỉnh vai trò và nhiệm vụ, xây dựng bộ máy thực tiễn cho hành động chung nhanh chóng trong khủng hoảng. Kết quả là một liên minh không chỉ răn đe mối đe dọa đối với Nhật Bản, mà còn hỗ trợ cấu trúc răn đe khu vực trên khắp biển Hoa Đông và khu vực lân cận Đài Loan như Đông Nam Á.

So sánh với những đồng minh khác của Hoa Kỳ, liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc vẫn tập trung vào Bán đảo Triều Tiên và vấn đề hạt nhân của Triều Tiên. Liên

minh này được thể chế hóa sâu rộng và có năng lực cao, nhưng tầm quan trọng chiến lược chỉ nhằm răn đe và quản lý khủng hoảng trước những hành động khiêu khích từ CHDCND Triều Tiên - quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân tại Đông Bắc Á. Trong khi đó, Liên minh Hoa Kỳ - Philippines giữ vai trò duy trì sự hiện diện của Hoa Kỳ tại Biển Đông được hỗ trợ bởi thỏa thuận tiếp cận mở rộng và thông điệp công khai rõ ràng hơn về cam kết quốc phòng. Nhưng so với Nhật Bản (và ở một mức độ nào đó là Hàn Quốc), liên minh Philippines vẫn kém hội nhập về mặt hoạt động hơn. Giai đoạn 2021-2025 chứng kiến sự mở rộng và phối hợp ba bên và “đa phương” của Hàn Quốc và Philippines trong khối liên minh của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, những liên minh đó vẫn chỉ giữ vai trò bổ sung chứ không thay thế liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản tại châu Á, bởi vì chưa sánh được với mật độ thể chế, năng lực công nghệ - quân sự và vai trò của Nhật Bản trong việc định hình trật tự tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

- *Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản tác động rất lớn đến thế giới*

Quan hệ đối tác đa phương này không chỉ củng cố mối quan hệ song phương giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản mà còn có tác động sâu sắc đến trật tự quốc tế, góp phần vào hòa bình, ổn định và thịnh vượng toàn cầu xuất phát từ ảnh hưởng của các lĩnh vực hợp tác song phương: an ninh, kinh tế, ngoại giao, công nghệ, vấn đề toàn cầu.

Về an ninh, Hoa Kỳ và Nhật Bản hợp tác chặt chẽ về các vấn đề quốc phòng với việc Hoa Kỳ cam kết bảo vệ an ninh của Nhật Bản thông qua sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ tại Nhật Bản và thỏa thuận phòng thủ chung. Quan hệ đối tác này rất quan trọng để ngăn chặn mối đe dọa tiềm tàng trong khu vực, đặc biệt là từ Triều Tiên và một Trung Quốc quyết đoán. Trong hợp tác kinh tế, đây là hai đối tác thương mại lớn, tham gia vào hoạt động thương mại trị giá hàng tỷ USD mỗi năm. Họ hợp tác với nhau về các vấn đề như tự do hóa thương mại, đầu tư và đảm bảo khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng, đặc biệt là trong công nghệ và năng lượng quan trọng. Về ngoại giao, Hoa Kỳ và Nhật Bản chia sẻ cam kết thúc đẩy hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và xa hơn nữa. Hai bên hợp tác trong nhiều diễn đàn quốc tế, bao gồm Liên Hợp Quốc, G7 và G20 để giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng hoảng y tế công

cộng và giải quyết xung đột. Về công nghệ, hai nước đi đầu cho đổi mới xu thế công nghệ với việc cả hai quốc gia đầu tư vào dự án nghiên cứu và phát triển chung trong các lĩnh vực như thám hiểm không gian, an ninh mạng và công nghệ viễn thông thế hệ tiếp theo như 5G và hơn thế nữa. Về giải quyết thách thức toàn cầu, Hoa Kỳ và Nhật Bản cùng nhau đi đầu trong nỗ lực chống biến đổi khí hậu với cam kết giảm phát thải carbon và đầu tư vào nguồn năng lượng tái tạo. Hai bên cũng hợp tác trong các sáng kiến an ninh mạng để bảo vệ cơ sở hạ tầng quan trọng và chống lại mối đe dọa mạng, đồng thời thúc đẩy giá trị dân chủ và nhân quyền như các nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của họ.

4.1.3. Tác động của quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản

Theo xếp hạng 2025 của tạp chí Forbes, Hoa Kỳ và Nhật Bản lần lượt là cường quốc số một và thứ tám trên thế giới dựa trên 5 yếu tố về sự lãnh đạo; ảnh hưởng kinh tế; quyền lực chính trị; các đồng minh quốc tế và sức mạnh quân sự [The Times of India, 2025]. Do vậy bất kỳ biến động nào trong quan hệ giữa hai quốc gia này đều có tác động tới khu vực và các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Hoa Kỳ và Nhật Bản đều là những thành viên tích cực và đóng vai trò then chốt trong các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, G7, G20, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Nhật Bản là quốc gia đóng góp tài chính lớn thứ ba cho ngân sách của Liên Hợp Quốc (tính đến tháng 2/2025 là hơn 237,2 triệu USD). Hoa Kỳ và Nhật Bản đi đầu trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu như hỗ trợ phát triển, hỗ trợ phát triển, hỗ trợ y tế toàn cầu, bảo vệ môi trường và tài nguyên. Hai nước cùng nhiều quốc gia trong khu vực tham gia thảo luận tích cực về vấn đề an ninh trong Đối thoại Chiến lược đa phương và Diễn đàn An ninh Quốc phòng như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Hội nghị Thượng đỉnh An ninh châu Á (SLD)... Ngoài ra, cả hai nước đều tham gia vào các nhóm hợp tác đa phương như Quad và AUKUS để phối hợp và chia sẻ về vấn đề chiến lược tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

4.1.3.1. Tác động đến hai nước

- *Đối với Hoa Kỳ*

Quan hệ với Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 tác động đến Hoa Kỳ cả khía cạnh tích cực lẫn tiêu cực. *Về tác động tích cực*, chủ yếu xoay quanh sự hợp tác song phương về công nghệ và quốc phòng. Hợp tác về công nghệ chứng kiến sự chia sẻ chuyên môn và nguồn lực từ hai phía trong các lĩnh vực tiên tiến như AI và robot, không chỉ thúc đẩy biên giới công nghệ mà còn đóng góp vào tăng trưởng kinh tế thông qua đổi mới. Việc tập trung vào công nghệ năng lượng tái tạo đặc biệt quan trọng, vì nó nhằm mục đích giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và thúc đẩy phát triển bền vững. Trong lĩnh vực quốc phòng, Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng cường hợp tác quân sự thông qua các cuộc tập trận chung song phương lẫn đa phương với nhiều kịch bản: đổ bộ trên đảo, phòng thủ đảo, cứu hộ trên biển, tiếp tế trên biển, qua đó nâng cao khả năng ứng phó với các mối đe dọa trong khu vực và đảm bảo môi trường an ninh ổn định ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Về tác động tiêu cực, mối quan hệ này phải đối mặt với một số vấn đề trong chính sách thương mại và môi trường. Tranh chấp thương mại nổi lên như một vấn đề đáng chú ý với những bất đồng về thuế quan và tiếp cận thị trường đôi khi bùng nổ. Những tranh chấp này có khả năng làm gián đoạn hoạt động kinh tế, đặc biệt là đối với ngành công nghiệp phụ thuộc vào dòng chảy thương mại thông suốt giữa hai nước. Sự bất đồng về chính sách môi trường và sáng kiến về biến đổi khí hậu là một lĩnh vực gây tranh cãi khác. Mặc dù cả hai quốc gia đều thừa nhận tầm quan trọng của việc giải quyết các thách thức về môi trường toàn cầu, nhưng sự khác biệt về cách tiếp cận và ưu tiên đôi khi cản trở những nỗ lực hợp tác, ảnh hưởng đến khả năng giải quyết hiệu quả biến đổi khí hậu của cộng đồng quốc tế nói chung.

- *Đối với Nhật Bản*

Về tác động tích cực, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản dưới thời chính quyền Joe Biden đối với Nhật Bản là đa chiều, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ và quốc phòng. Sự hợp tác trong các công nghệ tiên tiến không chỉ đưa Nhật Bản lên vị trí tiên phong về đổi mới trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo và robot mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc phát triển

ngành công nghiệp mới và tạo việc làm. Việc tập trung vào công nghệ năng lượng tái tạo quan trọng phù hợp với mục tiêu của Nhật Bản về một tương lai năng lượng bền vững và thân thiện với môi trường. Về mặt quốc phòng, các liên minh quân sự được tăng cường và các cuộc tập trận chung với Hoa Kỳ củng cố đáng kể biện pháp an ninh của Nhật Bản, cung cấp một cơ chế ứng phó mạnh mẽ với mối đe dọa trong khu vực và khẳng định sự hiện diện chiến lược của mình tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trước bối cảnh quốc tế nhiều biến động với cuộc xung đột Nga - Ukraine khiến Nhật Bản điều chỉnh chính sách quốc phòng khi cho phép bán vũ khí sát thương cho Hoa Kỳ (tên lửa) hay cung cấp hệ thống radar cho Philippines trong khuôn khổ chương trình Hỗ trợ An ninh Chính thức (OSA). Điều này thể hiện sự can dự mạnh mẽ hơn từ Nhật Bản và hứa hẹn có thể hỗ trợ Hoa Kỳ nhiều hơn trong các vấn đề quốc tế và khu vực.

Về khía cạnh tiêu cực, mối quan hệ song phương giai đoạn này phải đối mặt với những thách thức trong chính sách thương mại, vấn đề môi trường và vấn đề căn cứ quân sự Hoa Kỳ. Những đợt bùng phát căng thẳng thương mại thỉnh thoảng xảy ra do tranh chấp về thuế quan và tiếp cận thị trường tác động rõ rệt đến nền kinh tế Nhật Bản, đặc biệt là các ngành phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Những tranh chấp này tạo ra thách thức trong môi trường kinh tế, ảnh hưởng đến cả doanh nghiệp và người tiêu dùng. Về môi trường, sự khác biệt về chính sách và ưu tiên giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ tạo ra căng thẳng ngoại giao. Mặc dù cả hai nước đều thừa nhận tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, nhưng cách tiếp cận khác biệt của từng nước đôi khi cản trở những nỗ lực chung và làm phức tạp tham vọng của Nhật Bản trong việc dẫn đầu sáng kiến về môi trường toàn cầu. Sự bất hòa này nhấn mạnh sự phức tạp của việc liên kết các chính sách quốc gia với các quan hệ đối tác quốc tế, ngay cả giữa các đồng minh thân cận. Về căn cứ quân đội Hoa Kỳ tại Okinawa, những vấn đề phản đối của người dân Okinawa về việc yêu cầu di dời căn cứ lực lượng Hoa Kỳ xuất hiện từ thập niên 1950. Nguyên nhân xuất phát từ tình trạng ô nhiễm và tiếng ồn liên quan đến các căn cứ cùng với tình trạng bạo lực của lính Hoa Kỳ đóng quân tại đây gây ra đối với người dân Okinawa. Phong trào phản đối của người dân nổ ra cũng nhận được sự

ủng hộ từ chính quyền địa phương. Chẳng hạn, vào ngày 15/12/2023, chính quyền tỉnh Okinawa đệ đơn khiếu nại lên tòa án tối cao để phản đối phán quyết của tòa án cấp thấp hơn yêu cầu tỉnh này phê duyệt kế hoạch cho phép bố trí lại căn cứ quan trọng của lực lượng Hoa Kỳ ở tỉnh. Tuy vậy, Tòa án tối cao Okinawa không thông qua kế hoạch này.

4.1.3.2. Tác động đối với khu vực

Thứ nhất, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản luôn được xem là “hòn đá tảng” trong cấu trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Chiến lược của Joe Biden ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, có thể xem là sự tiếp nối hoặc mở rộng chiến lược “Xoay trục sang châu Á” có từ thời Obama nhằm mục đích tăng cường quan hệ kinh tế, ngoại giao và quân sự với các nước châu Á, được thiết kế để giải quyết ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc và đảm bảo trật tự ổn định, dựa trên luật lệ trong khu vực. Khác biệt so với chính sách “Nước Mỹ trên hết” của Trump 1.0 thiên về chủ nghĩa biệt lập và tập trung vào lợi ích kinh tế, cách tiếp cận của Tổng thống Biden đó là gắn lợi ích quốc gia với hợp tác đa phương, liên minh và quan hệ đối tác, trong đó liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản đóng vai trò cực kỳ quan trọng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản tiếp tục đóng vai trò đảm bảo duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương rộng lớn. Trước vấn đề hạt nhân Triều Tiên, Tổng thống Biden nỗ lực củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác ba bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc để lập kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp. Đối với Trung Quốc, Hoa Kỳ tích cực cùng Nhật Bản tổ chức các hoạt động tuần tra trên biển nhằm nâng cao tính răn đe đối với hoạt động bành trướng sức mạnh quân sự của Trung Quốc trên vùng Biển Đông và biển Hoa Đông. Bên cạnh đó, hai bên còn đẩy mạnh hợp tác quốc phòng với các đồng minh và đối tác khác như Thái Lan, Philippines, Australia, Ấn Độ, Việt Nam, đồng thời tăng cường can dự với các cơ chế an ninh đa phương ở khu vực ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Tại Đông Nam Á, ASEAN tiếp tục là thiết chế khu vực có sự phát triển mạnh mẽ và ngày càng chứng tỏ vai trò trung tâm của mình. Đây là một tổ chức hợp tác khu vực có tiềm năng mà các nước lớn phải tính đến khi muốn gia tăng ảnh

hưởng trong khu vực. Tuy vậy, ASEAN vẫn chưa chứng tỏ được vai trò trong việc kiểm soát hữu hiệu các nguy cơ tranh chấp, xung đột trên Biển Đông cũng như thúc đẩy sự đoàn kết, thống nhất giữa các thành viên nhằm ngăn chặn những tác động tiêu cực từ “sự trỗi dậy” của Trung Quốc. Vì vậy, nỗ lực của Hoa Kỳ - Nhật Bản trong việc thúc đẩy chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và cơ chế Bộ tứ “tăng sức mạnh cho ASEAN và giúp đối trọng lại sự trỗi dậy của Trung Quốc”, duy trì tự do hàng hải ở châu Á, trong đó có Biển Đông.

Đối với khu vực Đông Nam Á, đây tiếp tục được xem là trọng tâm của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Joe Biden và cũng là điểm mấu chốt của sáng kiến “Vành đai và Con đường” của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình. Trước sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn, Đông Nam Á trở thành “đấu trường” can dự, lôi kéo, tập hợp lực lượng nhằm kiềm chế, ngăn chặn lẫn nhau. Vì vậy, các nước ASEAN không tránh khỏi sự thật là có thể trở thành đối tượng lôi kéo giữa một bên là Hoa Kỳ cùng đồng minh trong nhóm Quad và một bên là Trung Quốc. Trong khi Chính quyền Biden ngày càng gia tăng sự hiện diện quân sự ở khu vực thì Nhật Bản dưới thời các Thủ tướng Suga và Kishida cũng tăng cường hoạt động ngoại giao với ASEAN và các nước Đông Nam Á. Cam kết của Nhật Bản đối với việc hỗ trợ vaccine chống Covid-19, tài trợ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng là những đóng góp quan trọng cho sự phục hồi nền kinh tế Đông Nam Á sau khủng hoảng.

Ngược lại, Trung Quốc đẩy mạnh hơn hoạt động quân sự ở Biển Đông nhằm giành lợi thế trước phản ứng của Hoa Kỳ và Nhật Bản, đồng thời thông qua quan hệ kinh tế thương mại để can dự sâu hơn với các quốc gia Đông Nam Á. Bối cảnh đó đặt ASEAN nói chung và các nước thành viên nói riêng trước những thách thức không nhỏ khi phải cân nhắc giữa việc ủng hộ sự can dự quân sự ngày càng tăng của Hoa Kỳ trong khu vực và duy trì mối quan hệ hợp tác kinh tế với Trung Quốc hay tìm cách duy trì vai trò trung tâm, không để bị kéo vào vòng xoáy cạnh tranh, nguy cơ chia rẽ mới. Chính sự cạnh tranh ngày càng lớn giữa Hoa Kỳ với Trung Quốc chắc chắn sẽ làm phức tạp thêm môi trường an ninh khu vực và các quốc gia Đông Nam Á có thể bị buộc phải đưa ra một số quyết định khó khăn. Theo khảo sát

năm 2024 của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS-Yusof Ishak) có trụ sở ở Singapore, Trung Quốc hiện là cường quốc có ảnh hưởng kinh tế lớn nhất tại Đông Nam Á với 59,5%, vượt xa Hoa Kỳ với 14,3% và Nhật Bản là 3,7% [ASEAN Studies Centre, 2024, tr.35]. Về thiện cảm của người Đông Nam Á trong năm 2024, Trung Quốc là 50,5% cao hơn Hoa Kỳ với 49,5%, tỷ lệ này hoàn toàn trái ngược vào năm 2023 khi Trung Quốc là 38,9%; tỷ lệ của Hoa Kỳ là 61,1% [ASEAN Studies Centre, 2024, tr.48]. Trong khi đó, Nhật Bản được bình chọn là cường quốc tin cậy nhất trong khu vực với 58,9% và Hoa Kỳ xếp thứ hai với 42,4%; Trung Quốc là 24,8% và Ấn Độ là 24,2% [ASEAN Studies Centre, 2024, tr.66].

Xuất phát từ sự cạnh tranh địa chính trị của Hoa Kỳ cùng đồng minh đối với Trung Quốc tạo ra xu thế chạy đua vũ trang quyết liệt hơn và phức tạp hơn. Theo Viện Nghiên cứu hòa bình quốc tế (SIPRI), dù nhập khẩu vũ khí tại các nước châu Á và châu Đại Dương có xu hướng giảm 12% trong giai đoạn 2014-2018 và 2019-2023 vì nhập khẩu vũ khí của Trung Quốc giảm mạnh, tuy nhiên nhu cầu mua vũ khí tại đây vẫn rất cao với 6/10 nước nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới trong giai đoạn 2019-2023: Ấn Độ, Pakistan, Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc và Trung Quốc [SIPRI, 2024, tr.8]. Tỷ lệ nhập khẩu vũ khí phân theo khu vực lần lượt là: châu Á & châu Đại Dương chiếm 37%; Trung Đông là 30%; châu Âu là 21%; châu Mỹ là 5,7% và châu Phi là 4,3% [SIPRI, 2024, tr.8].

Thứ hai, với tư cách là hai nền kinh tế có quy mô lớn thứ nhất và thứ năm trên thế giới, sự tăng cường hợp tác hay xung đột giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản chắc chắn đều có tác động nhất định đối với nền kinh tế thế giới và nền kinh tế ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Những tác động này được thể hiện thông qua sự biến động của dòng chảy thương mại và đầu tư tới kinh tế thế giới và kinh tế khu vực. Quan hệ đối tác giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản có những tác động tích cực đáng kể đến khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sự hợp tác trong đổi mới công nghệ và phát triển năng lượng tái tạo giữa hai nước thúc đẩy môi trường tăng trưởng kinh tế và bền vững. Các dự án về trí tuệ nhân tạo, robot và công nghệ xanh không chỉ thể hiện tiềm năng đổi mới tiên tiến mà còn thúc đẩy hội nhập kinh tế và hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực.

Những sáng kiến này là rất quan trọng để thiết lập con đường hướng tới tương lai kinh tế bền vững và khuyến khích các quốc gia khác tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đầu tư vào công nghệ tương tự. Tiếp đó, sự thay đổi chiến dịch của Hoa Kỳ nhằm loại Trung Quốc khỏi chuỗi cung ứng đặc biệt là sản phẩm công nghệ cao dẫn tới sự dịch chuyển thương mại và đầu tư toàn cầu sang khu vực như Đông Nam Á nhằm tránh thuế quan của Hoa Kỳ áp lên Trung Quốc. Theo xu thế đó, nhiều doanh nghiệp sản xuất thiết bị bán dẫn của Hoa Kỳ (ví dụ, công ty Lam Research) tìm cách dịch chuyển hoạt động từ Trung Quốc sang Đông Nam Á để né lệnh hạn chế của chính phủ Biden hoặc có kế hoạch mở rộng cơ sở sản xuất tại khu vực này (ví dụ: công ty Global Foundries và công ty United Microelectronics) [Diễn đàn Doanh nghiệp, 2023]. Năm 2022, Nhật Bản công bố chiến lược mới liên quan đến phát triển hạ tầng nhằm thực hiện chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, trong đó tập trung việc hỗ trợ, viện trợ đối với phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng cao mang tính kinh tế và bền vững tại khu vực Đông Nam Á và Tây Nam Á [VOV, 2022].

Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng phải đối mặt với những thách thức, đặc biệt là trong việc giải quyết tranh chấp thương mại và điều hòa các chính sách môi trường khác nhau. Những vấn đề này đôi khi gây căng thẳng cho mối quan hệ kinh tế và ngoại giao rộng lớn hơn trong Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhấn mạnh sự phức tạp của việc quản lý các mối quan hệ quốc tế trong một khu vực có đặc điểm là lợi ích quốc gia đa dạng và những thay đổi nhanh chóng. Khả năng của Hoa Kỳ và Nhật Bản trong việc giải quyết những thách thức này là rất quan trọng để duy trì ảnh hưởng của họ và tiếp tục đóng vai trò hàng đầu trong việc định hình tương lai của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

4.1.3.3. Tác động đối với Việt Nam

Việt Nam nằm tại khu vực Đông Nam Á và là một thành viên quan trọng của ASEAN. Do đó, những biến động trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới khu vực và Việt Nam. Việt Nam lần lượt nâng cấp “Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện” với Hoa Kỳ (9/2023) và Nhật Bản (11/2023), qua đó chứng tỏ vị thế vô cùng quan trọng của Việt Nam đối với liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản.

Hiện nay, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục thúc đẩy Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng. Một trong những mục tiêu của chiến lược này là đảm bảo tự do hàng hải trong khu vực và điều đó sẽ đem lại lợi ích cho Việt Nam. Ở khu vực Biển Đông, Việt Nam đang chịu sức ép rất lớn từ tham vọng bành trướng và quyết tâm kiểm soát quyền qua lại khu vực này của Trung Quốc. Việc Hoa Kỳ cùng một loạt thành viên Quad tiến hành một loạt hoạt động tự do hàng hải và không công nhận bất kỳ tuyên bố hiện tại hoặc mới nào của Trung Quốc về đường Lưỡi bò và Vùng Nhận diện Phòng không (ADIZ) củng cố thêm niềm tin cho Việt Nam và các nước khác trong khu vực đang có tranh chấp biển đảo với Trung Quốc. Việt Nam có thể lựa chọn hợp tác với một hoặc nhiều nước trong “Bộ Tứ” ở những mức độ phù hợp nhằm nâng cao năng lực quốc phòng của mình. Thời gian qua, Việt Nam củng cố và thúc đẩy mối quan hệ tốt đẹp với Nhật Bản và nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phía Nhật Bản trong lĩnh vực quốc phòng. Việt Nam cũng có mối quan hệ tốt với tất cả hai thành viên còn lại của Quad là Ấn Độ và Australia. Do vậy, Việt Nam có cơ hội rộng mở để tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước lớn nhằm cải thiện và nâng cao năng lực quốc phòng.

Bên cạnh những tác động tích cực thì Việt Nam, một quốc gia được Hoa Kỳ nhìn nhận như là một đối tác quan trọng trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cũng chịu những thách thức từ “chiến lược rắn đe” của Hoa Kỳ và Nhật Bản đối với Trung Quốc. Là một thành viên của ASEAN, Việt Nam sẽ chịu tác động lớn từ sự cạnh tranh, lôi kéo quyết liệt giữa một bên là Trung Quốc và một bên là Hoa Kỳ cùng các nước đồng minh. Minh chứng rõ nhất là trong khi Trung Quốc ráo riết đẩy mạnh các hoạt động quân sự ở Biển Đông, xây dựng đảo chìm, đảo nổi, biến chúng thành căn cứ quân sự nhằm giành quyền kiểm soát tại Biển Đông, nơi Trung Quốc tuyên bố thuộc Trung Quốc với “đường chín đoạn” thì Hoa Kỳ cũng đẩy mạnh chính sách Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nhằm gia tăng ảnh hưởng của Hoa Kỳ trong khu vực và rắn đe tham vọng của Trung Quốc. Sự tranh giành ảnh hưởng của 2 siêu cường này đang đưa đến những cơ hội và thách thức lớn đối với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ cũng như chính sách quốc phòng “4 Không” (Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam không thể dựa vào bất kỳ liên minh quân sự nào; Không liên kết với nước này để chống nước

kia; Không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác và Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế) của Việt Nam sẽ gặp thử thách lớn nếu cuộc cạnh tranh quyền lực ở khu vực giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc bị đẩy lên cao hoặc Trung Quốc đơn phương lấn chiếm biển đảo ở khu vực Biển Đông.

Về mặt kinh tế

Việt Nam là một nền kinh tế mở, sự phát triển của kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào xuất khẩu; do vậy, sự suy giảm các hoạt động thương mại và đầu tư toàn cầu cũng như ở châu Á sẽ có ảnh hưởng tới hoạt động thương mại và nền kinh của Việt Nam. Hiện nay, Hoa Kỳ và Nhật Bản đều nằm trong danh sách những đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam; vì vậy, những biến động trong quan hệ kinh tế giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới Việt Nam. Chẳng hạn, Hoa Kỳ rút khỏi CPTPP vào năm 2018 dưới thời Donald Trump ảnh hưởng đáng kể vai trò của Hoa Kỳ và Nhật Bản trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và tự do hóa thương mại của Việt Nam. Năm 2022, Tổng thống Biden đề xuất chiến lược “Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng” (IPEF) để thay thế CPTPP sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực, trong đó Việt Nam sẽ là một quốc gia được hưởng lợi. Theo nhiều chuyên gia nhận định, tham gia IPEF có thể là bước đệm giúp Việt Nam trở thành nền kinh tế nổi bật trong khu vực. Một trong bốn trụ cột của IPEF là năng lượng xanh được đánh giá sẽ có tiềm năng đáng kể tại Việt Nam nhờ các đặc điểm thuận lợi về mặt địa lý, do đó Việt Nam chắc chắn sẽ trở thành điểm đến đầu tư vào năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng mặt trời và điện gió [Trung tâm WTO, 2022]. Ngoài ra, sáng kiến IPEF cũng dự kiến là động lực thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ dựa trên mối quan hệ tích cực và xuất khẩu ngày càng tăng trong lịch sử tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường này.

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam với Nhật Bản và Hoa Kỳ tiếp tục phát triển tốt trong giai đoạn 2021-2025, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế của Việt Nam. Theo con số tính đến tháng 10/2024, kim ngạch thương mại Việt Nam - Nhật Bản ước tính đạt 38,1 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản 20,24 tỷ USD và nhập khẩu từ Nhật Bản 17,86 tỷ USD. Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam với kim ngạch thương mại song phương năm

2023 đạt gần 50 tỷ USD [VietnamPlus, 2024b]. Trong khi đó, Trao đổi thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ có nhiều thành tựu, từ đó trở thành động lực phát triển cho quan hệ chung giữa hai nước. Kim ngạch thương mại song phương tăng hơn 5 lần trong vòng 10 năm qua: từ 25 tỷ USD (năm 2012) lên gần 139 tỷ USD (năm 2022) và tăng hơn 300 lần so với năm 1995 (450 triệu USD) khi hai nước bình thường hóa quan hệ. Việt Nam vươn lên vị trí đối tác thương mại lớn thứ bảy của Hoa Kỳ trên toàn thế giới từ năm 2019. Đặc biệt, từ một nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có kim ngạch xuất khẩu vào Hoa Kỳ thuộc loại thấp nhất, năm 2014, Việt Nam vươn lên dẫn đầu các nước ASEAN về xuất khẩu vào thị trường này. Hiện nay, Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, đồng thời là thị trường duy nhất và đầu tiên vượt ngưỡng 100 tỷ USD trong xuất khẩu của Việt Nam [Tạp chí Cộng sản, 2023].

Nhìn chung, sự “cải thiện” trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản (2021-2025) so với giai đoạn trước đã đem lại dấu hiệu tích cực cho thúc đẩy hợp tác đa phương khu vực, trong đó có các hợp tác về kinh tế. Điều này sẽ góp phần đem lại sự ổn định và thịnh vượng cho khu vực, trong đó có Việt Nam. Việc thúc đẩy phát triển kinh tế với Hoa Kỳ và Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam giảm bớt sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc.

4.2. Triển vọng quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đến năm 2030

4.2.1. Cơ sở dự báo

- *Tình hình quốc tế và khu vực đến năm 2030*

Bối cảnh thế giới và khu vực đến năm 2030 được dự đoán bị chi phối bởi cạnh tranh giữa các cường quốc với các điểm nóng chủ chốt ở Đông Âu, Đông Bắc Á, Đông Nam Á và Trung Đông. Môi trường này được đặc trưng bởi ngoại giao cường ép gia tăng và các cuộc xung đột “vùng xám” (Grey Zone) thường xuyên liên quan đến an ninh mạng, kinh tế, hàng hải và không gian (ODNI, 2025). Đánh giá về mối đe dọa của Cộng đồng Tình báo Hoa Kỳ (2025) nêu bật những thách thức đồng thời từ cả chủ thể nhà nước và phi nhà nước trên nhiều lĩnh vực. Hội nghị thượng đỉnh NATO tại Washington D.C (2024) nhấn mạnh sự cạnh tranh dài hạn, tăng cường sản xuất quốc phòng và tiếp tục hỗ trợ cho Ukraine trong cuộc xung đột với Nga tại Đông Âu.

Sự hình thành các nhóm liên minh nhỏ và tập trung hơn như liên minh xuất khẩu công nghệ, lực lượng đặc nhiệm hàng hải và đối tác công nghiệp quốc phòng. Các nhóm này hợp tác với liên minh lớn hơn để giải quyết những thách thức cụ thể. Chẳng hạn, khối NATO và các đối tác đang nhấn mạnh nhu cầu hợp tác liền mạch, tăng cường năng lực công nghiệp và chia sẻ công nghệ để tăng cường phòng vệ tập thể (NATO, 2024). Điều này sẽ tăng khả năng tương tác giữa các nước trong việc chia sẻ dữ liệu, chỉ huy chung, vũ khí và đối phó chiến tranh mạng là rất quan trọng. Khả năng này cho phép hệ thống quốc phòng của các nước có thể hoạt động hiệu quả cùng nhau, mang lại lợi thế chiến lược trong hoạt động an ninh và quản trị khủng hoảng.

Xu hướng tăng mức chi tiêu quân sự toàn cầu vẫn là chủ đạo trong thời gian tới. Theo thống kê của SIPRI, chi tiêu quân sự toàn cầu năm 2024 đạt 2,718 nghìn tỷ USD [SIPRI, 2025] là mức cao nhất kể từ sau Chiến tranh Lạnh. Các nước chi nhiều nhất là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Đức và Ấn Độ. Khoản chi tiêu này tập trung vào việc cải thiện hệ thống phòng không và tên lửa, hệ thống giám sát và năng lực quân sự dưới nước. Mức chi tiêu quân sự của Hoa Kỳ tăng 5,7% lên 997 tỷ USD, chiếm 66% tổng chi tiêu của NATO và 37% chi tiêu quân sự toàn cầu vào năm 2024 [SIPRI, 2025]. Hoa Kỳ dành một phần đáng kể ngân sách năm 2024 cho việc hiện đại hóa năng lực quân sự và kho vũ khí hạt nhân nhằm duy trì lợi thế chiến lược trước Nga và Trung Quốc. Trung Quốc là nước chi tiêu quân sự lớn thứ hai thế giới với việc tăng thêm 7,0% ~ 314 tỷ USD, đánh dấu 3 thập kỷ tăng liên tiếp. Quốc gia này chiếm 50% tổng chi tiêu quân sự ở châu Á và châu Đại Dương, trọng tâm đầu tư chủ yếu vào việc hiện đại hóa quân đội, mở rộng năng lực chiến tranh mạng và kho vũ khí hạt nhân. Trong khi đó, mức chi tiêu dành cho quốc phòng của Nhật Bản tăng 21% lên 55,3 tỷ USD vào năm 2024, mức tăng hàng năm lớn nhất kể từ năm 1952 và mức chi quân sự ở mức cao nhất kể từ năm 1958 với 1,4% GDP [SIPRI, 2025]. Chi tiêu quân sự của Ấn Độ đứng thứ 5 thế giới khi tăng 1,6% lên 86,1 tỷ USD; Đài Loan tăng 1,8%, đạt 16,5 tỷ USD. Việc các quốc gia đang nâng cấp vũ khí hạt nhân và hệ thống phóng (gồm cả tên lửa siêu thanh) làm gia tăng mối lo ngại toàn cầu về phổ biến vũ khí hạt nhân. Các cuộc tranh luận của Liên Hợp Quốc về vũ khí hủy diệt hàng loạt ngoài không gian làm nổi bật căng

thăng rộng hơn về không phổ biến vũ khí hạt nhân [The Guardian, 2024]. Các tuyến đường vận chuyển qua các khu vực trọng điểm như biển Đỏ và Biển Đông sẽ phải đối mặt với mối đe dọa từ hải quân các quốc gia và nhóm khác. Những mối đe dọa này có thể là máy bay không người lái (drone) và tên lửa, có thể làm tăng chi phí bảo hiểm vận tải vì các cuộc xung đột.

Về kinh tế, dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (2025) cho thấy triển vọng kinh tế toàn cầu trong 5 năm tới (2025-2030) sẽ tăng trưởng chậm lại còn khoảng 3%, các nền kinh tế phát triển sẽ tăng trưởng khoảng 1,5%, còn thị trường mới nổi sẽ chỉ tăng hơn 4% [IMF, 2025]. Sự tăng chậm lại này do nguyên nhân năng suất lao động giảm, dân số già hóa và chi tiêu thắt chặt hơn, rào cản thương mại và sự bất ổn về chính sách và nợ công ở từng nền kinh tế. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm nhưng những rủi ro như mức thuế quan, biến động giá năng lượng và vấn đề vận chuyển có thể khiến giá cả tăng trở lại, khiến mục tiêu lạm phát duy trì từ 2%-3% trở nên khó đạt được [BIS, 2025]. Theo đánh giá của UNCTAD (2025) cho thấy đầu tư nước ngoài (FDI) giảm 11% trong năm 2024 và tiếp tục giảm trong năm 2025 trong bối cảnh bất ổn về mức thuế quan mới của Tổng thống Trump [FDI Intelligence, 2025]. Sự ổn định tài chính thế giới còn chịu ảnh hưởng từ sự phát triển của các bên trung gian tài chính phi ngân hàng với những rủi ro tiềm ẩn từ AI và tác động của hàng rào thuế quan.

Về công nghệ, Hoa Kỳ vẫn là nước thu hút đầu tư lớn nhất thế giới vào AI và sự tập trung này sẽ giúp duy trì ảnh hưởng của Hoa Kỳ đối với tiêu chuẩn an toàn toàn cầu và công cụ đánh giá cho đến năm 2030 [Stanford, 2025]. Giai đoạn 2025-2026, ngành công nghiệp bán dẫn sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ nhờ nhu cầu sử dụng chip nhớ trong AI và trung tâm dữ liệu tăng cao. Xét về khu vực, châu Mỹ và châu Á - Thái Bình Dương được dự đoán sẽ dẫn đầu tăng trưởng sản xuất chip bán dẫn với tốc độ tăng trưởng dự kiến lần lượt là 18,0% và 9,8%, trong khi châu Âu và Nhật Bản dự kiến sẽ tăng trưởng ở mức vừa phải [WSTS, 2025].

- *Tình hình Hoa kỳ đến năm 2030*

Đến năm 2030, Hoa Kỳ duy trì sự đồng thuận mạnh mẽ của lưỡng đảng về việc cạnh tranh chiến lược đối với Trung Quốc, bao gồm việc thực hiện kiểm soát xuất khẩu để hạn chế Trung Quốc tiếp cận công nghệ tiên tiến và tăng cường liên

minh với các quốc gia khác để cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc. Trọng tâm của cạnh tranh chiến lược của Hoa Kỳ đến năm 2030 không chỉ về khía cạnh quân sự, kinh tế mà còn cả sự dẫn đầu về công nghệ. Điều này thể hiện trong rõ báo cáo “Chiến thắng cuộc đua: kế hoạch hành động AI của Hoa Kỳ” của Tổng thống Donald Trump (7/2025) với ba trụ cột chính (đổi mới, cơ sở hạ tầng, ngoại giao và an ninh quốc tế) nhằm để Hoa Kỳ giành vị thế thống trị toàn cầu về AI cũng như công nghiệp bán dẫn, qua đó gặt hái lợi ích kinh tế và quân sự to lớn trong tương lai [The White House, 2025b]. Kiểm soát xuất khẩu là một công cụ quan trọng trong chiến lược này, nhằm ngăn chặn Trung Quốc có được các công nghệ quan trọng có thể nâng cao năng lực quân sự và kinh tế của nước này. Tiếp đó, củng cố các liên minh là một phần quan trọng trong chiến lược của Hoa Kỳ, thông qua việc làm sâu sắc thêm mối quan hệ với đồng minh truyền thống ở châu Âu và châu Á cũng như hình thành quan hệ đối tác mới ở khu vực như Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Các liên minh này nhằm mục đích tạo ra một mặt trận thống nhất để giải quyết những thách thức do sự trỗi dậy của Trung Quốc gây ra.

Về kinh tế, theo dự báo của USDA về tổng sản phẩm quốc nội thực tế bình quân đầu người dự kiến tăng trưởng trong thập kỷ tới với tốc độ trung bình hàng năm là 1,9% đối với thế giới và 1,3% đối với Hoa Kỳ vào năm 2030 [USDA, 2024]. Mức tăng trưởng này chậm hơn so với trước đại dịch nhưng sẽ được cải thiện về năng suất qua việc ứng dụng AI trong lĩnh vực dịch vụ và sản xuất. Về quốc phòng - an ninh: chiến lược quốc phòng của Hoa Kỳ sẽ tập trung vào việc ngăn chặn Trung Quốc và tăng cường an ninh mạng.

Ngân sách quốc phòng của Hoa Kỳ vẫn sẽ ở mức cao trong vài năm tới. Vào tháng 7/2025, Dự luật “One, Big Beautiful Bill Act” được Quốc hội thông qua với việc tăng 156,2 tỷ USD cho ngân sách quốc phòng, bên cạnh yêu cầu 848 tỷ USD của Bộ Chiến tranh cho chi tiêu quốc phòng năm 2026 [CFR, 2025]. Tăng cường an ninh mạng quốc gia cũng sẽ trọng tâm Hoa Kỳ với việc thúc đẩy quy định về cơ sở hạ tầng quan trọng, các cuộc tranh luận về trách nhiệm pháp lý của phần mềm và mở rộng lực lượng lao động an ninh mạng; dự kiến sẽ có thêm nhiều tiêu chuẩn bắt buộc hơn trong lĩnh vực rủi ro cao vào năm 2030. Tháng 6/2025, Tổng thống Donald Trump ký “Sắc lệnh Hành pháp nhằm tăng cường an ninh mạng quốc gia”

bằng cách tập trung vào các biện pháp bảo vệ quan trọng chống lại mối đe dọa mạng từ nước ngoài và tăng cường hoạt động công nghệ bảo mật. Sắc lệnh chỉ đạo việc áp dụng giao thức mã hóa mới nhất, ứng dụng AI vào việc xác định và quản lý lỗ hổng an ninh thay vì kiểm duyệt [The White House, 2025a].

- *Tình hình Nhật Bản đến năm 2030*

Về chính trị, Nhật Bản có sự thay đổi về thượng tầng lãnh đạo với việc bà Sanae Takaichi trở thành vị nữ thủ tướng đầu tiên của Nhật sau khi thay thế ông Shigeru Ishiba vào tháng 10/2025. Ngoài ra, liên minh chính trị giữa đảng Dân chủ Tự do (LDP) và đảng Công Minh (Komeito) cũng chấm dứt sau 26 năm liên minh, đồng thời khiến LDP mất đa số ghế tại Thượng viện. Tuy nhiên, trong cuộc bầu cử Hạ viện vào ngày 8/2/2026, đảng LDP của Thủ tướng Takaichi và đảng Duy Tân Nhật Bản (JIP) giành được thắng lợi vang dội (2/3 số ghế Hạ viện: 316/465) giúp bà Takaichi vừa có thể tiếp tục giữ chức Thủ tướng Nhật Bản cũng như thúc đẩy chương trình nghị sự của mình. Đây là một thắng lợi lịch sử cho liên minh cầm quyền có thể hiện diện lớn tại Hạ viện, đồng thời tạo tiền đề cho đảng LDP có thể tiến tới sửa đổi Hiến pháp (đặc biệt là Điều 9 để cho phép Nhật Bản thay đổi chính sách quốc phòng mạnh mẽ hơn) cũng như có thể thông qua các dự luật và ngân sách quan trọng tại Hạ viện, dù các dự luật và ngân sách này từng bị bác bỏ trước đó ở Thượng viện (nơi liên minh của bà Takaichi đang chiếm thiểu số).

Về tình hình đối ngoại đến năm 2030, Nhật Bản sẽ tập trung vào ngoại giao liên minh nhất là duy trì quan hệ chặt chẽ với Hoa Kỳ, đồng thời tăng cường quan hệ đối tác khu vực với các nước như Philippines, Australia, Ấn Độ và Hàn Quốc nhằm đối phó thách thức tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Chính sách đối với Trung Quốc của Nhật Bản sẽ theo đuổi chiến lược song hành, hướng tới một môi quan hệ ổn định đồng thời giải quyết thách thức chiến lược [MOFA of Japan, 2025a; tr.20]. Quan hệ với Hàn Quốc vẫn sẽ ổn định với những nỗ lực tách biệt hợp tác an ninh với chính trị nội bộ. Chính sách kinh tế sẽ được tăng cường, sử dụng các công cụ như Hiến chương Hợp tác Phát triển (Development Cooperation Charter) và Hỗ trợ An ninh Chính thức (Official Security Assistance) để kết hợp ngoại giao, viện trợ và an ninh, đặc biệt là ở Đông Nam Á.

Kinh tế: dự kiến tiền lương ở Nhật Bản sẽ tăng đáng kể trên 5%, do các cuộc đàm phán lao động trong giai đoạn 2025-2027 [Reuters, 2025a]. Ngân hàng Nhật Bản sẽ điều chỉnh chính sách tiền tệ của mình một cách chậm rãi. Tăng trưởng kinh tế dự kiến rơi vào khoảng 0,5% đến 1% vào năm 2030 trừ khi các doanh nghiệp nhỏ và khu vực dịch vụ trở nên năng suất hơn.

Quốc phòng - an ninh: Sách trắng Quốc phòng Nhật Bản năm 2025 có kế hoạch tăng chi tiêu quốc phòng lên 2% GDP. Điều này bao gồm khoản đầu tư vào đạn dược tầm xa, năng lực tình báo, giám sát và trinh sát (ISR) và củng cố căn cứ quân sự trên quần đảo Nansei.

4.2.2. Một số kịch bản trong quan hệ song phương

Dựa trên bối cảnh quốc tế - khu vực và tình hình hai nước đến năm 2030, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản trong thời gian tới sẽ có ba kịch bản: (1) Quan hệ hai nước ổn định và phát triển hơn nữa; (2) Suy yếu liên minh; (3) Quan hệ song phương tiếp tục giữ vững như hiện tại.

Kịch bản đầu tiên là liên minh hai nước có sự ổn định và phát triển hơn nữa: Hoa Kỳ tiếp tục thúc đẩy quan hệ với Nhật Bản khi tiếp tục các chương trình hợp tác có từ thời Joe Biden trên các lĩnh vực. Chính quyền Donald Trump sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng” và ưu tiên thắt chặt quan hệ với các đồng minh trong nhóm Quad. Điều này thể hiện trong cuộc họp bộ trưởng ngoại giao nhóm Quad vào ngày 22/1/2025 - thời điểm ngay sau khi ông Trump vừa trở lại “Nhà Trắng”, theo đó 4 nước dự kiến chuẩn bị hội nghị thượng đỉnh Quad cấp lãnh đạo tiếp theo tại Ấn Độ trong thời gian tới. Về mặt chiến lược, liên minh hai nước sẽ tiếp tục triển khai chiến thuật “răn đe” Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương với việc liên kết với nhóm Quad và các nước cùng chung quan điểm ở Đông Nam Á (Philippines và Việt Nam). Cuộc gặp Thượng đỉnh giữa Tổng thống Donald Trump và Shigeru Ishiba từ ngày 6-9/2/2025 cho thấy hai lãnh đạo đều tập trung vào vấn đề hợp tác cốt lõi dưới thời Joe Biden như liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản vẫn là nền tảng của hòa bình, thịnh vượng của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng (FOIP); tiếp tục tăng cường liên minh ba bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc; thúc đẩy hợp tác đa phương với các nước có cùng chí hướng; duy trì các cuộc họp bộ trưởng 2+2 về ngoại giao và

quốc phòng vào thời điểm sớm nhất; hợp tác chặt chẽ về những vấn đề liên quan đến Trung Quốc, Triều Tiên; thúc đẩy hợp tác về quốc phòng, kinh doanh, năng lượng, AI, không gian... Nhằm để Hoa Kỳ giảm thuế đối với ô tô và hàng hóa của Nhật Bản theo cam kết đầu tư 550 tỷ USD mà hai bên ký kết vào năm 2025, ngày 18/02/2026, Nhật Bản bắt đầu triển khai gói đầu tư đầu tiên trị giá 36 tỷ USD tại Hoa Kỳ: 2 dự án năng lượng ở Georgia và Ohio, sản xuất kim cương tổng hợp nhằm sử dụng trong ngành bán dẫn; ô tô; hàng không, qua đó giúp cả Hoa Kỳ và Nhật Bản giảm sự phụ thuộc quá mức vào nước khác [Financial Times, 2026].

Kịch bản thứ hai là liên minh có sự suy yếu: điều này xuất phát từ xu hướng thiên về chủ nghĩa biệt lập trong chính sách đối ngoại, Tổng thống Donald Trump có thể làm suy yếu liên minh đa phương của Hoa Kỳ - Nhật Bản được củng cố và mở rộng dưới thời Joe Biden như Quad, AUKUS, hợp tác ba bên: Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc; Hoa Kỳ - Nhật Bản - Philippines. Trước việc xung đột Nga - Ukraine đang dần đi đến hồi kết khi chứng kiến những nỗ lực hòa giải từ các bên cũng như từ cộng đồng quốc tế: Ukraine lần đầu tiên đàm phán với Nga tại Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng 6/2025 hay Tổng thống Donald Trump điện đàm thảo luận với Tổng thống Nga Vladimir Putin vào ngày 14/6/2025 để thảo luận giải quyết khủng hoảng ở Ukraine. Do vậy, Hoa Kỳ sẽ sớm kết thúc can dự cuộc chiến ở Đông Âu và có thể viện trợ toàn diện cho Israel trong xung đột với Hamas và Iran. Đầu tháng 2/2025, Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu chuyển thăm Hoa Kỳ và gặp gỡ với Tổng thống Trump, qua đó Tổng thống Trump bày tỏ sự ủng hộ với Israel khi dự kiến tán thành việc mở rộng các khu định cư Do Thái tại khu Bờ Tây bị chiếm đóng và phản đối áp lực quốc tế liên quan cuộc chiến ở Gaza này [QĐND, 2025]. Chính sự thay đổi bối cảnh quốc tế ở trên có thể khiến Hoa Kỳ giảm sự quan tâm đối với các khu vực khác hoặc giảm lực lượng đồn trú tại Nhật Bản để hỗ trợ cho cuộc xung đột ở dải Gaza. Điều này gây nên lo ngại về sự an toàn cho nước Nhật, vì nước này hoàn toàn phụ thuộc vào sự bảo vệ của Hoa Kỳ theo hiệp ước an ninh song phương.

Viễn cảnh này cũng đưa đến khả năng leo thang chi phí chi quốc phòng của Nhật Bản về mua vũ khí từ Hoa Kỳ cũng như chi phí đóng quân của lực lượng Hoa Kỳ. Ngoài ra, Tổng thống Trump có quan điểm mềm mỏng hơn đối với Triều Tiên -

một quốc gia đối thủ của Nhật Bản trong khu vực và có khả năng mở một cuộc đối thoại Hoa Kỳ - Triều Tiên lần thứ 3 như đã làm 2 lần trong nhiệm kỳ đầu của mình (2017-2021), qua đó càng khiến Nhật Bản tăng cường năng lực quốc phòng để phòng thủ đất nước hoặc liên kết những đồng minh mới trong khu vực như Ấn Độ. Một khía cạnh khác, hiện Hoa Kỳ và Nhật Bản có thể tồn tại những bất đồng trong đàm phán về thuế đối ứng hàng nhập khẩu vào Hoa Kỳ mà ông Trump đưa ra từ tháng 4/2025 để giảm thâm hụt thương mại của Hoa Kỳ và yêu cầu Nhật Bản đầu tư nhiều hơn vào Hoa Kỳ.

Kịch bản này dựa trên giả định rằng vai trò của Hoa Kỳ vẫn có thể duy trì hiện trạng tại khu vực. Trung Quốc đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế vì căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ khi đang chịu mức thuế đối ứng 145% từ phía Hoa Kỳ (tính đến tháng 5/2025, Hoa Kỳ hiện đang tạm thỏa thuận giảm thuế xuống 30% cho Trung Quốc, ngược lại Trung Quốc giảm từ 125% xuống còn 10%). Những hành động mạnh mẽ của chính phủ Donald Trump phần nào làm suy giảm khả năng Trung Quốc vượt kinh tế Hoa Kỳ trong 20 năm tới, đồng thời lập trường đối ngoại của Chính quyền Trump là chuyển trọng tâm từ châu Âu (tìm cách chấm dứt chiến sự ở Ukraine) sang khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương sẽ ngăn cản những hành động khiêu khích của Trung Quốc tại khu vực Đài Loan, Australia và Việt Nam. Vào ngày 12/2/2025, Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Pete Hegseth nhấn mạnh rằng châu Âu phải “chịu trách nhiệm về an ninh của chính mình” để Hoa Kỳ ưu tiên “ngăn chặn chiến tranh với Trung Quốc ở Thái Bình Dương” [U.S. Department of Defense, 2025]. Điều này sẽ đẩy mạnh sự hiện diện của Hoa Kỳ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nhất là về kinh tế và an ninh, nhằm đảm bảo vị thế siêu cường duy nhất của Hoa Kỳ, duy trì tăng cường củng cố quan hệ với đồng minh và đối tác quan trọng, đánh giá cao sự hỗ trợ của đồng minh như Nhật Bản trong vấn đề quốc tế. Trong chuyến công du Nhật Bản tháng 3/2025, Bộ trưởng Pete Hegseth khẳng định Nhật Bản là đối tác không thể thiếu của Hoa Kỳ trong việc ngăn chặn sự quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc tại khu vực, đồng thời tuyên bố hai nước cần phải tăng cường năng lực quân sự hơn nữa để ứng phó với hành động của Trung Quốc cũng như tình trạng khẩn cấp có thể xảy ra tại eo biển Đài Loan [NBC News, 2025].

Trong kịch bản này, Nhật Bản tiếp tục củng cố quan hệ với Hoa Kỳ và duy trì ở mức hợp tác gần gũi với việc triển khai các hoạt động trao đổi đoàn cấp cao về chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh. Dựa trên những thoả thuận quan trọng quốc phòng mà hai bên ký kết về hợp nhất các bộ chỉ huy quân sự liên quân, diễn tập quân sự chung, chia sẻ thông tin tình báo cũng như thương mại quốc phòng. Hợp tác giữa hai bên để đối phó với hành động quyết liệt của Trung Quốc tại biển Hoa Đông, Biển Đông cũng như cả khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trên cả cấp độ song phương và đa phương (Quad và AUKUS). Về kinh tế, Nhật Bản đang tiếp tục quá trình đàm phán thương mại với Hoa Kỳ về vấn đề giảm thuế quan, chia sẻ gánh nặng tài chính cho quân Hoa Kỳ đóng quân tại Nhật Bản, tìm cách giảm thâm hụt thương mại, đầu tư thêm vào thị trường Hoa Kỳ.

Tóm lại, các kịch bản trên đều có thể xảy ra trong sự vận động của cặp quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản, việc kịch bản nào diễn ra đều phụ thuộc vào tình hình của khu vực và thế giới từ nay cho tới năm 2030. Trong số ba kịch bản này thì khả năng quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản vẫn sẽ được duy trì tốt đẹp như hiện nay vì: (1) Sự chủ động của Nhật Bản trong việc tìm cách cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ trong bất kỳ hoàn cảnh nào xảy ra, điều này xuất phát từ sự phụ thuộc an ninh của Nhật Bản vào Hoa Kỳ kể từ sau năm 1945 thể hiện trong Điều 9 - Hiến pháp cũng như phương châm đối ngoại của Nhật Bản; (2) Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở” vẫn là trọng tâm lớn của chính quyền Donald Trump và Nhật Bản là đồng minh chủ chốt để hỗ trợ nước này tiếp tục chiến lược “răn đe” Trung Quốc; (3) Hợp tác hai nước còn nhiều triển vọng trên nhiều lĩnh vực chính, chẳng hạn như an ninh năng lượng. Nhật Bản hiện đang dần giảm phụ thuộc nguồn năng lượng dầu mỏ nhập từ Nga và Trung Đông, để tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo. Với những ưu thế và công nghệ, Nhật Bản có thể đáp ứng phần nào nhu cầu năng lượng của Hoa Kỳ thông qua việc đầu tư vào các dự án sản xuất năng lượng tái tạo như tập đoàn Itochu đầu tư 1.200 tỷ Yên (~8,18 tỷ USD) để xây dựng cơ sở sản xuất điện tại Illinois và Arkansas với công suất lên đến 10 triệu kW; trong khi đó Tokyo Gas cũng vận hành một nhà máy điện mặt trời với công suất 630 MW ở Texas từ tháng 12/2023.

4.3. Kiến nghị chính sách cho Việt Nam

- *Về an ninh*

Hoa Kỳ và Nhật Bản hiện đều nâng cấp đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam vào năm 2023. Hai nước tiếp tục là đồng minh tin cậy của nhau với việc thông qua “Định hướng sửa đổi hợp tác quốc phòng Hoa Kỳ - Nhật Bản” (2015). Do vậy, cả ba quốc gia đều có những lợi ích an ninh chiến lược chung tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Hoa Kỳ và Nhật Bản đều có lợi ích chiến lược tại Đông Nam Á; trong đó có Biển Đông là nơi Việt Nam, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á đang có những bất đồng. Đối với Nhật Bản, Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng không kém biển Hoa Đông vì bàn cờ địa chính trị khu vực Đông Á liên quan đến Trung Quốc và gắn liền với lợi ích kinh tế và an ninh của Nhật Bản trong trật tự thế giới và khu vực. Hơn thế nữa, Biển Đông chính là nơi để Nhật Bản thực hiện mục tiêu trở thành “nước lớn quân sự”. Nhật Bản cần đóng vai trò tích cực hơn, lớn hơn tại khu vực và được các nước trong khu vực chấp nhận. Vì vậy, giành thế chủ động trên Biển Đông, địa bàn có ý nghĩa chiến lược của Trung Quốc sẽ giúp Nhật Bản giành được vai trò lãnh đạo và kiểm soát tốt hơn khu vực Đông Á. Nhật Bản coi quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ là khuôn khổ, cơ chế hợp pháp cho việc can dự của Nhật Bản vào Biển Đông. Hiện nay, Nhật Bản đang giúp các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Philippines và Việt Nam, cải thiện năng lực hoạt động trên biển; cụ thể là tăng cường năng lực hải quân và bảo vệ bờ biển bao gồm chuyển giao các tàu tuần tra phi quân sự và đào tạo hỗ trợ cán bộ quốc phòng. Ngày 28/7/2020, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) ký với Chính phủ Việt Nam Hiệp định vốn vay ODA, trị giá 36,626 tỷ Yên cho dự án trang bị 6 tàu tuần tra, tăng cường năng lực bảo đảm an ninh, an toàn trên biển Việt Nam. Tiếp đó, Bộ Ngoại giao Nhật Bản lên kế hoạch cung cấp viện trợ an ninh (OSA) trị giá 34,1 triệu USD vào năm 2024 cho 6 nước, trong đó có Việt Nam [Tuổi trẻ Online, 2023]. Khoản viện trợ sẽ bao gồm trang bị quốc phòng như hệ thống vệ tinh liên lạc, thiết bị radar và tàu tuần tra cùng các hình thức viện trợ khác như xây dựng cảng phục vụ chung mục đích dân sự và quân sự.

Đối với Hoa Kỳ, sự can dự vào vấn đề Biển Đông không chỉ đơn thuần xuất phát từ mối quan tâm để hòa bình, ổn định ở khu vực Biển Đông mà còn là xuất phát từ toan tính tổng thể về địa chiến lược tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ. Sự can dự ngày càng mạnh mẽ của Hoa Kỳ và các nước lớn ngoài khu vực vào Biển Đông phần nào tăng sự tự tin của các nước trong khu vực khi ứng phó với Trung Quốc, đồng nghĩa với nguy cơ cao xảy ra những tranh cãi ngoại giao, xung đột quân sự, thậm chí đối đầu quân sự giữa Trung Quốc với một số nước ASEAN. Trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump với nhận thức chung về khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và mở rộng”, hợp tác Hoa Kỳ - Nhật Bản trong lĩnh vực an ninh hàng hải đang dần được mở rộng ra cả khu vực Ấn Độ Dương với sự tham gia tích cực hơn từ phía Ấn Độ và Australia. Điều này đang ảnh hưởng rất lớn đến cục diện an ninh ở khu vực châu Á. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng gia tăng các hoạt động quân sự trên Biển Đông nhằm thực hiện ý đồ độc chiếm Biển Đông; đe dọa trực tiếp đến vấn đề tự do hàng hải trên vùng biển này, Tổng thống Donald Trump và Thủ tướng Shigeru Ishiba đã lên án Trung Quốc về “hành động khiêu khích” ở Biển Đông, nơi mà Bắc Kinh tuyên bố chủ quyền gần như toàn bộ [Manila Standard, 2025]. Do đó, trong thời gian tới Hoa Kỳ và Nhật Bản sẽ thúc đẩy hợp tác song phương với các nước Đông Nam Á, đặc biệt là những nước có tranh chấp chủ quyền biển đảo với Trung Quốc như Việt Nam, Philippines. Từ ngày 27-29/4/2025, Thủ tướng Nhật Shigeru Ishiba có chuyến thăm Việt Nam và có cuộc họp với Thủ tướng Phạm Minh Chính, qua đó hai nhà lãnh đạo nhất trí nâng cấp cơ chế Đối thoại Đối tác chiến lược cấp Thứ trưởng Ngoại giao lên Đối thoại 2+2 cấp Thứ trưởng Ngoại giao - Quốc phòng và tổ chức phiên họp đầu tiên trong năm 2025. Hãng tin Kyodo và đài NHK đều dẫn lời của Thủ tướng Ishiba khẳng định: *“Việc tăng cường mối quan hệ của chúng ta với Việt Nam, quốc gia có vị trí địa chính trị quan trọng, sẽ góp phần vào sự ổn định và thịnh vượng của khu vực. Nhật Bản và Việt Nam sẽ cùng nhau bước vào kỷ nguyên mới”* [Nhân dân, 2025].

Trong thời gian tới, Hoa Kỳ và Nhật Bản có thể tiếp tục thực hiện các cuộc tập trận đa phương quy mô lớn tại Biển Đông hoặc khu vực rộng lớn từ vịnh Bengal đến vành đai Thái Bình Dương như La Perouse; Malabar; Milan; Pacific

Vanguard... nhằm nâng cao sức răn đe đối với Trung Quốc. Ngoài ra, hai bên còn chia sẻ chung quan điểm về việc giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông một cách hòa bình dựa trên nền tảng luật pháp quốc tế; trong đó coi trọng quyền tự do hàng hải và hàng không. Đảm bảo an ninh tự do hàng hải và hàng không trên Biển Đông là vấn đề có tính nguyên tắc, không để bất cứ một thế lực nào tuyên bố vùng nhận diện phòng không (ADIZ) và đe dọa đến tự do hàng hải quốc tế. Cùng với việc thúc đẩy hợp tác quân sự song phương giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản với các nước thành viên ASEAN, gia tăng sự hiện diện quân sự của cả hai tại khu vực Biển Đông, Hoa Kỳ và Nhật Bản phối hợp chặt chẽ, phân công rõ ràng trong việc hỗ trợ nâng cao năng lực phòng thủ cho các nước có liên quan đến tranh chấp trên Biển Đông với Trung Quốc như Philippines, Việt Nam nhằm giảm bớt chênh lệch về lực lượng so với Trung Quốc.

Hoa Kỳ và Nhật Bản có cách tiếp cận đa phương để quản lý và giải quyết tranh chấp, sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy quốc tế hóa vấn đề Biển Đông. Những vấn đề về tự do hàng hải, hàng không trên Biển Đông luôn là chủ đề được thảo luận nhiều nhất trong chuyến thăm đến các nước ASEAN của Thủ tướng Ishiba và cũng là vấn đề được Nhật Bản cố gắng đề cập đến trên nhiều diễn đàn quốc tế như Hội nghị thượng đỉnh nhóm G7, G20, Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) hay hội nghị giữa Nhật Bản và các nước khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Nhật Bản cũng phê phán mạnh mẽ những hoạt động bồi lấp và xây dựng hạ tầng của Trung Quốc tại một số đảo đá ở hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, đồng thời ủng hộ việc nhanh chóng xây dựng bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC).

Có thể thấy rằng, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản đã, đang và sẽ giữ một vai trò hết sức quan trọng để thúc đẩy triển khai hiệu quả tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ. Một trong những nội dung của chiến lược này có thể đem lại lợi ích cho Việt Nam là hoạt động tự do hàng hải. Tại Biển Đông, nơi Việt Nam và các nước Đông Nam Á đang có tranh chấp chủ quyền biển đảo với Trung Quốc, Hoa Kỳ cùng với thành viên trong Quad đã tiến hành các hoạt động tự do hàng hải và không công nhận bất kỳ tuyên bố hiện tại hoặc mới nào của Trung Quốc về Vùng

Nhận diện phòng không (ADIZ). Điều này giúp tự do hàng hải vẫn được duy trì và thực hiện, đồng thời phủ nhận và thách thức tham vọng bành trướng, quyết tâm kiểm soát quyền qua lại khu vực này của Trung Quốc. Ngoài ra, việc thúc đẩy phát triển cơ chế hợp tác an ninh của Quad trong thời gian tới sẽ giúp cho Việt Nam có điều kiện tham gia sâu hơn vào hợp tác quân sự với các cường quốc lớn trong khu vực mà Trung Quốc khó có thể can thiệp. Việt Nam có thể lựa chọn hợp tác với một hoặc nhiều nước trong Quad ở những mức độ phù hợp nhằm nâng cao năng lực quốc phòng của mình. Thời gian qua, Việt Nam đã củng cố và thúc đẩy mối quan hệ tốt đẹp với Nhật Bản và nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phía Nhật Bản trong lĩnh vực quốc phòng. Việt Nam cũng có mối hệ tốt với hai thành viên còn lại của Bộ tứ là Ấn Độ và Australia. Do vậy, Việt Nam có cơ hội rộng mở để tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước lớn nhằm cải thiện và nâng cao năng lực quốc phòng.

Từ những tiền đề trên, có thể thấy, triển vọng hợp tác ba bên và các quốc gia ASEAN trong lĩnh vực an ninh quốc phòng là rất khả quan; đặc biệt là an ninh hàng hải vì lợi ích của 3 nước cũng như vì hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực. Để thực hiện được những nội dung trên, Việt Nam cần tiếp tục ủng hộ chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở do Hoa Kỳ và Nhật Bản thúc đẩy; Việt Nam cần thúc đẩy mạnh hơn hợp tác an ninh quốc phòng với Hoa Kỳ và Nhật Bản cũng như cả với Ấn Độ và Australia để nâng cao năng lực hải quân Việt Nam và gia tăng năng lực đảm bảo an ninh biển đảo của Việt Nam cũng như đảm bảo an ninh hàng hải trong khu vực. Cuối cùng, Việt Nam phối hợp với Hoa Kỳ - Nhật Bản để thúc đẩy việc quốc tế hóa vấn đề an ninh hàng hải và vấn đề Biển Đông.

- *Về kinh tế*

Trong bối cảnh chính quyền Tổng thống Donald Trump tiếp tục thực thi các biện pháp bảo hộ thương mại mạnh mẽ, gây ảnh hưởng tới nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam vốn là quốc gia có thặng dư thương mại khá lớn với Hoa Kỳ, chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam cần có những giải pháp ứng phó phù hợp với những thay đổi trong chính sách thương mại của Hoa Kỳ và những xung đột thương mại giữa các nước lớn có ảnh hưởng trực tiếp tới Việt Nam.

Thứ nhất, Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thương mại quốc tế và nâng cao trình độ nguồn nhân lực nhằm chủ động đối phó với xu thế phòng vệ thương mại, xu thế bảo hộ của Hoa Kỳ với mục tiêu giảm thâm hụt thương mại với các nước, trong đó Việt Nam quốc gia có thặng dư thương mại lớn thứ 3 với Hoa Kỳ vào năm 2022 với mức thâm hụt khoảng 9,7 tỷ USD [Trung tâm WTO, 2025]. Vào ngày 2/4/2025, Tổng thống Donald Trump đưa ra mức thuế đối ứng cho Việt Nam là 46% và hiện chính quyền Trump đang tạm hoãn áp mức thuế mới trong 90 ngày (hiện tạm thời vẫn duy trì mức thuế 10%) cho Việt Nam. Chính vì vậy, chính phủ Việt Nam đang họp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan về việc đàm phán thương mại lại với Hoa Kỳ từ ngày 7/5/2025. Ngoài ra, Việt Nam cần hoàn thiện các quy định về thương mại quốc tế nhằm tạo môi trường kinh doanh và thương mại minh bạch, bình đẳng. Đồng thời, Việt Nam cần tăng cường đào tạo nguồn nhân lực để có đủ trình độ và năng lực tham gia vào các vụ tranh chấp thương mại có thể xảy ra trong tương lai.

Thứ hai, Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động tìm kiếm thị trường mới cho hàng hóa xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc quá nhiều vào những thị trường lớn. Việt Nam cần tận dụng triệt để cơ hội do những FTA mới nhằm mở rộng quan hệ với nhiều đối tác thương mại, trong đó tạo lập tại mỗi thị trường chính một hoặc vài mặt hàng chủ lực chiếm được thị phần ngày càng cao để đẩy mạnh xuất khẩu, bảo vệ lợi ích cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh xu hướng bảo hộ thương mại với các biện pháp thuế quan và hàng rào phi thuế quan của Hoa Kỳ ngày càng gia tăng. Thực tế cho thấy, việc đa dạng hóa thị trường giúp doanh nghiệp Việt Nam có thể duy trì tăng trưởng thương mại ngay cả khi xuất nhập khẩu với các thị trường lớn như Hoa Kỳ và Nhật Bản giảm tốc.

Thứ ba, trong bối cảnh mới, Chính phủ Việt Nam cần hỗ trợ cho các doanh nghiệp và doanh nghiệp Việt Nam cải tổ quy trình sản xuất theo hướng đầu tư vào nhập khẩu công nghệ của Hoa Kỳ, hướng vào phát triển sản xuất các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Việc hướng vào sản xuất những mặt hàng có giá trị gia tăng cao sẽ đem lại lợi nhuận cao hơn cho doanh nghiệp Việt Nam và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời giảm bớt áp lực chống thâm hụt thương mại của Hoa Kỳ.

Đối với Nhật Bản, Chính phủ Việt Nam cần tích cực thúc đẩy việc triển khai Hiệp định CPTPP, trong đó Nhật Bản đóng vai trò then chốt nhằm tăng cường quan hệ kinh tế với Nhật Bản và các quốc gia thành viên của CPTPP. Ngoài ra, trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ trở dậy và Hoa Kỳ ưu tiên các thỏa thuận song phương thay vì đa phương, Việt Nam đứng trước thách thức lớn về thị trường xuất khẩu. Hiệp định CPTPP nổi lên như một cơ hội tiềm năng giúp Việt Nam giảm thiểu tác động của cuộc thương chiến mới và củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Ngày 09/07/2024, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên có cuộc họp với ông Shindo Yoshitaka, Bộ trưởng phụ trách Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) của Nhật Bản nhân chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam. Kết quả, hai vị bộ trưởng thống nhất sẽ phối hợp chặt chẽ trong hoạt động rà soát thực thi hiệp định, nhằm nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định CPTPP trong thời gian tới, đồng thời giúp nâng tầm Hiệp định CPTPP để Hiệp định đóng vai trò quan trọng hơn nữa trong thương mại khu vực và toàn cầu. Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam cần tích cực đầu tư cải thiện năng lực kinh doanh, giám sát tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa xuất khẩu sang Nhật Bản. Các doanh nghiệp cũng cần xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh hiệu quả dựa trên phân tích và đánh giá những điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức, xây dựng chiến lược marketing hiệu quả. Tóm lại, thúc đẩy quan hệ với Hoa Kỳ và Nhật Bản là điều tất yếu nhằm đảm bảo sự phát triển và thịnh vượng của Việt Nam cũng như hòa bình và ổn định của khu vực, trước sức ép ngày càng gia tăng của Trung Quốc.

Tiểu kết chương 4

Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 tiếp tục là một trong những liên minh quan trọng và bền vững nhất ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trên nền tảng liên minh an ninh truyền thống, hai nước mở rộng hợp tác sang lĩnh vực kinh tế, công nghệ, năng lượng, giáo dục và ứng phó với các thách thức toàn cầu. Trong bối cảnh cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc, xung đột Nga - Ukraine và các vấn đề an ninh khu vực gia tăng, liên minh này tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì cân bằng chiến lược và ổn định khu vực.

Về bản chất, đây vẫn là một liên minh bất đối xứng, trong đó Hoa Kỳ giữ vai trò bảo đảm an ninh chủ yếu, còn Nhật Bản ngày càng chủ động hơn trong việc chia sẻ trách nhiệm và nâng cao năng lực quốc phòng. Dưới thời Joe Biden, quan hệ hai nước được củng cố theo hướng ổn định, thể chế hóa và toàn diện hơn. Trong khi đó, năm đầu nhiệm kỳ hai của Donald Trump cho thấy cách tiếp cận thực dụng và mang tính giao dịch hơn, nhấn mạnh chia sẻ gánh nặng, thương mại và lợi ích trực tiếp của Hoa Kỳ. Tuy khác nhau về phương thức, cả hai giai đoạn đều khẳng định Nhật Bản vẫn là đồng minh then chốt của Hoa Kỳ ở châu Á.

Nhìn chung, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản đến năm 2030 nhiều khả năng vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển, dù chịu tác động bởi biến động quốc tế và sự điều chỉnh chính sách của từng nước. Đối với Việt Nam, đây là môi quan hệ cần được theo dõi chặt chẽ, vì vừa tạo ra cơ hội hợp tác về kinh tế, công nghệ và an ninh, vừa đặt ra những yêu cầu mới trong việc giữ vững cân bằng chiến lược và đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu về quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025, Luận án rút ra một số kết luận chính như sau:

Thứ nhất, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản tiếp tục khẳng định là một trong những liên minh song phương bền vững và mang tính điển hình trong quan hệ quốc tế hiện đại. Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, liên minh này không ngừng được củng cố và thích ứng với những biến động của môi trường quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản không chỉ có ý nghĩa song phương mà còn đóng vai trò then chốt trong việc định hình cấu trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và trật tự quốc tế rộng lớn hơn.

Thứ hai, giai đoạn 2021-2025 phản ánh rõ sự kết hợp giữa tính kế thừa và điều chỉnh trong liên minh. Dưới tác động của các yếu tố như cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, sự trỗi dậy của Trung Quốc, các cuộc xung đột khu vực, cũng như những thách thức phi truyền thống, Hoa Kỳ và Nhật Bản đã chủ động điều chỉnh chính sách nhằm tăng cường hợp tác và nâng cao năng lực ứng phó. Những yếu tố này vừa tạo ra sức ép, vừa đóng vai trò là động lực thúc đẩy liên minh phát triển theo hướng linh hoạt và thực chất hơn.

Thứ ba, hợp tác Hoa Kỳ - Nhật Bản đạt được những thành tựu toàn diện trên nhiều lĩnh vực, bao gồm chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế, khoa học - công nghệ, năng lượng và biến đổi khí hậu. Đặc biệt, trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, hai nước ngày càng tăng cường phối hợp chiến lược, góp phần duy trì cân bằng quyền lực khu vực. Trong lĩnh vực kinh tế và công nghệ, hợp tác được mở rộng nhằm bảo đảm chuỗi cung ứng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa có nhiều biến động.

Thứ tư, bên cạnh những thành tựu, quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản vẫn tồn tại những hạn chế và thách thức nhất định, như vấn đề chia sẻ gánh nặng trong liên minh, mức độ tự chủ chiến lược của Nhật Bản cũng như những biến động trong cam kết và ưu tiên chiến lược của Hoa Kỳ. Những yếu tố này đặt ra yêu cầu hai nước phải tiếp tục điều chỉnh và thích ứng nhằm duy trì sự ổn định và hiệu quả của liên minh trong dài hạn.

Thứ năm, xét về tổng thể, liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản không chỉ là công cụ bảo đảm lợi ích quốc gia của mỗi nước mà còn là nền tảng quan trọng để xây dựng mạng lưới quan hệ đối tác rộng lớn hơn với các quốc gia cùng chí hướng. Thông qua các cơ chế đa phương và tiểu đa phương như G7, Quad hay sáng kiến khu vực, liên minh này góp phần thúc đẩy hợp tác, duy trì ổn định và định hình trật tự khu vực theo hướng mở, tự do và dựa trên luật lệ.

Thứ sáu, Việt Nam hiện là quốc gia Đông Nam Á duy nhất có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với cả Hoa Kỳ và Nhật Bản. Điều này thể hiện một vai trò quan trọng của Việt Nam trong chiến lược của liên minh Hoa Kỳ - Nhật Bản tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, qua đó tác động tích cực đến sự ổn định và phát triển của Việt Nam. Hoa Kỳ và Nhật Bản đang là đối tác có thể hỗ trợ Việt Nam về vấn đề an ninh hàng hải nhằm kiềm chế hoạt động của Trung Quốc tại Biển Đông. Hợp tác với Hoa Kỳ và Nhật Bản giúp Việt Nam có thể xây dựng nguồn nhân lực tri thức chất lượng cao, hoàn thiện hạ tầng công nghệ lõi, hệ thống năng lượng bền vững và kiến tạo một môi trường đầu tư minh bạch, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn cần phải tiếp tục duy trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ chiến lược, đa dạng hóa và cân bằng giữa hai phía: một bên là Hoa Kỳ cùng đồng minh như Nhật Bản và một bên là Trung Quốc để bảo vệ lợi ích quốc gia cũng như bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Anh Công (2024), “The Role of Japan in the US Strategy for the Indo-Pacific Region Under President Joe Biden”, *International Journal of Social Science Research and Review*, Vol. 7 (10), pp.27-36.
2. Trần Anh Công (2024), “Adjusting the US relationship with Japan under President Joe Biden (2021-2025)”, *International Journal of Latest Research in Humanities and Social Science (IJLRHSS)*, Vol. 07 (11), pp.34-41.
3. Trần Anh Công (2025), “US - Japan Defense and Security Cooperation Under President Joe Biden (2021-2025)”, *International Journal of Multidisciplinary Research and Analysis*, Vol 08 (02), pp.678-682.
4. Trần Anh Công (2025), “Scientific and Technological Cooperation Between the United States and Japan (2021-2025)”, *International Journal of Social Sciences and Management Review*, Vol 08 (04), pp.543-549.
5. Trần Anh Công (2025), “US-Japan Economic Cooperation Under President Biden and Its Impact on the Indo-Pacific Region”, INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS OPPORTUNITIES AND CHALLENGES TO THE STABILITY AND DEVELOPMENT OF THE INDO-PACIFIC REGION, *NXB Thế giới, Hà Nội*, pp.573-589.
6. Trần Anh Công (2025), “Các nhân tố tác động đến mối quan hệ chiến lược giữa Mỹ - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt

1. Đỗ Thị Ánh (2022), “Thỏa thuận thương mại Nhật - Mỹ và tác động với khu vực Đông Nam Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, tr.32-40.
2. Báo ảnh Việt Nam (2023), “Tự do hàng hải trên Biển Đông”, <https://vietnam.vnanet.vn/vietnamese/long-form/tu-do-hang-hai-tren-bien-dong-343073.html>, ngày 12/4/2025.
3. BNews (2022), “Vai trò của Nhật Bản trong việc khởi động sáng kiến IPEF”, <https://bnews.vn/vai-tro-cua-nhat-ban-trong-viec-khoi-dong-sang-kien-ipef/245045.html>, ngày 11/6/2024.
4. Bộ Tài Chính (2021), “COVID-19 khiến kinh tế thế giới thiệt hại trên 10 nghìn tỷ USD trong năm 2020-2021”, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM195549, ngày 3/2/2025.
5. CAND (2020), “Nhóm họp Ngoại trưởng “Bộ tứ kim cương”: Vì một cam kết tự do và rộng mở”, <https://cand.com.vn/Su-kien-Binh-luan-antg/Nhom-hop-Ngoai-truong-Bo-tu-kim-cuong-Vi-mot-cam-ket-tu-do-va-rong-mo-i583287/>, ngày 7/4/2025.
6. Dân trí (2024), “Mỹ - Nhật phát triển hệ thống tên lửa đánh chặn vũ khí siêu vượt âm”, <https://dantri.com.vn/the-gioi/my-nhat-phat-trien-he-thong-ten-lua-danh-chan-vu-khi-sieu-vuot-am-20240503110619452.htm>, ngày 11/3/2025.
7. Diễn đàn Doanh nghiệp (2023), “Doanh nghiệp Mỹ “ồ ạt” dịch chuyển sản xuất chip sang Đông Nam Á”, <https://diendandoanhnghiep.vn/doanh-nghiep-my-o-at-dich-chuyen-san-xuat-chip-sang-dong-nam-a-10027964.html>, ngày 9/6/2025.
9. Hải quan Online (2020), “Mỹ thâm hụt ngân sách chính phủ lên tới hơn 3.000 tỷ USD trong năm tài khóa 2020”, <https://haiquanonline.com.vn/my-tham-hut-ngan-sach-chinh-phu-len-toi-hon-3000-ty-usd-trong-nam-tai-khoa-2020-135262.html>, ngày 17/4/2025.
10. Huỳnh Trọng Hiền, Nguyễn Đức Tùng (2022), “Hợp tác quốc phòng Nhật - Mỹ giai đoạn 2012-2022”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* (10/2022), tr.22-31.
11. Vũ Dương Huân (2018), *Về Chính Sách Đối Ngoại Và Ngoại Giao Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Trần Bách Hiếu (2019), “Triển vọng hợp tác Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc trước những diễn biến mới ở khu vực Đông Bắc Á”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/54881/trien-vong-hop-tac-my---nhat-ban---han-quoc-truoc-nhung-dien-bien-moi-o-khu-vuc-dong-bac-a.aspx>, ngày 3/4/2025.
13. Phạm Quang Hiền (2023), “Quan điểm của một số nước về việc Việt Nam - Nhật Bản nâng cấp quan hệ”, *Tạp chí Nghiên cứu Chiến lược*, <https://nghiencuuchienluoc.org/quan-diem-cua-mot-so-nuoc-ve-viec-viet-nam-nhat-ban-nang-cap-quan-he/>, ngày 2/3/2025.
14. Vũ Văn Khanh (2023), *Xung đột Nga - Ukraine và những bài học về chính sách đối ngoại*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.35-39.
15. Nguyễn Hải Lưu (2025), “Góc nhìn chuyên gia - Dự báo chiều hướng chính sách đối ngoại của chính quyền mới ở Mỹ: Tác động và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp Chí Cộng Sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1069902/view_content#.
16. Nguyễn Tuấn Minh (Chủ biên) (2019), *Quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản: Giai đoạn hiện nay*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.193-210.
17. Hoàng Khắc Nam (2011), *Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và vấn đề*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
18. Hoàng Khắc Nam (2013), “Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế: Những luận điểm chính và sự đóng góp”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn* 29 (1), tr.17-26.
19. Hoàng Khắc Nam (2017a), *Lý thuyết Quan hệ quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội.
20. Hoàng Khắc Nam (2017b), *Sự phát triển của lý thuyết quan hệ quốc tế*, Thông tin Khoa học xã hội (7), tr.3-14, <https://vjol.info.vn/index.php/ssir/article/view/35725/29205>.
21. Nghiên cứu Quốc tế (2015), “Chủ nghĩa kiến tạo (Constructivism)”, <https://nghiencuuquocte.org/2015/03/01/chu-nghia-kien-tao/>, ngày 6/7/2025.
22. Nhân dân (2025), “Dự luận Nhật Bản đánh giá cao chuyến thăm của Thủ tướng Ishiba đến Việt Nam”, <https://nhandan.vn/du-luan-nhat-ban-danh-gia-cao-chuyen-tham-cua-thu-tuong-ishiba-den-viet-nam-post876102.html>, ngày 15/6/2025.

23. PLVN (2021), “Mỹ, Nhật tuyên bố tặng thêm vaccine cho thế giới”, <https://baophapluat.vn/my-nhat-tuyen-bo-tang-them-vaccine-cho-the-gioi-post413965.html>, ngày 1/6/2025.
24. Nguyễn Thị Quế (chủ biên) (2015), *Chính sách đối ngoại của các nước lớn trong giai đoạn hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
25. QĐND (2022), “Những biến chuyển lớn tại châu Á - Thái Bình Dương”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/doi-song/nhung-bien-chuyen-lon-tai-chau-a-thai-binh-duong-709984>, ngày 16/5/2025.
26. QĐND (2024a), “Nhật Bản, Mỹ hợp tác nghiên cứu AI để chế tạo máy bay không người lái”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/nhat-ban-my-hop-tac-nghien-cuu-ai-de-che-tao-may-bay-khong-nguoi-lai-763147>, ngày 13/5/2025.
27. QĐND (2024b), “Bầu cử Nhật Bản: Liên minh cầm quyền mất quyền kiểm soát đa số tại Hạ viện lần đầu tiên sau 15 năm”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/bau-cu-nhat-ban-lien-minh-cam-quyen-mat-quyen-kiem-soat-da-so-tai-ha-vien-lan-dau-tien-sau-15-nam-800570>, 26/11/2025.
28. QĐND (2025), “Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu lên đường thăm Mỹ”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/thu-tuong-israel-benjamin-netanyahu-len-duong-tham-my-814125>, ngày 18/5/2025.
29. Quốc phòng Thủ đô (2021), “Mỹ tăng cường hợp tác với đồng minh Nhật Bản”, <http://quocphongthudo.vn/quoc-te/my-tang-cuong-hop-tac-voi-dong-minh-nhat-ban.html>, ngày 11/4/2025.
30. Nguyễn Trần Xuân Sơn (2021), “Triển vọng quan hệ Mỹ - Nhật Bản dưới thời Tổng thống Mỹ Joe Biden”, *Tạp chí Cộng sản*, https://tapchicongsan.org.vn/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/trien-vong-quan-he-my-nhat-ban-duoi-thoi-tong-thong-my-joe-biden, ngày 4/2/2025.
31. Lộc Thị Thủy (2021), “Chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống Joe Biden”, *Tạp chí Cộng sản*, https://tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/823434/view_content, ngày 11/5/2025.
32. Đỗ Thị Thủy (chủ biên) (2021), *Ngoại giao cường quốc tầm trung: Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.17-18.

33. Lê Công Tiến, Trần Huyền Trang (2023), *Chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời chính quyền Joe Biden và những tác động tới quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.214-215.
34. Nguyễn Anh Tuấn (2023), “Căng thẳng Nga - Ukraine: Bản chất, nguyên nhân và triển vọng”, *Tạp chí Cộng sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/826073/view_content, ngày 12/2/2025.
35. Tạp chí Cộng sản (2023), “Quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ: Từ chiều sâu lịch sử đến hiện tại và tương lai”, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/quan-he-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-viet-nam-hoa-ky-tu-chieu-sau-lich-su-den-hien-tai-va-tuong-lai, ngày 12/4/2025.
36. Tạp chí Tài chính (2020), “Nợ công tăng kinh hoàng biến Mỹ thành “chúa Chôm” thế giới”, <https://tapchitaichinh.vn/no-cong-tang-kinh-hoang-bien-my-thanh-chua-chom-the-gioi.html>, ngày 9/4/2025.
37. Thanh Niên (2021), “Nhóm Bộ tứ kim cương cam kết gì trong lần gặp trực tiếp đầu tiên?”, <https://thanhnien.vn/nhom-bo-tu-kim-cuong-cam-ket-gi-trong-lan-gap-truc-tiep-dau-tien-1851115273.htm>, ngày 20/4/2025.
38. Thanh Niên (2024), “Mỹ bắt đầu quá trình chuyển 4.000 thủy quân lục chiến đến đảo Guam”, <https://thanhnien.vn/my-bat-dau-qua-trinh-chuyen-4000-thuy-quan-luc-chien-den-dao-guam-185241214201915174.htm>, ngày 8/3/2025.
39. Thanh Niên (2026), “Thủ tướng Nhật Bản có phát ngôn mới về Đài Loan”, <https://thanhnien.vn/thu-tuong-nhat-ban-co-phat-ngon-moi-ve-dai-loan-185260127135647694.htm>, ngày 24/1/2026.
40. Thế giới & Việt Nam (2025), “Một đồng minh Đông Bắc Á cũng khó tránh sự phàn nàn của Tổng thống Mỹ Donald Trump, Nhật Bản vội lên tiếng thể hiện rõ thái độ”, <https://baoquocte.vn/mot-dong-minh-dong-bac-a-cung-kho-tranh-su-phan-nan-cua-tong-thong-my-donald-trump-nhat-ban-voi-len-tieng-the-hien-ro-thai-do-306699.html>, ngày 5/4/2025.
41. Tin tức (2024), “Mỹ và Nhật Bản thúc đẩy lệnh cấm vũ khí hạt nhân trong không gian”, <https://baotintuc.vn/the-gioi/my-va-nhat-ban-thuc-day-lenh-cam-vu-khi-hat-nhan-trong-khong-gian-20240319114527703.htm>, ngày 24/3/2025.

42. Trung tâm WTO (2022), “Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng và Ý nghĩa đối với Việt Nam”, <https://trungtamwto.vn/tin-tuc/20973-khuon-kho-kinh-te-an-do-duong--thai-binh-duong-vi-thinh-vuong-va-y-nghia-doi-voi-viet-nam>, ngày 24/4/2025.
43. Trung tâm WTO (2025), “Việt Nam xếp thứ 3 trong top thâm hụt thương mại của Mỹ”, <https://trungtamwto.vn/thi-truong-duc/22719-viet-nam-xep-thu-3-trong-top-tham-hut-thuong-mai-cua-my>, ngày 21/4/2025.
44. Tuổi trẻ Online (2023), “Nhật Bản đưa Việt Nam vào danh sách viện trợ an ninh 2024”, <https://tuoitre.vn/nhat-ban-dua-viet-nam-vao-danh-sach-vien-tro-an-ninh-2024-20230829151611188.htm>, ngày 4/5/2025.
45. Tuổi trẻ Online (2025a), “Ông Biden chính thức chặn tập đoàn thép Nhật Bản mua lại US Steel”, <https://tuoitre.vn/ong-biden-chinh-thuc-chan-tap-doan-thep-nhat-ban-mua-lai-us-steel-20250104083907789.htm>, ngày 7/5/2025.
46. Tuổi trẻ Online (2025b), “Ông Trump: Mỹ áp thuế 15% với Nhật”, <https://tuoitre.vn/ong-trump-my-ap-thue-15-voi-nhat-2025072307484828.htm>, ngày 28/8/2025.
47. Nguyễn Khánh Vân, Hà Hồng Vân (2024), “Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ tại khu vực Đông Bắc Á và sự tham gia của Mỹ”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*. <https://lyluanchinhtri.vn/tranh-chap-chu-quyen-lanh-tho-tai-khu-vuc-dong-bac-a-va-su-tham-gia-cua-my-4286.html>, ngày 12/5/2025.
48. VietnamPlus (2022), “Nhìn lại chương trình kinh tế Abenomics sau một thập kỷ”, <https://www.vietnamplus.vn/nhin-lai-chuong-trinh-kinh-te-abenomics-sau-mot-thap-ky-post820383.vnp#:~:text=Việc%20triển%20khai%20Abenomics%20đã,tháng%20tăng%20trường%20liên%20tiếp>, ngày 1/3/2025.
49. VietnamPlus (2024a), “Các công ty Nhật Bản và Mỹ hợp tác phát triển công nghệ bán dẫn cho AI”, <https://www.vietnamplus.vn/cac-cong-ty-nhat-ban-va-my-hop-tac-phat-trien-cong-nghe-ban-dan-cho-ai-post963560.vnp>, ngày 20/3/2025.
50. VietnamPlus (2024b), “Tổng quan về quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Nhật Bản”, <https://www.vietnamplus.vn/tong-quan-ve-quan-he-thuong-mai-song-phuong-viet-nam-nhat-ban-post998887.vnp>, ngày 23/5/2025.

51. Vladimir K N (2017), *Vòng cung bất ổn Á - Âu và ảnh hưởng của nó đến an ninh Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, tr.58.
52. VnEconomy (2025a), “Khủng hoảng già hóa dân số của Nhật Bản qua một biểu đồ”, <https://vneconomy.vn/techconnect//khung-hoang-gia-hoa-dan-so-cua-nhat-ban-qua-mot-bieu-do.htm>, ngày 11/4/2025.
53. VnEconomy (2025b), “Thuế quan của Tổng thống Trump, phép thử đối với Nhật Bản”, <https://vneconomy.vn/thue-quan-cua-tong-thong-trump-phep-thu-doi-voi-nhat-ban.htm>, ngày 1/3/2026.
54. VnExpress (2022), “Lý do Trung Quốc gay gắt với chuyến thăm Đài Loan của bà Pelosi”, <https://vnexpress.net/ly-do-trung-quoc-gay-gat-voi-chuyen-tham-dai-loan-cua-ba-pelosi-4495305.html>, ngày 1/3/2025.
55. VnExpress (2025), “Mỹ duyệt bán loạt tên lửa đối không 3,6 tỷ USD cho Nhật Bản”, <https://vnexpress.net/my-duyet-ban-loat-ten-lua-doi-khong-3-6-ty-usd-cho-nhat-ban-4835456.html>, ngày 26/3/2025.
56. VOV (2018), “Ông Abe không có đối thủ trong cuộc đua Thủ tướng Nhật Bản nhiệm kỳ 3”, <https://vov.vn/the-gioi/ong-abe-khong-co-doi-thu-trong-cuoc-dua-thu-tuong-nhat-ban-nhiem-ky-3-793637.vov>, ngày 7/3/2025.
57. VOV (2021), “Tỷ lệ người dân Nhật Bản muốn hủy hoặc hoãn Olympic Tokyo tăng kỷ lục”, <https://vov.vn/the-gioi/ty-le-nguoi-dan-nhat-ban-muon-huy-hoac-hoan-olympic-tokyo-tang-ky-luc-858527.vov>, ngày 2/3/2025.
58. VOV (2022), “Nhật Bản công bố chiến lược mới hỗ trợ cơ sở hạ tầng khu vực Đông Nam Á”, <https://vov.vn/the-gioi/nhat-ban-cong-bo-chien-luoc-moi-ho-tro-co-so-ha-tang-khu-vuc-dong-nam-a-post948284.vov>, ngày 11/5/2025.
59. VOV (2025), “Thủ tướng Nhật Bản thăm Mỹ củng cố quan hệ đồng minh”, <https://vov.vn/the-gioi/thu-tuong-nhat-ban-tham-my-cung-co-quan-he-dong-minh-post1153409.vov>, ngày 17/9/2025.
60. VTV Online (2025), “Mỹ áp thuế 25%, kinh tế Nhật Bản đối mặt nguy cơ suy thoái”, <https://vtv.vn/my-ap-thue-25-kinh-te-nhat-ban-doi-mat-nguy-co-suy-thoai-100250710084624093.htm>, ngày 11/3/2025.
61. Trần Thị Hải Yến (2024), “Hợp tác Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/964902/hop-tac-my---nhat-ban---han-quoc-trong-boi-canhh-moi.aspx>, ngày 9/2/2025.

Tiếng Anh

62. Aljazeera (2021), *US secretaries of state, defence to visit South Korea, Japan*, <https://www.aljazeera.com/news/2021/3/10/us-secretaries-of-state-defense-to-visit-south-korea-japan> [Accessed Mar 11, 2025].
63. Aljazeera (2024), *US President Biden announces \$2.5bn military aid package for Ukraine*, <https://www.aljazeera.com/news/2024/12/30/us-president-biden-announces-2-5bn-military-aid-package-for-ukraine> [Accessed Feb 20, 2025].
64. APNews (2023), *President Biden wraps up his visit to wartime Israel with a warning against being ‘consumed’ by rage*, <https://apnews.com/article/joe-biden-israel-hamas-gaza-palestinians-a85cb682fdc61b80285cf4ab354354ce> [Accessed Feb 04, 2025].
65. Arvanitopoulos C (2022), “The state of American democracy after Trump”, *European View*, 21(1), pp.91-99, DOI: 10.1177/17816858221089399, <https://www.martenscentre.eu/wp-content/uploads/2022/04/12.pdf>.
66. Atlantic Council (2021), *Experts react: The September 2021 White House QUAD meeting*, <https://www.atlanticcouncil.org/uncategorized/experts-react-the-september-2021-white-house-Quad-meeting/> [Accessed Jan 05, 2025].
67. Axios (2020), *Biden calls Russia an “opponent,” sees China as a “serious competitor”*, <https://www.axios.com/2020/09/18/biden-russia-china-trump-cnn-town-hall>.
68. Baldauff N (2024), *Japan’s defense engagement in the Indo-Pacific: Deterrence, strategic partnership, and stable order building*, Springer, pp.42-62.
69. BEA (2022), *Direct Investment by Country and Industry 2021*, <https://www.bea.gov/news/2022/direct-investment-country-and-industry-2021> [Accessed May 27, 2025].
70. Benson B V (2012), *Constructing international security: Alliances, deterrence, and moral hazard*, Cambridge University Press.
71. Bera A (2024), U.S.-Japan-Philippine summit will advance shared Indo-Pacific vision, *Nikkei Asia*, <https://asia.nikkei.com/Opinion/U.S.-Japan-Philippine-summit-will-advance-shared-Indo-Pacific-vision> [Accessed Jan 03, 2025].
72. Bi S (2022), “Japan’s Diplomacy Towards ASEAN from the Perspective of its “Indo-Pacific Strategy””, *East Asian Affairs*, 02(01), 2250005, pp.1-20, <https://doi.org/10.1142/S273755792250005X>.

73. BIS (2021), *U.S. Trade with Japan*, Bureau of Industry and Security, <https://www.bis.doc.gov/index.php/documents/technology-evaluation/ote-data-portal/country-analysis/2982-2021-statistical-analysis-of-u-s-trade-with-japan-public-version-ote/file?> [Accessed April 28, 2025].
74. BIS (2025), *Annual Economic Annual Economic Annual Economic Report*, <https://www.bis.org/publ/arpdf/ar2025e.pdf?> [Accessed Sep 03, 2025].
75. Buszynski L (2025), *Geopolitics and strategy: China, the Quad and the Southeast Asian Pivot* (1st ed. 2025), Springer Nature Switzerland, <https://doi.org/10.1007/978-3-031-87476-5>.
76. Cambridge Dictionary (2025), *Ally*, <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/ally> [Accessed Jan 27, 2025].
77. CFR (2025), *Will Trump's 'Big Beautiful' Defense Spending Last?*, <https://www.cfr.org/expert-brief/will-trumps-big-beautiful-defense-spending-last> [Accessed Jun 22, 2025].
78. Chachavalpongpun P, Edstrom B, Eiichi K, Jain P, Lam P E, Lam P E, Saya K, Tadashi I & Takashi I (Eds) (2020), *Japan's foreign policy in the twenty-first century: Continuity and change*, Lexington Books, <https://doi.org/10.5040/9781666997828>.
79. Chawala S (2021), *Education in Japan*, World Education News Reviews, <https://wenr.wes.org/2021/02/education-in-japan>.
80. Christopher W Hughes (2024), Japan's "Three National Security Documents" and Defense Capabilities: Reinforcing a Radical Military Trajectory, *The Journal of Japanese Studies*, 50 (1): 155-183, doi: <https://doi.org/10.1525/jjs.2024.50.1.155>, pp.177-178.
81. Chudinova K (2023), "U.S.-Japan Economic Cooperation Under the Biden Administration", *World Economy and International Relations*, 67(12), pp.28-34, DOI: 10.20542/0131-2227-2023-67-12-28-34.
82. CISA (2023), *Shifting the Balance of Cybersecurity Risk: Principles and Approaches for Secure by Design Software*, <https://www.cisa.gov/sites/default/files/2023-10/Shifting-the-Balance-of-Cybersecurity-Risk-Principles-and-Approaches-for-Secure-by-Design-Software.pdf> [Accessed April 06, 2025].

83. CNBC (2024), *Japanese PM Kishida tells Congress the U.S. must play leading role in the world*, <https://www.cnbc.com/2024/04/11/japanese-pm-kishida-says-the-us-must-play-leading-role-in-the-world.html> [Accessed Mar 27, 2025].
84. CRS (2024), *Indo-Pacific Economic Framework for Prosperity (IPEF)*, <https://www.congress.gov/crs-product/IF12373> [Accessed Feb 06, 2025].
85. CSIS (2024), *Crossroads of Commerce: How the Taiwan Strait Propels the Global Economy*, <https://features.csis.org/chinapower/china-taiwan-strait-trade/> [Accessed Mar 16, 2025].
86. Dalio R (2024), *The Great Powers Index: 2024 How the Leading 24 Countries Are Doing and Their Prospects for the Next 10 Years*, Economic Principles, https://economicprinciples.org/downloads/DalioRay_Power_Index_Appendix.pdf [Accessed May 08, 2025].
87. Claudette Roulo DW (2023), *Why Japan's Kishida wants stronger military ties with the US*, <https://www.dw.com/en/why-japans-kishida-wants-stronger-military-ties-with-the-us/a-64375713> [Accessed Jun 08, 2025].
88. Dowding K (2011), *Encyclopedia of power*, SAGE Publications.
89. Evans G & Newnham J (1998), *The Penguin dictionary of international relations*, Penguin Books.
90. Fang A (2021), Biden: “We are in a competition with China to win the 21st century”, *Nikkei Asia*, <https://asia.nikkei.com/Politics/International-relations/Biden-s-Asia-policy/Biden-We-are-in-a-competition-with-China-to-win-the-21st-century> [Accessed May 05, 2025].
91. FDI Intelligence (2025), *Soaring digital economy FDI sparks divide concerns*, <https://www.fdiintelligence.com/content/11d32222-6988-44af-91ba-afb90fe22f0d?> [Accessed July 09 2025].
92. Financial Times (2026), *US and Japan unveil first mega-projects under \$550bn deal*, <https://www.ft.com/content/96bc9b3d-150d-4a21-8be9-29bdf45695af> [Accessed Feb 28 2026].
93. France 24 (2022), *G7 leaders pledge \$600 billion for developing countries, urge unity on Ukraine*, <https://www.france24.com/en/europe/20220626-g7-starts-amid-ukraine-war-stagflation-risk> [Accessed Feb 5, 2025].

94. GR Japan (2021), *Biden-Suga, U.S.-Japan Summit Launch of the “New Era Partnership”*, <https://grjapan.com/insights/articles/biden-suga-us-japan-summit-launch-new-era-partnership> [Accessed Jan 12, 2025].
95. Griffiths M, O’Callaghan T & Roach S C (2007), *International relations: The key concepts*, Routledge.
96. HARPER J (2021), “U.S., Japan Set to Enhance Cooperation on Military R&D”, *National Defense*, 106(817), pp.29-30, JSTOR.
97. Hornung J (2023), *The U.S.-Japan Alliance in an Era of Strategic Competition*, https://www.rand.org/pubs/conf_proceedings/CFA2839-1.html [Accessed Jan 18, 2025].
98. Hudson Institute (2021), *The Suga-Biden Summit and Future Challenges: An Alliance at the Starting Line of Strategic Competition*, <https://www.hudson.org/foreign-policy/the-suga-biden-summit-and-future-challenges-an-alliance-at-the-starting-line-of-strategic-competition> [Accessed May 17, 2025].
99. Hughes C W (2016), “Japan’s ‘Resentful Realism’ and Balancing China’s Rise”, *The Chinese Journal of International Politics*, 9(2), pp.109-150, <https://doi.org/10.1093/cjip/pow004> [Accessed Jan 04, 2025].
100. IMF (2025), *WORLD ECONOMIC OUTLOOK Global Economy in Flux, Prospects Remain Dim*, <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2025/10/14/world-economic-outlook-october-2025?> [Accessed Dec 14, 2025].
101. Invest Korea (2026). *Battery*. <https://www.investkorea.org/ik-en/cntnts/i-3025/web.do> [Accessed May 14, 2026].
102. International Trade Administration (2023), *Japan Education and Training Services Industry Snapshot*, <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/japan-education-and-training-services-industry-snapshot> [Accessed Oct 10, 2025].
103. Istomin I & Baykov A (2019), “Dynamics of international alliances in an unbalanced world structure”, *World Economy and International Relations*, 63, pp.34-48, <https://doi.org/10.20542/0131-2227-2019-63-1-34-48>.
104. Jeon G (2016), *The BRICs superpower challenge: Foreign and security policy analysis*, Routledge, <https://doi.org/10.4324/9781315614120> [Accessed Jan 19, 2025].

105. JET (2025), *About Jet Program USA*, <https://jetprogramusa.org/jet-program/> [Accessed Jun 3, 2025].
106. JETRO (2025), *Japan's U.S. investment dynamic: Reflecting on the economic contributions by Japanese companies*, https://www.jetro.go.jp/ext_images/usa/2025/Japan-US-Investment-Report/japans_us_investment_dynamics_2025.pdf [Accessed Jun 3, 2025].
107. JNTO (2024), *JNTO and JTA mark U.S.-Japan tourism year 2024 with gala New York event attended by Japanese Prime Minister*, <https://www.japan.travel/en/us/press-release/jnto-and-jta-mark-u-s-japan-tourism-year-2024-with-gala-new-york-event-attended-by-japanese-prime-minister/> [Accessed May 22, 2025].
108. JNTO (2025), *USA-Japan tourism in 2024 breaks all-time record*, <https://www.japan.travel/en/us/press-release/usa-japan-tourism-in-2024-breaks-all-time-record/> [Accessed Mar 28, 2025].
109. Kristi Govella (2025), U.S.-ROK-Japan Trilateral Engagement on Economic Security: Disentangling Resilience, Competitiveness, and Protection, *Asia Policy*, Vol.20, No.01, pp.28-32, https://www.nbr.org/wp-content/uploads/pdfs/publications/asiapolicy20-1_us-rok-japan_rt_january2025.pdf.
110. Kohegurov D A (2023), "Japan in the us indo-pacific strategy: Strengthening role to contain China", *USA & Canada Economics - Politics - Culture*, 12, pp.42-53, <https://doi.org/10.31857/S2686673023120040>.
111. Koga K (2020), "Japan's 'Indo-Pacific' question: Countering China or shaping a new regional order?", *International Affairs*, 96(1), pp.49-73, <https://doi.org/10.1093/ia/iiz241>.
112. Kuhn A (2021), In Tokyo, Blinken And Austin Work To Revive Asian Alliance To Counter China, *NPR*, <https://www.npr.org/2021/03/16/977771094/in-tokyo-blinken-and-austin-work-to-revive-asian-alliance-to-counter-china> [Accessed April 6, 2025].
113. Kyodo News (2020), *U.S. demanded Japan pay \$8 bil. Annually for troops: Bolton*, <https://english.kyodonews.net/news/2020/06/c054bdb83962-breaking-news-us-demanded-japan-pay-8-bil-annually-for-troops-bolton.html> [Accessed May 23, 2025].

114. Kyodo News (2022), *U.S., ASEAN leaders vow to upgrade ties this year amid China's rise*, <https://english.kyodonews.net/news/2022/05/a1d90400eccac-urgent-us-asean-vow-to-forge-comprehensive-partnership-amid-china-rise.html> [Accessed Feb 11, 2025].
115. Kyodo News (2025), *Japan to spend 1.8% of GDP on defense in 2025, 2% target in sight*, <https://english.kyodonews.net/news/2025/04/2ddf9dea797c-urgent-japans-fy-2025-defense-related-costs-to-total-18-of-gdp-minister.html> [Accessed Jan 26, 2026].
116. Lande E (2018), "Between Offensive and Defensive Realism - The Japanese Abe Government's Security Policy toward China", *Asian Security*, 14(2), pp.172-192, <https://doi.org/10.1080/14799855.2017.1323882>.
117. Levchenko A V (2024), "Neoclassical realism in international relations theory: Searching for its own path", *Lomonosov World Politics Journal*, 15(4), pp.84-106, <https://doi.org/10.48015/2076-7404-2023-15-4-84-106>.
118. Macrotrends (2025), *Japan Military Spending/Defense Budget 1960-2025*, <https://www.macrotrends.net/global-metrics/countries/jpn/japan/military-spending-defense-budget> [Accessed Feb 21, 2025].
119. Manila Standard (2025), *Trump, Ishiba hit China's 'provocative' South China Sea actions*, <https://manilastandard.net/news/314555539/trump-ishiba-hit-chinas-provocative-south-china-sea-actions.html> [Accessed Sep 14, 2025].
120. Market Watch (2023), *Biden, Japan reach trade deal on minerals for EV batteries, upsetting lawmakers of both U.S. parties*, <https://www.marketwatch.com/story/biden-japan-reach-trade-deal-on-minerals-for-ev-batteries-upsetting-lawmakers-of-both-u-s-parties-85ac83b2> [Accessed May 8, 2025].
121. Mirašćić G (2022), "(NE)USPJEH TRUMPOVE EKONOMSKE POLITIKE (The (Un)Success of Trump's Economic Policy)", *Društvene i Humanističke Studije*, 7(1(18)), pp.149-160, Doi: 10.51558/2490-3647.2022.7.1.149.
122. Ministry of the Environment (2021). *Statement by KOIZUMI Shinjiro, Minister of the Environment Japan on the US's return to the Paris Agreement*. <https://www.env.go.jp/content/900451209.pdf> [Accessed Mar 21, 2025]

123. MOFA of Japan (2021), *Diplomatic Bluebook 2021*, <https://www.mofa.go.jp/policy/other/bluebook/2021/pdf/pdfs/1.pdf> [Accessed Mar 21, 2025]
124. MOFA of Japan (2022a), *Japan-U.S. Summit Meeting*, https://www.mofa.go.jp/na/na1/us/page4e_001261.html [Accessed Mar 23, 2025].
125. MOFA of Japan (2022b), *Japan-U.S. Security Arrangements*, <https://www.mofa.go.jp/region/n-america/us/security/arrange.html> [Accessed Mar 14, 2025].
126. MOFA of Japan (2023), *G7 Hiroshima Leaders' Communiqué*, <https://www.mofa.go.jp/files/100506878.pdf> [Accessed Mar 26, 2025].
127. MOFA of Japan (2025a), *Diplomatic Bluebook 2025*, https://www.mofa.go.jp/policy/other/bluebook/2025/pdf/pdfs/2025_all.pdf? [Accessed Mar 29, 2025].
128. MOFA of Japan (2025b), *Japan's assistance to the Palestinians*, <https://www.mofa.go.jp/files/000042388.pdf> [Accessed Nov 12, 2025].
129. Moomoo (2024), *Trump's First Presidency Saw Strong S&P 500 Gains: What About This Term?*, <https://www.moomoo.com/community/feed/trump-s-first-presidency-saw-strong-s-p-500-gains-113684694695941> [Accessed Sep 4, 2025].
130. Moriyasu K (2023), Japan's G-7 test: Kishida pushes active foreign policy onto global stage, *Nikkei Asia*, <https://asia.nikkei.com/Spotlight/The-Big-Story/Japan-s-G-7-test-Kishida-pushes-active-foreign-policy-onto-global-stage> [Accessed Feb 11, 2025].
131. Moriyasu K (2024a), U.S.-Japan-Philippines hold first trilateral, with “many more” to come, *Nikkei Asia*, <https://asia.nikkei.com/Politics/International-relations/Indo-Pacific/U.S.-Japan-Philippines-hold-first-trilateral-with-many-more-to-come> [Accessed April 20, 2025].
132. Moriyasu K (2024b), Tighter U.S.-Japan alliance is unexpected legacy of Kishida-Biden era, *Nikkei Asia*, <https://asia.nikkei.com/Spotlight/The-Big-Story/Tighter-U.S.-Japan-alliance-is-unexpected-legacy-of-Kishida-Biden-era> [Accessed Mar 21, 2025].

133. Motyavin M (2023), The U.S.-Japan Cooperation as part of the Fumio Kishida's renewed administration strategy, *Russia and America in the 21st Century*, pp.1-16, <https://doi.org/10.18254/S207054760025436-6> [Accessed May 3, 2025].
134. Nakamura R (2024), U.S. seeks closer defense supply chain ties with Japan, India: Official, *Nikkei Asia*, <https://asia.nikkei.com/Politics/Defense/U.S.-seeks-closer-defense-supply-chain-ties-with-Japan-India-official> [Accessed May 2, 2025].
135. Nakamura F, Nakagawa K, Ishiyama N & Kishida Y (2025), The impact of institutional entrepreneurs on semiconductor supply chain resilience: the case of Rapidus in Japan, *Asia Pacific Business Review*, pp.8-9, <https://doi.org/10.1080/13602381.2025.2561152>.
136. National Defense (2024), *U.S.-Japan Defense Collaboration Promising But Requires Patience*, <https://www.nationaldefensemagazine.org/articles/2024/8/2/us-japan-defense-collaboration-promising-but-requires-patience> [Accessed May 11, 2025].
137. NATO (2024), *Washington Summit Declaration*, https://www.nato.int/cps/en/natohq/official_texts_227678.htm? [Accessed April 3, 2025].
138. Naval News (2024), *Japan Inks \$1.7 Billion Contract with the US for 400 Tomahawks*, <https://www.navalnews.com/naval-news/2024/01/japan-inks-1-7-billion-contract-with-the-us-for-400-tomahawks/> [Accessed Oct 27, 2025].
139. NBC News (2025), *Pete Hegseth says U.S. is making Japan a “war-fighting” base to deter China*, <https://www.nbcnews.com/news/world/hegseth-calls-japan-indispensable-face-chinese-aggression-rcna198811> [Accessed April 26, 2025].
140. NHK World (2023), *Kishida hails G7 summit as a success*, <https://www3.nhk.or.jp/nhkworld/en/news/backstories/2470/> [Accessed Jan 27, 2025].
141. Nikkei Asia (2021), *Japan and US pledge sharper cuts by 2030 at Biden climate summit*, <https://asia.nikkei.com/Spotlight/Environment/Climate-Change/Japan-and-US-pledge-sharper-cuts-by-2030-at-Biden-climate-summit> [Accessed Mar 20, 2025].

142. Nikkei Asia (2024a), *Japan, U.S., Philippines to cooperate in clean energy, chips: Kishida*, <https://asia.nikkei.com/Editor-s-Picks/Interview/Japan-U.S.-Philippines-to-cooperate-in-clean-energy-chips-Kishida> [Accessed Mar 27, 2025].
143. Nikkei Asia (2024b), *Japan leads record \$989bn year of Asian investment in U.S*, <https://asia.nikkei.com/Business/Business-trends/Japan-leads-record-989bn-year-of-Asian-investment-in-U.S> [Accessed Oct 20, 2025].
144. Nippon TV (2024), *FULL text-Japanese PM Kishida's speech at US congress*, <https://www.ntv.co.jp/englishnews/articles/2021ebb6c0tg5tpjih1s.html> [Accessed May 21, 2025].
145. ODNI (2025), *Annual Threat Assessment of the U.S. Intelligence Community (unclassified)*, <https://www.dni.gov/files/ODNI/documents/assessments/ATA-2025-Unclassified-Report.pdf?> [Accessed Jun 22, 2025].
146. OEC (2025), *United States/Japan*, <https://oec.world/en/profile/bilateral-country/usa/partner/jpn> [Accessed July 21, 2025].
147. Oxford Analytica Daily Brief (2022), *Biden unveils Indo-Pacific Economic Framework in Tokyo*, <https://dailybrief.oxan.com/Analysis/ES270431/Biden-unveils-Indo-Pacific-Economic-Framework-in-Tokyo> [Accessed May 25, 2025].
148. PEW (2020), *U.S. Image Plummets Internationally as Most Say Country Has Handled Coronavirus Badly: Ratings for Trump remain poor*, <https://www.pewresearch.org/global/2020/09/15/us-image-plummets-internationally-as-most-say-country-has-handled-coronavirus-badly/> [Accessed Feb 6, 2025].
149. PEW (2023), *Confidence in Biden to handle world affairs*, <https://www.pewresearch.org/global/2023/06/27/confidence-in-biden-to-handle-world-affairs/> [Accessed Feb 22, 2025].
150. Plaksin A D (2024), “Methods of Influence of the J.Biden Administration on Japanese Security Policy”, *Asia and Africa Today*, 3, pp.22-29, <https://doi.org/10.31857/S032150750030441-7> [Accessed May 21, 2025].
151. Portland Press Herald (2024), *Biden praises Japan's growing clout on international stage as he welcomes leader*, <https://www.pressherald.com/2024/04/10/biden-praises-japans-growing-clout-on-international-stage-as-he-welcomes-leader/> [Accessed Jan 16, 2025].

152. Prime Minister's Office of Japan (2023), *Speech by Prime Minister KISHIDA Fumio at the "Future of Asia" Forum*,
https://japan.kantei.go.jp/101_kishida/statement/202305/25speech.html
 [Accessed May 27, 2025].
153. RAND (2021), *The U.S.-Japan Alliance and Rapid Change on the Korean Peninsula*, https://www.rand.org/pubs/conf_proceedings/CFA945-1.html
 [Accessed Sep 22, 2025].
154. RAND (2023), *U.S.-Japan Alliance Conference The U.S.-Japan Alliance in an Era of Strategic Competition*,
https://www.rand.org/pubs/conf_proceedings/CFA2839-1.html [Accessed Sep 27, 2025].
155. Reuters (2023), *Exclusive: US seeking explosives in Japan for Ukraine artillery shells*,
<https://www.reuters.com/world/asia-pacific/us-seeking-explosives-japan-ukraine-artillery-shells-sources-2023-06-02/> [Accessed Jan 22, 2025].
156. Reuters (2025a), *In labour-starved Japan, workers land another bumper pay hike*, <https://www.reuters.com/business/world-at-work/japanese-firms-agree-biggest-pay-hikes-34-years-top-union-groups-final-tally-2025-07-03/>
 [Accessed May 1, 2025].
157. Reuters (2025b), *Japan's births fell to record low in 2024*,
<https://www.reuters.com/world/asia-pacific/japans-new-births-fall-9-straight-years-record-low-2024-2025-02-27/> [Accessed Oct 28, 2025].
158. Roy Choudhury S (Ed.) (2023), *Japan and its partners in the Indo-Pacific: Engagements and alignment*, Routledge,
<https://doi.org/10.4324/9781003393634>.
159. Ryall J (2022), *Japan's resolve on Russia comes with a price*, DW,
<https://www.dw.com/en/ukraine-conflict-japan-stiffens-resolve-on-russia-but-it-comes-with-a-price/a-60986563> [Accessed May 22, 2025].
160. Ryall J (2023), *Japan: Why Okinawa is strategically crucial for US military*, DW, <https://www.dw.com/en/japan-why-okinawa-is-strategically-crucial-for-us-military/a-67502058> [Accessed Jan 29, 2025].

161. Saballa J (2024), Japan Cleared to Buy Nine Additional KC-46A Tanker Aircraft for \$4.1B, *The Defense Post*, <https://thedefensepost.com/2024/09/16/japan-cleared-tanker-aircraft/> [Accessed Jan 30, 2025].
162. Sacks D (2022), *Enhancing U.S.-Japan Coordination for a Taiwan Conflict* (p. 24), Council on Foreign Relations, <https://www.cfr.org/report/enhancing-us-japan-coordination-taiwan-conflict> [Accessed Feb 17, 2025].
163. Santander (2024), *Japan: Foreign investment*, <https://santandertrade.com/en/portal/establish-overseas/japan/foreign-investment> [Accessed July 2, 2025].
164. Silicon (2022), *Biden Earmarks \$5bn For US Electric Vehicle Charging Stations*, <https://www.silicon.co.uk/e-innovation/green-it/biden-earmarks-5bn-for-us-electric-vehicle-charging-stations-441477> [Accessed Mar 2, 2025].
165. SIPRI (2024), *Trends in International Arms Transfers, 2023* (SIPRI Face Sheet), https://www.sipri.org/sites/default/files/2024-03/fs_2403_at_2023.pdf [Accessed May 20, 2025].
166. SIPRI (2025), *Unprecedented rise in global military expenditure as European and Middle East spending surges*, <https://www.sipri.org/media/press-release/2025/unprecedented-rise-global-military-expenditure-european-and-middle-east-spending-surges> [Accessed May 20, 2025].
167. Stanford (2025), *The 2025 AI Index Report*, <https://hai.stanford.edu/ai-index/2025-ai-index-report> [Accessed Mar 19, 2025].
168. Taniguchi M (2024), “Japan, the Philippines, and the United States: A New Era of Partnership through Trilateral Defense and Security Cooperation”, *Asia Pacific Bulletin*, 672, https://www.eastwestcenter.org/sites/default/files/2024-07/APB%20672%20-%20A%20New%20Era%20of%20Partnership%20through%20Trilateral%20Defense%20and%20Security%20Cooperation_0.pdf [Accessed Feb 18, 2025].

169. Tanne J H (2021), “Report highlights “devastating impacts” of Trump on every aspect of US health”, *BMJ*, 372, <https://doi.org/10.1136/bmj.n439> [Accessed Jan 16, 2025].
170. Tatsumi Y (2024), PM Kishida’s State Visit to Washington: Impact on the Alliance and the Indo-Pacific, *Stimson*, <https://www.stimson.org/2024/pm-kishidas-state-visit-to-washington-impact-on-the-alliance-and-the-indo-pacific/> [Accessed Jan 22, 2025].
171. Teo V (2021), “Southeast Asia-Japan Ties after Abe and Trump”. *Perspective, ISEAS Yusof Ishak Institute*, 32, https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2021/02/ISEAS_Perspective_2021_32.pdf [Accessed Feb 26, 2025].
172. Teraoka A (2024), Japan’s enduring defence pivot under Kishida, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2024/10/19/japans-enduring-defence-pivot-under-kishida/> [Accessed Feb 16, 2025].
173. The Asahi Shimbun (2021), *Toyota to build \$1.3 billion battery plant near Greensboro, NC*, <https://www.asahi.com/ajw/articles/14497059> [Accessed Jan 13, 2025].
174. The Asahi Shimbun (2022), *Survey: 41% in Japan OK with Okinawa bearing U.S. base burden*, <https://www.asahi.com/ajw/articles/14618216> [Accessed Feb 6, 2025].
175. The Asahi Shimbun (2025), *Ishiba coached on making good case to forestall Trump demands*, <https://www.asahi.com/ajw/articles/15612293> [Accessed Oct 8, 2025].
176. ASEAN Studies Centre (2024), *The State of Southeast Asia 2024: Survey Report*. ISEAS - Yusof Ishak Institute, <https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2024/03/The-State-of-SEA-2024.pdf> [Accessed May 11, 2025].
177. The Guardian (2024), *Russia vetos UN resolution to prevent nuclear arms race in space*, <https://www.theguardian.com/world/2024/apr/25/russia-vetos-un-resolution-nuclear-weapons-space-arms-race> [Accessed Mar 18, 2025].

178. The Japan News (2023), *Japan Eyes 300,000 EV Charging Points by 2030*, <https://japannews.yomiuri.co.jp/politics/politics-government/20230903-134207/> [Accessed Feb 23, 2025].
179. The Japan News (2025), *Ishiba Pledges to Boost Japan's Investment in U.S. to \$1 Trillion; Trump Says Meeting with Nippon Steel Execs Scheduled*, <https://japannews.yomiuri.co.jp/politics/politics-government/20250208-237666/> [Accessed Nov 16, 2025].
180. The Times of India (2025), *Top 10 most powerful countries in the world 2025; see where India ranks*, <https://timesofindia.indiatimes.com/world/top-10-most-powerful-countries-in-the-world-2025-see-where-india-ranks/articleshow/117911615.cms> [Accessed Nov 26, 2025].
181. The White House (2021), *U.S.- Japan Joint Leaders' Statement: "U.S. - Japan global partnership for a new era"*, <https://bidenwhitehouse.archives.gov/briefing-room/statements-releases/2021/04/16/u-s-japan-joint-leaders-statement-u-s-japan-global-partnership-for-a-new-era/> [Accessed Feb 3, 2025].
182. The White House (2024a), *FACT SHEET: Japan Official Visit with State Dinner to the United States*, <https://bidenwhitehouse.archives.gov/briefing-room/statements-releases/2024/04/10/fact-sheet-japan-official-visit-with-state-dinner-to-the-united-states/> [Accessed Feb 23, 2025].
183. The White House (2024b), *The Wilmington Declaration Joint Statement from the Leaders of Australia, India, Japan, and the United States*, <https://bidenwhitehouse.archives.gov/briefing-room/statements-releases/2024/09/21/the-wilmington-declaration-joint-statement-from-the-leaders-of-australia-india-japan-and-the-united-states/> [Accessed Mar 1, 2025].
184. The White House (2025a), *Fact Sheet: President Donald J. Trump Reprioritizes Cybersecurity Efforts to Protect America*, <https://www.whitehouse.gov/fact-sheets/2025/06/fact-sheet-president-donald-j-trump-reprioritizes-cybersecurity-efforts-to-protect-america/> [Accessed Oct 13, 2025].
185. The White House (2025b), *Winning the Race: AMERICA'S AI ACTION PLAN*, <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2025/07/Americas-AI-Action-Plan.pdf> [Accessed Nov 26, 2025].

186. Trade Map (2025), *Bilateral trade between United States of America and Japan Product: TOTAL All products* [Dataset], https://www.trademap.org/Bilateral_TS.aspx?nvpm=1%7c842%7c%7c392%7c%7cTOTAL%7c%7c%7c2%7c1%7c1%7c1%7c2%7c1%7c1%7c1%7c%7c1 [Accessed Sep 10, 2025].
187. TTW (2025), *US-Japan Travel Boom Lifts Airlines, With Over Six Percent Growth in Flights This Summer Amid Domestic Decline*, <https://www.travelandtourworld.com/news/article/us-japan-travel-boom-lifts-airlines-with-over-six-percent-growth-in-flights-this-summer-amid-domestic-decline/> [Accessed Sep 17, 2025].
188. Turner O, Nymalm N & Aslam W (Eds) (2023), *Routledge Handbook of US Policy in The Indo-Pacific*, Routledge, [Accessed Mar 11, 2025].
189. U.S Department of Defense (2023a), *Joint Statement of the 2023 U.S-Japan Security Consultative Committee ("2+2")*, <https://www.war.gov/News/Releases/Release/Article/3265559/joint-statement-of-the-2023-usjapan-security-consultative-committee-22/> [Accessed Feb 28, 2026].
190. U.S Department of Defense (2023b), *Joint Statement of the 13th Defense Trilateral Talks*, <https://www.war.gov/News/Releases/Release/Article/3363747/joint-statement-of-the-13th-defense-trilateral-talks/> [Accessed Feb 28, 2026].
191. U.S Department of Defense (2024), *Fact Sheet: Joint Statement of the Security Consultative Committee ("2+2") July 28, 2024*, <https://media.defense.gov/2024/Jul/28/2003512352/-1/-1/1/JAPAN-SECURITY-CONSULTATIVE-COMMITTEE-MEETING-FACT-SHEET.PDF> [Accessed Feb 8, 2025].
192. U.S Department of Defense (2025), *SPEECH Opening Remarks by Secretary of Defense Pete Hegseth at Ukraine Defense Contact Group (As Delivered)*, <https://www.defense.gov/News/Speeches/Speech/article/4064113/opening-remarks-by-secretary-of-defense-pete-hegseth-at-ukraine-defense-contact/> [Accessed Dec 10, 2025].
193. U.S Embassy & Consulates in Japan (2023a), *The United States and Japan Launch Landmark Education Partnerships*, <https://jp.usembassy.gov/us-japan-launch-landmark-education-partnerships/> [Accessed Jan 14, 2025].

194. U.S Embassy & Consulates in Japan (2023b), *The United States and Japan Launch “U.S.-Japan Tourism Year”*, <https://jp.usembassy.gov/launching-us-japan-tourism-year/> [Accessed Jun 14, 2025].
195. U.S Embassy & Consulates in Japan (2024), *United States and Japan Announce Two New University-Corporate AI Partnerships Worth \$110 Million*, <https://jp.usembassy.gov/us-japan-announce-2-university-corporate-ai-partnerships-worth-110-million/> [Accessed July 23, 2025].
196. USDA (2024), *United States and Global Macroeconomic Projections to 2033*, https://www.ers.usda.gov/sites/default/files/_laserfiche/publications/1092010/EIB-272.pdf?v=13510 [Accessed Jun 10, 2025].
197. U.S Embassy & Consulate in ROK (2024), *United States-Japan-Republic of Korea Trilateral Ministerial Meeting (TMM) Joint Press Statement*, <https://kr.usembassy.gov/060724-united-states-japan-republic-of-korea-trilateral-ministerial-meeting-tmm-joint-press-statement/> [Accessed Jun 02, 2025].
198. USNews (2024), *Japan’s Support for Ukraine Is Unwavering, PM Kishida Tells Zelenskiy*, <https://www.usnews.com/news/world/articles/2024-04-03/japans-support-for-ukraine-is-unwavering-pm-kishida-tells-zelenskiy> [Accessed May 07, 2025].
199. Visual Capitalist (2025), *Charted: Tourists Visiting the U.S. by Country of Origin (2004 vs 2024)*, <https://www.visualcapitalist.com/charted-international-tourists-visiting-the-u-s-by-country/#:~:text=Mexico%20Surpassed%20the%20U.K.%20to%20Take%20Second%20Place&text=By%202024%2C%20Canada%20still%20held,from%20Asia%20and%20Latin%20America> [Accessed Feb 4, 2025].
200. Voda K (2022), “Japan and U.S. in the Indo-Pacific region under the J. Biden administration”, *Problemy Dalnego Vostoka, 1*, pp.40-52, <https://doi.org/10.31857/S013128120018308-9>.
201. Voronoi (2025), *The Largest Donors of Aid to Ukraine*, <https://www.voroiapp.com/geopolitics/The-Largest-Donors-of-Aid-to-Ukraine-4186> [Accessed July 8, 2025].
202. Walt S M (2013), *Origins of Alliances*. Cornell University Press.

203. Wang H (2021), *Consensus or Conflict? China and Globalization in the 21st Century* (A. Michie, Ed.), Springer Nature.
204. Watanabe K (2025), Japan and U.S. to start joint AI cyberattack research, *Nikkei Asia*, <https://asia.nikkei.com/Spotlight/Cybersecurity/Japan-and-U.S.-to-start-joint-AI-cyberattack-research> [Accessed May 13, 2025].
205. World Population Review (2025), *US Troop Presence by Country 2025*, <https://worldpopulationreview.com/country-rankings/us-troop-presence-by-country>.
206. WSTS (2025), *WSTS Semiconductor Market Forecast Spring 2025*, <https://www.wsts.org/76/103/WSTS-Semiconductor-Market-Forecast-Spring-2025?> [Accessed Oct 21, 2025].
207. Yamaguchi M (2025), Japan links Chinese hacker MirrorFace to dozens of cyberattacks targeting security and tech data, *APNews*, <https://apnews.com/article/japan-police-cyberattack-china-government-68adcb293b2931da4c30ca0279720124> [Accessed Oct 11, 2025].
208. Zeng Y & Ye X (2025), “Threat Perception, Vision of Order, and the Logic of Changes in the US–Japan Alliance in the Post-Cold War Era”, *Chinese Journal of International Review*, 07(01), 2550002, <https://doi.org/10.1142/S2630531325500027>.

Tiếng Nhật

209. JIIA (2023), “戦略年次報告 2023: 動乱の世界 : 安定した国際安全保障と協力をどう築くか?”, 日本国際問題研究”, https://www.jiia.or.jp/strategic_comment/pdf_sar_2023/StrategicAnnualReport2023jp.pdf? [Feb 20, 2025].
210. Nikkei (2022), “弱者の日本、どう守る 安全保障の厳しい現実直視を”, <https://www.nikkei.com/article/DGXZQOCD0316E0T00C22A1000000/> [Mar 21, 2025].
211. Nikkei (2024), “岸田首相が国賓訪米に出発 日米、大統領選後にらむ”, <https://www.nikkei.com/article/DGXZQOUA051ED0V00C24A4000000/> [Jun 14, 2025].
212. Nippon (2024), “自衛官の採用数 23年度は1万人割る9959人 : 計画比で51%と過去最低に”, <https://www.nippon.com/ja/japan-data/h02075/> [Feb 14, 2025].

213. Nippon.com (2025a), “トランプ関税に戦々恐々の世界：日本も対抗策迫られる”,
<https://www.nippon.com/ja/in-depth/a10102/> [May 12, 2025].
214. Nippon.com (2025b), “日本人の7割が「日米関係は悪化」、4割が「自力で防衛を」
：戦後80年、ニッポンドットコム世論調査”,
<https://www.nippon.com/ja/in-depth/d01157/> [Oct 6, 2025].
215. 利彦青野 (2022), 日本国際政治学会編『国際政治. 国際政治のなかの同盟 206, pp.
1-16, *https://doi.org/10.11375/kokusaiseiji.206_1*.
216. 国際文化会館地経学研究所 (Ed.) (2024), *経済安全保障とは何か*, 東洋経済新報社.
217. 太高畠 (2023), “日米同盟の補完性 —同盟の経済学に基づく計量分析”, *安全保障戦略* 3(1), pp. 143-163,
[https://www.nids.mod.go.jp/publication/security/pdf/2023/202302_08.pdf?](https://www.nids.mod.go.jp/publication/security/pdf/2023/202302_08.pdf)
[Oct 15, 2025].
218. 敦彦玉置 (2025), 「西側の黄昏」後の東アジア——第二次トランプ政権の成立にあ
たって. JETRO アジア経済研究所,
[https://www.ide.go.jp/Japanese/IDEsquare/Eyes/2025/ISQ202520_002.html?](https://www.ide.go.jp/Japanese/IDEsquare/Eyes/2025/ISQ202520_002.html)
[Jun 16, 2025].
219. 松本明日香 (まつもと あすか (2021), *アメリカとアジア 新型コロナウイルス感染
症拡大下での米中対立の継続と政権交代* (No. 0), 独立行政法人 日本貿易振興機構ア
ジア経済研究所,
https://doi.org/10.24765/asiadoukou.2021.0_9.
220. 橋亮佐 (2024), *国際秩序の危機における現実主義の再登場*, 日本国際問題研究所, 1,
[https://www.jiia.or.jp/research-report/2024/06/24/us-fy2024-01.pdf?](https://www.jiia.or.jp/research-report/2024/06/24/us-fy2024-01.pdf) [Mar
23, 2025].
221. 添谷芳秀 (2021), *日本の「ミドルパワー」外交——戦後日本の選択と構想* (dai 2
satsu [2. Druck]), Chikuma Shobō.
222. 篤角南 (2024), *先端科学技術をめぐる米中覇権争いと新たな国際秩序の形成*, 国際
問題 719, ページ. pp.1-2.

CÁC TRANG WEB BỔ TRỢ

223. <https://www.mofa.go.jp/mofaj/index.html>
224. <https://asia.nikkei.com>
225. <https://www.reuters.com>
226. <https://www.war.gov>
227. <http://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?page=2>

PHỤ LỤC

**Phụ lục 1. Các quốc gia viện trợ quân sự, tài chính và nhân đạo lớn nhất
cho Ukraine từ ngày 24/1/2022 đến ngày 31/12/2024**

Đơn vị: Tỷ USD

| Xếp hạng | Quốc gia/ Nhóm nước | Quân sự | Tài chính | Nhân đạo | Tổng cộng |
|-----------------|--------------------------------|----------------|------------------|-----------------|------------------|
| 1 | Hoa Kỳ | 67,2 | 48,8 | 3,6 | 119,6 |
| 2 | EU | 52,4 | 54,6 | 11,5 | 118,5 |
| 3 | Vương quốc Anh | 10,5 | 4,0 | 0,9 | 15,5 |
| 4 | Nhật Bản | 0,1 | 9,6 | 1,3 | 11,0 |
| 5 | Canada | 2,8 | 5,4 | 0,5 | 8,7 |
| 6 | Na Uy | 1,9 | 0,9 | 0,7 | 3,5 |
| 7 | Australia | 0,9 | 0 | 0,2 | 1,1 |
| 8 | Thụy Sĩ | 0 | 0,2 | 0,8 | 1,0 |
| 9 | Hàn Quốc | 0 | 0,5 | 0,3 | 0,8 |
| 10 | Thổ Nhĩ Kỳ | 0,1 | 0 | 0 | 0,1 |
| | Tổng cộng | 135,9 | 124,1 | 19,8 | 279,7 |

Nguồn: Voronoi (2025). *The Largest Donors of Aid to Ukraine*. Truy cập ngày 10/01/2025 từ <https://www.voroiapp.com/geopolitics/The-Largest-Donors-of-Aid-to-Ukraine-4186>

**Phụ lục 2. Những chuyến thăm của lãnh đạo Hoa Kỳ đến Nhật Bản
(2021-2025)**

| Thời gian | Sự kiện |
|------------------------|--|
| Ngày 15 đến 17/03/2021 | Ngoại trưởng Antony Blinken và Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin dự đối thoại chiến lược 2+2 giữa quan chức ngoại giao và quốc phòng giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. |
| Ngày 14 đến 15/11/2021 | Bộ trưởng Thương mại Gina Raimondo đến Tokyo và lần lượt gặp gỡ Chánh văn phòng Nội các Nhật Bản Hirokazu Matsuno; Bộ trưởng Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Koichi Hagiuda; và Bộ trưởng Ngoại giao Hayashi Yoshimasa. |
| Ngày 22 đến 24/05/2022 | Tổng thống Joe Biden có chuyến thăm Tokyo với nhiều hoạt động: diện kiến Nhật Hoàng Naruhito tại cung điện Hoàng gia Tokyo, gặp gỡ Thủ tướng Fumio Kishida tại cung điện Akasaka, tham dự hội nghị thượng đỉnh nhóm QUAD cũng như các cuộc họp song phương với Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Thủ tướng Australia Anthony Albanese tại cung điện Kantei. |
| Ngày 4 đến 5/08/2022 | Chủ tịch Hạ Viện Nancy Pelosi đến thăm Tokyo trước khi kết thúc chuyến công du khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Bà Pelosi đã lần lượt gặp gỡ Thủ tướng Kishida, Chủ tịch Hạ viện Nhật Bản Hosoda Hiroyuki, tổ chức họp báo tại Đại sứ quán Hoa Kỳ, cuộc họp với doanh nghiệp Nhật Bản và quân nhân Hoa Kỳ tại căn cứ không quân Yokota. |
| Ngày 26 đến 29/09/2022 | Phó Tổng thống Kamala Harris dẫn đầu một phái đoàn cấp cao (Đại sứ Hoa Kỳ tại Nhật (2022-2025) |

| | |
|------------------------|---|
| | là Rahm Emanuel, 4 cựu Đại sứ: Bill Hagerty; Caroline Kennedy; John Roos; Tom Schieffer, Đại diện Thương mại Katherine Tai, cựu Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Michael Mullen, cựu Thứ trưởng Ngoại giao Richard Armitage và Trợ lý Tổng thống kiêm Cố vấn An ninh Quốc gia cho Phó Tổng thống Philip Gordon) đến Tokyo tham dự lễ tang cấp nhà nước của cựu Thủ tướng Shinzo Abe. |
| Ngày 16 đến 18/04/2023 | Ngoại trưởng Antony Blinken tham dự cuộc họp bộ trưởng ngoại giao nhóm G7 tại thành phố Karuizawa, tỉnh Nagano và cuộc gặp riêng với Thủ tướng Kishida tại Tokyo. |
| Ngày 1/05/2023 | Đại sứ lưu động về Chính sách kỹ thuật số và Không gian mạng, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Nathaniel C. Fick tham dự cuộc họp với ông Ishizuki Hideo, Đại sứ Nhật Bản phụ trách Chính sách mạng và Phó Tổng Giám đốc Cục Chính sách đối ngoại. |
| Ngày 18 đến 21/05/2023 | Tổng thống Joe Biden gặp gỡ Thủ tướng Kishida trước thềm Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 49 của nhóm G7 và cuộc họp với lãnh đạo nhóm QUAD tại Hiroshima. |
| Ngày 7 đến 8/11/2023 | Ngoại trưởng Antony Blinken tham dự cuộc họp bộ trưởng ngoại giao nhóm G7 và gặp riêng Thủ tướng Kishida và Bộ trưởng Ngoại giao Yōko Kamikawa tại Tokyo. |
| Ngày 12/07/2024 | Thống đốc bang Texas, Greg Abbott gặp gỡ Thống đốc Tokyo, Yuriko Koike và Thống đốc tỉnh Aichi, Hideaki Ohmura tại Tokyo. |

| | |
|------------------------|--|
| Ngày 28 đến 29/07/2024 | Ngoại trưởng Antony Blinken cùng với Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin đến Tokyo dự hội nghị bộ trưởng 2+2 với Bộ trưởng Ngoại giao Kamikawa Yōko và Bộ trưởng Quốc phòng Kihara Minoru. Tiếp đó, ông Blinken tham dự cuộc họp Bộ trưởng Ngoại giao nhóm QUAD. |
| Ngày 8 đến 11/12/2024 | Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin đến Nhật Bản với nhiều hoạt động: gặp gỡ Thủ tướng Nhật Bản Shigeru Ishiba, thăm trụ sở Quân đội Hoa Kỳ tại Nhật Bản tại căn cứ không quân Yokota, và thăm tàu sân bay USS George Washington (CVN 73). |
| Ngày 29-30/3/2025 | Bộ trưởng Chiến tranh Pete Hegseth có chuyến công du đầu tiên đến Nhật Bản trong hai ngày. Ông Hegseth đã tham dự buổi lễ tưởng niệm tại Iwo Jima và có cuộc họp với Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Gen Nakatani và gặp gỡ Thủ tướng Ishiba. |
| Từ ngày 18-19/7/2025 | Bộ trưởng Bộ Tài chính Scott Bessent đến Tokyo và gặp gỡ với Bộ trưởng Tái thiết Kinh tế Nhật Bản Akazawa Ryosei và Thủ tướng Ishiba. Ngày 19/7/2025, ông Bessent cùng phái đoàn Hoa Kỳ tham dự hội chợ hàng hóa Osaka EXPO 2025. |

Nguồn: Tổng hợp của Tác giả

**Phụ lục 3. Những chuyến thăm của lãnh đạo Nhật Bản đến Hoa Kỳ
(2021-2025)**

| Thời gian | Sự kiện |
|--------------------------|--|
| Ngày 15 đến 18/04/2021 | Thủ tướng Yoshihide Suga tham dự hội nghị thượng đỉnh với Tổng thống Biden tại thủ đô Washington. |
| Ngày 23 đến 26/09/2021 | Thủ tướng Yoshihide Suga đến Washington để dự hội nghị thượng đỉnh 4 nước nhóm QUAD lần thứ hai. |
| Ngày 31/07 đến 1/08/2022 | Thủ tướng Fumio Kishida đến New York và có bài phát biểu khai mạc tại hội nghị rà soát của Liên Hợp Quốc về hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) ở trụ sở Liên Hợp Quốc. |
| Ngày 20 đến 22/09/2022 | Thủ tướng Kishida có cuộc gặp với Tổng thống Biden bên lề cuộc họp tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc ở New York. |
| Ngày 11/01/2023 | Bộ trưởng Ngoại giao Hayashi Yoshimasa và Bộ trưởng Quốc phòng Hamada Yasukazu đến Washington để tham dự cuộc họp bộ trưởng 2+2 với Ngoại trưởng Blinken và Bộ trưởng Austin. |
| Ngày 12 đến 14/01/2023 | Thủ tướng Kishida gặp gỡ Tổng thống Joe Biden và Phó Tổng thống Kamala Harris tại thủ đô Washington. Ngoài ra, ông Kishida có bài phát biểu tại trường Nghiên cứu Quốc tế cao cấp Paul H. Nitze thuộc Đại học Johns Hopkins. |
| Ngày 17 đến 18/08/2023 | Thủ tướng Kishida tham dự cuộc họp lãnh đạo ba nước với Tổng thống Biden và Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk Yeok tại trại David, qua đó công bố hiệp ước ba bên Hoa Kỳ - Nhật Bản - Hàn Quốc. |
| Ngày 5/10/2023 | Bộ trưởng Quốc phòng Minoru Kihara gặp gỡ người đồng cấp Austin tại Washington. |

| | |
|------------------------|---|
| Ngày 14/11/2023 | Bộ trưởng Ngoại giao Kamikawa Yōko và Bộ trưởng Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Yasutoshi Nishimura tham dự cuộc họp Ủy ban Kinh tế 2+2 với Ngoại trưởng Antony Blinken và Bộ trưởng Thương mại Gina Raimondo ở San Francisco. |
| Ngày 15 đến 17/11/2023 | Thủ tướng Kishida có cuộc gặp gỡ Tổng thống Biden và Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk-yeok bên lề Hội nghị APEC ở San Francisco. |
| Ngày 12/01/2024 | Bộ trưởng Ngoại giao Kamikawa Yōko có chuyến thăm thủ đô Washington với nhiều hoạt động: gặp gỡ Ngoại trưởng Blinken, Cố vấn An ninh Quốc gia Jake Sullivan, Bộ trưởng Thương mại Gina Raimondo, trao đổi quan điểm về Phụ nữ, Hòa Bình và An ninh (WPS) với các Hạ Nghị sĩ Lois Frankel (Đảng viên đảng Dân chủ bang Florida) và Jen Kiggans (Đảng viên đảng Cộng hòa bang Virginia), phát biểu trước báo chí Hoa Kỳ và thăm nghĩa trang quốc gia Arlington. |
| Ngày 8 đến 11/04/2024 | Thủ tướng Kishida phát biểu tại cuộc họp chung của Quốc hội Hoa Kỳ và tham gia với cuộc họp ba bên với Tổng thống Biden và Tổng thống Philippines Bongbong Marcos. Tiếp đó, ông Kishida thăm cơ sở sản xuất pin của hãng xe Toyota tại Greensboro, North Carolina, đồng thời có cuộc gặp gỡ với Thống đốc bang North Carolina Roy Cooper. |
| Ngày 9 đến 11/07/2024 | Thủ tướng Kishida tham dự hội nghị thượng đỉnh NATO tại thủ đô Washington. |
| Ngày 21/09/2024 | Thủ tướng Kishida tham dự hội nghị thượng đỉnh nhóm QUAD tại thành phố Wilmington ở bang |

| | |
|--------------------|---|
| | Delaware, đồng thời phát biểu bày tỏ sự tôn trọng dành cho những nỗ lực của Tổng thống Biden trong việc chống biến đổi khí hậu, chống bệnh ung thư, chống đại dịch Covid-19. |
| Ngày 19-23/1/2025 | Bộ trưởng Ngoại giao Minister Iwaya tới Washington D.C để dự lễ nhận chức của Tổng thống Donald Trump vào ngày 20/1/2025. |
| Ngày 7/2/2025 | Thủ tướng Shigeru Ishiba có chuyến công du đầu tiên và duy nhất đến Hoa Kỳ trên cương vị thủ tướng và có cuộc gặp đầu tiên với Tổng thống Donald Trump kể từ khi ông Trump nhận chức vào tháng 1/2025. Trong khuôn khổ chuyến thăm, hai bên đã thảo luận nhiều vấn đề song phương và quốc tế, nhấn mạnh cam kết duy trì liên minh chặt chẽ. |
| Ngày 30/6-1/7/2025 | Bộ trưởng Ngoại giao Minister Iwaya tới Washington D.C để tham dự Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao QUAD. |

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Phụ lục 4. Các cuộc họp chung của lãnh đạo Hoa Kỳ và Nhật Bản về việc tham vấn chính sách hợp tác quốc phòng - an ninh song phương (2021-2025)

| Diễn đàn | Thành phần tham dự | | Mục đích | Nền tảng pháp lý |
|---|---|--|--|---|
| | Hoa Kỳ | Nhật Bản | | |
| Ủy ban Tư vấn an ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản (SCC); Ủy ban Tư vấn An ninh (2+2) | Ngoại trưởng và Bộ trưởng Quốc phòng. | Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Quốc phòng. | Nghiên cứu cách thức thúc đẩy quan hệ hai nước và đóng góp vào việc tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực an ninh, xây dựng các nền tảng hợp tác an ninh hay các lĩnh vực liên quan đến an ninh. | Căn cứ theo Điều IV của Hiệp ước An ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản. |
| Tiểu ban An ninh (SSC) | Các cuộc họp được tổ chức tùy theo lịch của các quan chức từ hai chính phủ sẽ tham gia (thường là thứ trưởng). | | Trao đổi quan điểm về các vấn đề an ninh mà hai bên cùng quan tâm. | Căn cứ theo Điều IV của Hiệp ước An ninh Hoa Kỳ - Nhật Bản. |
| Tiểu ban Hợp tác Quốc phòng (SDC) | - Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng; - Đại diện từ: Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Nhật Bản; Lực lượng Hoa Kỳ tại Nhật (USFJ); | - Tổng giám đốc Cục Các vấn đề Bắc Mỹ, Bộ Ngoại giao; - Tổng giám đốc Cục | Nghiên cứu và đánh giá các tham vấn cho hai nước bao gồm các hướng dẫn để đảm bảo các | Thành lập trong hội nghị tham vấn cấp thứ trưởng Hoa Kỳ và Nhật Bản vào |

| | | | | |
|-------------------------------------|---|--|---|--|
| | - Bộ Tham mưu Liên hợp của Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Hoa Kỳ (USINDOPACOM). | Chính sách Quốc phòng, Bộ Quốc phòng; - Đại diện của Liên Hợp Quốc. | phản ứng chung phù hợp với các hoạt động của SDF và USFJ trong các trường hợp khẩn cấp. | ngày 28/06/1996. |
| Ủy ban chung Hoa Kỳ - Nhật Bản (JC) | - Phó chỉ huy của USFJ; - Tùy viên quân sự tại Đại sứ quán Hoa Kỳ. | - Tổng giám đốc Cục Các vấn đề Bắc Mỹ, Bộ Ngoại giao; - Phó tổng giám đốc Cục Chính sách Xã hội Khu vực, Bộ Quốc phòng. | Tham vấn về việc thực hiện Thỏa thuận về tình trạng lực lượng (Status of Forces Agreement). | Điều XXV của Quy chế Thỏa thuận Lực lượng. |

Nguồn: Ministry of Defense (2024). *Defense of Japan 2024*. tr.337, Truy cập ngày 12/4/2025 từ

https://www.mod.go.jp/en/publ/w_paper/wp2024/DOJ2024_EN_Full.pdf

Phụ lục 5. Một số cuộc tập trận chung giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản (2021-2025)

| Thời gian | Nội dung hoạt động |
|--------------------------|--|
| Từ ngày 1-5/3/2021 | Tập trận chung hải quân về tác chiến chiến thuật từ vùng biển phía Nam Kanto đến phía Bắc Guam. |
| Từ ngày 25-30/6/2021 | Tập trận chung hải quân về tác chiến chiến thuật tại vùng biển phía Bắc Australia với sự tham gia của khu trục hạm USS Rafael Peralta và tàu USS Sacagawea (Hoa Kỳ); khu trục hạm JS Makinami và trực thăng SH-60K (Nhật). |
| Ngày 16/11/2021 | Tập trận hải quân chung tác chiến chống tàu ngầm tại vùng biển Nam Trung Hoa (Biển Đông). |
| Ngày 19/01/2022 | Không quân của hai nước trận chung “Southern Beach 22-2” tại căn cứ không quân Kadena, Okinawa. |
| Từ ngày 8-16/5/2022 | Tập trận chung về tác chiến chiến thuật và phòng thủ trên không tại phía Nam Kanto với sự tham gia của tàu sân bay USS Ronald Reagan và tàu tuần dương USS Antietam (Hoa Kỳ), tàu khu trục JS Teruzuki; máy bay huấn luyện tình báo điện tử UP-3D; máy bay săn ngầm P-3C (JSDF). |
| Từ ngày 1-2/11/2022 | Huấn luyện về an ninh mạng giữa Bộ chỉ huy hoạt động thông tin Hải quân Hoa Kỳ - Hawaii N3J và Nhóm An ninh truyền thông của JSDF tại căn cứ hải quân Yokosuka. |
| Từ ngày 10-19/11/2022 | Tập trận “Keen Sword 23” ở Okinawa với kịch bản tác chiến tại “vùng xám” (Grey Zone) và khả năng phản công. |
| Ngày 13-23/09/2023 | Tập trận chung “Orient Shield 23” với sự tham gia của 1200 lính Hoa Kỳ và 2300 lính của Lực lượng Phòng vệ Mặt đất Nhật Bản (JGSDF) tại Hokkaido và lãnh thổ phía Bắc nhằm cải thiện khả năng chia sẻ thông tin tình báo; tác chiến điện tử và tác chiến không gian. |

| | |
|----------------------------|--|
| Từ ngày 14-31/10/2023 | Tập trận bộ binh “Resolute Dragon 23” với sự tham gia của 3.300 lính của Lực lượng Viễn chinh Thủy quân lục chiến III của Hoa Kỳ và 4.000 lính từ Lực lượng JSDF. Nội dung diễn tập là chiến thuật phòng thủ trên đảo và sơ tán cứu hộ trên đảo Kyushu và tỉnh Okinawa. |
| Ngày 19/12/2023 | Tập trận chung không quân song phương với sự tham gia của 4 chiến đấu cơ F-16 của Hoa Kỳ và 4 chiến đấu cơ F-15 của Nhật. |
| Từ ngày 17-19/3/2024 | Tập trận hải quân “ILEX24-4” tại cảng Sasebo, Nagasaki với nội dung diễn tập hỗ trợ hậu cần tiếp tế trên biển (nhiên liệu). |
| Từ ngày 28/7-7/8/2024 | Tập trận bộ binh “Resolute Dragon 24” tại tỉnh Chugoku, đảo Kyushu, tỉnh Okinawa với sự tham gia của 3000 lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ và Lực lượng JSDF. |
| Từ ngày 30/10-1/11/2024 | Cuộc tập trận “Keen Sword 25” tại nhiều địa điểm ở Nhật Bản. Hoạt động này có sự tham gia của tất cả các binh chủng của hai phía. |
| Từ ngày 13-15/11/2024 | Tập trận trên không tại căn cứ không quân Kanoya và biển gần Shikoku về chiến thuật chống tàu ngầm, với sự tham gia của Máy bay trinh sát Boeing P-8 Poseidon (Hoa Kỳ) và Máy bay chống ngầm Kawasaki P-1 (Nhật Bản). |
| Ngày 27/2/2025 | Hải quân Hoa Kỳ (USN) và Lực lượng Phòng vệ Biển Nhật Bản (JMSDF) tiến hành tập trận y tế tại bệnh viện Yokosuka của Lực lượng Phòng vệ Biển Nhật Bản. Nội dung gồm: phân loại và điều trị người bị thương; quy trình phối hợp và chia sẻ thông tin giữa JMSDF và các cơ sở y tế của USN trong quá trình vận chuyển người bị thương. |
| Từ ngày 19/2-7/3/2025 | Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ và Lực lượng phòng vệ mặt đất Nhật Bản tham gia cuộc tập trận song phương trên các đảo phía Tây Nam của Nhật Bản (Okinawa đến Kyush). |

| | |
|----------------------|---|
| Ngày 3/4/2025 | Hải quân Hoa Kỳ (USN) và Lực lượng Phòng vệ Biển Nhật Bản (JMSDF) đã tiến hành một cuộc tập trận song phương ở phía Nam quần đảo Okinawa. |
| Từ ngày 23-28/4/2025 | Hải quân Hoa Kỳ và Lực lượng phòng vệ trên biển của Nhật Bản tập trận tại phía Nam quần đảo Nansei đến Tây Thái Bình Dương. |
| Ngày 8/6/2025 | Lực lượng Tuần duyên Hoa Kỳ (USCG) và Lực lượng phòng vệ Biển của Nhật Bản tham gia cuộc tập trận “(ILEX25” tại phía Nam đảo Honshu. |
| Từ ngày 11-12/7/2025 | Hải quân Hoa Kỳ (USN) và Lực lượng Phòng vệ Biển Nhật Bản (JMSDF) đã tiến hành một cuộc tập trận song phương chống tàu ngầm ở ngoài khơi bờ biển Boso. |
| Ngày 15/8/2025 | Hải quân Hoa Kỳ (USN) và Lực lượng phòng vệ Biển Nhật Bản (JMSDF) tập trận song phương tại phía Tây đảo Kyushu. |
| Ngày 27/8/2025 | Tập trận song phương nhằm tăng cường phối hợp ứng phó khẩn cấp giữa Không quân Hoa Kỳ và Lực lượng Phòng vệ Trên không Nhật Bản tại căn cứ Không quân Kaneda. |
| Từ ngày 4-5/9/2025 | Hải quân Hoa Kỳ và Lực lượng Phòng vệ trên biển của Nhật Bản tổ chức cuộc tập trận “The Indo-Pacific Deployment 2025” (IPD25) tại khu vực lân cận đảo Guam. Mục đích nhằm tăng cường hợp tác song phương để hướng tới hiện thực hóa một “Án Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng”. |

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

**Phụ lục 6. Một số cuộc tập trận đa phương mà Hoa Kỳ và Nhật Bản
đã tham gia trong giai đoạn 2021-2025**

| Thời gian | Nội dung hoạt động |
|------------------------------|---|
| Từ ngày 5-7/4/2021 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Australia, Ấn Độ tham gia tập trận hải quân “La Perouse 21” tại vịnh Bengal nhằm huấn luyện tác chiến trên không, trên biển và tiếp tế trên biển. |
| Từ ngày 11-16/5/2021 | Hoa Kỳ, Pháp và Nhật Bản tập trận chung ba nước với tên gọi “ARC21” ở phía Tây Nam Nhật Bản (khu vực diễn tập Kirishima, vùng biển và không phận phía Tây vùng Kyushu). Số lượng khoảng 100 lính thủy đánh bộ Nhật Bản, 60 lính từ quân đội Pháp và Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ diễn tập các tình huống tác chiến trong đô thị và tác chiến đổ bộ theo kịch bản bảo vệ một hòn đảo xa xôi trước các cuộc tấn công bên ngoài. |
| Từ ngày 25-26/8/2021 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Anh, Hà Lan tiến hành tập trận “Pacific Crown 21” tại phía Nam Okinawa. |
| Từ ngày 26-29/08/2021 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ tập trận hải quân “Malabar 2021” giai đoạn I tại biển Philippines với sự tham gia của các tàu chiến: tàu sân bay USS Carl Vinson cùng với hai tàu khu trục (USS Lake Champlain và USS Stockdale) (Hoa Kỳ), JS Kaga và JS Murasame (Nhật), INS Ranvijay; INS Satpura; máy bay tuần tra hàng hải tầm xa P8-I và một tàu ngầm (Ấn Độ), HMAS Ballarat và HMAS Sirius (Australia). |
| Tháng 9 đến tháng 10/2021 | Hoa Kỳ, Nhật Bản và Philippines diễn tập các hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai trong các cuộc tập trận “Kamandag 21” và “Sama Sama 21”. |
| Từ ngày 12-15/10/2021 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ tập trận hải quân “Malabar 2021” giai đoạn II tại vịnh Bengal với sự tham |

| | |
|--|---|
| | gia của các tàu chiến: USS Carl Vinson (Hoa Kỳ); JS Kaga và JS Murasame (Nhật); INS Ranvijay (Ấn Độ); HMAS Ballarat (Australia). |
| Từ ngày 15-18/10/2021 | Hoa Kỳ, Australia, Nhật Bản và Anh tập trận hải quân đa phương “MPX” tại phía Đông Ấn Độ Dương, nội dung gồm nâng cao lập kế hoạch tác chiến chung, diễn tập liên lạc hàng hải tiên tiến, diễn tập chống tàu ngầm (ASW), tác chiến trên không và tiếp tế trên biển. |
| Từ ngày 5-20/1/2022 | Nhóm QUAD cùng với Canada và Hàn Quốc tập trận hải quân “Sea Dragon 22” tại đảo Guam với nội dung huấn luyện tác chiến chống tàu ngầm (ASW). |
| Từ ngày 2-18/2/2022 | Không quân của Hoa Kỳ, Nhật Bản và Australia tham gia diễn tập “Cope North 22” về hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai (HA/DR), triển khai lực lượng lớn và huấn luyện chiến đấu trên không tại căn cứ Trân Châu Cảng, Hawaii. |
| Từ ngày 25-28/2/2022; từ ngày 1-4/3/2022 | Hoa Kỳ và Nhật Bản tham gia cuộc tập trận hàng hải “Milan-2022” do hải quân Ấn Độ tổ chức ở vịnh Bengal. Sự kiện này diễn ra hai giai đoạn: diễn tập ở cảng 25-28/2 và diễn tập trên biển 1-4/3/2022. |
| Từ ngày 8-14/8/2022 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Canada tập trận hải quân “Pacific Dragon 22” tại Hawaii với nội dung diễn tập phòng thủ tên lửa bằng tên lửa đạn đạo tầm ngắn (SM-3) Block IA. |
| Từ ngày 4-8/10/2022 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Canada tập trận hải quân “Noble Mist 22” tại biển Nam Trung Hoa (Biển Đông) về tác chiến chống tàu ngầm. |
| Từ ngày 8-15/11/2022 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ tập trận hải quân “Malabar 2022” tại vùng biển miền Trung, Nhật Bản với nội dung tác chiến chống tàu ngầm, tác chiến phòng không và tiếp tế trên biển. |

| | |
|--------------------------|--|
| Từ ngày 1-12/7/2023 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia tổ chức tập trận “Pacific Vanguard 23” gần đảo Guam nhằm tăng cường tác chiến chống tàu ngầm, chiến đấu trên không, diễn tập bắn tên lửa. |
| Từ ngày 11-21/8/2023 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ tập trận hải quân “Malabar 2023” với hai giai đoạn: từ 11-15/8 diễn tập ở cảng Sydney và từ 16-21/8 diễn tập trên biển phía Đông Australia. |
| Từ ngày 15-17/1/2024 | Hải quân Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc tập trận ba bên tại phía Nam đảo Jeju (vùng biên quốc tế giữa Bán đảo Triều Tiên và Nhật Bản). |
| Từ ngày 27-29/06/2024 | Hoa Kỳ, Nhật, Hàn Quốc tổ chức cuộc tập trận hải quân “Freedom Edge 24-1” tập trung vào nội dung phòng thủ tên lửa đạn đạo, phòng thủ trên không, chiến tranh chống tàu ngầm, tìm kiếm cứu nạn, huấn luyện phòng thủ mạng internet. |
| Từ ngày 13/11/2024 | Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc tổ chức cuộc tập trận chung hải quân “Freedom Edge 24-2” nhằm tiếp tục thúc đẩy tác chiến ba bên tại khu vực bán đảo Triều Tiên nói riêng và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nói chung. |
| Ngày 10-18/02/2025 | Hải quân Hoa Kỳ, Pháp và Lực lượng phòng vệ Nhật Bản tổ chức tập trận chung “Pacific Steller 2025” tại biển Philippines. |
| Ngày 17-20/3/2025 | Hải quân Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản tập trận ba bên tại đảo Jeju, Hàn Quốc gồm: tập trận nhóm, liên lạc trên biển tiên tiến, huấn luyện tác chiến ngăn chặn trên biển, diễn tập không chiến, trao đổi nhân sự và các hoạt động phối hợp khác. |

| | |
|----------------------------------|---|
| <p>Từ ngày 4-12/8/2025</p> | <p>Các tàu chiến: nhóm tàu tác chiến tàu sân bay George Washington và tàu tấn công đổ bộ USS America (LHA-6) của Hoa Kỳ; nhóm tàu sân bay CSG của Anh Quốc, nhóm tàu tác chiến Kaga của Nhật Bản tiến hành tập trận tại biển Philippines cùng với hải quân Australia, Na Uy và Tây Ban Nha. Nội dung bao gồm các hoạt động tập trận chiến thuật, tập trận chống tàu ngầm và các cuộc tập trận trên boong tàu.</p> |
| <p>Từ ngày 15-19/09/2025</p> | <p>Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc tổ chức cuộc tập trận chung hải quân “Freedom Edge” tại ngoài khơi đảo Jeju, Hàn Quốc. Mục đích chính nhằm tăng cường năng lực tác chiến tổng hợp của ba nước trên biển, trên không và không gian mạng. Ngoài ra, đây cũng là hoạt động mà ba nước cho là cần thiết để chống lại các mối đe dọa hạt nhân và tên lửa tại Bắc Triều Tiên.</p> |

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

**Phụ lục số 7. Tuyên bố chung các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ - Nhật Bản:
Đối tác toàn cầu cho tương lai (United States - Japan Joint Leaders'
Statement Global partners for the future) (10/4/2024)**

**UNITED STATES - JAPAN JOINT LEADERS' STATEMENT
GLOBAL PARTNERS FOR THE FUTURE**

Over the course of the last three years, the U.S. - Japan Alliance has reached unprecedented heights. We arrived at this historic moment because our nations, individually and together, took courageous steps to strengthen our collective capacity in ways that would have seemed impossible just a few years ago. Today, we, President Joseph R. Biden, Jr. and Prime Minister KISHIDA Fumio, celebrate this new era of U.S. - Japan strategic cooperation during the Prime Minister's Official Visit and State Dinner in Washington, D.C. and pledge that the United States and Japan will continue our tireless work, together and with other partners, to realize a free and open Indo - Pacific and world.

In this new era of U.S. - Japan cooperation, we recognize that global events affect the security and stability of the Indo - Pacific, and that developments in our shared region reverberate around the world. We are therefore working together, across all domains and at all levels, to build a global partnership that is fit for purpose to address the complex, interconnected challenges of today and tomorrow for the benefit of our two countries and the world. As our Alliance cooperation reaches new heights, we are expanding our engagement to reflect the global nature of our partnership.

At the core of our cooperation is a shared commitment to work with like-minded partners and multilateral institutions to address common challenges and to ensure a world that is free, open, connected, resilient, and secure. These joint efforts are based on our shared fundamental respect for international law, including the protection and promotion of human rights and dignity, the sovereignty and territorial integrity of all states, and the prohibition on acquisition of territory by force. Our purpose as partners is to uphold and bolster the free and open international order

based on the rule of law that has allowed so many nations to develop and prosper, and to ensure our Alliance is equipped to tackle the challenges of the 21st century.

To advance our global partnership, today we announce several new strategic initiatives to strengthen our defense and security cooperation; reach new frontiers in space; drive technology innovation; bolster economic security; accelerate climate action; partner on global diplomacy and development; and fortify the ties between our peoples. Through our global partnership, we are also synchronizing our strategies, and our two nations have never been more united as we work together to address the most pressing challenges and opportunities of the future.

Strengthening our Defense and Security Cooperation

The core of our global partnership is our bilateral defense and security cooperation under the Treaty of Mutual Cooperation and Security, which is stronger than ever. We affirm that our Alliance remains the cornerstone of peace, security, and prosperity in the Indo - Pacific. President Biden reiterated the unwavering commitment of the United States to the defense of Japan under Article V of the Treaty, using its full range of capabilities, including nuclear capabilities. Prime Minister Kishida reaffirmed Japan's unwavering commitment to fundamentally reinforce its own defense capabilities and roles, and to enhance its close coordination with the United States under the Treaty. President Biden also reaffirmed that Article V applies to the Senkaku Islands. We reiterated our strong opposition to any attempts by the People's Republic of China (PRC) to unilaterally change the status quo by force or coercion in the East China Sea, including through actions that seek to undermine Japan's longstanding and peaceful administration of the Senkaku Islands. We welcome the progress in optimizing Alliance force posture in areas including the Southwestern Islands to strengthen U.S. - Japan deterrence and response capabilities, and we confirm the importance of further advancing this initiative.

The United States welcomes the steps Japan is taking to fundamentally enhance its defense capabilities, including its plans to increase the budget for its defense capabilities and complementary initiatives to two percent of GDP in

Japanese Fiscal Year (JFY) 2027 in accordance with Japan's National Security Strategy, its decision to possess counterstrike capabilities, and its plans to stand up the Japan Self-Defense Forces (JSDF) Joint Operations Command to enhance command and control of the JSDF. Together, these initiatives elevate our defense ties to unprecedented levels and launch a new era of U.S. - Japan security cooperation, strengthening our Alliance and contributing to stability in the Indo - Pacific.

Today, we announce several new strategic initiatives to further advance our Alliance. Recognizing the speed at which regional security challenges evolve and to ensure our bilateral Alliance structures meet these critical changes, we announce our intention to bilaterally upgrade our respective command and control frameworks to enable seamless integration of operations and capabilities and allow for greater interoperability and planning between U.S. and Japanese forces in peacetime and during contingencies. More effective U.S. - Japan Alliance command and control will strengthen deterrence and promote a free and open Indo - Pacific in the face of pressing regional security challenges. We call on our respective defense and foreign ministries to develop this new relationship through the Security Consultative Committee (our security "2+2"). In support of this vision, we also reaffirm our goal to deepen Intelligence, Surveillance, and Reconnaissance cooperation and Alliance information sharing capabilities, including through the Bilateral Information Analysis Cell.

We will also continue to implement efforts to strengthen our Alliance force posture, build high-end base capabilities, and increase preparedness that are necessary to deter and defend against threats. We resolve to deepen bilateral cooperation toward the effective development and employment of Japan's suite of counterstrike capabilities, including the provision of U.S. materiel and technological support to enhance Japan's indigenous stand-off programs. The United States expressed its commitment to start the training pipeline and ship modifications for Japan to acquire operational capability of the Tomahawk Land Attack Missile (TLAM) system. We also reaffirmed our pursuit of a Glide Phase Interceptor (GPI) cooperative development program to counter high-end, regional hypersonic threats.

As our countries strengthen our bilateral ties, we will continue to build our relationships with like-minded partners in the region. Today, we announce our vision to cooperate on a networked air defense architecture among the United States, Japan, and Australia to counter growing air and missile threats. Recognizing Japan's strengths and the close bilateral defense partnerships with the AUKUS countries, AUKUS partners - Australia, the United Kingdom, and the United States - are considering cooperation with Japan on AUKUS Pillar II advanced capability projects. Continuing the momentum from the Camp David Summit, we welcome progress on establishing an annual multidomain exercise between the United States, Japan, and the Republic of Korea (ROK). Recognizing the commitments made in the Atlantic Declaration and the Hiroshima

Accord, and as the Indo - Pacific and Euro - Atlantic regions become ever more interlinked, we welcome the announcement of regular U.S. - Japan - UK trilateral exercises, beginning in 2025, as we enhance our shared and enduring security. Building on the announcement at the Australia Official Visit in October to pursue trilateral cooperation with Japan on unmanned aerial systems, we are exploring cooperative opportunities in the rapidly emerging field of collaborative combat aircraft and autonomy.

The United States welcomes Japan's revision of the Three Principles on the Transfer of Defense Equipment and Technology and its Implementation Guidelines, which bolsters cooperation through joint development and production to enhance our deterrence capabilities in the region. To leverage our respective industrial bases to meet the demand for critical capabilities and maintain readiness over the long term, we will convene a Forum on Defense Industrial Cooperation, Acquisition and Sustainment (DICAS) co-led by the U.S. Department of Defense and Japan's Ministry of Defense to identify priority areas for partnering U.S. and Japanese industry, including co-development and co-production of missiles and co-sustainment of forward-deployed U.S. Navy ships and U.S. Air Force aircraft, including fourth generation fighters, at Japanese commercial facilities, in coordination with relevant ministries. This forum, in conjunction with our existing Defense Science and Technology Cooperation Group, will better integrate and align our defense industrial

policy, acquisition, and science and technology ecosystems. The DICAS will provide updates on progress to the foreign and defense ministers in the security “2+2.” We also commit to establishing a working group to explore opportunities for future fighter pilot training and readiness, including AI and advanced simulators, and co-development and co-production of cutting-edge technologies such as common jet trainers to maintain combat-ready next-generation fighter airpower.

We reaffirm the critical importance of continuing to enhance U.S. extended deterrence, bolstered by Japan’s defense capabilities, and will further strengthen bilateral cooperation. In this regard, we call on our respective foreign and defense ministers to hold in-depth discussions on extended deterrence on the occasion of the next security “2+2” meeting.

We continue to deepen our cooperation on information and cyber security to ensure that our Alliance stays ahead of growing cyber threats and builds resilience in the information and communication technology domain. We also plan on enhancing our cooperation on the protection of critical infrastructure.

Recognizing the importance of rapidly responding to frequent and severe climate change-related and other natural disasters, we plan to explore cooperation on the establishment of a humanitarian assistance and disaster relief hub in Japan.

In order to maintain deterrence and mitigate impact on local communities, we are firmly committed to the steady implementation of the realignment of U.S. forces in Japan in accordance with Okinawa Consolidation Plan, including the construction of the Futenma Replacement Facility at Henoko as the only solution that avoids the continued use of Marine Corps Air Station Futenma.

Reaching New Frontiers in Space

Our global partnership extends to space, where the United States and Japan are leading the way to explore our solar system and return to the Moon. Today, we welcome the signing of a Lunar Surface Exploration Implementing Arrangement, in which Japan plans to provide and sustain operation of a pressurized lunar rover while the United States plans to allocate two astronaut flight opportunities to the lunar surface for Japan on future Artemis missions. The leaders announced a shared goal for a Japanese national to be the first non-American astronaut to land on the

Moon on a future Artemis mission, assuming important benchmarks are achieved. The United States and Japan plan to deepen cooperation on astronaut training to facilitate this goal while managing the risks of these challenging and inspiring lunar surface missions. We also announce bilateral collaboration on a Low Earth Orbit detection and tracking constellation for missiles such as hypersonic glide vehicles, including potential collaboration with U.S. industry.

Leading on Innovation, Economic Security, and Climate Action

The United States and Japan aim to maximally align our economic, technology, and related strategies to advance innovation, strengthen our industrial bases, promote resilient and reliable supply chains, and build the strategic emerging industries of the future while pursuing deep emissions reductions this decade. Building on our efforts in the U.S. - Japan Competitiveness and Resilience (CoRe) Partnership, including through the U.S.-Japan Economic Policy Consultative Committee (our economic “2+2”), we intend to sharpen our innovative edge and strengthen our economic security, including by promoting and protecting critical and emerging technologies.

The United States and Japan welcome our robust economic and commercial ties through mutual investment, including Microsoft’s \$2.9 billion investment in Japan on AI and cloud infrastructure, workforce training, and a research lab; and Toyota’s recent additional \$8 billion battery production investment for a cumulative \$13.9 billion investment in North Carolina. Japan is the top foreign investor in the United States with nearly \$800 billion in foreign direct investment, and Japanese companies employ nearly 1 million Americans across all 50 states. Similarly, as a top foreign investor in Japan for many years, the United States is supporting Japan’s economic growth, and as two of the world’s largest financial sectors, we commit to strengthening our partnership to bolster cross-border investment and support financial stability. As robust and creative economies, we also plan to accelerate investment in our respective start-up environments to foster innovation through the “Japan Innovation Campus” in Silicon Valley and the “Global Startup Campus” to be established in Tokyo, and in companies that take actions toward sustainable value creation (SX). We welcome our new Japan - U.S. personnel exchange

programs on startups and venture capital firms under the Global Innovation through Science and Technology (GIST) initiative.

We are committed to strengthening our shared role as global leaders in the development and protection of next-generation critical and emerging technologies such as AI, quantum technology, semiconductors, and biotechnology through research exchange and private investment and capital finance, including with other like-minded partners. We welcome our collaboration on AI for Science between Riken and Argonne National Laboratory (ANL) founded on the revised project arrangement.

We applaud the establishment of \$110 million in new AI research partnerships - between the University of Washington and University of Tsukuba and between Carnegie Mellon University and Keio University - through funding from NVIDIA, Arm, Amazon, Microsoft, and a consortium of Japanese companies. We are committed to further advancing the Hiroshima AI Process and strengthening collaboration between the national AI Safety Institutes.

Building on our long history of semiconductor cooperation, we intend to establish a joint technology agenda for cooperation on issues such as research and development, design, and workforce development. We also welcome the robust cooperation between and with our private sectors, especially in next-generation semiconductors and advanced packaging. We also plan to work together along with like-minded countries to strengthen global semiconductor supply chains, particularly for mature node (“legacy”) semiconductors through information-sharing, coordination of policies, and addressing vulnerabilities stemming from non-market policies and practices. We also celebrate the signing of a Memorandum of Cooperation between Japan’s National Institute of Advanced Industrial Science and Technology (AIST) and the U.S. National Institute of Standards and Technology (NIST) as a first step in bilateral cooperation on quantum computing.

Building on the Indo - Pacific Economic Framework for Prosperity (IPEF) and our respective leadership of the G7 and Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) last year, we continue to advance resilience, sustainability, inclusiveness, economic growth, fairness, and competitiveness for our economies. We applaud the

recent entry into force of the IPEF Supply Chain Agreement. We will continue to seek cooperation on critical minerals projects, including those along the Partnership for Global Infrastructure and Investment Lobito Corridor, and through the Minerals Security Partnership (MSP) as well as the Partnership for Resilient and Inclusive Supply-chain Enhancement (RISE). We are cooperating to deter and address economic coercion, through our bilateral cooperation as well as through our work with like-minded partners including the G7 Coordination Platform on Economic Coercion. We are working to uphold a free, fair and rules-based economic order; address non-market policies and practices; build trusted, resilient, and sustainable supply chains; and promote open markets and fair competition under the U.S. - Japan economic “2+2” and the U.S. - Japan Commercial and Industrial Partnership. We will advance our commitment to operationalize data free flow with trust, including with respect to data security. We will also discuss the promotion of resilient and responsible seafood supply chains.

The United States and Japan recognize that the climate crisis is the existential challenge of our time and intend to be leaders in the global response. Towards our shared goal of accelerating the clean energy transition, we are launching a new high-level dialogue on how we implement our respective domestic measures and maximize their synergies and impacts, including the U.S. Inflation Reduction Act and Japan’s Green Transformation (GX) Promotion Strategy aimed at accelerating energy transition progress this decade, promoting complementary and innovative clean energy supply chains and improving industrial competitiveness. Today we announce Japan joins as the first international collaborator of the U.S. Floating Offshore Wind Shot. We intend to work together towards global ambition in line with the Wind Shot, taking into consideration national circumstances, through the Clean Energy and Energy Security Initiative (CEESI) to pursue innovative breakthroughs that drive down technology costs, accelerate decarbonization, and deliver benefits for coastal communities. The United States welcomes Japan’s newly-launched industry platform, the Floating Offshore Wind Technology Research Association (FLOWRA), aiming to reduce costs and achieve mass production of floating offshore wind through collaboration with academia.

We are further leading the way in developing and deploying next generation clean energy technology, including fusion energy development through the announcement of a U.S. - Japan Strategic Partnership to Accelerate Fusion Energy Demonstration and Commercialization.

The United States remains unwavering in its commitment to support the energy security of Japan and other allies, including its ability to predictably supply LNG while accelerating the global transition to zero-emissions energy and working with other fossil energy importers and producers to minimize methane emissions across the fossil energy value chain to the fullest extent practicable.

We intend to advance widespread adoption of innovative new clean energy technologies, and seek to increase the globally available supply of sustainable aviation fuel or feedstock, including those that are ethanol-based, that show promise in reducing emissions.

We are also working to align global health security and innovation, including in such areas as pandemic prevention, preparedness, and response and promoting more resilient, equitable, and sustainable health systems. Today, we announce that the U.S. Food and Drug Administration and the Japan's Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA) intend to collaborate and exchange information on oncology drug products to help cancer patients receive earlier access to medications and to discuss future drug development and ways to prevent drug shortages. We welcome PMDA's future representative office in Washington, D.C., to facilitate this cooperation.

Partnering on Global Diplomacy and Development

The challenges we face transcend geography. The United States and Japan are steadfast in our commitment to upholding international law, including the UN Charter, and call for all Member States to uphold the Charter's purposes and principles, including refraining from the threat or use of force against the territorial integrity or political independence of any State. We remain committed to reforming the UN Security Council (UNSC), including through expansion in permanent and non-permanent categories of its membership. President Biden reiterated support for Japan's permanent membership on a reformed UNSC.

We reaffirm our commitment made in Hiroshima last year and are determined to further promote our cooperation in the G7 and work together with partners beyond the G7.

We emphasize the importance of all parties promoting open channels of communication and practical measures to reduce the risk of misunderstanding and miscalculation and to prevent conflict in the Indo - Pacific. In particular, we underscore the importance of candid communication with the PRC, including at the leader level, and express the intent to work with the PRC where possible on areas of common interest.

We emphasize the importance of all States being able to exercise rights and freedoms in a manner consistent with international law as reflected in the United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS), including freedom of navigation and overflight. We strongly oppose any unilateral attempts to change the status quo by force or coercion, including destabilizing actions in the South China Sea, such as unsafe encounters at sea and in the air as well as the militarization of disputed features and the dangerous use of coast guard vessels and maritime militia. The PRC's recent dangerous and escalatory behavior supporting its unlawful maritime claims in the South China Sea as well as efforts to disrupt other countries' offshore resource exploitation are inconsistent with international law as reflected in UNCLOS. We also emphasize that the 2016 South China Sea Arbitral Award is final and legally binding on the parties to that proceeding. We resolve to work with partners, particularly in ASEAN, to support regional maritime security and uphold international law.

We emphasize that our basic positions on Taiwan remain unchanged and reiterate the importance of maintaining peace and stability across the Taiwan Strait as an indispensable element of global security and prosperity. We encourage the peaceful resolution of cross-Strait issues.

We continue working together with partner countries to make concrete progress in strengthening the international financial architecture and fostering investment under the Partnership for Global Infrastructure and Investment. We are committed to delivering better, bigger, more effective multilateral development banks including through our planned contributions that would enable more than \$30

billion in new World Bank lending and securing ambitious International Development Association and Asian Development Fund replenishments. We also emphasize the importance of private sector investment in the Indo - Pacific. We welcome the announcement of Google's \$1 billion investment in digital connectivity for North Pacific Connect, which expands the Pacific Connect Initiative, with NEC, to improve digital communications infrastructure between the United States, Japan and Pacific Island Nations. Building on the U.S. - Australia joint funding commitment for subsea cables last October, the United States and Japan plan to collaborate with like-minded partners to build trusted and more resilient networks and intend to contribute funds to provide subsea cables in the Pacific region, including \$16 million towards cable systems for the Federated States of Micronesia and Tuvalu.

We reaffirm our steadfast commitment to the Quad and its shared vision of a free and open Indo - Pacific that is stable, prosperous, and inclusive which continues to deliver results for the region. We reiterate the Quad's unwavering support and respect for regional institutions, including ASEAN, the Pacific Islands Forum (PIF), and the Indian Ocean Rim Association. We also reaffirm our support for ASEAN centrality and unity as well as the ASEAN Outlook on the Indo - Pacific. Southeast Asian countries are critical partners in the Indo-Pacific and the U.S. - Japan - Philippines trilateral aims to enhance trilateral defense and security cooperation while promoting economic security and resilience. Japan and the United States reaffirmed our intention to work to support the region's priorities as articulated through the 2050 Strategy for the Blue Pacific Continent, including through the PIF as the Pacific's preeminent institution as well as through the Partners in the Blue Pacific (PBP).

As we pursue our shared vision of a free and open Indo - Pacific, we continue to build strong ties between key, like-minded partners in the region. Building on the historic success of the Camp David Trilateral Summit, the United States, Japan and the Republic of Korea continue to collaborate on promoting regional security, strengthening deterrence, coordinating development and humanitarian assistance, countering North Korea's illicit cyber activities, and

deepening our cooperation including on economic, clean energy, and technological issues. The United States and Japan also remain committed to advancing trilateral cooperation with Australia to ensure a peaceful and stable region.

We reaffirm our commitment to the complete denuclearization of North Korea in accordance with relevant UNSC resolutions. We strongly condemn North Korea's continued development of its ballistic missile program - including through launches of intercontinental ballistic missiles (ICBM) and space launch vehicles using ballistic missile technologies - which poses a grave threat to peace and security on the Korean Peninsula and beyond. We call on North Korea to respond to continued, genuine offers to return to diplomacy without preconditions. We call on all UN Member States to fully implement all relevant UNSC resolutions, especially in light of Russia's recent veto. We urge North Korea to cease illicit activities that generate revenue for its unlawful ballistic missile and weapons of mass destruction programs, including malicious cyber activities. President Biden also reaffirms U.S. commitment to the immediate resolution of the abductions issue, and the two sides commit to continuing joint efforts to promote respect for human rights in North Korea.

We continue to stand together in firm opposition to Russia's brutal war of aggression against Ukraine, its strikes against Ukraine's infrastructure and the terror of Russian occupation. We are committed to continuing to impose severe sanctions on Russia and provide unwavering support for Ukraine. Together, we reiterate our call on Russia to immediately, completely, and unconditionally withdraw its forces from within the internationally recognized borders of Ukraine. Any threat or use of nuclear weapons in the context of its war of aggression against Ukraine by Russia is unacceptable. We also express serious concerns about growing North Korea - Russia military cooperation, which is supporting Russia's war of aggression against Ukraine and threatens to undermine peace and stability in Northeast Asia as well as the global non-proliferation regime.

As the linkages between the Euro - Atlantic and the Indo - Pacific regions have become stronger than ever, our two countries look forward to continuing to work together to enhance Japan - North Atlantic Treaty Organization (NATO) and NATO - Indo - Pacific Four partnerships.

We once again unequivocally condemn the terror attacks by Hamas and others on October 7 of last year, and reaffirm Israel's right to defend itself and its people consistent with international law. At the same time, we express our deep concern over the critical humanitarian situation in the Gaza Strip. We affirm the imperative of securing the release of all hostages held by Hamas, and emphasize that the deal to release hostages would bring an immediate and prolonged ceasefire in Gaza. We affirm the imperative of realizing an immediate and sustained ceasefire in Gaza over a period of at least six weeks as part of a deal that would release hostages held by Hamas and allow for delivery of essential additional humanitarian assistance to Palestinians in need. We underscore the urgent need to significantly increase deliveries of life-saving humanitarian assistance throughout Gaza and the crucial need to prevent regional escalation. We reiterate the importance of complying with international law, including international humanitarian law, as applicable, including with regard to the protection of civilians. We remain committed to an independent Palestinian state with Israel's security guaranteed as part of a two-state solution that enables both Israelis and Palestinians to live in a just, lasting, and secure peace.

We reaffirm the importance of supporting inclusive growth and sustainable development in Latin America and the Caribbean. We continue to enhance policy coordination in the region, in particular on Haiti and Venezuela. We also recognize that promoting the stability and security for Haiti is one of the most pressing challenges in the Western Hemisphere, and we continue to support Haiti in restoring democratic order.

We also support African aspirations for peace, stability, and prosperity based on the rule of law. We continue to work together to support the democratic process and economic growth through our respective efforts, including our cooperation with African countries, Regional Economic Communities, the African Union, and multilateral organizations.

The United States and Japan are resolved to achieve a world without nuclear weapons through realistic and pragmatic approaches. It is critical that the overall decline in global nuclear arsenals achieved since the end of the Cold War continues

and not be reversed, and the PRC's accelerating build-up of its nuclear arsenal without transparency nor meaningful dialogue poses a concern to global and regional stability. We reaffirm the importance of upholding the Treaty on the Non-Proliferation of Nuclear Weapons (NPT) as the cornerstone of the global nuclear disarmament and non-proliferation regime and for the pursuit of peaceful uses of nuclear energy.

In promoting this universal goal of achieving a world without nuclear weapons, Japan's "Hiroshima Action Plan" and the "G7 Leaders' Hiroshima Vision on Nuclear Disarmament" are welcome contributions. The two leaders also welcomed the U.S. announcement to join the Japan - led "Fissile Material Cut-off Treaty Friends" initiative. We reaffirm the indispensable role of the peaceful uses of nuclear technology, committing to fostering innovation and supporting the International Atomic Energy Agency's efforts in upholding the highest standards of safety, security, and safeguards. President Biden commended Japan's safe, responsible, and science-based discharge of Advanced Liquid Processing System treated water at Tokyo Electric Power Company's Fukushima Daiichi Nuclear Power Station into the sea. Our two countries plan to launch the Fukushima Daiichi Decommissioning Partnership focusing on research cooperation for fuel debris retrieval.

To effectively address the myriad challenges outlined above, our global partnership is launching a Deputy Secretary of State/Vice Minister for Foreign Affairs - level dialogue involving our respective aid agencies to align our diplomatic and development efforts globally.

Fortifying People-to-People Ties

People-to-people exchanges are the most effective way to develop the future stewards of the U.S. - Japan relationship. In this regard, we recognize the achievements of exchange programs between our two countries, including the Japan Exchange and Teaching (JET) Programme, KAKEHASHI Project, the Japan Foundation's programs, and the U.S. - Japan Council's TOMODACHI Initiative, and commit ourselves to providing more opportunities to meet today's needs, including through enhanced subnational exchanges on critical issues such as climate

and energy. We also recognize the important role civil society has played in strengthening the U.S. - Japan relationship over the past 170 years, including the 38 Japan - America Societies across the United States, the Asia Society, and the 29 America - Japan Societies across Japan.

Building on the Memorandum of Cooperation in Education signed between us on the sidelines of the G7 Leaders' Summit in Hiroshima, today we announce our commitment to increase student mobility through the new \$12 million "Mineta Ambassadors Program (MAP)" education exchange endowment administered by the U.S. - Japan Council for U.S. and Japanese high school and university students who will "map" the future of the relationship with support from Apple, the BlackRock Foundation, Toshizo Watanabe Foundation, and other founding donors. In this regard, we also welcome Japan's new initiative to expand scholarship for Japanese students through the Japan Student Servicers Organization.

We recognize the significant contributions made by the binational Japan - U.S. Educational Commission (Fulbright Japan) over the past 72 years. We welcome recent changes to upgrade the program by reopening scholarships to Science, Technology, Engineering, and Math (STEM) fields for the first time in 50 years, with the first STEM students on track to participate in academic year 2025-26, as well as removing the tuition cap for Japanese Fulbright participants to attract the highest quality students and researchers.

Celebrating the 30th anniversary of the establishment of the Mansfield Fellowship Program, we honor the legacy of Ambassador Mansfield's contributions through the University of Montana Mansfield Center and Mansfield Foundation. The two leaders also welcome the creation of the Government of Japan endowed Mansfield Professor of Japanese and Indo - Pacific Affairs at the University of Montana.

Upon the 100th anniversary of the birth of the late Senator Daniel K. Inouye, who made incredible contributions to our bilateral relationship, we praise the efforts of Japanese American leaders to build a bridge between the two countries and to address common community issues, including through support to the U.S. - Japan Council's newly launched TOMODACHI Kibou for Maui project. We also share

the recognition on the importance of exchanges between our legislatures. We acknowledge the importance of language study, particularly in person, to develop long-term ties and announce a new Memorandum of Cooperation to increase opportunities for the number of exchange visitors from Japan to share their specialized knowledge of Japanese language and culture in the United States, as well as welcome efforts to expand the Japanese Language Education Assistant Program (J-LEAP).

The two leaders also affirm that women in leadership remain their focus and reaffirm our pledge to achieving gender equality and the empowerment of women and girls in all their diversity. We welcome close cooperation on Women, Peace, and Security and Women's Economic Empowerment initiatives and efforts to promote women and girls' full, equal, and meaningful participation and leadership in public life.

Finally, we emphasize the need to build a diverse pipeline of future U.S. - Japan experts who understand and support the Alliance. Our peoples form the core of our Alliance, and we reaffirm our commitment to forge ever-closer bonds for generations to come.

Through our shared and steadfast commitment, we have taken bold and courageous steps to bring the U.S. - Japan Alliance to unprecedented heights. In so doing, we have equipped our partnership to protect and advance peace, security, prosperity, and the rule of law across the Indo - Pacific and the globe so that everyone benefits. Today, we celebrate the enduring friendship among our peoples - and among ourselves - and pledge to continue our relentless efforts to ensure that our global partnership drives future peace and prosperity for generations to come.

Nguồn: MOFA of Japan (2024). *Japan - U.S. Joint Leaders' Statement: ("Global Partners for the Future")*.

<https://www.mofa.go.jp/files/100652147.pdf> [Accessed Jan 31, 2026]